

HOA NGHIÊM KHÁI LUẬN

Thích Viên Lý

HOA NGHIÊM KHÁI LUẬN
THÍCH VIÊN LÝ



Xuất bản lần thứ Nhất, 2023
Thích Viên Lý © Copyright 2023
Dàn trang: Lê Giang Trần

THÍCH VIÊN LÝ

HOA NGHIÊM KHÁI LUẬN

Bodhi
Wisdom
DN Publishing
2023

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu • Nhà xuất bản	19
Lời Nói Đầu • Thích Viên Lý	27

Chương I

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ KINH HOA NGHIÊM -33

Chương II

LƯỢC YẾU NỘI DUNG KINH HOA NGHIÊM

Phẩm 1:	
Thế Chủ Diệu Nghiêm (<i>quyển 1-5</i>)	47
Phẩm 2:	
Như Lai Hiện Tướng (<i>quyển 6</i>)	49
Phẩm 3:	
Phổ Hiền Tam Muội (<i>phần đầu quyển 7</i>)	53
Phẩm 4:	
Thế Giới Thành Tựu (<i>phần sau quyển 7</i>)	54

Phẩm 5:	
Hoa Tạng Thế Giới (<i>quyển 8-10</i>)	57
Phẩm 6:	
Tỳ Lô Giá Na (<i>quyển 11</i>)	59
Phẩm 7:	
Như Lai Danh Hiệu (<i>phần đầu quyển 12</i>)	62
Phẩm 8:	
Tứ Thánh Đế (<i>phần sau quyển 12</i>)	65
Phẩm 9:	
Quang Minh Giác (<i>phần đầu quyển 13</i>)	70
Phẩm 10:	
Bồ Tát Ván Minh (<i>phần sau quyển 13</i>)	71
Phẩm 11:	
Tịnh Hạnh (<i>phần đầu quyển 14</i>)	74
Phẩm 12:	
Hiền Thủ (<i>phần sau quyển 14 - quyển 15</i>)	80
Phẩm 13:	
Thăng Tu Di Sơn Đảnh (<i>phần đầu quyển 16</i>)	82
Phẩm 14:	
Tu Di Đảnh Thượng Kê Tán (<i>phần đầu quyển 16 tiếp</i>)	84
Phẩm 15:	
Thập Trụ (<i>phần sau quyển 16</i>)	86
Phẩm 16:	
Phạm Hạnh (<i>phần đầu quyển 17</i>)	91

Phẩm 17:	
Sơ Phát Tâm Công Đức (<i>phần sau quyển 17</i>)	94
Phẩm 18:	
Minh Pháp (<i>quyển 18</i>)	97
Phẩm 19:	
Thăng Dạ Ma Thiên Cung (<i>phần đầu quyển 19</i>)	98
Phẩm 20:	
Dạ Ma Cung Kệ Tán (<i>giữa quyển 19</i>)	99
Phẩm 21:	
Thập Hạnh (<i>phần sau quyển 19 - quyển 20</i>)	101
Phẩm 22:	
Vô Tận Tạng (<i>quyển 21</i>)	105
Phẩm 23:	
Thăng Đâu Suất Thiên Cung (<i>quyển 22</i>)	107
Phẩm 24:	
Đâu Suất Kệ Tán (<i>phần đầu quyển 23</i>)	109
Phẩm 25:	
Thập Hồi Hưởng (<i>phần sau quyển 23 - quyển 33</i>)	112
Phẩm 26:	
Thập Địa (<i>quyển 34 - quyển 39</i>)	115
Phẩm 27:	
Thập Định (<i>quyển 40 - quyển 43</i>)	126
Phẩm 28:	
Thập Thông (<i>phần đầu quyển 44</i>)	132

Phẩm 29:	
Thập nhĩn (<i>phần sau quyển 44</i>)	137
Phẩm 30:	
A Tăng Kỳ (<i>phần đầu quyển 45</i>)	141
Phẩm 31:	
Thọ Lượng (<i>phần giữa quyển 45</i>)	143
Phẩm 32:	
Chư Bồ Tát Trụ Xứ (<i>phần sau quyển 45</i>)	144
Phẩm 33:	
Phật Bất Tư Nghì Pháp (<i>quyển 46 - quyển 47</i>)	146
Phẩm 34:	
Như Lai Thập Thân Tướng Hải (<i>phần đầu Q 48</i>)	149
PPhẩm 35:	
Như Lai Tùy Hảo Quang Minh	
Công Đức (<i>phần sau quyển 48</i>)	150
Phẩm 36:	
Phổ Hiền Hạnh (<i>quyển 49</i>)	152
Phẩm 37:	
Như Lai Xuất Hiện (<i>quyển 50-52</i>)	155
Phẩm 38:	
Ly Thế Gian (<i>quyển 53 - quyển 59</i>)	159
Phẩm 39:	
Nhập Pháp Giới (<i>quyển 60 - quyển 80</i>)	162
Phẩm 40:	
Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới	
Phổ Hiền Hạnh Nguyên (<i>quyển 81</i>)	176

1. Lễ kính chư Phật	176
2. Xưng tán Như Lai	177
3. Quảng tu cúng dường	178
4. Sám hối nghiệp chướng	180
5. Tùy hỷ công đức	181
6. Thỉnh chuyển pháp luân	182
7. Thỉnh Phật trụ thế	182
8. Thường tùy Phật học	183
9. Hằng thuận chúng sanh	183
10. Phổ giai hồi hướng	185

Chương 3

TÓÁT YẾU TƯ TƯỞNG HOA NGHIÊM TÔNG - 189

I. Nhất Tâm Chân Như	190
II. Pháp Giới Duyên Khởi	200
A. Quá khứ	209
B. Hiện tại	209
C. Vị lai	210
1. Tứ Pháp Giới	218
1.1. Sự pháp giới	226
1.2. Lý pháp giới	226
1.2.1. Hội sắc qui không quán	229
1.2.1.1. Sắc bất tức không, dĩ tức không cố	230
1.2.1.2. Sắc bất tức không, dĩ tức không cố	231
1.2.1.3. Sắc bất tức không, dĩ tức không cố	232
1.2.1.4. Sắc tức thị không	232

1.2.2. Minh không tức sắc quán	233
1.2.2.1. Không bất tức sắc, dĩ không tức sắc cố	233
1.2.2.2. Không bất tức sắc, dĩ không tức sắc cố	234
1.2.2.3. Không bất tức sắc, dĩ không tức sắc cố	235
1.2.2.4. Không tức thị sắc	235
1.2.3. Không sắc vô ngại quán	236
1.2.4. Mẫn tuyệt vô ký quán	236
1.3. Lý sự vô ngại pháp giới	238
1.3.1. Lý biến ư sự môn	241
1.3.2. Sự biến ư lý môn	241
1.3.3. Y lý thành sự môn	242
1.3.4. Sự năng hiển lý môn	243
1.3.5. Dĩ lý đoạt sự môn	244
1.3.6. Sự năng ẩn lý môn	244
1.3.7. Chân lý tức sự môn	245
1.3.8. Sự pháp tức lý môn	245
1.3.9. Chân lý phi sự môn	246
1.3.10. Sự pháp phi lý môn	246
1.4. Sự sự vô ngại pháp giới	247
1.4.1. Lý như sự môn	256
1.4.2. Sự như lý môn	256
1.4.3. Sự hàm lý sự vô ngại môn	256
1.4.4. Thông cục vô ngại môn	256
1.4.5. Quảng hiệp vô ngại môn	257
1.4.6. Biến dung vô ngại môn	257
1.4.7. Nhiếp nhập vô ngại môn	258

1.4.8. Giao thiệp vô ngại môn	259
1.4.9. Tương tại vô ngại môn	259
1.4.10. Phổ dung vô ngại môn	260
2. Thập Huyền Môn	262
Đồng thời cụ túc tương ứng môn	266
Quảng hiệp tự tại vô ngại môn	267
Nhất đa tương dung bất đồng môn	267
Chư pháp tương tức tự tại môn	268
Bí mật ẩn hiển câu thành môn	268
Vi tế tương dung an lập môn	268
Nhân đà la võng cảnh giới môn	269
Thác sự hiển pháp sinh giải môn	269
Thập thể cách pháp dị thành môn	270
Chủ bạn viên minh cụ đức môn	270
3. Lục Tướng	271
III. Bồ Đề Tâm – Bồ Tát Đạo	274
Những bài học của Đồng tử Thiện Tài	
từ năm mươi ba vị thầy:	278
1. Tỳ kheo Đức Vân	283
2. Tỳ kheo Hải Vân.	285
3. Tỳ-kheo Thiện trụ.	288
4. Đại sĩ Di già	290
5. Trưởng giả Giải Thoát	291
6. Tỳ-kheo Hải Tràng	293
7. Ưu bà di Hưu Xả	295
8. Tiên nhơn Tỳ Mục Cù Sa.	297

9. Bà la Môn Thắng Nhiệt	300
10. Đồng Nữ Từ Hạnh	301
11. Tỳ Kheo Thiện Kiến	303
12. Đồng tử Tự Tại Chủ	305
13. Ưu bà di Cù túc	308
14. Cư Sĩ Minh Trí	310
15. Trưởng giả Pháp Bảo Kế	312
16. Trưởng giả Phổ Nhân	314
17. Vua Vô Yểm Túc	316
18. Vua Đại Quang	319
19. Ưu bà di Bất Động	320
20. Ngoại đạo Biến Hành	322
21. Trưởng giả Chúc Hương	325
22. Thuyền trưởng Bà Thi La	327
23. Trưởng giả Vô Thượng Thắng	331
24. Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân)	333
25. Bà Tu Mật Đa Nữ,	337
26. Cư Sĩ Tì Sắc Chi La	340
27. Quán Tự Tại cũng tên là Quán Thế Âm	343
28. Bồ tát Chánh Thủ	347
29. Thần Đại Thiên.	349
30. Địa thần An Trụ	352
31. Chủ Dạ Thần Bà San Bà Diễn Đề	354
32. Dạ Thần Phổ Đức Tịnh Quang	356
33. Hỷ Mục Quan Sát Chúng Sinh	358
34. Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức	360
35. Dạ Thần Tịch Tịnh Âm Hải	362

36. Dạ Thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành	363
37. Khai Phu Nhất Thiết Thụ Hoa,	365
38. Đại nguyện Tinh Tiến Lực cứu hộ Nhất Thiết Chúng Sinh	367
39. Diệu Đức viên Mãn	370
40. Cù Ba	371
41. Ma Gia phu nhân	374
42. Thiên Chủ Quang	375
43. Biến Hữu đồng tử	377
44. Thiện Tri Chúng Nghệ	378
45. Ưu Bà Di Hiền Thắng	380
46. Kiên Cố Giải Thoát	381
47. Trưởng giả Diệu Nguyệt	381
48. Vô Thắng Quân	382
49. Tội Tịch Tĩnh	383
50. Đồng tử Đức Sinh và Hữu Đức	384
51. Bồ tát Di Lạc	386
52. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi	389
53. Bồ tát Phổ Hiền,	391
<i>1. Những Bài Học Về Thập Trụ</i>	397
<i>2. Các Bài Học Về Thập Hạnh</i>	401
<i>3. Những Bài Học Về Thập Hồi Hướng</i>	407
<i>4. Các Bài Học Về Thập Địa</i>	414
IV. Kinh Hoa Nghiêm	
và Pháp môn Tịnh Độ	421

Chương 4

NHẬP PHÁP GIỚI HOA NGHIÊM

I. Phương Pháp Hành Trì	441
1. Hiện nhất thể	442
2. Khởi nhị dụng	442
2.1. Hải ấn sum la thường trụ dụng	442
2.2. Pháp giới viên minh tự tại dụng	443
3. Thị tam biến	444
3.1. Nhất trần phổ chu pháp giới biến	445
3.2. Nhất trần xuất sanh vô tận biến	445
3.3. Nhất trần hàm dung không hữu biến	446
4. Hành tứ đức	447
4.1. Tùy duyên diêu dụng vô phương đức	447
4.2. Oai nghi trụ trì hữu tác đức	448
4.3. Nhu hòa chất trực nhiếp sanh đức	449
4.4. Phổ đại chúng sanh thọ khổ đức	450
5. Nhập ngũ chỉ	451
5.1. Chiếu pháp thanh hư ly duyên chỉ	451
5.2. Quán nhân tịch bạc tuyệt dục chỉ	452
5.3. Tánh khởi phồn hưng pháp nhĩ chỉ	453
5.4. Định quang hiển hiện vô niệm chỉ	453
5.5. Lý sự huyền thông phi tướng chỉ	453
6. Khởi lục quán	454
6.1. Nhiếp cảnh qui tâm chân không quán	454

6.2. Tùng tâm hiện cảnh diệu hữu quán	455
6.3. Tâm cảnh bí mật viên dung quán	455
6.4. Trí thân ảnh hiện chúng duyên quán	456
6.5. Đa thân nhập nhất cảnh tượng quán	456
6.6. Chủ bạn hỗ hiện đế vông quán	457
II. Quả Vị Tu Chứng	458

Chương 5

TRIẾT LÝ HOA NGHIÊM TÔNG DƯỚI GÓC NHÌN KHOA HỌC

I. Hoa Nghiêm Tông và Vũ Trụ Học	461
II. Hoa Nghiêm Tông Và Siêu Hình Học	484
III. Tịnh Độ Tông qua Lăng Kính Khoa Học Thực Nghiệm	495

Chương 6

TỔNG KẾT - 503

**

Tài Liệu Tham Khảo	509
Cùng Tác Giả	517

LỜI GIỚI THIỆU

Có thể nói, tam tạng Kinh điển của Phật giáo là một kho tàng tri thức vô cùng đồ sộ mà ít có một tôn giáo hay một triết thuyết học thuật nào có thể sánh được. Tùy vào từng hạng căn cơ khác nhau mà Đức Phật sẽ diễn giảng chân lý dưới một hình thức và góc độ khác nhau. Do đó mà cùng một nền tảng giáo lý lại chia thành Nguyên thủy hay Đại thừa, cũng như là lý do giải thích cho sự ra đời của hàng loạt các tông phái trong Phật giáo.

Hoa Nghiêm tông được xem là một trong các tông phái lớn của Phật giáo, phát nguồn từ Ấn Độ và thực sự phát triển mạnh mẽ khi du nhập đến Trung Hoa, mở rộng khi du nhập đến Triều Tiên và Nhật Bản... Hoa Nghiêm tông được dựa trên nền tảng giáo lý Kinh Hoa

Nghiêm, chủ trương muôn hữu vũ trụ đều do tâm mà tạo ra, các pháp trong thế gian đều tồn tại và gắn kết với nhau qua mắc xích Nhân – duyên – quả, không có một pháp nào tồn tại độc lập bên ngoài đại thể cũng như không chịu sự chi phối của lý tánh Không; nhân và duyên đan xen trong nhau, lý và sự nhiếp nhập lẫn nhau mà trùng trùng vô tận, trùng trùng duyên khởi.

Đã có không ít học giả viết về Hoa Nghiêm và đặt chúng dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau. Với “*Hoa Nghiêm Khái Luận*”, Hòa thượng Thích Viên Lý đã viết về nó trên nền tảng những tư tưởng mang tính cách tinh hoa và cốt yếu, khái quát và tổng hợp, nêu bật những lý luận trọng tâm của cả một bộ Kinh đồ sộ mà vẫn bảo đảm ý Kinh không ra ngoài những tri nhận thực tại cũng như việc hoàn toàn bám sát Kinh văn trong quá trình phân tích giúp người đọc dễ dàng thiết lập tư duy trên căn bản của một chỉnh thể thống nhất. Cách tiếp cận nghiên cứu này giúp người đọc rút ngắn tiến trình thể nhập vào biển tuệ của Hoa Nghiêm, dễ dàng nắm bắt tinh thần cốt lõi và chủ đạo của cả một trường tư tưởng lớn trong Kinh. Ngoài ra, ở

chương gần cuối của sách, tác giả đã viết lại những “cuộc đối thoại” giữa Hoa Nghiêm tông và Khoa học, bao gồm Vũ Trụ học, Siêu hình học và Khoa học thực nghiệm, đây là điểm đặc biệt ấn tượng khi đưa một hệ tư tưởng lớn như Hoa Nghiêm đến gần hơn với đời sống thực tại và hàn lâm hóa dưới sự bảo chứng của Khoa học. Yếu nghĩa về Tịnh độ cũng đã được tác giả quan tâm và mở ra cách tiếp cận mới cho người đọc qua lăng kính Khoa học thực nghiệm. Điều này giúp cho giáo lý Đại thừa Phật giáo trở nên thuyết phục hơn trong giới học giả, đặc biệt là giới Khoa học gia Tây phương.

Hòa Thượng Thích Viên Lý là một học giả, nhà lãnh đạo tôn giáo xuất sắc không chỉ trong cộng đồng người Việt tại Hải Ngoại mà còn đối với cả thế giới. Ngài hiện là Cố Vấn cho Tổ Chức Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới (WFB) và là Ủy viên Hội Đồng Đại Học Phật Giáo Thế Giới cũng như tham gia hàng loạt các hoạt động thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng Phật giáo khác trên trường Quốc tế. Được biết đến không những trên cương vị là một nhà hoạt động Phật sự tích cực, chỗ đây bi hạnh nhập thế và dấn thân, dù thế, Hòa thượng vẫn chưa bao giờ quên

đi trong mình sứ mạng của một học giả vốn đã được tiếp nhận tri thức Phật học từ khá sớm để giờ đây trở thành một bậc thầy thông tường Phật lý xúng tằm trong giới học thuật và nghiên cứu. Với thế mạnh là Hán học và Anh ngữ, bên cạnh sự tích hợp kiến thức giữa Phật học và Khoa học, các tác phẩm và dịch phẩm của Ngài đều mang một sắc thái đặc biệt khó có thể nhầm lẫn với bất kỳ một cây bút nào khác. Truyền thống mà hiện đại, quảng bác mà thâm sâu, hàn lâm mà thực tế, gần gũi chính là những từ ngữ khi nói đến những tác phẩm được chế tác dưới ngòi bút của Ngài.

Được biết, *Hoa Nghiêm Khái Luận* là công trình nghiên cứu đã được Hòa Thượng ấp ủ khá lâu và bắt đầu nghiên cứu cũng như soạn thảo từ đầu những năm 2000, nhưng vì công tác Phật sự bận rộn nên mãi đến hôm nay mới thật sự hoàn thành viên mãn. Đây là tâm nguyện, ý chí của một học – hành giả đã vượt lên mọi chướng ngại của ngoại duyên, vì hậu học mà xiển dương, truyền nối Chánh pháp. Sự ra đời với diện mạo hoàn hảo của tác phẩm trong lúc này cũng cho thấy sự cần mẫn và chín chu, cẩn trọng và chuyên nghiệp của một nhà cầm bút. Quả thật, Hoa Nghiêm là một bộ Kinh lớn với

hệ thống tư tưởng cực kỳ cao siêu và khó lường, không phải ngẫu nhiên mà được cho là bất khả tư nghì hay bất khả thuyết. Do đó, việc diễn giải Hoa Nghiêm không phải là điều mà kẻ sơ học có thể nghĩ tới; cũng như việc diễn giải Hoa Nghiêm đã khó song việc diễn giải làm sao khiến cho hậu học có thể hiểu được và phổ rộng phạm vi tiếp cận đến giới độc giả lại càng khó hơn muôn phần. Từ giáo nghĩa vô cùng cao mầu của Đại thừa Viên giáo, Hòa Thượng Thích Viên Lý đã phương tiện soạn tác thật gần gũi và thiết thực với mọi căn cơ tiếp nhận; bậc thức giả đọc vào sẽ chứng kiến một tuyệt tác tư tưởng chở đầy sự thâm áo học thuật, người sơ tâm đọc vào sẽ thấy một vùng đất phẳng lặng chứa đầy giá trị sống, để rồi đích đến cuối cùng đó là không ngoài việc tùy nghi dẫn người đi vào biển Tuệ, giòng buồm Diệu giác.

Hoa Nghiêm Khái Luận dựa trên chánh văn Kinh Hoa Nghiêm (bản dịch của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh) mà diễn giải, được tác giả chia thành sáu chương, đi từ khái quát tổng thể đến phân tích chi tiết. Tác phẩm không những giúp người đọc hiểu được ý nghĩa nội dung Kinh văn mà còn nắm bắt được những đại cương tư tưởng

mang tính tinh hoa của cả một tông phái lớn. Ngoài việc nêu lên những phương pháp hành trì nhằm đạt được vô ngại trong biển khổ sanh tử, mở ra Tuệ giác vô lậu; tác phẩm còn như một công trình nghiên cứu Khoa học, một áng văn Triết học hướng đến con người và thế giới thực tại, phá bỏ định kiến cho rằng giáo lý Đại thừa là một cái gì đó cao siêu, xa rời thực tế, điển hình nhất là qua nhân duyên cầu Đạo của Thiện Tài Đồng tử. Việc tinh cần học hỏi, khiêm nhường cầu tiến, nuôi dưỡng đức hạnh mà phụng sự lợi tha chính là đỉnh cao của Triết lý thực tại trong Hoa Nghiêm. Từ đây có thể thấy, cảnh giới cao nhất mà Đại thừa Phật giáo hướng đến đều bắt nguồn từ nơi thế gian, ở trong biển khổ sanh tử mà chèo thuyền đại bi, Bồ Tát đạo chính là phải ở trong lục đạo mà được diệu dụng, con người phải tìm thấy sự giải thoát và an lạc ngay trong thực tại trước khi mong cầu tìm đến một cảnh giới tốt đẹp nào khác. Bởi lẽ, “Tự do là ung dung trong ràng buộc, hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau”, và “hiện tại an lạc thì tương lai mới Cực lạc”. Tuệ giác của Hoa Nghiêm không những phá vỡ mọi giới hạn về không gian, thời gian trong khắp càn khôn vũ trụ mà còn xóa

mở sự ngăn cách cố hữu giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, sự phân chia giai tầng giữa nam - nữ, giàu - nghèo, lợi - độn, và rộng hơn là với khắp muôn loài chúng sanh. Sự xóa nhòa này thể hiện tính bình đẳng và duy tuệ của Phật giáo; duy tuệ là trí tuệ, bình đẳng là từ bi, dùng hai điều này làm mãnh lực mà nhập thế hành đạo, dần thân tích cực, nơi đất uest trước Ta Bà mà trồng sen Tịnh độ... có như vậy mới thật sự là thể nhập biến tánh Hoa Nghiêm, là hành giả Hoa Nghiêm và sống trong pháp giới Hoa Nghiêm.

Kinh điển được nói ra bởi Đức Phật, các vị Bồ tát lớn và được diễn giảng bởi liệt vị tổ sư; sự diễn giảng, hoằng truyền này làm tiếp nối mạng mạch Phật pháp, kiến thiết tòa Liên hoa Đài tạng ở trong hồng trần, nhân gian. Thiết nghĩ *“Hoa Nghiêm Khái Luận”* đến với chư vị cũng không ngoài tâm nguyện này, quyển soạn tập trên tay độc giả lúc này ngoài việc như một công trình nghiên cứu, nó còn chở đầy tấm lòng lợi tha và Bồ Tát hạnh của một sứ giả Như Lai, đem Phật Pháp ngày ngày hoằng truyền, lưu bố.

Xin cảm niệm công đức soạn tập của Hòa Thượng cũng như giới thiệu đến quý học – hành giả công trình nghiên cứu giá trị này.

**Nhà xuất bản
Bodhi Wisdom DN Publishing**

LỜI NÓI ĐẦU

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn của nhân loại, bên cạnh việc hiện hữu như một chốn nương tựa tâm linh cho con người, Đạo Phật còn có mặt trên thế gian với tư cách là một nền Triết học duy tuệ, nền giáo dục luân lý – đạo đức vượt mọi thời – không gian và hơn hết là một trường Khoa học vượt trên mọi Khoa học. Những giáo nghĩa thâm sâu ấy được tuyên thuyết bởi chính kim khẩu của Đức Thế Tôn – một bậc viên mãn Toàn giác. Ngay từ những buổi đầu bình minh của chứng ngộ, Đức Phật đã vì hàng thượng thừa Bồ Tát mà khai thị những tinh hoa thâm áo do chính Ngài đã thể hội được qua bộ *Kinh Hoa Nghiêm*, nói đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Từ việc hướng đến những thánh chúng có căn cơ

cực cao để thuyết giảng những chân lý đầu tiên này cho thấy áo nghĩa Hoa Nghiêm thật sự cao siêu và huyền nhiệm, chẳng phải chỗ độn căn phàm phu có thể lĩnh hội được. Tuy nhiên, với một hành giả học Phật đang đi trên đại lộ Đại thừa, chúng ta không thể vì thấy khó mà nản lòng, nhìn đường lớn mà chùn bước, ôm giữ tâm thế tự ti này làm sao có thể dũng mãnh ra khỏi Hóa thành để về đến Bảo sở? Huống hồ, ngày nay, nhu cầu học Phật của con người ngày một lớn, đứng trước những thách thức của thời cuộc cũng như những tiến bộ của xã hội đương đại, Phật giáo vô hình chung lại trở thành mối quan tâm hàng đầu của công chúng, đồng thời cũng là tấm gương phản chiếu cho những văn minh công nghệ mà con người ngày ngày mong muốn chinh phục.

Thấy được những nhu cầu cấp thiết đó cũng như hiểu được sứ mạng của một người mang trong mình trọng trách hoằng truyền Phật pháp, bút giả đã mạo muội căn cứ trên chánh Kinh, đọc lại những số sao của chư tổ sư, những bình giải của các học giả từ trước đến nay mà viết nên cuốn “*Hoa Nghiêm Khái Luận*” này với thiện ý tóm thâu những nội dung cốt lõi của

Kinh văn để người đọc dễ dàng nắm bắt và hình dung, nhấn mạnh những tư tưởng tinh hoa, thâm áo mà Thế Tôn đã chỉ dạy cũng như lý giải giáo nghĩa Hoa Nghiêm dưới góc nhìn thực tế đời sống và Khoa học thực nghiệm để thấy được mối tương quan giữa đời và đạo, chân và tục, tự nhiên và siêu nhiên... Từ đó những học - hành giả có thể tiếp nhận pháp vị cam lồ một cách gần gũi và dễ hiểu hơn, ở trong chánh Kinh mà thấy được thực tại cuộc sống, ở trong thực tại cuộc sống mà quán niệm chánh Kinh, mang trên mình những hành trang tinh hoa này mà đi qua biển khổ sinh tử, ở trong biển khổ sinh tử mà triển chuyển tinh hoa thông qua hình ảnh Đồng tử Thiện Tài để thành toàn Bồ tát hạnh và viên mãn Bồ tát đạo.

Nội dung của tác phẩm này được phân bố thành sáu chương. Chương 1 là Giới thiệu sơ lược về Kinh Hoa Nghiêm, chương này lược nói về bối cảnh ra đời, lịch sử truyền thừa và phiên dịch kinh văn... Chương 2 là Lược yếu nội dung của Kinh, vì nguyên bản chánh Kinh khá dài nên chương này chỉ tóm thâu những nội dung căn bản trong từng phẩm Kinh, căn cứ trên các số sao của chư tổ Hoa Nghiêm tông mà

lý giải các biểu pháp sâu mầu mà Kinh văn đề ra. Chương 3 là Toát yếu tư tưởng Hoa Nghiêm tông, chương này nêu lên những tinh hoa tư tưởng cốt yếu của Hoa Nghiêm, bao gồm lý nhất tâm chân như, pháp giới duyên khởi và đạo nghiệp Bồ Tát... ở nơi cánh cổng này mà bước vào pháp giới Sự sự vô ngại, cũng là pháp giới nhất chân. Chương 4 là nhập pháp giới Hoa Nghiêm, chương này nêu lên các phương pháp quán trong việc hành trì để thể nhập biến tánh Hoa Nghiêm, viên mãn quả chứng tối thượng thừa. Chương 5 trình bày yếu nghĩa Hoa Nghiêm qua lăng kính Khoa học, từ đây có thể thấy được tuệ giác siêu việt của đức Thế Tôn vượt lên mọi thời, không và lý luận thông thường, tự tin đứng vững trước những thách đố và khảo chứng của Khoa học hiện đại, là tượng đài chân lý bất diệt khiến chúng ta tôn kính và ngưỡng vọng và, từ đây cũng cho thấy chỉ có thể bằng thực chứng trên con đường tâm linh mới thật sự khế nhập với tuệ giác ấy và tường tận minh bạch chân tướng của vũ trụ, nhân sinh. Chương 6 là kết luận, tổng kết lại hết thảy và cũng là chương cuối cùng.

Như đã nói ở trên, Hoa Nghiêm là một bộ Kinh lớn với hệ thống tư tưởng vô cùng uyên áo trong tạng Kinh điển Phật giáo, với giáo nghĩa cực kỳ thâm sâu và nhiệm mầu, chỉ những bậc có căn cơ thượng thừa mới có thể lĩnh hội và tiếp nhận được. Do đó, trong lúc soạn tập lời Phật ý tổ, chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót, ngưỡng mong hàng thức giả gần xa đại tâm chiếu cố để bản soạn tập ngày một hoàn thiện hơn. Nguyên đem công đức này hồi hướng cho hết thảy chúng sanh đồng vào biển tánh nhất chân, vạn hạnh như hoa mà trang nghiêm pháp giới, trụ đại thể tánh mà phương quảng nghiệp dụng, thấu tất cả pháp mà viên thành quả giác... như ý nghĩa của đề Kinh “*Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*”.

Nam mô Đại thừa Viên Giáo, Hoa Nghiêm
Hải Hội Chư Phật, Chư Đại Bồ Tát tác đại
chứng minh.

Thích Viên Lý

Chương I

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ KINH HOA NGHIÊM

Kinh Hoa Nghiêm, nói đầy đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (大方廣佛華嚴經), là một trong những bộ kinh thuộc tư tưởng Đại thừa Phật giáo rất sâu xa vi diệu, có nội hàm thâm nhiếp toàn bộ pháp giới một cách viên dung vô ngại bao gồm cả chân đế lẫn tục đế, siêu thực lẫn hiện thực. Tiếng Phạn là Avatamsaka sutra và chữ Hán là 華嚴經 (Hoa Nghiêm Kinh). Kinh Hoa Nghiêm là vua của các kinh, trọng tâm tư tưởng Hoa Nghiêm Kinh đặc biệt nhấn mạnh tất cả mọi hiện hữu (pháp) đều do tâm tạo tác “Nhất thiết duy tâm tạo”. Tâm vọng thì thấy các pháp trùng trùng

sai biệt, vô tận duyên khởi, muôn hình muôn sắc; tâm chân thì thấy toàn thể pháp giới không ngoài một niệm, vạn pháp đồng nhất thể, dung nhiếp vô ngại, tất cả là một, một là tất cả (Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất).

Theo lịch sử, Kinh điển trong suốt một đời thuyết pháp của Đức Thế Tôn được chia làm 5 thời (hay còn gọi là Ngũ thời bát giáo): thời Hoa Nghiêm, thời A Hàm, thời Phương Đẳng, thời Bát Nhã và thời Pháp Hoa, Niết Bàn.

*“Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật
A Hàm thập nhị Phươg Đẳng bát
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm
Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên”*

Trong 21 ngày đầu tiên sau khi thành đạo, Đức Phật vì hàng thượng thừa Bồ Tát giảng về huyền nghĩa “Nhất Tâm Chân Như, Pháp Giới Duyên Khởi”, thuyết minh về sự hình thành của muôn pháp vũ trụ qua kinh Hoa Nghiêm. 12 năm tiếp theo Đức Phật vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác nhị thừa mà thuyết giảng chân lý Tứ đế, Bát chánh đạo, Mười hai nhân duyên..., đó là bộ A Hàm. Thời Phương Đẳng được nói trong 8 năm với những bộ kinh như Lăng Già, Thắng Man, Lăng Nghiêm, Duy Ma Cật...,

Đức Phật vì hàng Bồ Tát sơ phát tâm mà phổ bày yếu nghĩa Như Lai Tạng, Tính không, Diệu chân như tính¹... Kế đó, trong 22 năm thuyết giảng Bát Nhã, Đức Phật đã vì hàng quyền thừa Bồ Tát mà dạy lý tánh Không, trở thành một trong những con dấu căn bản của Đại thừa Phật giáo. Và cuối cùng, 8 năm trước khi thị hiện nhập Niết bàn, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn chúng sanh trong khắp pháp giới (kể cả hàng Nhất xiển đề) thuyết giảng kinh Pháp Hoa và Niết bàn, chỉ ra Phật tính có sẵn trong mỗi hàm linh và, tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, phương tiện lợi tha của chư Phật - Bồ Tát cũng như pháp thân thường trụ của chư Như Lai.

Riêng nói về Hoa Nghiêm, Giáo kinh Hoa Nghiêm được giảng ở 7 địa điểm với 9 pháp hội (cửu hội thất xứ) [*Xem sơ đồ trang sau*]

Tuy nhiên, trên đây chỉ căn cứ trên bản Lục Thập và Bát Thập Hoa Nghiêm mà phân chia (sẽ nói rõ hơn ở phần sau). Nếu căn cứ cùng với bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm thì còn có thêm phẩm “Nhập Bất Tư Nghì Cảnh Giới Giải Thoát Phổ

1 Ht Thích Đức Nhuận, Khái Luận Triết Lý Kinh Hoa Nghiêm, Viện Triết Lý Việt Nam & Triết Học Thế Giới, California, USA, 2000

Hội	Địa điểm	Hội chủ	Nội dung	Phẩm
1	Bồ đề Đạo tràng	Phổ Hiền Bồ Tát	rộng nói về Chánh báo cũng như Y báo của Như Lai	1. Thế Chủ Diệu Nghiêm, 2. Như Lai Hiện Tượng, 3. Phổ Hiền Tam Muội, 4. Thế Giới Thành Tựu, 5. Hoa Tạng Thế Giới và 6. Tỳ Lô Giá Na.
2	Phổ Quang Minh điện	Văn Thù Bồ Tát	giảng thuyết pháp môn Thập Tín	7. Như Lai Danh Hiệu, 8. Tứ Thánh Đế, 9. Quang Minh Giác, 10. Bồ Tát Văn Minh, 11. Tịnh Hạnh và 12. Hiền Thủ.
3	Đạo Lợi thiên cung	Pháp Huệ Bồ Tát	giảng thuyết pháp môn Thập Trụ	13. Thắng Tu Di Sơn Đảnh, 14. Tu Di Sơn Đảnh Kệ Tán, 15. Thập Trụ, 16. Phạm Hạnh, 17. Sơ Phát Tâm Công Đức và 18. Minh Pháp.
4	Dạ Ma thiên cung	Công Đức Lâm Bồ Tát	giảng thuyết pháp môn Thập Hạnh	19. Thắng Dạ Ma Thiên Cung, 20. Dạ Ma Cung Kệ Tán, 21. Thập Hạnh và 22. Vô Tận Tạng.
5	Đâu Suất thiên cung	Kim Cang Tràng Bồ Tát	giảng thuyết pháp môn Thập Hồi Hướng	23. Thắng Đâu Suất Thiên Cung, 24. Đâu Suất Kệ Tán và 25. Thập Hồi Hướng.
6	Tha Hoá thiên cung	Kim Cang Tạng Bồ Tát	giảng thuyết pháp môn Thập Địa	26. Thập Địa
7	Phổ Quang Minh điện	Đức Thế Tôn	giảng về pháp môn Đẳng giác - Diệu giác	27. Thập Định, 28. Thập Thông, 29. Thập Nhẫn, 30. A Tăng Kỳ, 31. Thọ Lượng, 32. Chư Bồ Tát Trụ Xứ, 33. Phật Bất Tư Nghị Pháp, 34. Như Lai

				Thập Thân Tướng Hải, 35. Như Lai Tùy Hảo Quang Minh Công Đức, 36. Phổ hiện Hạnh và 37. Như Lai Xuất Hiện.
8	Phổ Quang Minh điện	Phổ Hiện Bồ Tát	giảng thuyết 2000 hạnh môn	38. Ly Thế Gian
9	Thệ Đà lâm	Đức Thế Tôn cùng chư thiện hữu	giảng thuyết về quả pháp giới	39. Nhập pháp giới

Hiền Hạnh Nguyên” (gọi tắt là Phổ Hiền Hạnh Nguyên), hiện tại cũng chính là phẩm 40 của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh.

Cũng theo phán giáo của Thiên Thai Trí Giả Đại sư – người lập ra Ngũ thời Bát giáo thì, sau khi Đức Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ đề, ngài đã vào trong cảnh giới đại định “Hải ấn tam muội” thuyết kinh Hoa Nghiêm cho hàng thượng thừa Bồ tát trong 21 ngày (Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật), sau đó là đến vườn Lộc Uyển thuyết pháp cho 5 anh em Tôn giả Kiều Trần Như, bắt đầu khởi động cho vòng quay pháp bảo ở nhân gian. Kinh Hoa Nghiêm về sau được lưu truyền ở Ấn Độ

bằng Phạn văn (Sanskrit) và thật sự phát triển lên tới đỉnh cao khi được truyền sang Trung Hoa và Nhật Bản.

Hoa Nghiêm tông là một tông phái thuộc Đại thừa Phật giáo lấy giáo lý kinh Hoa Nghiêm làm nền tảng. Khai tổ của tông này là Bồ tát Mã Minh (Aśvaghosha) vào khoảng thế kỷ I và Bồ tát Long Thọ (Nāgārjuna) vào khoảng thế kỷ I, II ở Ấn Độ. Sau đó tổ Giác Hiền (Buddhabhadra) dịch sang Hán văn khoảng đầu thế kỷ V và được tổ Đỗ Thuận (杜順) chính thức truyền bá ở Trung Hoa vào thế kỷ VII, tiếp đó là tổ Đạo Tuyền (道璿) truyền sang Nhật Bản năm 736².

Giáo nghĩa Hoa Nghiêm tuy được ra đời ở Thiên Trúc (Ấn Độ) song mãi đến khi du nhập vào Trung Hoa dưới thời nhà Đường mới thật sự đơm hoa kết trái. Hai ngài Đế Tâm Đỗ Thuận (帝心 杜順, 558-642)³ và Vân Hoa Trí Nghiễm (雲華 智儼, 602-668)⁴ được xem là hai vị tổ đầu tiên có công sáng lập nên tông chỉ Hoa Nghiêm. Nếu tổ Đỗ Thuận chịu ảnh hưởng của

2 Đoàn Trung Còn, *Các Tông Phái Phật Giáo*, NXB Tổng Hợp, tr.71

3 宣公上人, *華嚴海會說法圖*, 1972, tr.5

4 宣公上人, *Sđd.*

tư tưởng Bát Nhã và quán chiếu Hoa Nghiêm dưới góc nhìn pháp tánh thì ngài Trí Nghiễm lại thâm nhập Hoa Nghiêm bằng con đường pháp tướng do chịu ảnh hưởng của Duy Thức tông. Về sau, tổ Hiền Thủ Pháp Tạng (賢首法藏, 644-712)⁵ đã dung nhiếp hai thế mạnh này, hoàn chỉnh chúng và chính thức thành lập Hoa Nghiêm tông trên nền tảng cấu trúc quy mô đó và, trở thành tam tổ của tông phái này, do đó người đời sau còn gọi Hoa Nghiêm tông là Hiền Thủ tông. Tiếp đến là tứ tổ Thanh Lương Trừng Quán (清涼澄觀, 739-839)⁶ người đã đưa tông phong Hoa Nghiêm phát triển đến giai thời cực thịnh và ngũ tổ Khuê Phong Tông Mật (圭峰宗密, 780-840)⁷ với sự kết hợp đặc biệt giữa Thiền tông và Giáo môn đã tạo nên những ảnh hưởng không nhỏ trong giới hành giả Hoa Nghiêm lúc bấy giờ. Tuy nhiên vầng dương rực rỡ ấy đã theo quy luật biến dịch của thế thời mà bắt đầu những chuỗi ngày thăng trầm do pháp nạn.

Các trường phái Phật giáo đều đánh giá rất cao bộ kinh Hoa Nghiêm bởi tư tưởng uyên áo,

5 宣公上人, Sđd.

6 宣公上人, Sđd.

7 宣公上人, Sđd.

vi diệu và tuệ giác giải thoát đặc hữu, siêu việt của kinh. Thông qua cấu trúc đa dạng và biểu tượng đầy màu sắc, bộ kinh chuyển tải nhiều giáo lý cốt lõi của Phật giáo cũng như được tri nhận qua nhiều lăng kính khác nhau và, mỗi một kiến giải đều khả dĩ ở một mức độ nào đó. Trong việc phát triển hệ thống kinh điển, tính toàn vẹn của Phật giáo nói chung và tính đặc thù của việc áp dụng các khía cạnh riêng biệt của nó là những điểm tham chiếu hết sức quan trọng.

Về công trình phiên dịch, vào đầu thế kỷ thứ V và cuối thế kỷ thứ VII, các bản dịch hoàn chỉnh của Kinh Hoa Nghiêm gần như đã được hoàn thành. Ban đầu từ Khotan ở Trung Á, một trung tâm quan trọng cho việc truyền bá Phật giáo sớm nhất vào Trung Quốc, các văn bản gốc của các bản dịch khổng lồ này đã được mang đến Trung Quốc. Một trung tâm Phật giáo truyền thống ở Kashmir, lãnh thổ tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương (Sinkiang) của Trung Quốc hiện bao gồm Khotan, từng là quê hương của ngôn ngữ Ấn-Iran (Indo-Iranian language). Ngài Buddhahadra (Phật-đa-bạt-đa-la – 佛駄跋陀羅) – một cao tăng Ấn Độ đã hướng dẫn bản dịch đầu tiên của Kinh Hoa Nghiêm, trong

khi một cao Tăng người Khotan khác tên là Shikshananda giám sát bản thứ hai, trong đó bản dịch của ngài Buddhabhadra vào thời đại Đông Tấn (東晉時代) chia thành 60 quyển (còn gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm – 六十華嚴), gồm 36 phẩm. Đến đời Đường (唐), với sự ủng hộ của Thiên Hoàng Võ Tắc Thiên (武則天, 624-705). Kinh Hoa Nghiêm lại được chia thành 80 quyển (còn gọi là Bát thập Hoa Nghiêm – 八十華嚴) dưới sự phiên dịch của ngài Zikwānanda (Thật Xoa Nan Đà, 實叉難陀, 652-710)⁸, phân thành 39 phẩm. Về sau, ngài Prajñā (Bát Nhã - 般若) dịch thêm phẩm Nhập Bát Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên gồm 40 quyển hay còn gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm (四十華嚴)⁹. Và, ấn bản Hoa Nghiêm mà chúng ta hành trì ngày nay là ấn bản với sự kết hợp giữa bản dịch của ngài Thật Xoa Nan Đà và bản dịch thêm của Đại sư Bát Nhã, tức gồm 81 quyển và chia thành 40 phẩm.

Nếu căn cứ trên ấn bản 81 quyển với 40 phẩm của Kinh Hoa Nghiêm ngày nay thì 11 quyển đầu tiên (phẩm 1 đến phẩm 6) thuộc

8 張文婷, 政治視角下的八十卷《華嚴經》的翻譯及其譯場組織, tr.5

9 近育法師, 介紹華嚴經翻譯 - 《四十華嚴》, 2018

phần Tín (khai mở lòng Tin), 41 quyển tiếp theo (phẩm 7 đến phẩm 37) thuộc phần Giải (giải thích, lý giải để hiểu rõ), 7 quyển kế tiếp (phẩm 38) thuộc phần Hành (phương pháp hành trì) và 21 quyển sau cùng (phẩm 39 đến phẩm 40) thuộc phần Chứng (quả vị tu chứng).

Bên cạnh những đề mục giáo lý khác nhau, trường phái Hoa Nghiêm (華嚴) của Phật giáo Trung Hoa được công nhận là đặc thù nhất. Niềm tin vào sự tương tức, thâm nhập lẫn nhau của các cõi giới vô hạn, tất cả đều được dung chứa trong nhau và dung thông vô ngại. Bên cạnh đó, giáo nghĩa Hoa Nghiêm còn tuyên bày chân tướng pháp giới trùng trùng duyên khởi cũng như tất cả đều xuất phát từ Tâm; Phật và chúng sanh đức dụng vốn đủ, thể tánh vốn đồng, chính niệm Tâm sai khác mà tạo nên sum la vạn tượng, muôn hình vạn trạng. Và đây cũng được xem là chủ trương của tông phái này. Hành giả Hoa Nghiêm tuệ tri muôn hữu vũ trụ hiện hành trên căn bản Sự duyên sinh thì đều mang bản chất Lý tánh Không, do đó các pháp luôn bao hàm và dung nhiếp lẫn nhau, có mặt trong nhau, một trong tất cả – tất cả trong một, đời-đạo tương thông, chân-tục không hai,

siêu việt nhị nguyên, ly khai đối đãi..., chính ngay đó là Nhất chân pháp giới, là chân như Hoa Tạng, đồng thời cũng là diệu dụng của Tâm. Do đó, Tông này còn được gọi là “Viên giáo”, tức giáo-lý viên dung trọn vẹn đầy đủ. Cánh cổng này dẫn đến Vương quốc Thực tại Siêu việt dành cho những người đã chinh phục được khuynh hướng vị kỷ, phá bỏ bức tường thành vô minh, tắt cạn dòng ngã chấp để thể nhập pháp giới vô ngại, khai mở tuệ giác Bồ đề và trực kiến Phật tánh uyên nguyên của mình. Kinh Hoa Nghiêm, Bộ kinh nói về các giai đoạn của sự giác ngộ, từ lúc sơ phát tâm, hành Thập trụ, Thập hạnh... cho đến viên mãn toàn giác (Phật), là một ví dụ rõ ràng về khái niệm cấu trúc cốt lõi của kinh, trong đó hiển thị các phần của kinh đại diện cho tổng thể rằng tất cả các khía cạnh của giáo lý Phật giáo đều có trong kinh. Điều quan trọng cần nhớ là giáo dục có thể được thực hiện theo nhiều cách: đột ngột (đốn) và dần dần (tiệm), rõ ràng và tiềm ẩn. Dần dần và rõ ràng chiếm ưu thế bằng việc thông qua trình bày các giai đoạn hướng đến giác ngộ rất ráo. Sự giác ngộ tiến triển qua các giai đoạn, bắt đầu bằng sự ngắt kết nối với

những vô minh, kiến chấp, sự hấp dẫn tâm linh và kết thúc bằng cơn mưa giáo lý cuối cùng từ trí tuệ giác ngộ, hoàn thành và khởi động lại chu trình giác ngộ của bản thân và người khác. Khi trình độ giác ngộ phát triển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, hiển nhiên có sự gia tăng liên tục về chiều sâu và nhận thức chính xác được nâng cao cũng như khả năng bất động trước mọi cảm thọ là một thực tế bất khả phủ bác. Thật không dễ dàng để trình bày toàn bộ sự thâm áo của kinh trong tác phẩm duy nhất này vì Kinh Hoa Nghiêm là một trong những bộ kinh vĩ đại nhất, vô cùng thâm sâu vi diệu và có nhiều chi tiết bao hàm tất cả các kinh điển Phật giáo.

Ngày nay, với yếu nghĩa tuyệt luân, thâm áo đó, giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm dần tiếp tục được truyền bá rộng rãi khắp Đông Tây. Paul Demiéville – một giáo sư, nhà Hán học người Pháp chịu trách nhiệm về một số thành phần của tuyển tập Hoa Nghiêm mà ông cho là “tràn đầy tầm nhìn xa trông rộng” (“*overflowing visionary visions*”) và là “một hình thức của đơn nguyên học” (a form of monadology). Khái niệm về một sự phát triển tiệm tiến hướng

đến giải thoát qua các giai đoạn liên tục cũng được trình bày trong kinh này như là những tình cầu rực sáng. Hay theo Alan Fox – một nhà Xã hội học Công nghiệp người Anh, thì Pháp giới (Dharmadhatu) nhận thức tất cả thực tại là rỗng lặng và đan xen vô tận. Vũ trụ mệnh mông chứa các tập hợp của vô số chúng sinh nhiều như hạt bụi xuất hiện trong Kinh Hoa Nghiêm và bản chất về sự tồn tại của chúng thì không có chúng sinh hữu tình nào có thể hiểu được. Paul Williams – một giáo sư người Anh chỉ ra rằng Kinh đề cập đến các khái niệm Yogacara (Du già hành tông) và Madhyamaka (Trung quán tông), ông cũng đã căn cứ trên đó để lập luận về nguồn gốc của vạn vật.

Để có được cái nhìn sâu sắc về tâm, kinh Hoa Nghiêm nói riêng, Đại thừa Phật giáo nói chung đòi hỏi ở mỗi học – hành giả phải có sự thực chứng nội tâm thông qua thiền định, biết sử dụng năng lực tuệ tri và thấu thị để có thể trực nhận được các pháp trong vũ trụ bằng chánh tri kiến. Hằng hà sa chư Phật cùng các cõi Phật với ánh sáng rực rỡ (Phật Quang) được tuyên thuyết trong Kinh cung cấp một tầm nhìn về thực tại vũ trụ rộng lớn và vô biên. Mọi cõi

giới trong khắp càn khôn chính là một phần của “vũ trụ Hoa sen”, nơi bắt nguồn tất cả ánh sáng và trí tuệ. Và dĩ nhiên, Ta bà hay Tịnh độ cũng là một trong những cánh nhỏ của Liên hoa đài tạng, mỗi một hàm linh đều là những vị lai Phật, vị lai Bồ Tát trang nghiêm pháp giới và chỉ có thể thông qua thiền định và tuệ giải bất nhị ấy chúng ta mới có thể thực sự thể nhập “Hoa Nghiêm hải”, tu “Hoa Nghiêm hạnh” và chứng “Hoa Nghiêm tánh”.

Chương II

LƯỢC YẾU

NỘI DUNG KINH HOA NGHIÊM

Phẩm 1: Thế Chủ Diệu Nghiêm **(世主妙嚴, quyển 1 - 5)**

Đây là phẩm đầu tiên của kinh Hoa Nghiêm được xem như là phẩm Tựa, mô tả một cuộc tụ hội mang tính biểu tượng của vô số chúng hội thuộc nhiều cõi nước tại nơi Đức Phật thành đạo. Biểu tượng trang nghiêm này nhằm tuyên bày cũng như xưng tán công hạnh giác ngộ viên mãn của Đức Thế Tôn.

Phẩm này bắt đầu bằng những từ như “Như vậy, tôi đã nghe”, điều này chứng tỏ rằng những gì Tôn giả Ànanda đang nói không phải là lời

của chính ngài mà đó là những gì ngài đã nghe từ Đức Phật. Vì những lời đó đã được chính Đức Phật khai thị, nên về cơ bản không còn gì để tranh cãi.

Bồ Đề Tràng, nơi Đức Phật đã thành tựu quả vị đại giác, với tòa Sư tử được trang nghiêm bằng vổ số bảo vật biểu hiện y báo, chánh báo trang nghiêm; trí tuệ, đức hạnh viên mãn. Bằng thần lực, Đức Phật đã khiến cho toàn bộ tòa sáng. Thực tế này biểu thị mười thân của đức Tỳ Lô Xá Na sáng ngời vô tận.

Phẩm kinh đầu tiên cũng mô tả sự vân tập của bốn mươi một loại thánh chúng khác nhau, mỗi chúng như biển cả, vốn có đủ bốn trí và ba thân, vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, đã phương tiện thị hiện và dùng kệ xưng tán Đức Phật để nêu bật ngũ vị môn mà Đức Phật đã viên mãn trong thời kỳ tu nhơn. Mọi sự hiện diện tại địa điểm giác ngộ của Đức Phật trong phẩm này đều đã đạt được trạng thái thanh tịnh, tất cả đều hướng về Đức Thế Tôn thành tâm kính ngưỡng. Những chúng hội này đã vứt bỏ mọi gánh nặng tham ái, ô nhiễm, đã vượt qua những ngọn núi ngã chấp và nhìn thấy Đức Phật một cách không chướng ngại. Chúng hội trong phẩm này tiêu biểu cho các hàng Thập

tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa.

Tóm lại, đây là phẩm kinh trình bày quang cảnh, hiện tướng vân tập của pháp chúng tại tòa sư tử, nơi Phật thành đạo lúc bấy giờ. Đây đều là những bậc có túc căn sâu dày, đã từng gieo nhân duyên Phật đạo trong vô lượng đời quá khứ và là những bậc thượng căn thượng trí. Đồng thời tán thán sự trang nghiêm không thể nghĩ bàn của Đấng Thế Chủ (Đức Phật). Sự vân tập đông đủ, hiển tướng trang nghiêm này chính là đề khởi để mở đầu cho pháp hội tuyên thuyết Hoa Nghiêm.

Phẩm 2: Như Lai Hiện Tướng (如來現相, quyển 6)

Phẩm này của Kinh giải thích sự xuất hiện của Đức Phật bằng cách giải thích các trí hạnh của Ngài; hải hội đại chúng thưa hỏi và Đức Thế Tôn phóng quang hiện tướng trả lời, tướng hiện đó chính là năng lực bi trí vô ngại bao trùm khắp hư không pháp giới, thể nhập vào biển tánh Hoa Nghiêm. Như Lai nghĩa là :“vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ”¹, tức: không từ đâu

1 Kinh Kim Cang

đến, cũng không đi về đâu, vắng lặng tịch diệt. Như Lai là danh hiệu đầu tiên của Đức Phật. “Như” là biểu trưng cho bản thể, là bản chất cơ bản của nguyên lý và, “Lai” (đến) là biểu trưng cho hiện tượng, là sự gọi tên của cái cụ thể cũng như phẩm chất của chúng. Cả nguyên tắc và cá biệt không phải là hai điều riêng biệt. Kinh Hoa Nghiêm lấy sự hài hòa, dung hội giữa các nguyên tắc chung và các thực hành cụ thể làm tiền đề hướng dẫn. Danh hiệu Như Lai là một ví dụ hoàn hảo về cách thể hiện sự không chướng ngại của danh và pháp. Trong khi “consequently” (chân như) không có vẻ ngoài, thì “come” (lai - hiện tượng) là thứ có thể nhìn thấy được. Điều này có nghĩa là, tướng trạng không ngăn ngại bản thể và, bản thể không ngăn ngại tướng trạng. Chúng thể nhập vào nhau một cách hoàn hảo mà không hề có trở ngại, tách biệt.

Phẩm này trả lời ba mươi bảy câu hỏi, trong đó có mười tám câu hỏi liên quan đến địa vị của chư Phật, cảnh giới của chư Phật, thần lực của chư Phật, đại định của Đức Phật v.v... và mười chín câu hỏi về thế giới hải bao gồm: chúng sanh hải, pháp giới an lập hải, Phật ba la mật hải, Phật giải thoát hải, Bồ Tát thế nguyện hải,

Bồ Tát phát thu hải, Bồ Tát trợ đạo hải v.v... của các vị Bồ Tát và các vị Thế Gian Chủ.

Phẩm thứ hai này cũng nói về năng lực trí tuệ siêu việt của Đức Phật. Theo Kinh thì, trí tuệ vô thượng của Đức Phật rất rộng lớn, không có gì bao la hơn, không có gì vĩ đại hơn, không thể diễn đạt bằng con số, ngôn từ được. Đức Phật có bốn trí vô ngại đó là Pháp vô ngại trí: Trí tuệ biết rõ ráo các pháp và diễn giải một cách không ngăn ngại. Nghĩa vô ngại trí: Trí tuệ liễu triệt nghĩa lý của tất cả pháp và tùy theo mỗi pháp mà giảng nghĩa không bị ngăn ngại. Từ ngại trí: Trí tuệ thấu triệt các ngôn từ một cách không ngăn ngại. Nhạo thuyết vô ngại trí: Trí tuệ biết rõ căn tánh mọi chúng sanh và hoan hỷ thuyết giảng không bị chướng ngại, cũng như những phương tiện để cứu độ từng chúng sanh, những việc bình thường được chuyển hóa thành Phật sự. Trên nền tảng của Phật địa mà tất cả mọi căn cơ đều được dung nhiếp.

Các hiện tượng của chư Phật cũng được đề cập và trả lời trong phẩm này. Chư Phật ở trong trạng thái hư không. Nếu hiểu được tánh của hư không thì mới có khả năng hiểu được Phật cảnh. Không có gì chứa đựng trong không gian, và vì vậy, những cảnh giới mà chư Phật an trụ

cũng không chứa đựng gì cả. Bất kể chúng ta nhìn thế giới như thế nào, địa vị của chư Phật tương ứng với quan điểm đó. Cho nên có câu nói rằng: “Nếu có người muốn biết cảnh giới của chư Phật, thì tâm họ phải thanh tịnh như hư không”. Mặc dù nó không sở hữu bất cứ thứ gì, nhưng không gian có khả năng chứa đựng bất cứ thứ gì. Mặc dù nó dường như không là gì ngoài không gian, nhưng nó chứa đựng mọi thứ, kể cả núi non, sông ngòi, toàn bộ trái đất, thành phố và nhà cửa bao gồm tất cả vô số dải ngân hà mệnh mông vô tận... Tâm địa của chư Phật siêu việt mọi tư duy, phân biệt, một trạng thái phi trạng thái và vượt lên trên cụm từ phi trạng thái. Với thần lực vi diệu, mười loại ánh sáng rực rỡ diễn nói những kệ tụng do Đức Phật phóng ra chiếu soi khắp mười phương; tất cả Bồ Tát trong thế giới hải đều vân tập để nghe pháp và, vô số ánh sáng phát ra từ những lỗ chân lông của các vị Bồ tát đều phun sự vô số cõi Phật và hóa độ vô số chúng sanh là biểu hiện cho diệu dụng vô tận và vô ngại của bi - trí. Do thần lực của Phật, trong mỗi hạt bụi cực nhỏ hiện ra vô số Đức Phật. Vô số Bồ tát trong biển thế giới cũng xuất hiện và dùng kệ xưng tán Phật, đó là hiện tượng trí cảnh, sự vô ngại viên dung của biển thế giới.

Phẩm 3: Phổ Hiền Tam Muội (普賢三昧, phần đầu quyển 7)

Đây là phẩm hiện hạnh cảnh để tổng đáp cho các câu hỏi ở các phẩm trên. “Phổ Hiền” biểu thị cho hạnh môn trọn khắp. “Tam muội” là chánh định, tên tam muội đó là “Nhất thiết chư Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai tạng thân”², tức là thần lực của Phật gia bị Phổ Hiền, khiến cho nhập vào cảnh giới Chánh Định, hiện hạnh cảnh.

Bồ Tát Phổ Hiền là Đại Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, đã thể nhập vào tự tánh bình đẳng của tất cả chư Phật, thị hiện muôn vàn ảnh tượng tận hư không khắp pháp giới, vô ngại trùm khắp pháp giới hải, là nguồn quang minh tuệ giác vô lậu của ba đời chư Phật, tất cả các Phật pháp đều từ đây mà sinh ra, đồng thời hiển bày các nguyện hải của Như Lai, là pháp mà mười phương chư Phật giữ gìn, lưu hành viễn tồn ở thế gian. Phẩm kinh này tán thán sức chánh định và trí hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền, cũng là sức công đức của “Như Lai tạng thân”, chính từ trong cái “Một” tam muội này mà hiện

2 Ht Thích Trí Tịnh dịch, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, Tập 1, Nxb Tôn Giáo, 2016, tr.220

khởi “Vô biên” tam muội, tướng dụng trang nghiêm... như trong Kinh nói: “Do vì nguyện lực của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, mà cũng do nguyện lực tu tập tất cả Phật hạnh của ông (Phổ Hiền Bồ Tát), chính là ông có thể chuyển pháp luân của chư Phật, khai hiển biện trí tuệ của chư Phật... quán sát tất cả pháp môn, rõ biết căn cơ của tất cả chúng sanh, hay thọ trì giáo văn của Như Lai”³. Chính Tam muội (Định) và Phật hạnh (Hạnh) này là tổng đáp cho các cảnh giới chư Phật, các tiến hướng của chư Bồ Tát... ở các phẩm trên.

Phẩm 4: Thế Giới Thành Tựu (世界成就, phần sau quyển 7)

Phẩm này giải thích các thế giới khác nhau ra đời như thế nào. Như kinh đã nói, Đức Phật đã đạt được tất cả công đức, đức hạnh, oai lực, thần thông biến hóa mà một vị Phật có thể đạt được bằng cách lấy Pháp Giới làm thân của Ngài do đã giác ngộ viên mãn. Qua Phẩm này, Đức Bồ Tát Phổ Hiền đã thừa thần lực của Phật và oai thần của tất cả Như Lai mà tuyên thuyết đầy đủ rằng “nguyên nhân gì làm cho các vũ

3 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 1, tr.221-222

trụ hình thành?” “Làm thế nào chúng tồn tại?”, “Tại sao chúng suy thoái, biến dị?” và cuối cùng là “Chúng hoại vong như thế nào?”...

Biển thế giới là một môi trường hỗ trợ cuộc sống của tất cả chúng sanh. Theo kinh văn, ta biết có vô số thế giới cùng tồn tại, trong mỗi thế giới có vô lượng vô biên chúng sanh, chúng sanh lại không chỉ có một loại; đúng hơn, có rất nhiều loại khác nhau đến nỗi không thể đếm hết được mà kinh Hoa Nghiêm gọi đó là “Thế giới hải” và “Chúng sanh hải”. Trong thế giới đó, mỗi mỗi chúng sinh đều có những nhân duyên, nghiệp quả riêng, do đó, hình thành nên những cảnh giới sống không đồng nhất với nhau. Tuy nhiên, cho dù chánh báo (thân vật lý - tâm sinh lý của mỗi chúng sanh) hay y báo (cảnh giới sống của mỗi chúng sanh) không tương đồng nhau, song về bản chất, tất cả đều có cùng một thể tính giác ngộ (Phật tính) như nhau và khoảng cách giữa Phật với chúng sanh thật ra chỉ là một “Niệm”.

Ngoài ra, phẩm này còn nói về 10 sự của Thế giới hải gồm nhân duyên khởi, chỗ trụ nương, hình trạng, thể tánh, sự trang nghiêm, sự thanh tịnh, Phật xuất hiện, kiếp trụ, kiếp chuyển biến sai biệt và môn vô sai biệt. Sự hình thành của

vô số thế giới chính là vì nghiệp lực của tất cả chúng sinh. Nguyên lực và hạnh lực của Bồ tát là trang nghiêm, tịnh hóa các cõi nước. Các đặc điểm vật lý của thế giới cũng được đề cập trong phẩm này như: biến thể giới đều có những phẩm chất và đặc điểm riêng: Chúng có thể có hình tròn hoặc hình vuông, hoặc chẳng phải tròn vuông, hình như dòng xoáy nước, hình như núi, hình cây cối, hình bông hoa, hình cung điện, hình chúng sanh, hình Phật. Những biến thể này nhiều như những hạt bụi có thể được tìm thấy trong đại dương vũ trụ và tùy theo tâm lượng, thức nghiệp của chúng sanh mà có những chuyển biến sai biệt, do đó Kinh nói: “Vô lượng quốc độ sai khác nhau... tất cả đều do nghiệp mà khác”⁴. Tức tất cả chúng sanh ở trong mỗi cõi giới tùy theo tâm niệm thanh tịnh hay ô nhiễm mà hình thành nên những tướng trạng khổ hay lạc khác nhau, nhân đó mà chư Phật và chư vị Bồ tát đều khuyến tấn hàm linh phát khởi thiện tâm, an trụ thiện niệm hầu nhập Như Lai huệ, vào biển Hoa Tạng thế giới. Và đây cũng là nhân duyên cho phẩm thứ 5 ở sau - phẩm Hoa Tạng Thế Giới.

4 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 1, tr.240-241

Phẩm 5: Hoa Tạng Thế Giới (華藏世界, quyển 8 -10)

Phẩm này trình bày về cảnh giới trang nghiêm, huyền nhiệm của Đúc Tỳ Lô Giá Na Như Lai - thế giới Hoa Tạng, hay thế giới hải Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm. Theo kinh văn, thế giới Hoa Tạng này nằm trên mười tầng phong luân, bên trong một hoa sen lớn tên là Quang Minh Nhụy Hương Tràng, trong Hương Thủy Hải (tức biển nước thơm). Có vô số Hương Thủy Hải cũng như các thế giới chủng. Các Thế giới chủng này lại nhiều vô lượng vô số hay còn gọi là Thế Giới Vong. Thế giới chủng ở giữa gồm hai mươi tầng, mỗi tầng có vô số thế giới, cõi Ta Bà của chúng ta nằm ở tầng thứ mười ba. Ở mỗi Thế giới chủng đều có núi Kim Cang Đại Luân bao bọc, chúng có hình trạng và sự trang nghiêm hoàn toàn sai khác.

Về nhân duyên của thế-giới-hải, trong Táo-Bá-Luận nói: “Do sức đại nguyện của chư Phật nên cảm hiện ra phong luân nhiệm trì tất cả thế-giới. Do tâm từ bi sâu rộng của các đấng Như-Lai nên cảm hiện ra biển Hương-thủy và do vô biên đại hạnh, nên kết thành diệu báo hoa sen. Lại hoa sen cũng do ảnh hưởng của

trí thể vô y, cung điện do ảnh hưởng của lòng đẹp và cảm thành cây báu mát tươi. Tâm độ sanh không chán mỗi hóa ra bảo địa, đức phá tà, lập chánh cảm hiện bảo tràng, tiếng pháp âm kết quả bảo linh, trí nhiệm mầu hóa hiện bảo võng. Lòng tinh tấn nổi lên mây gấm, pháp phá mê hiện ánh quang minh, khuôn hường lâm bởi thất giác chi, chuỗi anh lạc do tâm tầm quý. Sức Tam-muội du hí hóa thành vườn hoa tươi đẹp, hạnh Vô trước vô ngại cảm nên dòng nước trong thơm. Tất cả hiện cảnh đều có nhân duyên không thể kể ra hết được”⁵.

Theo kinh Hoa Nghiêm, bên cạnh Thế giới Hoa Tạng còn có vô lượng Thế giới hải khác song lấy cõi Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm làm trung ương. Thế giới chủng ở trung tâm biểu thị Quả đức giác ngộ của Phật dung nhiếp hết thấy vạn hữu, là cái gốc của muôn pháp. Thế giới chủng ở vòng ngoài cùng có bốn tầng, mỗi tầng có bốn vị Phật, biểu thị Tứ Nhiếp Pháp, dùng Tứ Nhiếp Pháp là Bố thí, Ái Ngũ, Lợi Hành và Đồng Sự để đối trị ngoại duyên⁶.

5 Ht Thích Thiện Tâm, *Phật học Tinh Yếu*, Thiên thứ 2, Nxb Tôn Giáo, 2016, tr.138

6 Tỷ kheo Giới Hoàn (đời Tống), Như Hòa dịch, *Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải*, tr.24

Trên đây là căn cứ trên Sự mà giải thích về Hoa Tạng thế giới. Tuy nhiên, Hoa Tạng thế giới còn có thể đứng trên góc nhìn Lý tánh mà hiểu theo nhiều phương diện khác nhau, như trong Thanh Lương số, Đại sư Thanh Lương có nói thêm: “Hoa sen và Hương Hải, về sự là như thế, lý lại có hai nguyên nhân: 1. Ước về chúng-sanh thì tạng thức tức là hương hải, vọng tưởng là phong luân, tánh đức sẵn có nơi tâm là liên hoa, tâm tánh bao hàm quả pháp thế gian và xuất thế gian là liên tạng. 2. Ước về chư Phật thì đại bi là hương hải, đại nguyện là phong luân, vô biên hạnh lành là liên hoa, chân như tâm dung nhiếp các quả pháp nhiễm tịnh là liên tạng. Do hạnh nghiệp chúng-sanh và chư Phật như thế, nên cảm hiện ra tướng trạng của các cõi cũng như vậy”.

Phẩm 6: Tỳ Lô Giá Na (毗盧舍那, quyển 11)

Trong phẩm thứ sáu, nói về đức cổ Phật Tỳ Lô Gia Na trong quá khứ cũng ở nơi thế giới Hoa Tạng giáo hóa chúng sanh, mọi sự giống như hiện nay, nhưng chỉ khác Phật hiệu, lý do là vì căn cơ sai khác của chúng sanh chứ không

phải là có sự sai khác ở Phật, lý do là bởi chư Phật chỉ với mục đích hiển thị nhân quả ba đời giống nhau vì chỉ có một đạo như nhau. Vairochana (Đại Nhật Như Lai hay Phật Tỳ Lô Giá Na) chỉ cho Pháp thân trong sáng thanh tịnh và đồng lúc hiện diện khắp mọi nơi, “khắp nơi” ở đây là một cách diễn đạt tượng trưng cho phương tiện quyền biến của chư Phật. Đó là sự trong sáng và thuần khiết có thể được nhìn thấy trong Pháp giới và những nơi xa nhất của không gian. Những nguyên nhân và điều kiện dẫn đến sự giác ngộ của Đức Phật Vairochana đều được trình bày trong phẩm này.

Bồ tát Phổ Hiền tiếp tục bài thuyết pháp của mình trước đại chúng, đánh dấu sự khởi đầu của phẩm hiện tại được gọi là “Vairochana” (Tỳ Lô Giá Na). Bồ tát Phổ Hiền còn được gọi là Bồ tát của Đại hạnh và Đại nguyện. Ngài trình bày với đại chúng đang tụ họp trong Pháp Hội về những nguyên nhân và hoàn cảnh dẫn đến sự ra đời của Đức Phật Vairochana. Bồ Tát Phổ Hiền nói, tất cả đã bắt đầu từ rất lâu trước đây, ngược về quá khứ xa xôi trải qua nhiều kiếp nhiều như hạt bụi trôi nổi trong biển các hệ thống hành tinh. Để khái niệm hóa sự đồ sộ bao la, cao rộng thuộc phạm trù vũ trụ học,

Núi Tu-di (मेरु, Sa. Sumeru, Pl. Sineru) được xem như trung tâm của vũ trụ hàm tàng cả vật lý, siêu hình lẫn tinh thần đã được đề cập. Trong biển các hệ thống thế giới có thế giới tên “Thắng Âm”, được nâng đỡ bởi một biển lưới hoa mani xinh đẹp có rất nhiều (vì trần) núi Tu Di bao quanh... Do đây có thể biết hệ thống thế giới của chúng ta không phải là thế giới duy nhất hiện đang tồn tại. Bên ngoài Thế giới Ta bà của chúng ta là vô số các hệ thống thế giới khác mà chúng ta không thể nào tính đếm và biết hết. Thế giới trong kinh miêu tả là một thế giới rộng lớn, tốt lành, trang nghiêm, tất cả hiện cảnh đều tùy theo tâm nguyện của mỗi chúng sanh trong đó mà hiện ra và, tất cả sự thù thắng đó đều nhân nơi thiện niệm và phước đức của chúng sanh cảm vời nên. Đại bi hàm dục, lâu các do ảnh hưởng của trí phương tiện độ sanh mà hiện thành. Tâm thanh tịnh hiện ra báu ma-ni; giới trang nghiêm hiện ra núi Đại-Luân-Vi bao bọc; muôn hạnh lợi sanh làm nở các thứ hoa quý. Ở cuối phẩm, để trở thành đức Như Lai, hành giả phải tu hạnh thanh tịnh và kiên trì Bồ đề tâm rộng lớn, phát tâm cúng dường vô lượng chư Phật v.v...

Phẩm này còn nêu bày những nhân duyên, công đức tu tập, pháp chứng cũng như viên mãn hạnh độ sanh, nhất là sự tịnh hóa triệt để các cõi Phật của Vương tử Đại Oai Quang. Theo Đại sư Giới Hoàn trong Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải thì kinh văn của phẩm này không có chỗ kết thúc vì bản gốc phẩm này chưa được truyền đến Trung Hoa đầy đủ và Tổ sư Thanh Lương xem Vương tử Đại Oai Quang như là tiền thân của Đức Tỳ Lô Giá Na. Ngài còn cho rằng sáu phẩm đầu tiên này thuộc về phần Cử Quả Khuyến Nhạo Sanh Tín (nêu ra cái quả, khuyên ưa thích, sanh lòng tin).

Phẩm 7: Như Lai Danh Hiệu (如來名號, phần đầu quyển 12)

Phẩm này giải thích nhiều danh hiệu có thể được dùng để chỉ Đức Phật. Tùy vào quốc độ, căn cơ của chúng sanh mà Đức Thế Tôn khi thị hiện có nhiều danh hiệu khác nhau. Đây chính là biểu pháp cho đại phương tiện của Phật. Tuy nhiên, có mười danh hiệu tiêu biểu đó là: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế tôn.

- 1- Như Lai (如來, तथगत tathāgata) có nghĩa là Người đã đến như thế hoặc Đấng đã đến từ cảnh giới chân như. Như Lai còn có nghĩa: Không từ đâu đến cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai (Kinh Kim Cang: Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai);
- 2- Ứng cúng (阿羅漢, sa. arhat, pi. arahant) có nghĩa “Bậc xứng đáng được cúng dường”;
- 3- Chánh biến tri (正遍知, sa. samyaksambuddha): Sự thấy biết như thật đối với tất cả pháp trong khắp pháp giới;
- 4- Minh hạnh túc (明行足, sa. vidyācaraṇa-sampanna): Trí tuệ và Hạnh nguyện độ sinh của Đức Phật hoàn toàn viên mãn;
- 5- Thiện thế (善逝, sa. sugata): Khéo qua bờ giải thoát. Khéo an trú, Thiện khứ, Thiện giải, Hảo thuyết;
- 6- Thế gian giải (世間解, sa. lokavid): Hiểu biết rõ ráo mọi hiện hữu ở thế gian;
- 7- Vô thượng sĩ (無上士, sa. anuttara-puruṣa): Bậc trí tuệ tối thượng;

- 8- Điều ngự trượng phu (調御大丈夫, sa. puruṣadamyaśārathi): Điều phục chế ngự mọi phiền não, đáng xứng đáng tôn kính;
- 9- Thiên nhơn sư (天人師, sa. devamanu-ṣyānāṃ sāsṛ): Bậc Thầy tối thắng của Trời và người;
- 10-Phật Thế Tôn (佛世尊, sa. buddhalo-anātha, buddhalokajyeṣṭha, bhagavān): Bậc đại Giác ngộ, tôn quý nhất của thế gian.

Ngoài ra, ở phẩm này Chư Bồ Tát còn thỉnh Phật khai thị về Phật sát (cõi Phật), Phật trụ, Phật sát trang nghiêm, Phật pháp tánh, Phật sát thanh tịnh, Phật thuyết pháp, Phật sát thể tánh, Phật oai đức, Phật sát thành tựu, Phật đại bồ đề. Theo đại sư Thanh Lương: “Mười vấn đề này được chia thành năm cặp, đều là câu trên hỏi về y báo, câu dưới hỏi về chánh báo. Kế đến, lại hỏi về Thập Trụ, Thập Hạnh, cho đến sự tối thắng và quang minh của Như Lai, kèm thêm Thập Tín, thành ra ba mươi câu hỏi. Tính chung là bốn mươi câu hỏi”. Bốn mươi câu hỏi của đại chúng ở đây đại đồng tiểu dị với ba mươi bảy câu hỏi trong phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm.

Trong phần thỉnh Phật khai thị về Phật sát và Phật trụ, chư Bồ Tát đã hỏi về Chánh giác và Như Lai thần lực ứng hóa, Thế Tôn đã bảo Bồ Tát Văn Thù đáp. Đây cũng là nhân do của phẩm kinh này. Cốt yếu của phẩm kinh này trình bày cũng như tán thán thân Như Lai quyền biến phương tiện hiện ở khắp mọi nơi, mỗi mỗi hiệu Phật đều ứng hợp với mỗi căn tánh lớn nhỏ của chúng sanh mà diễn bày, khiến cho “linh vị tín giả tín” (ai chưa tin được tin), nhận chân “tính Phật” trong tự tâm vốn trọn đủ và biến mãn thập phương giới, hằng hà sa thế giới nơi nơi đều là Phật độ, xứ xứ là Phật trụ, pháp pháp đều là Phật hiệu. Nói cách khác chính là “Hoa Nghiêm chân quán niệm niệm hiện tiền”.

Phẩm 8: Tứ Thánh Đế (四聖諦, phần sau quyển 12)

Tứ Thánh Đế còn được gọi là *Tứ Diệu Đế*, là chủ đề trình bày trong phẩm này. Khi Đức Phật vừa thành đạo, Ngài đã khai thị giáo pháp Tứ đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) cho năm anh em Tôn giả Kiều Trần Như. Toàn bộ giáo pháp có thể được tìm thấy bên trong Tứ Thánh Đế. Chúng ta có thể dựa vào Tứ Thánh Đế hay Tứ

Diệu Đế như một cách để chứng nhận cho việc đã đạt đến sự viên mãn của thánh nhân, đó là lý do tại sao giáo pháp được đặt tên là “Thánh”. Bằng cách chiêm nghiệm và thực tập những Sự thật (đế) này, chúng ta có thể bước vào dòng chảy của các bậc thánh nhân và, nhờ đó có thể thoát khỏi những ràng buộc, khổ đau của sinh tử luân hồi cũng như đạt đến trạng thái hạnh phúc, an lạc miên viễn của giải thoát, niết bàn.

Trong phẩm này, đau khổ không nhằm miêu tả một cái nhìn bi quan về thế giới, mà là một cái nhìn thực tế chấp nhận thế giới như nó vốn có và nỗ lực cải thiện nó. Khái niệm về niềm vui không phải bàn cãi, nhưng nó được coi là một hiện tượng nhất thời, không thể thỏa mãn cơn đói khoái lạc của một người nếu không khơi dậy ngọn lửa mong muốn dập tắt mọi khát ái. Mặt khác, hạnh phúc không tuân theo logic tương tự. Điều duy nhất chúng ta có thể tin tưởng trong cuộc sống là cái chết, bệnh tật và tuổi già. Do vậy cần có một kế hoạch dự phòng để đối phó với những đau khổ mà nhân loại phải đối mặt, cho dù đó là thể chất hay tình cảm. Sự thật đầu tiên (Khổ đế) đã dạy rằng có rất nhiều nỗi khổ đau trên thế giới mà chúng sanh cần phải học bài học vượt qua qua mỗi kiếp sống.

Sự thật về sự tích tụ nguyên nhân (Tập đế) là thực tại thứ hai trong bốn thực tại. Thuật ngữ “**Tập**”: nguyên nhân, sự tích lũy, nhóm hợp dùng để chỉ quá trình thu thập hoặc xếp chồng lên bất cứ thứ gì; nó ám chỉ sự tích tụ phiền não. Tuy nhiên, sự tích lũy là do bản chất của chúng ta vậy gọi và, sự tích lũy tự nhiên thường được sử dụng để mô tả hiện tượng này. Nếu có một khu vực bẩn, thì rất nhiều ruồi sẽ tụ tập ở đó. Tuy nhiên, nếu mọi thứ ngăn nắp, sạch sẽ, lũ ruồi sẽ không thềm bén mảng tới. Do đó, mọi thứ đều là kết quả của tự thân – chính bạn gọi nó vào. Sự thật thứ hai giải thích nguyên nhân khiến chúng ta đau khổ. Ham muốn và vô minh là nguyên nhân cơ bản của đau khổ trong Phật giáo. Kinh Pháp Hoa nói: “Nguyên nhân có các khổ, tham dục là cội gốc”. Theo Phật giáo, thuật ngữ “**tham dục**” được sử dụng để mô tả những khao khát vô độ của con người đối với những thứ như lạc thú, của cải vật chất và sự sống vĩnh cửu... Sự thiếu hiểu biết đề cập đến việc không nhận ra thế giới như chính nó là. Theo giáo lý Phật giáo, tâm trí của một người sẽ không được phát triển nếu họ không thể tập trung và có được cái nhìn sâu sắc về bản chất cơ bản của sự vật. Sự thiếu hiểu biết này dẫn đến

những tật xấu như tham lam, ghen tị, phần nộ và giận dữ... Sự thật về Diệt đế là Thánh đế thứ ba cần phải được chứng ngộ. Đó là trạng thái bất động và tĩnh lặng, tương ứng với vô điều kiện, chỉ cho toàn bộ phiền não đã được đoạn trừ. Sự thật về Đạo là phần thứ tư và cũng là phần cuối cùng của Thánh Đế. Con đường “Trung đạo” gồm có tám chi nhánh. Đây là giáo nghĩa sâu xa khi Đức Phật tuyên thuyết: Tri nhận khổ đau, đoạn trừ nguồn gốc khổ đau, chấm dứt khổ đau, phương pháp tu tập để chấm dứt khổ đau. Đầu tiên và quan trọng nhất là phải có một sự hiểu biết chính xác về những gì đau khổ diễn ra. Trong trường hợp này, cần phải chấm dứt sự tích tụ phiền não của chính mình. Sự chấm dứt những tập khí tham ái, phiền não đều được coi là sự thật về chấm dứt khổ đau. Sự giác ngộ tâm linh đạt được khi một người chứng Niết bàn, một trạng thái siêu việt không còn khổ đau và, vòng luân hồi sinh tử đã chấm dứt.

Bước tiếp theo là tinh cần tu tập để đạt được tâm thanh tịnh tĩnh lặng. Con đường giải thoát khỏi mọi hình thức thống khổ được vạch ra chi tiết trong Chân lý thứ tư. Chánh Kiến là bước đầu tiên trên con đường thoát khổ, tiếp theo là Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh Nghiệp,

Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Con đường Trung đạo – **Bát Chánh Đạo** nội hàm Tam vô lậu học: Giới, Định và Huệ. **Tứ Thánh Đế** còn được trình bày trong Kinh văn ở mức độ phổ quát hơn. Với vô số tên gọi khác nhau mang dụng ý “các pháp do đức Phật đã nói đều lấy Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm Thể”. Do Tứ Đế mà nói đủ loại pháp.

“**Tam chuyển Pháp luân**” là thuật ngữ Phật học dùng để biểu đạt về:

Thánh đế thứ nhất: **Khổ đế** (dukkha) gồm có ba luận điểm quan yếu: Đây là khổ (*thị chuyển*); Khổ phải được nhận biết (*khuyến chuyển*); Khổ đã được tri nhận (*chứng chuyển*).

Thánh đế thứ hai: **Tập đế** (Samedha Dukkha) gồm có ba luận điểm quan yếu: Đây là nguồn gốc của khổ, (*thị chuyển*); Nguồn gốc của khổ phải được đoạn trừ (*khuyến chuyển*); Nguồn gốc của khổ đã đoạn trừ (*chứng chuyển*).

Thánh đế thứ ba: **Diệt đế** (Nirodha Dukkha) gồm có ba luận điểm quan yếu: Có sự đoạn tận khổ đau (*thị chuyển*); Sự đoạn tận khổ đau phải được tuệ tri (*khuyến chuyển*); Sự đoạn tận khổ đau đã được tuệ tri (*chứng chuyển*).

Thánh đế thứ tư: **Đạo đế** (Nirodha Gama-dukka) gồm ba luận điểm quan yếu: Có con đường đưa dẫn đến sự chấm dứt khổ đau (*thị chuyển*); Con đường này phải được tu tập (*khuyến chuyển*); Con đường này đã được tu tập một cách viên mãn (*chứng chuyển*).

Phẩm 9: Quang Minh Giác (光明覺, phần đầu quyển 13)

Phẩm này trình bày hiện tượng phóng quang của Đức Phật, nhân tu Bát nhã mà chứng quả Quang minh. Theo kinh văn, Đức Thế Tôn từ dưới lòng hai bàn chân phóng ra trăm ức tia sáng chiếu khắp đại thiên thế giới, khiến cho đại chúng trong pháp hội phát khởi tín tâm, thể nhập trí cảnh rộng lớn của chư Phật, tri nhận đức bình đẳng không hai giữa Pháp thân trí, Hạnh trí của mình với chư Phật trong khắp pháp giới, từ đó mà nhập dòng ngũ vị, khai mở trí nhãn, chứng quả địa giác.

Đó cũng là lý do giải thích cho tựa đề phẩm kinh này – phẩm Quang Minh Giác. Ngoài ra, ánh sáng từ dưới lòng bàn chân tỏa ra còn biểu thị ý nghĩa nương vào quả để tu nhân, quả - nhân nương nhau mà phát khởi và hể là từ nhân hướng đến quả, ắt trọn đủ bốn pháp Tín, Giải,

Hành, Chứng⁷. Ánh sáng được đề cập trong phẩm này là biểu trưng cho trí tuệ vô thượng, tuệ giác siêu việt của các bậc Đại giác.

Phẩm 10: Bồ Tát Văn Minh (菩薩問明, phần sau quyển 13)

Ở phẩm này, Bồ Tát Văn Thù cùng chín vị Bồ Tát khác cùng nhau vấn đáp để làm sáng tỏ các pháp, giúp cho thính chúng vào cửa Thập tín. Ví dụ, khi một vị Bồ-tát nêu lên tra vấn về một khái niệm nào đó dù trên thực tế đã hiểu rõ vấn đề, nhưng vì lợi ích chúng sanh, vẫn cố ý chất vấn chư vị Bồ tát khác để tạo điều kiện nâng cao kiến giải của chúng hội. Phẩm này giải thích lý do tại sao có thể thấy nhiều sự phân biệt khác nhau giữa các cảnh giới sống của chúng sanh; chẳng hạn như tái sinh vào những con đường tốt hay tái sinh vào những con đường xấu, các năng lực hoàn hảo so với các năng lực suy kém, hoàn cảnh sinh sống khác nhau, có kẻ đẹp người xấu và cả những kinh nghiệm khác nhau về hạnh phúc lẫn đau khổ.

Phẩm thứ mười cũng giải thích về việc chư Phật thị hiện đến mọi miền của vô số vũ trụ

7 Như Hòa dịch, Sdd., tr.32

để giáo hóa chúng sinh. Tùy theo căn cơ của chúng sinh, với lòng từ bi rộng lớn, mỗi vị Phật phân thân thị hiện trong mọi thế giới mà không có bất kỳ ngoại lệ nào. Các Ngài đến những thế giới đó bằng trí tuệ, biểu hiện về mặt vật chất dưới dạng cơ thể trí tuệ. Tuy nhiên, những chúng sinh đó không có khả năng nhận thức được thân trí tuệ vô sắc – pháp thân mà Đức Phật sở hữu. Trí huệ thân vốn không có hình tướng nên phàm phu không thể thấy được chư Phật. Họ không thể hiểu tại sao chư Phật có thể du hành đến tất cả các thế giới và làm thế nào mà các Ngài có thể rời bỏ tất cả các thế giới đó.

Phẩm này cũng giải thích về cảm giác như thế nào khi có trí tuệ của một vị Phật như trạng thái hiện hữu của chúng ta. Trong Tam giới, không có bất cứ rào cản hay hạn chế nào ngăn cản trí tuệ của chư Phật tuôn chảy một cách tự tại và an nhiên. Thành sở tác trí, Diệu quan sát trí, Bình đẳng tánh trí và Đại viên cảnh trí cũng như diệu dụng độ sanh vô ngại vi diệu của tất cả chư Phật là không thể nghĩ bàn. Với Phật trí, pháp giới và các cõi mà chúng sinh đang hiện hữu đều vô phân biệt cũng như đều là vô sai biệt.

Tâm của Đức Phật, được mô tả giống như một tấm gương lớn và không tì vết, có thể phản

chiếu chính xác hình tướng chân thật của tất cả các pháp. Tấm gương trong sáng đó không chỉ có khả năng phản ánh một cách như thật mọi hiện tượng mà còn có khả năng tịch lặng vì không hề bị vướng mắc hay tham luyến lưu giữ lại bất kỳ ảnh tượng nào đã phản chiếu trong đó. Tịch và chiếu tuy hai mà một, ngay cả cái được gọi là một cũng không có lý do hiện hữu vì tất cả đều là không tánh. Tịch là vắng lặng, chiếu là khả năng tuệ tri muôn hữu vũ trụ. Phật tánh vốn sáng suốt rỗng lặng an nhiên... Khi một người sử dụng trí tuệ chân chính của mình thay vì tư duy phân biệt, định kiến thì ngay đó mới có thể khai mở tuệ giác, tường minh vạn pháp, đó là lúc Phật tánh hiển lộ.

Nói chung là giải thích rõ về các pháp tức muôn hữu vũ trụ đều vô tánh, nhưng do vọng tâm phân biệt nên có sai thù. Từ Duyên khởi đến Giáo hóa, Nghiệp quả, Thuyết pháp, Phước điền, Chánh pháp, Chánh hạnh, Trợ đạo, Nhất đạo, Phật cảnh do mười vị Bồ tát trình bày đều nhấn mạnh đến thể tánh thanh tịnh của các pháp và, tất cả sự sai biệt của các pháp trong vô tận pháp giới chúng sanh nhờ thần lực của Phật mà đã hiện rõ.

Phẩm 11: Tịnh Hạnh (淨行, phần đầu quyển 14)

Phẩm này cung cấp câu trả lời cho câu hỏi làm thế nào những bậc đã giác ngộ có thể đạt được sự không lỗi lầm trong hành động của họ, cả về thể chất, lời nói và tâm ý. Nó cung cấp câu trả lời cho các câu hỏi: Làm thế nào quý ngài có thể được tái sinh trong những môi trường có thể chấp nhận được, giữa những người tốt, hoàn thiện về thể chất, với đầy đủ chánh niệm, tỉnh thức, hành vi trọn vẹn, vô úy và an nhiên? Làm sao người ta có thể đạt được trí tuệ đặc biệt, trí tuệ hàng đầu, trí tuệ vô thượng, trí tuệ vô lượng, trí tuệ khôn lường, trí tuệ không thể nghĩ bàn, trí tuệ vô song, trí tuệ không thể đo lường, trí tuệ không thể diễn tả và, trí tuệ tối thượng? Làm sao họ có thể thành tựu được các năng lực như năng lực nhân quả, năng lực ý chí, năng lực thiện xảo, năng lực của những điều kiện và đối tượng thích hợp của sự chú tâm, năng lực căn cơ, năng lực quan sát, năng lực làm ngưng đọng tâm, năng lực tuệ giác phân tích và, năng lực của tư duy chiêm nghiệm? Làm thế nào có thể cải thiện kỹ năng phân tích các yếu tố và cơ quan tâm sinh lý? Làm thế nào có thể nâng cao

kỹ năng phân tích duyên khởi? Làm thế nào có thể nâng cao kỹ năng phân tích các cõi dục, sắc và vô sắc? Làm thế nào có thể cải thiện kỹ năng hiểu biết về quá khứ, hiện tại và tương lai? Làm thế nào mọi người có thể thực hành hiệu quả các khía cạnh khác nhau của giác ngộ, chẳng hạn như chánh niệm, trí tuệ, tinh tấn, hoan hỷ, hạnh phúc, an định và buông xả?

Bồ Tát Trí Thủ đã nêu một trăm mười câu hỏi, Bồ tát Văn Thù đã nói về một trăm bốn mươi đại nguyện để trả lời. Một khi đã phát khởi lòng tin thanh tịnh, thì cần phải nương vào đại nguyện để chuyển hóa nhiễm ô và, ngay nơi trần lao ô nhiễm mà đạt được tịnh hạnh... Trong những câu trả lời, Bồ tát Văn Thù nói rằng, các bậc giác ngộ có khả năng đạt được tất cả các phẩm tính tối thượng, có tâm không chướng ngại do an trụ Phật đạo mà khi sống giữa chúng sinh, hiểu được đặc tính, bản chất của vạn vật, đoạn trừ mọi điều ác và viên mãn mọi điều thiện. Các vị Bồ tát tùy theo căn cơ hóa hiện rất nhiều thân hình và có thể hoàn thành tất cả các hạnh nguyện quảng đại của mình; Tự tại vô ngại về mọi mặt và, đóng vai trò là người hướng dẫn, chỉ đường cho tất cả

chúng sinh. Một câu hỏi quan trọng khác đó là, làm thế nào các vị Bồ tát có thể sử dụng tâm trí của mình theo cách mà quý Ngài đạt được tất cả những phẩm chất tối cao và siêu phàm?

Và để trả lời cho những câu hỏi trên của Bồ Tát Trí Thủ, Bồ Tát Văn Thù đã nói về phương pháp “khéo dụng tâm” và nêu lên các đại nguyện, chúng sanh trong mỗi hoàn cảnh, công việc hàng ngày mà tùy thuận phát Bồ đề tâm, nguyện vì tha nhân như: Bồ tát khi ở nhà nên nguyện cho tất cả những chúng sinh khác sẽ nhận ra rằng “nhà” là một khái niệm trống rỗng (tánh Không) và tìm cách thoát khỏi ràng buộc của nó.

Trong thời gian phụng dưỡng cha mẹ, nên nguyện tất cả chúng sanh phát lòng phụng sự chư Phật, hộ dưỡng hết thảy chúng sanh. Họ nên phát nguyện rằng đối với tất cả chúng sinh khởi tâm bình đẳng, không thiên vị và từ bỏ chấp thủ trong suốt phần đời còn lại của họ khi họ ở với vợ chồng và con cái. Khi họ đã hoàn thành những gì họ dự định làm, họ nên có ước nguyện rằng tất cả chúng sinh đều tiêu diệt những mũi tên của dục vọng và đạt đến trạng thái tâm thức thanh thản tối thượng.

Trong thời gian hành trì, mọi người nên hy vọng rằng tất cả chúng sinh sẽ có thể vui vẻ trong sự thật và hiểu rằng niềm vui đó không có thật. Họ nên phát nguyện bất cứ khi nào họ ở trong một nhóm hay một đám đông rằng tất cả chúng sinh buông bỏ các pháp hữu vi và thay vào đó đạt được trí tuệ viên mãn. Nếu họ thấy mình trong một tình huống nguy hiểm hoặc khó khăn, họ nên phát nguyện cầu nguyện rằng tất cả chúng sinh được tự tại, an nhiên và không bị ngăn cản bất cứ nơi nào họ đi lại.

Khi từ bỏ đời sống tại gia, nên phát nguyện rằng, tất cả chúng sinh được tự do tùy nguyện xuất gia không bị chướng ngại và ý nghĩ của họ được tự tại, khinh an. Họ nên phát nguyện khi vào tu viện rằng tất cả chúng sinh sẽ liễu giải nhiều nguyên tắc khác nhau về sự không tranh chấp, chung sống trong tinh thần hòa hợp, tương kính.

Khi họ đến gặp những người hướng dẫn của họ, họ nên có ước muốn rằng tất cả chúng sinh sẽ phục vụ những người hướng dẫn của họ một cách khéo léo và thực hành theo những nhân cách đạo đức thánh thiện.

Khi một người nào đó đang cố gắng để được điểm đạo, họ nên hy vọng rằng tất cả chúng sinh có thể đạt đến giai đoạn mà họ không bị thối chuyển và rằng tâm trí của họ có thể không bị cản trở. Họ nên mong muốn rằng tất cả chúng sinh sẽ nuôi dưỡng gốc rễ của lòng tốt và từ bỏ ách phạm giới khi họ cởi bỏ chiếc áo đối trá của mình.

Khi cạo đầu, họ nên phát nguyện rằng tất cả chúng sinh một ngày nào đó có thể thoát khỏi mọi bệnh tật và đạt đến trạng thái an tĩnh tối thượng.

Khi mặc pháp phục giải thoát, cầu nguyện cho sự phát huy bản thể thanh tịnh tâm thức của tất cả chúng sinh và, làm việc để đạt được các mục tiêu đã vạch ra trong con đường của bậc Đại giác.

Khi nào xuất gia nên khuyến thỉnh tất cả chúng sanh xuất gia theo Phật để cùng được cứu độ. Người quy y Phật phải có tâm nguyện vô thượng là mong chúng sinh nối tiếp Phật thừa và hồi hướng Phật đạo. Họ nên quy y Pháp và cầu nguyện rằng tất cả chúng sinh sẽ hiểu sâu, thâm nhập kinh tạng và trí tuệ sâu rộng như đại dương.

Khi quy y Tăng, nên nguyện cho chúng sanh thống lý đại chúng, tất cả vô ngại. Tìm kiếm sự an toàn trong Cộng đồng, mọi người nên hy vọng rằng tất cả chúng sinh sẽ mang lại trật tự cho đám đông và kết quả là mọi người sẽ trở nên không bị chướng ngại.

Khi nghe giới luật, họ nên hy vọng rằng tất cả chúng sinh sẽ tự chế ngự, kiểm soát tốt và không làm điều gì có thể bị coi là có hại. Khi đi nhiều ba vòng quanh điện Phật mong muốn rằng tất cả chúng sinh sẽ tuân theo những lời dạy của Đức Phật một cách tinh tấn và không có bất cứ niệm lười biếng, giải đãi nào trong tâm trí của họ. Các Ngài nên mong muốn tất cả chúng sanh viên mãn các đức hạnh không ngừng xưng dương công đức của Đức Phật một cách đúng pháp. Họ nên ca ngợi những đặc tính, phẩm hạnh khác biệt của Đức Phật và cầu nguyện rằng tất cả chúng sinh có thể phát triển thân của Đức Phật và trải nghiệm chân lý tánh không trong khi thực hành như vậy.

Khi rửa chân, họ nên phát nguyện rằng tất cả chúng sinh, bất kể đang ở đâu, đều có thể tự do hoàn thành các điều kiện tiên quyết để có thân thông. Họ nên lập một ước nguyện trước khi đi ngủ mỗi đêm rằng một ngày nào đó tất

cả chúng sinh sẽ có một hình dạng vật chất và tâm trí không bị xáo trộn. Và, Nếu các Bồ Tát dụng tâm như vậy, các ngài sẽ đạt được tất cả những phẩm tính vi diệu vô thượng, công đức thù thắng không ai có thể lay động được.

Phẩm 12: Hiền Thủ

(賢首, phần sau quyển 14 – quyển 15)

Bồ tát Hiền Thủ chia sẻ quan điểm của mình về cách chế tác đức hạnh và trí tuệ. Khi nương vào Thập tín để dụng công tu tập thì đức hạnh và công đức sẽ phát triển. Chính đức tin, trong đó có lòng tự tin cho phép chúng ta nhận ra tiềm năng của mình và giải quyết các vấn đề của mình cũng như giải quyết những vấn đề của người khác, điều này cho phép hành giả tăng trưởng Bồ tát hạnh và tiến thẳng lên hàng Thập Trụ, trở thành những bậc có công đức không thể nghĩ bàn, đạt được giải - hạnh tương ứng. Khi các hành giả quyết định đi tìm giác ngộ, phát Bồ đề tâm, ngay đó chính là niềm tin thanh tịnh, vững chắc vào tất cả chư Phật, Giáo pháp và Tăng đoàn. Với Bồ đề tâm, các hành giả không tìm kiếm bất kỳ thoả mãn nào cho bất cứ ham muốn gì từ các đối tượng được tiếp xúc hoặc quyền lực, thú vui cá

nhân, sự giàu có v.v... Khát vọng của họ luôn nhắm đến mục đích mang lại lợi ích và làm cho tất cả chúng sinh được giải thoát, an lạc. Với sự tin tưởng tuyệt đối vào Đức Phật và giáo lý của Đức Phật, hành giả cũng tin vào các vị Phật sẽ thành tựu trong tương lai.

Niềm tin được xác định bằng con đường thoát khổ, là nguồn nhân đức nuôi dưỡng và phát triển mọi con đường tốt đẹp. Loại bỏ mạng lưới nghi ngờ và thoát khỏi những ý tưởng đam mê, ái nhiễm là một thực hành tốt cho những đức tính này. Những phẩm tính siêu việt trong hàng Thập Tín là vô lượng. Hiểu rõ căn cơ, tâm nguyện của chúng sanh, với thần thông tự tại và tâm vô chướng ngại, Bồ tát vì chúng sanh ứng hiện nhiều thân hình ở nhiều cõi giới để cứu độ tất cả. Khi thành tựu Thập tín, thể chứng tánh dụng vô tác, đến đi tự tại, tất cả đều bình đẳng vô sai biệt vì tâm vô phân biệt.

Cũng ở phẩm này, nhân nơi thỉnh cầu của Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Hiền Thủ vì đại chúng trong pháp hội mà diễn bày việc tu hành các môn Thập Tín, tin tấn dụng công sẽ mang lại công đức không thể nghĩ bàn. Thông qua kệ đáp, Bồ Tát Hiền Thủ xác quyết lòng tin cho hội chúng, tường thuật minh bạch công đức của

việc phát tâm tu hành, nhân không nghĩ bàn dẫn đến quả không thể nghĩ bàn và ứng hợp với chánh tín mà tăng lên, phụng sự chư Phật, lợi ích chúng sanh, xuất - nhập Phương Vong tam muội, tâm vô chướng ngại, thần thông tự tại, cho đến đồng như Văn Thù, Phổ Hiền và cả Tỳ Lô Giá Na Như Lai... từ Thập Tín mà tiến thẳng lên Thập Trụ, tức vào nhà Như Lai, trụ Vô sư trí, hằng bất thoái chuyển.

Phẩm 13: Thăng Tu Di Sơn Đảnh (昇須彌山, phần đầu quyển 16)

Phẩm này nói về sự lên núi Tu Di của Đức Phật. Cái tên Sumeru (Tu Di) xuất phát từ tiếng Phạn và có nghĩa là cao cả tuyệt vời. Việc ngọn núi này được mô tả là cao tuyệt vời cho chúng ta thấy rằng thật khó để có thể nhìn thấy hay suy lường về nó.

Khi hiểu phẩm này, chúng ta thấy rằng núi Tu Di là một phép ẩn dụ cho sự kiêu ngạo của mình. Núi Tu Di sẽ biến mất vào lúc chúng ta vượt qua được lòng kiêu hãnh, chấp ngã. Đức Phật đang cố gắng truyền thông điệp cho tất cả chúng ta rằng chúng ta cần phải thay đổi và ngừng kiêu căng tự mãn bằng cách lên đỉnh núi Tu Di để thuyết Pháp.

Khi Đức Phật lần đầu tiên đạt được giác ngộ viên mãn, Ngài đã thể hiện một sức mạnh tâm linh vô cùng vĩ đại. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn đã lên núi Tu Di mà không hề rời khỏi cội cây bồ đề, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn ở trong trạng thái và tư thế thiền định. Hình ảnh “Bất khởi” của Đức Phật nhằm biểu thị cho ý nghĩa “không đến cũng không đi”, Pháp thân của Phật dùng Pháp giới làm thực chất lẫn hình tướng; do đó, sự đến đi, di chuyển của Phật không bao giờ bị ngăn ngại vì Ngài không phải di chuyển cơ thể vật lý như con người để đi đến các địa điểm khác. Đức Phật có thể có mặt bất kỳ địa điểm nào trên thế giới mà không bao giờ rời khỏi chỗ ngồi của mình. Khi Đức Phật đến cung điện của Đế Thích trên đỉnh núi Tu Di trong cõi trời Đao Lợi để nói Pháp, Ngài không cần phải rời khỏi cây bồ đề vì cõi trời Đao Lợi nằm trong Pháp Giới. Điều này xác chứng thần lực của Đức Phật là không thể nghĩ bàn nhưng đồng lúc cũng hiển thị rằng tất cả đều là đồng nhất thể.

Đây cũng là phẩm dùng cảnh để biểu pháp. Theo phân tích của Đại sư Giới Hoàn trong 華嚴經要解 (Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải) thì

Phổ Quang Điện trong các phẩm trước thuộc nhân gian nhằm biểu thị cho việc phải phát khởi tín tâm ngay từ địa vị phàm phu. Còn nay ở tại Tu Di sơn (Sumeru) cao xa vời vợi mà nói pháp Thập Trụ, nhằm biểu thị Tín đã thăng tấn. Ngoài ra, phẩm này còn nhấn mạnh pháp Thập Trụ khai mở từ biển Diệu Trí, vượt lên mọi cảnh giới hạn lượng của tình thức, không thể dùng thức tâm phân biệt, chấp trước mà nắm giữ được thông qua hình ảnh bảy ngọn Kim Sơn bao bọc quanh núi này trong một biển lớn, cao tận chân trời và leo lên đó bằng cách thức thông thường được.

Bên cạnh đó, việc Thế Tôn thăng Tu Di Sơn mà thân chẳng rời cội Bồ đề còn mang hàm ý pháp thân cũng như ứng thân Phật bao trùm khắp hư không pháp giới, chu biến thập phương, tùy duyên thị hiện, tự tại vô ngại.

Phẩm 14: Tu Di Đảnh Thượng Kê Tán (須彌頂上偈贊, phần đầu quyển 16 tiếp)

Phẩm này nói về việc do thần lực của Phật, vô số chư đại Bồ tát từ khắp mười phương thế giới đều đem theo tùy tùng Bồ tát của mình và tập hợp tại đây để hoan hỷ xưng tán công đức của Đức Phật và trợ thủ Đức Phật chuyển

vận bánh xe chánh pháp. Phẩm này được gọi là “Những lời ca ngợi trên đỉnh Tu Di”.

Mười vị Bồ-tát lớn gồm có: Pháp Huệ Bồ tát, Nhất Thiết Huệ Bồ tát, Thắng Huệ Bồ tát, Công Đức Huệ Bồ tát, Tinh Tấn Huệ Bồ tát, Thiện Huệ Bồ tát, Trí Huệ Bồ tát, Chơn Thiệt Huệ Bồ tát, Vô Thượng Huệ Bồ tát, Kiên Cố Huệ Bồ tát.

Vị Bồ-tát lớn này đã thâm nhập Phật pháp, nên được khai mở trí tuệ vô lượng vì thế mà có tên là Pháp Huệ. Vị Bồ Tát thứ hai được gọi là Bồ Tát Nhất Thiết Huệ. Ngài có thể đạt được mọi dạng trí tuệ do sự hiểu biết toàn diện về Phật pháp và mọi hiện hữu. Vị thứ ba là Bồ-tát Thắng Huệ, có trí tuệ vô song, tối thắng. Vị thứ tư là Bồ-tát Công Đức Huệ, đã tích tập đủ thứ công đức và đạt đến trí tuệ chân chính. Vị Bồ tát thứ năm được gọi là Bồ tát Tinh Tấn Huệ, đã đạt được trí tuệ thâm sâu nhờ thực hành tinh tấn. Vị thứ sáu là Bồ-tát Thiện Huệ, chuyên làm các việc thiện và sau khi làm nhiều việc thiện thì trí tuệ bùng nổ. Vị thứ bảy là Trí Tuệ Bồ tát vì Ngài đã thực hành pháp môn bát nhả ba la mật và đạt được trí tuệ thông qua sự tu tập của mình. Vị thứ tám là Bồ-tát Chơn Thiệt Huệ,

vị Bồ-tát này chuyên tâm phát triển Chánh ngữ. Ngài tuân thủ nguyên tắc không bao giờ được nói dối và có thể đạt đến đỉnh cao của trí tuệ vì không bao giờ nói dối bất cứ ai. Vị thứ tám là Bồ-tát Vô thượng Huệ vì trình độ trí tuệ của ngài không một chúng sinh nào có thể so sánh được. Và, vị thứ mười là Bồ Tát Kiên Cố Huệ. Sự hiểu biết của Ngài không dao động, kiên định và, không có bất kỳ sự không chắc chắn nào, giống như kim cương: rắn chắc, sáng sủa và sắc bén. Mười vị Bồ-tát này đã tu phạm hạnh ở nơi mười Đức Phật đều có cùng danh hiệu là Nguyệt, việc này hiển thị nhân quả tương ứng của môn Thập Trụ.

Ở phẩm này, bằng việc nêu lên các bài kệ, chư Bồ Tát đã tán thán cũng như nêu rõ pháp Thập Trụ và khuyến dụ tinh tấn. Bởi Thập Trụ lấy Trí làm thể, lấy Huệ làm dụng nên trong danh hiệu của mỗi vị Bồ Tát đều có chữ Huệ.

Phẩm 15: Thập Trụ (十住, phần sau quyển 16)

Phẩm này nói đến Mười Quả Vị ở Thập Trụ. Lúc bấy giờ, tức là nói xong phẩm thứ mười bốn, Bồ-tát Pháp Huệ được oai thần lực của mười phương chư Phật, rồi nhập Bồ-tát

vô lượng phương tiện tam muội. Sau khi xuất định, Pháp Huệ Bồ Tát liền nói về mười bậc trụ của Bồ Tát như: Sơ phát tâm trụ, Trị địa trụ, Tu hành trụ, Sanh quý trụ, Cụ túc phương tiện trụ, Chánh tâm trụ, Bất thoái trụ, Đồng chơn trụ, Pháp vương tử trụ và Quán đảnh trụ⁸.

Trong 華嚴經要解 (Hoa Nghiêm Kinh yếu giải) của Đại sư Giới Hoàn có phân tích về Thập Trụ như sau:

- 1- **Phát Tâm Trụ** (發心住, Prathamacittotpādika): Khởi đầu nương vào chánh trí, phát Bồ Đề tâm.
- 2- **Trị Địa Trụ** (治地住, Ādikarmika): Vì lợi lạc chúng sanh, mở rộng tâm địa.
- 3- **Tu Hành Trụ** (修行住, Yogācāra): Khéo quán các pháp, tăng trưởng chánh hạnh.
- 4- **Sanh Quý Trụ** (生貴住, Janmaja): Do hạnh tôn quý, sanh trong nhà Phật pháp.
- 5- **Phương Tiện Cụ Túc Trụ** (方便具足住, Pūrvayogāsampanna): Mang theo Chân tùy thuận Tục, hòa quyện hồng giáo hóa thích hợp.

8 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 1, tr.550

- 6- **Chánh Tâm Trụ** (正心住, Śuddhādhyāśaya): Gặp cảnh thiện hay ác, tâm bất động.
- 7- **Bất Thoái Trụ** (不退住, Avivartya): Hướng theo chánh diệu đạo, duyên bất hoại.
- 8- **Đồng Chân Trụ** (童真住, Kumārabhūta): Hàm chân bảo nhất⁹, trí hạnh chẳng mất.
- 9- **Pháp Vương Tử Trụ** (王子住, Yauvarājya): Đắc pháp của đấng Pháp Vương, sẽ nối tiếp địa vị Phật.
- 10- **Quán Đảnh Trụ** (灌頂住, Abhiṣeka): Thành tựu mười trí, sẽ thành Phật. Như Thái Tử của vua phô bày nghi thức quán đảnh.

Bồ Tát muốn thuyết pháp độ sanh thì trước phải an trú nơi đại định. Do an trụ chánh định

9 Đây là một thành ngữ dựa theo thuật ngữ “bảo phác hàm chân” (抱樸含真) trong Đạo gia. Theo nghĩa gốc, “bảo phác hàm chân” có nghĩa là giữ gìn trọn vẹn tánh thiên chân, nguyên sơ, chẳng xen lẫn hư ngụy, chẳng bị ô nhiễm bởi những thói hư tật xấu. Ở đây, “hàm chân bảo nhất” (含真抱一) cũng có ý nghĩa tương tự, giữ trọn vẹn chân tánh, giữ được nhất tâm, không xen tạp vọng tình hư ngụy cũng như các kiến chấp, các tư hoặc. (trích chú thích Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải)

mà trí tuệ xuất hiện và, chính do nhờ nghiêm trì giới luật mà định được phát sinh. Qua đó câu hỏi được nêu lên ở đây là, nhập định như thế nào để huệ được tăng triển? Đương nhiên yếu tố tiên quyết đó là phải tuân theo các quy tắc, phải sống với đức hạnh, phải nghiêm trì oai nghi giới luật.

Nhập Vô Lượng Phương Tiện Tam Muội của Bồ Tát là bước đầu tiên của Bồ Tát. Phương tiện Tam Muội (Samadhi) thiện xảo là kỹ năng sử dụng Pháp môn nhiếp hóa chúng sinh và diễn đạt Giáo pháp cho họ theo cách thích hợp để dẫn dắt tất cả chúng sinh, giúp chúng sinh luôn tràn ngập hạnh phúc trong giáo Pháp là những ví dụ về những kỹ thuật phương tiện tạm thời, khéo léo này. Có nhiều cánh cửa dẫn đến Giáo Pháp, chúng không có ranh giới. Cụm từ tạm thời đề cập đến một cái gì đó chỉ được thực hiện trong một thời gian ngắn, trong khi thiện xảo đề cập đến một cái gì đó cực kỳ sáng tạo mang tính ứng cơ, Pháp Tuệ Bồ tát đã có thể nhập định và tận dụng sức mạnh của mình nhờ vào định lực. Bồ tát Pháp Huệ nương theo oai lực của Phật nhập Bồ Tát vô lượng phương tiện Tam ma địa, do thần lực của Tam ma địa (đại

định) mà ngoài ngàn cõi Phật, thế giới nhiều như số hạt bụi ở mười phương có ngàn cõi Phật và vô số Đức Phật, nhiều như hạt bụi đều đồng một hiệu là Pháp Huệ, đồng thời hiện đến tán thán và bảo Bồ tát Pháp Huệ hãy thừa thần lực của Phật mà diễn thuyết pháp Thập Trụ. Có danh hiệu là Pháp Huệ vì đã liễu triệt tất cả các pháp. Bồ tát Pháp Huệ đã dùng định lực mà tuệ tri như thật đó chính là câu trả lời lý do tại sao tất cả đều đan kết với nhau trên cùng nền tảng của Giới, Định, Huệ, vì thế vô lượng chư Phật đều cùng có tên là Pháp Huệ.

Danh hiệu “Pháp Huệ” của vô lượng chư Phật là biểu thị Trí Tuệ Pháp Thân Bồ Tát mở rộng cánh cửa để chào đón Phật Trí Tuệ Pháp Thân; Bồ tát Pháp Huệ nhìn thấy Phật Trí Tuệ Pháp Thân ở khắp mọi nơi, mọi lúc. Trước mặt Bồ tát Pháp Huệ, vô số vị Phật đồng hiệu Pháp Huệ đều thị hiện. Vô số Đức Phật đồng có tên là Pháp Huệ đã tán thán Bồ tát Pháp Huệ rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Ông khéo nhập Bồ tát Vô Lượng phương tiện Tam ma địa này” và bảo rằng: “Thiện nam tử! Ông nên thừa thần lực của Phật mà diễn thuyết pháp Thập Trụ”. Bồ tát Pháp Huệ đã nương theo thần lực của Phật mà diễn nói pháp Thập Trụ.

Có thể nhập Vô Lượng Phương Tiện Bồ Tát Tam Muội là một việc rất tốt, là một việc cực kỳ thánh thiện. Khi đã tập trung vào phương tiện thiện xảo vô tận này để giáo hóa chúng sanh, đó là điều tốt nhất mà Bồ tát có thể thực hiện để nhập và xuất định. Không có gì cao quý hơn khi có thể đạt được điều này.

Ở giai vị Thập Trụ, mỗi Trụ phải thành tựu mười pháp, do có đủ hạnh lực mà khi nghe giáo pháp liền tự giải ngộ, nếu tương ứng với quán hạnh thì biến Phật pháp sẽ hiện tiền, liễu triệt tự tánh nơi tâm, thành tựu giới thân huệ mạng, vô sư tự chứng.

Phẩm 16: Phạm Hạnh (梵行, phần đầu quyển 17)

Để mở đầu cho Phẩm 16 này, Thiên tử Chánh Niệm đã bạch với Pháp Huệ Bồ Tát rằng: “Thưa Phật tử! Trong tất cả thế giới, các vị Bồ Tát đều y theo giáo pháp của Như Lai mà nhuộm y xuất gia, làm thế nào để có được phạm hạnh thanh tịnh, từ địa vị Bồ Tát cho đến đạo vô thượng bồ đề?”¹⁰

10 HT Thích Trí Tịnh dịch

Phẩm này được gọi là *Phạm hạnh*, là phẩm hướng dẫn cách trau dồi phạm hạnh thánh khiết mà chư Bồ tát đã trau dồi nhưng tâm lúc nào cũng buông xả, vô chấp.

Bồ tát Pháp Huệ nói về cách các vị Bồ-tát Ma-ha-tát trau dồi hạnh thanh tịnh. Cái gì trong sạch thì không thể là ô uế và, cái gì ô uế thì không là trong sạch hiểu theo nghĩa đối đãi của triết lý nhị nguyên. Phạm hạnh đòi hỏi sự trong sạch của thân, khẩu, ý. Nhiều cá nhân không thể trau dồi hạnh trong sạch bởi vì họ bị ảnh hưởng bởi những loại bất tịnh khác nhau trong cuộc sống.

Phẩm này cũng nói rõ rằng phạm hạnh không phải chỉ đối với cơ thể, vì cơ thể con người vốn đã ô uế, tốt hơn nên nghĩ Phạm hạnh như một thực hành tâm linh, hơn là biểu hiện vật chất. Cơ thể con người là một hợp chất nhờ uế. Phạm hạnh, trái lại, trong suốt như pha lê và không có bất kỳ tạp chất nào cả. Một đời sống phạm hạnh là một đời sống mà cả ba nghiệp đều hoàn toàn thanh tịnh. Chúng ta cần được nhắc nhở thường xuyên rằng cơ thể không phải là thứ đáng được đánh giá cao để rồi thủ chấp vào nó. Phạm hạnh dù đáng trân quý nhưng cũng chớ nên thủ chấp vào đó. Vì chưa thật sự liễu giải lý tánh không nên vẫn không ít người

còn chấp trước vào những ý niệm, khái niệm v.v... rằng tôi đang tu Phạm hạnh...

Trong ánh sáng của tuệ giác siêu việt, chúng ta nhận thức rõ Phạm hạnh về bản chất là trống rỗng. Không có bất cứ thứ gì trong bất kỳ thời gian nào ở ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai có cái được mệnh danh là ngã thể. Do liễu đạt và an trú trong không tính mà tâm không chấp trước vì thế nên không có chướng ngại. Thực hành quán chiếu để thể nhập bất nhị môn là ý nghĩa tối thượng của Trung đạo.

Ở Phẩm này, Chánh Niệm thiên tử hỏi Pháp Huệ Bồ Tát về phạm hạnh của Bồ Tát theo Phật xuất gia để thành tựu đạo quả Bồ đề. Bồ Tát Pháp Huệ nhân đây mà trình bày mười pháp làm cảnh sở duyên để tác ý quán sát, gồm: thân, thân nghiệp, ngữ, ngữ nghiệp, ý, ý nghiệp, Phật, Pháp, Tăng và giới¹¹ cũng như nói rộng ra cho đến các pháp hữu vi đều không phải là phạm hạnh. Do đó, không thể chấp thân, giữ tâm, bám víu vào pháp tu, ngay cả tên gọi phạm hạnh cũng không, tâm vô quái ngại. Đó mới thật sự là phạm hạnh thanh tịnh.

11 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 1, tr.576

Ngoài ra, Pháp Huệ Bồ Tát còn chỉ ra mười pháp tu tập, tức mười trí lực của Như Lai để hàng Thập trụ tu tập, khởi phát đại bi, hành Vô thượng đạo.

Phẩm 17: Sơ Phát Tâm Công Đức (初發心功德, phần sau quyển 17)

Phẩm này giải thích một người có bao nhiêu công đức ngay khi tâm đại Bồ-đề được hiển lộ. Ở đây, Thiên Đế Thích¹² hỏi Pháp Huệ Bồ Tát công đức của một Bồ Tát sơ phát Bồ đề tâm và Pháp Huệ Bồ Tát đã vì Thiên Đế Thích mà nêu lên mười ví dụ để chứng minh rằng công đức của việc phát tâm Bồ đề là vô lượng vô biên, không thể so sánh. Đức Phật dạy rằng không có cách nào để định lượng công đức và điều tốt lành. Nguyên tắc này cực kỳ toàn diện và sâu sắc. Thật khó để nói thành lời.

Phẩm này cũng giải thích khái niệm phát tâm. Phát tâm Bồ-đề là để bảo đảm cho căn tánh của Như Lai không bao giờ mất đi. Phát Bồ đề tâm là duy trì tri kiến của chư Phật, khiến cho hạt giống Phật khỏi bị cắt đứt. Với tâm

12 Hay còn gọi là Śakra (sa: शक्र Śakra; pa: सक्क Sakka), chủ nhân thiên đường.

nguyện làm cho ánh sáng trí tuệ tối thượng tỏa khắp mọi nơi và bao trùm hư không pháp giới. Người phát tâm Bồ-đề dùng mọi phương tiện thiện xảo để mang giáo lý của Đức Phật đến mọi nơi và làm cho có thể được phổ cập rộng rãi đến mọi hàm linh với mục đích giải thoát mọi chúng sanh khắp mười phương vô lượng thế giới thoát khỏi tất cả đau khổ. Vì chư Phật muốn tất cả chúng sinh trong tất cả các thế giới đều được giải thoát và an trú trong cực lạc. Như kinh có dạy:

*“Vì lợi thế gian phát đại tâm
Tâm đó khắp cùng cả mười phương
Chúng sanh, quốc độ pháp tam thế
Phật, Bồ Tát biến tối thắng”¹³.*

Nhằm mục đích hiểu biết đầy đủ về các quá trình dẫn đến sự hình thành và hủy diệt của tất cả thế giới hệ. Chư Phật đã nói về tuổi thọ trung bình của mỗi thế giới hệ. Mọi thứ trong vũ trụ, bao gồm tất cả các hành tinh, ra đời như thế nào, chúng tồn tại ở đâu, hủy diệt như thế nào? Sanh, trụ, dị diệt vừa biểu thị khái niệm vô thường vừa biểu thị khái niệm duyên khởi, liên quan đến các điều kiện và yếu tố góp phần vào sự hình thành

13 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 1, tr.597-598

của các thế giới hệ, nơi chúng trú ngụ và cách chúng hủy diệt. Trên bình diện nhân sinh quan thì các giai đoạn của cuộc đời mà con người trải qua bao gồm sinh, lão, bệnh tử.

Có được sự hiểu biết đầy đủ về tính đúng đắn và toàn vẹn của tất cả các sinh vật sống trong tất cả các thế giới hệ nhằm mục đích chuyển mê khai ngộ, giúp chúng sanh từ sự không trong sạch trở về với sự trong sạch. Bản chất vô minh làm nảy sinh cảm xúc ham muốn bất thiện, đó là phiền não. Bồ tát quan tâm đến việc hiểu rõ nguyên nhân và điều kiện của những hành vi bất tịnh của chúng sinh, cũng như nguyên nhân và điều kiện của những hành vi trong sạch của họ. Nếu chúng sanh nào có thể hướng về Phật tánh, xa lìa mê lầm quay về giác ngộ, thì đây là thanh tịnh. Với mục đích hiểu biết hoàn toàn bản chất nguyên sơ của bản thân làm nền tảng cho sự hiểu biết toàn diện muôn hữu vũ trụ. Chư vị Bồ tát phát tâm Bồ đề để cứu độ chúng sanh giúp họ nhận ra bản chất tốt đẹp cơ bản của chính mình và của tất cả các thế giới.

Có được sự hiểu biết đầy đủ về lậu hoặc tồn tại trong tâm trí của tất cả chúng sinh, Bồ tát hiểu rõ những khát vọng và tham dục chứa đựng trong tâm thức của chúng. Đau khổ của

chúng sanh là kết quả trực tiếp của lòng tham, sân và si... Sẽ không có khổ đau nếu không có tham sân si. Chư vị Bồ tát hiểu rõ những nguyên nhân dẫn đến việc chúng sinh chết ở nơi này và sau đó được tái sinh ở một nơi khác. Tất cả Bồ tát đều phải có đủ Bồ đề tâm và đó là động cơ cơ bản để ứng thân cứu độ muôn loài. Bồ Tát hưng phát tâm Bồ-đề là để thấy được gốc rễ đau khổ của mọi chúng sanh, cũng như chân tánh, Phật tánh thanh tịnh rỗng lặng của muôn loài như là pháp môn hữu hiệu nhất để giáo hóa độ sanh. Muốn có được công đức vô lượng, muốn cứu độ vô số chúng sanh, cần phải phát Bồ đề tâm và thực hành Bồ tát hạnh.

Phẩm 18: Minh Pháp **(明法, quyển 18)**

Phẩm này giải thích Pháp là những quy luật tự nhiên và vĩ đại, khi chúng sinh thực hành theo sẽ đạt cứu cánh an lạc. Pháp là quy luật đạo đức được kết hợp với sự tôn trọng tinh thần và, nó chi phối cuộc sống của một cá nhân. Pháp gắn liền với thiện nghiệp và, việc thành tựu thiện nghiệp là điều cần thiết nếu một người muốn sống một cuộc đời giải thoát.

Pháp gắn liền với quy luật vũ trụ, nó can thiệp vào tương lai liên quan đến nghiệp tích lũy. Do đó, hiểu rõ các pháp là điều tối ưu cần thiết để mang lại tất cả sự tốt đẹp của toàn bộ kết quả của nghiệp quá khứ.

Giáo Pháp nhằm mục đích đạt được sự hợp nhất với thực tại siêu việt và, nó cũng đưa ra những gợi ý về quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm niềm vui thế gian và hạnh phúc tối thượng. Thực hành Pháp mang đến cho cá nhân một trải nghiệm về niềm vui, bình an, sức mạnh và sự tĩnh lặng nội tâm; đồng thời trở nên kỷ luật, đạo đức trong đời sống xã hội.

Phẩm này có tên là “Minh Pháp”, nghĩa là tường minh, hiểu rõ các pháp. Ở đây, Bồ Tát Tinh Tấn Huệ bạch hỏi với Bồ Tát Pháp Huệ về những phương tiện thực hành để có thể viên mãn đại hạnh thanh tịnh, đại nguyện đủ đầy, đại tạng rộng lớn, lợi ích chúng sanh, nối thành Phật chủng, cũng như các hạnh để tiến lên ở mỗi địa vị... của chư Bồ Tát khiến cho những ai đang tu tập Đại thừa được tỏ rõ (minh). Do đó, phẩm này cũng được xem là khởi đầu cho các pháp Thập Hạnh ở phần sau.

Phẩm 19: Thăng Dạ Ma Thiên Cung (昇夜摩天宮, phần đầu quyển 19)

Dạ Ma thiên (Yàma, 夜摩天), là tầng trời thứ ba trong sáu tầng trời cõi dục. Một ngày một đêm ở cõi trời Dạ Ma bằng 200 năm ở nhân gian và tuổi của chư thiên Dạ Ma là 144.000.000 năm¹⁴, Dạ Ma thiên hay còn gọi là Không Cư Thiên (vì tầng trời này nằm vượt ngoài núi Tu Di). Đức Phật chọn nơi này để nói pháp Thập Hạnh, là hạnh không thủ chấp vì nương vào pháp không, nên ứng hợp thời nghi một cách hoàn hảo. Phẩm này còn tường thuật quang cảnh trang nghiêm mà chư thiên cõi trời Dạ Ma hóa hiện ra để nghênh đón Thế Tôn, thỉnh Phật nói kệ cũng như ca ngợi công đức của Phật.

Phẩm 20: Dạ Ma Cung Kệ Tán (夜摩宮偈讚, giữa quyển 19)

Ở phần mở đầu Phẩm 20 có ghi rằng do thần lực của Đức Phật, mười phương đều có một vị Bồ Tát lớn, mỗi vị đều cùng với các vị Bồ tát trong cõi Phật số lượng nhiều như hạt bụi nhóm họp (Phật sát vi trần số Bồ Tát câu hội),

14 Trường lão Tịnh Sự dịch, *Tạng Vô Tỷ Pháp, Bộ Phân Tích Vibhaṅga*, Nxb Tôn Giáo, 2012, tr.344

từ các thế giới ngoài một trăm ngàn (muội vạn) cõi Phật, cõi nước nhiều như số lượng hạt bụi câu hội.

Phẩm này tường thuật lại cách rất đông các vị Bồ Tát khác nhau tập hợp lại và nương theo oai lực của Phật mà xưng tán Đức Như Lai cũng như tán thán các pháp thuộc địa vị Thập Hạnh ở cõi trời Dạ Ma hay Tu Diệm Ma (Suyama). Tên của các vị Bồ Tát đó là Công Đức Lâm Bồ Tát, Huệ Lâm Bồ Tát, Thắng Lâm Bồ Tát... Các cõi nước của các Ngài bao gồm Thân Huệ thế giới, Tràng Huệ thế giới, Bửu Huệ thế giới... Mỗi vị Bồ Tát đều tu tập hạnh thanh tịnh. Chư Phật Thế Tôn nơi thế giới đó gồm có: Thường Trụ Nhãn Phật, Vô Thắng Nhãn Phật, Vô Trụ Nhãn Phật... Ở đây, ta thấy rằng trong mỗi danh hiệu của chư vị Bồ Tát đều có chung một chữ “Lâm” hay tên các quốc độ của các ngài đều có chữ “Huệ” và đều đến từ chỗ các Đức Phật có chữ “Nhãn” trong danh hiệu mang ý nghĩa địa vị này (các địa vị trong Thập Hạnh) là từ Huệ mà khởi hạnh che chở, nhiếp thọ, hóa độ. Các vị Bồ Tát dùng chữ Lâm trong danh hiệu, biểu thị diệu hạnh “che phủ rộng rãi”. Địa vị này đã đạt được mắt trí huệ của Như Lai, nên Phật dùng

chữ Nhân trong danh hiệu, biểu thị mất trí huệ lợi lạc chúng sanh.¹⁵

Tất cả chư Phật, trong vô lượng vô số thế giới, giữa biển khổ của vô số chủng loại chúng sinh, trên căn bản của Đại bi tâm, chư Phật phân thân khắp mười phương thế giới để tùy duyên hóa độ. Tại cung điện Suyama, rừng công đức, tâm đại từ bi, đại trí tuệ, diệu lực thần biến không thể nghĩ bàn v.v... của Đức Phật được tất cả các vị Bồ tát có tên giống nhau chí thành đánh lễ xưng tán bằng những bài kệ hết sức đặc hữu.

Phẩm 21: Thập Hạnh (十行, phần sau quyển 19 – quyển 20)

Đây là phẩm chỉ rõ về Thập Hạnh. Theo kinh văn, Công Đức Lâm Bồ Tát thừa oai thần của Phật mà nhập Thiện Tư Duy Tam Muội, thành tựu vô ngại trí, vô trước trí, vô đoạn trí, vô sư trí, vô si trí... cho đến vô đoạt trí. Sau đó xuất định, vì chư Bồ Tát mà nói ra mười hạnh của Bồ Tát (Thập Hạnh) – là hạnh không thể nghĩ bàn, hạnh đồng với pháp giới hư không giới. Mười hạnh đó gồm: Hoan hỷ hạnh, Nhiều ích hạnh, Vô vi nghịch hạnh, Vô khuất nhiễu

15 Như Hòa dịch, Sđd., tr.41

hạnh, Vô si loạn hạnh, Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, Nan đắc hạnh, Thiện pháp hạnh, Chân thật hạnh.¹⁶

Thứ nhất là *Hoan hỷ hạnh*, là hạnh đại thí chủ, bình đẳng bố thí, khiến chúng sanh thoát khổ được vui.

Hạnh thứ hai là *hạnh làm lợi ích (Nhiều ích hạnh)*. Việc làm lợi ích liên quan-giới luật. Một Bồ Tát Nhiều ích hạnh luôn hộ trì giới luật không nhiễm sáu trần, luôn dùng luật nghi, thiện pháp, nhiều ích mà nhiếp hóa lợi sanh.

Ba là *Vô vi hạnh* (hay *Vô vi hạnh*), là giác ngộ mình và giác ngộ người khác mà chẳng trái nghịch. Với Vô vi hạnh, các vị Bồ Tát luôn khiêm cung, vô hại, giúp tất cả chúng sinh thành tựu Phật quả. Mỗi cá nhân cần phải mang lại lợi ích cho bản thân và những người khác và, không nên ích kỷ hay quan tâm đến lợi ích của mình, cũng không nên đổ kỵ với người khác mà thay vào đó là hành hạnh nhu hòa, nhẫn thuận với tâm lượng vô chấp, tịch lặng.

Thứ tư là *Vô khuất nhiều hạnh*, đó là dứt đoạn phiền não, chứng đắc Phật trí mà thực hành tinh tấn, không tham, sân, si, phú tàng, xan tận,

16 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., Tập 1, tr.665-667

siểm cuống... Một Bồ Tát vô khuất nhiều hạnh luôn dùng phương tiện khiến cho tất cả chúng sanh đạt được cứu cánh Vô dư Niết Bàn.

Thứ năm là **Vô si loạn hạnh** hay **Ly si loạn hạnh** (hạnh giải thoát khỏi mê lầm). Đây là hạnh chánh niệm, không tán loạn, thanh tịnh và bất thoái chuyển, định huệ sáng suốt, đoạn ly vô minh.

Thứ sáu là **Thiện hiện hạnh**, là hạnh thanh tịnh ba nghiệp, niệm niệm Bát nhã hiện tiền, xa rời mọi hư vọng và hệ phược.-

Thứ bảy là **Vô trước hạnh**, là hạnh tùy duyên nhập thế, thâm nhập pháp giới, giáo hóa chúng sanh mà tâm không đắm trước, bám chấp vì hiểu rõ các pháp là như huyễn, vô ngã.

Thứ tám là **Nan đắc hạnh** (hạnh khó được). Bồ Tát Nan đắc hạnh thành tựu các căn lành khó được, căn lành tối thắng, căn lành vô tận, bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng bồ đề và chỉ viên mãn đại hạnh khi thành tựu đại nguyện.

Thứ chín là **Thiện pháp hạnh (hành thiện pháp)**, là hạnh dùng mọi phương tiện vô sở trước, thiện lực thiện xảo, ứng hợp với căn tánh của chúng sanh mà thuyết pháp, nối tiếp Phật chủng, làm ao pháp môt mẻ cho tất cả chúng sanh.-

Thứ mười là *Chân thật hạnh*, là hạnh chân thật ngữ, chắc thật đệ nhất, nói làm tương ứng, thành tựu chân thật trí, thường gần gũi chúng sanh mà đều làm cho tỏ ngộ, hoan hỷ thanh tịnh.

Bồ tát trong hàng Thập Hạnh hướng đến việc thành tựu nhiều mục tiêu trong đó có bốn mục tiêu quan yếu: Yểm ly các pháp hữu vi; Chí cầu đạo vô thượng Bồ đề; phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh; thực chứng pháp chân như. Vì sự khổ đau của chúng sanh mà phát Bồ đề tâm, vì phát tâm Bồ đề mà tinh cần tu tập, trải qua nhiều giai đoạn, cuối cùng thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có một số luận giải cho rằng giai vị Thập Hạnh là một trong Tam hiền, là Tư lương vị trong Ngũ vị và là Tính chủng trong sáu chủng tính. Tùy thuận chúng sanh là một trong mười hạnh của Bồ tát, vì tùy thuận chúng sanh là cúng dường tất cả chư Phật; nhiều ích, phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật, vì tất cả chư Phật đều lấy tâm Đại Bi làm thể. Tất cả chúng sinh là gốc rễ của các vị Bồ tát và chư Phật. Bồ tát chính là hoa là quả của chúng sanh, lợi ích chúng sinh bằng tâm Đại Bi sẽ thể chứng hoa trái trí tuệ của chư Phật. Thế nên Thập Hạnh Bồ tát là giai

vị vô cùng quan trọng trong lộ trình vừa phụng sự, vừa tu chứng.

Phẩm 22: Vô Tận Tạng (無盡藏, quyển 21)

Tín tạng, Giới tạng, Trì tạng, Quý tạng, Văn tạng, Thí tạng, Huệ tạng, Niệm tạng, Trì tạng, Biện tạng là mười pháp được thảo luận trong phẩm này. Mỗi một tạng vốn tự đầy đủ nhưng không phá vỡ hay trở ngại các tạng khác, ngược lại hàm dung lẫn nhau như một quy tắc tự nhiên. Trong đó, Tín, Giới, Trì, Quý, Văn, Thí, Huệ còn được gọi là Thất thánh tài. Năm pháp đầu tiên y nơi thể mà gọi và năm pháp sau cùng là y nơi dụng mà đặt. Sở dĩ được gọi là Tạng là vì mười hạnh trên mỗi hạnh đều bao trùm pháp giới, đức dụng vô tận. Dùng những pháp trên đây để thành tựu thập hạnh, làm tăng thượng duyên cho Thập Hồi Hướng về sau.

Theo kinh văn, Công Đức Lâm Bồ Tát đã vì toàn thể chư Bồ Tát trong pháp hội mà rộng giải về *mười pháp Vô Tận Tạng* như sau:

1. Tín tạng là tin vào nhất thiết pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện... cho đến tin vào trí tuệ

bất tư nghi của chư Phật, có thể trì giữ tạng pháp, vì chúng sanh mà giải nói.

2. *Giới tạng* là thành tựu các giới lợi ích khắp cùng, giới chẳng trụ, giới không tham cầu, giới không hủy phạm...

3. *Tâm tạng* là lòng tự hổ thẹn với mình về những điều ác đã làm và nguyện dứt trừ để viên chứng Vô thượng bồ đề.

4. *Quý tạng* là tự hổ thẹn với người khác về những điều ác như tham cầu, phiền não... trong quá khứ và phát nguyện đoạn trừ, vì chúng sanh mà nói pháp chân thật.

5. *Văn tạng* là sự hiểu rõ tường tận các pháp, biết rằng cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không, đâu là hữu ký, đâu là vô ký.

6. *Thí tạng* là thực hành mười điều bố thí: phân giảm thí, kiết tận thí, nội thí, ngoại thí... cho đến cứu cánh thí.

7. *Huệ tạng* là đối với các pháp biết đúng như thật, là hư giả, là Không, vô tác, chẳng kiên cố và rộng thuyết cho chúng sanh thật tri các pháp.

8. *Niệm tạng* là xa lìa si lầm, đầy đủ niệm lực. Niệm tạng gồm mười thứ: Tịch tịnh niệm,

Thanh tịnh niệm, Bất trước niệm, Minh triệt niệm, Ly trần niệm, Ly chủng chủng trần niệm, Ly cấu niệm, Quang diệu niệm, Khả ái nhạo niệm và Vô chướng ngại niệm¹⁷.

9. Trì tạng là thọ trì văn cú, nghĩa lý khế kinh cũng như danh hiệu của một hay vô lượng đức Phật mà không quên sót.

10. Biện tạng là rộng vì chúng sanh mà diễn thuyết diệu pháp không trái với Kinh điển.

Phẩm 23: Thăng Đâu Suất Thiên Cung (昇兜率天宮, quyển 22)

Trong phẩm này ghi rằng: “Do thần lực của đức Phật, mười phương tất cả thế giới, trong cõi Diêm phù đề đều thấy đức Phật ngự dưới cây bồ-đề, có Bồ-Tát thừa oai lực của Phật mà thuyết pháp, ai cũng thấy đức Phật luôn ở trước mặt mình.

Đức Phật lại dùng thần lực không rời các chỗ như cây bồ-đề, đánh núi Tu-di, Dạ-ma thiên cung mà đến Đâu-suất thiên cung...”. Trời Đâu Suất (Tusita) hay còn gọi là Đâu-suất thiên, Hỷ lạc thiên, là tầng trời thứ tư trong sáu tầng trời ở cõi Dục, ở giữa trời Dạ-ma (tầng trời

17 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., Tập 2, Nxb Tôn Giáo, tr.24

thứ ba) và trời Hóa lạc (tầng trời thứ năm)¹⁸. Sở dĩ có tên như vậy là vì cõi trời này nhiều niềm vui, nhiều thích thú, lắm điều thỏa thích hoan hỷ. Vua cõi trời này là Santussita¹⁹; cũng gọi là Tri túc thiên²⁰ vì dù ở trong cõi dục nhưng chư thiên ở cõi này không bị đắm nhiễm. Thập Hối Hưởng nội hàm hồi Lý hưởng Sự, hồi Chân hưởng Tục, hồi Trí hưởng Bi, tất cả đều dung thông vô ngại. Như đã nói ở trên, Thập Hạnh chính là cơ sở cho Thập hưởng và, nếu pháp Thập hạnh được diễn nói tại cung trời Dạ Ma thì pháp Thập Hưởng lại được nói ở cung trời Đâu Suất (兜率天, S. Tusita, P. Tusita). Nội viện của Đâu Suất là nơi của Bồ tát Nhất sanh Bồ xứ ở, Đâu suất ngoại viện thuộc cõi Dục. *Cảnh Đâu Suất đà thiên là tốt hơn hết. Dưới cảnh ấy, chư Thiên có tâm phóng dật, trên cảnh ấy, chư Thiên có căn tánh ám độn. Cho nên cảnh ấy là hơn hết.*²¹ Đây chính là một trong những điểm ưu thắng của cung trời này.

18 *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập II, tr.1474

19 Ht Giới Nghiêm, *Giải về các cõi trời (Sagga katha)*, Nxb Phương Đông, tr.27

20 Nàgārjuna, Ht Thiện Siêu dịch, *Đại Trí Độ Luận*, Tập 1, quyển 9, chương 14, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành, 1997

21 *Đại Bát Niết Bàn Kinh*, phẩm Sư Tử Hồng Bồ Tát thứ 23

Khi Đức Phật đến Đâu-suất thiên cung, Đâu Suất thiên vương liền trần thiết Ma Ni Tạng Sư Tử tòa cùng vô số sự trang nghiêm để nghênh đón Phật. “Do thần-lực của Đức Phật khiến tâm của Đâu-Suất Thiên-Vương không động loạn, thiện-căn thuở trước đều được viên-mãn, vô-lượng thiện-pháp càng thêm kiên-cố, tăng trưởng lòng tin thanh-tịnh, khởi đại tinh-tấn, sanh đại hoan-hỷ, chí nguyện thanh-tịnh phát bồ-đề-tâm, niệm pháp không dứt, tổng-trì chẳng quên”²². Sau đó, Đâu Suất thiên vương nói lên mười bài kệ tán thán danh hiệu của mười đức Như Lai đã từng đến điện này nhằm nói lên công hạnh hành đạo của chư Phật, xưa nay trọn khắp, chẳng có sai khác.

Phẩm 24: Đâu Suất Kệ Tán (兜率偈讚, phần đầu quyển 23)

Phẩm này nói về những lời xưng tán khác nhau đối với thần lực, công đức... không thể nghĩ bàn của Đức Như Lai của mười vị Bồ Tát lớn điển hình như:

*Như Lai không xuất thế
Cũng không nhập Niết Bàn*

22 Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch

*Dùng sức bốn nguyện lớn
Thị hiện pháp tự tại....
của Bồ tát Kim Cang Tràng;*

Hay:

*Phật tối thắng vô tỷ
Rất sâu không thể nói
Vượt ngoài đường ngôn ngữ
Thanh tịnh tựa hư không...
của Bồ tát Kiên Cố Tràng*

Do thần lực của Đức Phật, mười phương ngoài 10 ngàn cõi Phật, thế giới nhiều như số hạt bụi nhỏ, mỗi phương đều có một vị Bồ tát lớn cùng với 10 ngàn cõi Phật số lượng Bồ tát nhiều như hạt bụi từ 10 thế giới của 10 Đức Phật câu hội như: Bồ tát Kim Cang Tràng từ thế giới Diệu Bửu của Đức Phật Vô Tận Tràng; Bồ tát Kiên Cố Tràng từ thế giới Diệu Lạc của Đức Phật Phong Tràng; Bồ tát Dũng Mãnh Tràng từ thế giới Diệu Ngân của Đức Phật Giải Thoát Tràng; Bồ tát Quang Minh Tràng từ thế giới Diệu Kim của Đức Phật oai Nghi Tràng; Bồ tát Trí Tràng từ thế giới Diệu Ma Ni của Đức Phật Minh Tường Tràng; Bồ tát Bửu Tràng từ thế giới Diệu Kim Cang của Đức Phật Thường Tràng; Bồ tát Tinh Tấn Tràng từ thế giới Diệu

Ba Đầu Ma của Đức Phật Tối Thắng Tràng; Bồ tát Ly Cấu Tràng từ thế giới Diệu Ưu Bát La của Đức Phật Tự Tại Tràng; Bồ tát Tinh Tú Tràng từ thế giới Diệu Chiên Đàn của Đức Phật Phạm Tràng; Bồ tát Pháp Tràng từ thế giới Diệu Hương của Đức Phật Quan Sát Tràng đối với các pháp thuộc địa vị của mình (cụ thể ở đây là pháp Thập hướng) diễn ra trong cung điện cõi trời Tusita. Việc tán thán, hiển thị những pháp thuộc địa vị này nhằm khuyến tấn hành giả, phá trừ Hoặc nghiệp, phổ lợi quần sanh.

Do nhờ thần lực của Phật nên tất cả Bồ-tát đều có cùng danh hiệu và số lượng giống nhau là “Tràng”, các cõi Phật và chư Phật cũng đều có cùng danh hiệu giống nhau là “Diệu” và “Tràng” ở khắp mười phương đã nhóm họp tại Đâu-suất thiên cung. Sau khi đến chỗ chư Phật, tất cả chư Bồ Tát đều đánh lễ dưới chân Phật, Chư Bồ Tát này đều đã thành tựu vô lượng công đức.

Cung trời Đâu Suất là nơi hội tụ của chư Phật và chư vị Bồ tát. Và từ tất cả cõi nước mà quý ngài xuất phát, tất cả danh hiệu của chư Phật đều giống nhau, điều này minh thị không có bất kỳ sự phân biệt nào nên cũng chẳng có mảy may sai biệt nào. Niệm thanh tịnh tức là

tất cả chư Phật đều bình đẳng an trú trong giác ngộ vô thượng. Với phương tiện thiện xảo quý ngài có thể hóa hiện ở khắp mười phương để khai mở trí tuệ cho vô lượng vô số chúng sanh.

Theo phẩm này thì, vô số quang minh từ hai đầu gối của Đức Phật phóng ra chiếu suốt vô tận hư không pháp giới và, tất cả Bồ tát ở tất cả các cõi đều thấy thân biến của đức Phật và chư Phật. Tất cả Bồ tát từ xa xưa, đã cùng với đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai tu Bồ tát hạnh, ngộ nhập giải thoát tự tại, chứng đắc pháp giới thân bình đẳng, vào khắp thế giới nhưng vẫn vô trụ. Được chư Phật hộ niệm, có đủ thần lực, nhất thiết trí nên tự tại đem nhỏ vào lớn, đem lớn vào nhỏ một cách vô ngại, có được Phật thân, cùng Phật an trú... thành tựu vô lượng tạng công đức không thể nghĩ bàn...

Phẩm 25: Thập Hồi Hướng (十回向, phần sau quyển 23 – quyển 33)

Phẩm này ghi lại rằng, Bồ tát Kim Cang Tràng nương thần lực của Phật, nhập Bồ tát Trí quang tam muội. Vô lượng vô số cõi Phật trong vô lượng vô số thế giới có vô lượng vô số Đức Phật có đồng một hiệu là hiệu Kim Cang Tràng hiện ra trước Bồ tát Kim Cang Tràng tán thán

và khuyến thỉnh Bồ tát Kim Cang Tràng giảng về pháp Thập Hồi Hướng. Bồ tát Kim Cang Tràng đã giảng về *Thập Hồi Hướng* như sau:

1. Cứu hộ tất cả chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng (救護一切眾生離眾生相回向): là Bồ Tát thực hành các pháp lục độ, tứ nhiếp, dùng từ bi tâm mà cứu độ hết thảy chúng sanh mà tâm không mảy may chấp trước, hay nói như trong kinh Kim Cang: Độ hết thảy chúng sanh mà tâm không chấp tướng, không thấy có người độ, chúng sanh được độ hay pháp dùng để độ.

2. Bất hoại hồi hướng (不壞回向): Bồ Tát thành tựu đức tin kiên cố đối với ba đời chư Phật, đem những thiện căn này mà hồi hướng cho hết thảy chúng sanh được mọi sự lợi ích.

3. Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng (等一切諸佛回向): Bồ Tát tùy thuận tu học và làm theo đạo hồi hướng mà tam thế chư Phật đã làm, nhập Như Lai hạnh, an trụ đại nguyện Bồ đề.

4. Chí nhất thiết xứ hồi hướng (至一切處回向): Bồ Tát tu tập tất cả thiện căn và nguyện năng lực thiện căn đó trọn khắp pháp giới, đến các nơi chốn, lợi khắp chúng sanh.

5. Vô tận công đức tạng hồi hướng (無盡功德藏回向): Bồ Tát đem những thiện căn công đức tu tập được hồi hướng trang nghiêm Phật độ để được vô tận căn lành.

6. Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng (入一切平等善根回向), hay còn gọi là **Tùy thuận kiên cố nhất thiết thiện căn hồi hướng** (隨順堅固一切善根回向): Bồ Tát ở trong các pháp, “sự lý không trái nhập mà vào bình đẳng”²³. Hay nói cách khác, thiện hạnh ở nơi pháp tánh bình đẳng kiên cố mà hết thấy thiện căn đều được kiên cố.

7. Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sanh hồi hướng (等隨順一切眾生回向): Bồ Tát tùy theo các căn lành mà mình tích tập, dùng tâm bình đẳng mà tùy duyên rộng lợi ích hết thấy chúng sanh.

8. Chân như tướng hồi hướng (真如相回向): Bồ Tát chánh niệm rõ ràng, không có mê lầm, dùng những thiện căn thanh tịnh mà hồi hướng cho mình và chúng sanh đồng vào pháp tánh Chân như.

23 Ni trưởng Hải Triều Âm (dịch), *Thanh Lương Quốc Sư Sớ Sao*, tr.10

9. Vô phược, vô trước giải thoát hồi hướng (無縛無著解脫回向): Bồ Tát sanh lòng tôn trọng đối với tất cả thiện căn mà không bị dính mắc, chấp trước, giải thoát tự tại, hành Phổ Hiền hạnh, đem sức căn lành này mà hồi hướng cho hết thảy quần sanh.

10. Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng (入法界無量回向): Bồ Tát lấy Pháp thí làm đầu khiến phát sanh pháp lành thanh tịnh, nguyện tu tập thành tựu tất cả cảnh giới vô ngại mà vào pháp giới vô lượng hồi hướng. Sau khi công đức tánh thành tựu viên mãn, thì phá tan biên giới pháp giới, gọi là pháp giới vô lượng vô biên.

Pháp Thập hướng lấy nguyện lực làm nền tảng, đồng thời làm cơ sở cho quả đức thuộc địa vị Thập địa được nói ở phẩm tiếp theo.

Phẩm 26: Thập Địa (十地, quyển 34 – quyển 39)

Pháp hội này được khai diễn tại cõi Tha Hóa Tự Tại, lúc ấy Đức Phật đang ở điện Ma Ni Bảo Tạng với sự câu hội của chư đại Bồ tát từ nhiều phương khác đến. Chư Bồ Tát này trong tất cả kiếp và tất cả cõi, tinh tấn tu tập hạnh Bồ tát, phước trí viên mãn, an trụ trong cảnh giới

của Bồ Tát trí, cúng dường phụng sự tất cả chư Phật, thành tựu vô lượng công đức, thần biến vi diệu, hiện thân khắp nơi để hộ trì Phật pháp và giáo hóa chúng sanh đúng thời, tự tại vô ngại. Danh hiệu của các Ngài là: Kim Cang Tạng Bồ Tát, Bửu Tạng Bồ Tát, Liên Hoa Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Liên Hoa Đức Tạng Bồ Tát, Nhứt Tạng Bồ Tát, Tô Lợi Gia Tạng Bồ Tát, Vô Cấu Nguyệt Tạng Bồ Tát, Phổ Hiện Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát, Tỳ Lô Giá Na Trí Tạng Bồ Tát, v.v... số nhiều vô lượng. Bấy giờ Bồ Tát Kim Cang Tạng, thừa thần lực của Phật, nhập Bồ tát Đại trí huệ quang minh tam muội. Lúc đó vô số chư Phật từ vô số cõi nước nhiều như hạt bụi ở khắp mười phương xuất hiện tán thán và khuyến thỉnh Bồ tát Kim Cang Tạng thừa nguyện thần lực của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai và thắng trí lực của mình mà tuyên thuyết Phật pháp. Bồ Tát Kim Cang Tạng xuất định và giảng thuyết về pháp Thập Địa.

Phần này mô tả mười cấp độ thực hành của Bồ tát cao nhất trong con đường hướng đến Phật quả. Tức trình bày về pháp Thập địa của Bồ Tát sau khi đã kinh qua pháp Thập hồi hướng. Theo kinh văn thì pháp môn *Thập địa* được nói nơi Tha Hóa Thiên. Tha Hóa thiên hay Tha Hóa Tự

Tại thiên (Parinirmīta-vāśavartin) là tầng trời cao nhất trong Dục giới. Cõi trời này lấy những việc biến hóa của người khác hóa ra để tự vui, hay được hưởng những thú vui trong năm trần bởi các việc do người khác hóa hiện ra²⁴, cho nên gọi là Tha Hóa Tự Tại. Việc nương vào cõi trời này mà nói pháp Thập Địa nhằm biểu thị ý nghĩa hạnh Thập địa nương theo chúng sanh để ứng hóa, chứ không thể tự mình biến hóa.

Trong pháp hội diễn nói pháp Thập địa này, Bồ Tát Kim Cang Tạng làm thượng thủ, đức Thế Tôn ngự ở điện Ma Ni Bửu Tạng cùng chư đại Bồ Tát vây quanh. Bồ Tát Kim Cang Tạng nương vào thần lực Phật mà nhập Bồ Tát Đại Trí Huệ Quang Minh Tam Muội²⁵, vì đại chúng diễn nói pháp Thập địa. Thập địa gồm có *Hoan hỷ địa*, *Ly cấu địa*, *Phát quang địa*, *Diệm huệ địa*, *Nan thắng địa*, *Hiện tiền địa*, *Viễn hành địa*, *Bất động địa*, *Thiện huệ địa* và *Pháp vân địa*. Đây là những nền tảng trí tuệ đã được giải thích bởi tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Theo phẩm này, Bồ tát có thể tiến lên quả vị Đẳng giác bằng cách tu tập mười địa.

24 Ht Thiện Siêu dịch, Sđd.

25 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., Tập 2, tr.392

1. Hoan Hỷ Địa (歡喜地): Bồ Tát tu đến địa này thời thành tựu nhiều hoan hỷ, nhiều tịnh tín, hân khánh. Hay nói cách khác, “do thành tựu hạnh tự lợi, lợi tha vô thượng, bước đầu là chứng được cõi Thánh, sinh nhiều vui mừng, cho nên gọi là địa Hoan Hỷ”²⁶.

2. Ly Cấu Địa (離垢地): Bồ Tát sau khi đã tu Sơ địa nếu phát khởi mười thứ thâm tâm thì sẽ vào địa thứ hai này²⁷. Luận Duy Thức giải thích Bồ Tát Ly Cấu Địa là Bồ Tát đã đầy đủ Thi-la (giới) thanh tịnh, cho nên lìa xa cấu nhiễm thuộc các phạm giới vi tế. Ngoài ra, ở địa thứ hai này, Bồ Tát đã đoạn trừ được hai ngu và thô nặng của nó: Một là ngu do sai lầm vi tế mà phạm, tức là một phần Câu sinh trong này; hai là ngu về các loại nghiệp thú, tức là điều đó đã khởi lên sai lầm mà phạm vào ba nghiệp; hoặc là chỉ khởi nghiệp ngu, không hiểu rõ về nghiệp ngu²⁸. Trong bốn Nhiếp pháp, Bồ Tát nhị địa thiên về Ái ngữ và trong mười môn Ba la mật thì thiên về Trì giới.

26 Vansubandhu, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), *Luận Thập Địa Kinh*, quyển 1, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản

27 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., Tập 2, tr.432

28 沙門法藏述, 華嚴經探玄記, 第十一卷

3. Phát Quang Địa (發光地): Đây là địa dành cho Bồ Tát khi đã thanh tịnh địa thứ hai và phát khởi thêm mười thứ thâm tâm²⁹. Bồ Tát an trú nơi địa này quán sát các pháp đúng với tướng chân thật của nó và đối với hết thảy chúng sanh mà khởi lên mười tâm thương xót. Trong bốn Nhiếp pháp, Bồ Tát tam địa thiên về Lợi hành và trong mười môn Ba la mật thì thiên về Nhẫn nhục.

4. Diệm Huệ Địa (焰慧地): Đây là địa “có thể đốt cháy phiền não, dùng ngọn lửa trí tuệ tăng thêm ánh sáng rạng ngời, tu hành Đạo phẩm dựa vào xứ sở”³⁰. Địa này dành cho Bồ Tát từ Tam địa đã khéo thanh tịnh và tu hành thêm mười pháp minh môn³¹. Ở địa thứ tư này, mọi Ngã kiến mê mờ về lý đều được dứt sạch, tất cả sự chấp trước đều được đoạn diệt, bước vào cửa xuất thế, thành tựu tâm giới thanh tịnh. Bồ Tát địa này thành tựu tinh tấn không ngừng nghỉ, thành tựu tinh tấn không tạp nhiễm... và “mọi tạo tác đều tự tại, tức phá trừ thân kiến của các chúng sinh. Trong đó tạo tác là chỗ tạo

29 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 2, tr.447

30 Kinh Kim Quang Minh

31 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 2, tr.461

tác, tự tại là năng lực”³². Y cứ theo kinh văn, trong bốn Nhiếp pháp, Bồ Tát ở địa này thiên nhiều về Đồng sự và trong mười môn Ba la mật thì lại thiên về Tinh tấn.

5. Nan Thắng Địa (難勝地): Còn gọi là Thắng Huệ Địa³³, Cực Nan Thắng Địa, “bởi vì phương tiện tu tập ngay nơi pháp phần Bồ-đề ấy hết sức gian nan”³⁴. Bồ Tát tam địa cần phải dùng mười tâm bình đẳng mới có thể dự bậc ngũ địa Nan thắng³⁵, cũng như vì những chúng sanh vô minh mà tu hành trợ đạo phước trí, dùng tứ Nhiếp pháp mà lợi ích và an lạc chúng sanh. Trong mười môn Ba la mật, Bồ Tát ngũ địa thiên về Thiền ba la mật, còn với các môn khác thì tùy phần tùy sức.

6. Hiện Tiền Địa (現前地): Gọi địa này là Hiện Tiền Địa là vì Bồ Tát ở địa này “y chỉ trí của mười hai duyên sinh, khiến cho Bát nhã Ba la mật trụ hiện tiền”³⁶. Bồ Tát ngũ địa

32 Vansubandhu, Sdd., quyển 6.

33 Kinh Nhân Vương

34 Kinh Giải Thâm Mật

35 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 2, tr.472

36 Asaṅga, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), *Nhiếp Đại Thừa Luận*, số 1593, quyển 3, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.543.

muốn tiến lên đệ lục địa thì phải quán sát mười pháp bình đẳng³⁷. Trong phần vị này, Bồ Tát thiên nhiều về quán vô tướng nên gần như đã đoạn lìa các chướng ngại hữu tướng, chỉ còn lại những phiền não, tập khí vi tế³⁸. Bồ Tát ở địa này lấy đại bi làm đầu, tùy thuận quán sát các tướng duyên khởi, lìa tướng ngã, tác giả, tướng thọ giả và hữu vô, viên mãn pháp Bồ đề phần, tăng thượng huệ hạnh, tùy thuận các tướng như thật của vạn pháp mà không sanh tâm chấp trụ hữu vi, dùng thiện căn này mà dập tắt lửa phiền não. Trong mười môn Ba la mật, Bồ Tát địa này thiên về Trí tuệ, còn lại tùy sức tùy phần tu tập, mọi công hạnh lợi sanh đều không rời niệm Phật nhãn đến chẳng rời niệm đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

7. Viễn Hành Địa (遠行地): Còn được gọi là **Viễn Đạt Địa**³⁹. Địa này “có thể từ xa chứng nhập Vô tướng không thiếu sót – không gián đoạn, tác ý và Địa thanh tịnh cùng tiếp cận với nhau, cho nên gọi là Viễn Hành”⁴⁰. Bồ Tát đệ lục địa muốn tiến đến thất địa thì phải tu mười

37 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 2, tr.486

38 沙門法藏述, 華嚴經探玄記, 第十三卷, Sdd.

39 Kinh Nhân Vương, Sdd.

40 Kinh Giải Thâm Mật, Sdd.

đạo thù thắng⁴¹. Bồ Tát ở địa này mỗi niệm đều đầy đủ mười Ba la mật, bốn Nhiếp pháp, ba Giải thoát môn, lấy đại bi tâm làm trước để tu hành cầu Phật trí, đầy đủ các pháp Bồ đề phần, phương tiện trí lực, siêu quá mọi phiền não, mỗi niệm đều có thể nhập diệt định... Và theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký của ngài Pháp Tạng thì từ địa thứ bảy này trở đi là hoàn toàn quán về Vô tướng, cũng là cánh cửa dẫn vào Vô sanh pháp nhẫn.

8. Bất Động Địa (不動地): Gọi là Bất Động Địa là vì *“tất cả tướng và công dụng của tác ý không có thể lay động được”*⁴². Đại Bồ Tát thất địa muốn tiến lên bát địa này thì phải khéo tu tập phương tiện huệ, khéo thanh tịnh các đạo... cho đến lìa tất cả tướng phân biệt tâm ý thức, không chỗ chấp lấy dường như hư không, vào tất cả pháp như tánh hư không⁴³. Bồ Tát ở địa này đã hoàn toàn diệt trừ được những phiền não vi tế⁴⁴, đoạn lìa các tướng, siêu vượt nhị thừa, tịch diệt hiện tiền, ngồi thuyền Đại thừa mà

41 Ht Thích Trí Tịnh dịch (2016), Sdd., Tập 2, tr.503-504

42 Asaṅga, Sdd.

43 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 2, tr.521-522

44 Kinh Giải Thâm Mật, Sdd.

vào biển Bồ Tát hạnh, dùng đại phương tiện trí, vô công dụng trí mà nhập cảnh giới Nhất thiết chủng trí, tùy chúng sanh tâm mà hiện thân, ly sai biệt tướng, trú chỉ bình đẳng, được mười tự tại⁴⁵, tam nghiệp dung thông tất cả pháp. Ngoài ra, trí địa của bậc Bồ Tát này còn gọi là địa Bất chuyển, vì trí tuệ không thối chuyển; gọi là địa Nan đắc, vì tất cả thế gian khó nhận biết; gọi là địa Sinh, vì tùy ý tự tại; gọi là địa Thành, vì không còn tạo tác nữa; gọi là địa Cứu cánh, vì trí tuệ khéo phân biệt; gọi là địa Niết-bàn, vì khéo phát khởi nguyện lực lớn⁴⁶. Và trong mười môn ba la mật, Bồ Tát này thiên về Nguyện Ba la mật, các môn khác tùy sức tùy phần mà tu tập. Mọi công hạnh đều không rời niệm Phật, niệm Nhất thiết chủng trí.

9. Thiện Huệ Địa (善慧地): Còn gọi là **Tuệ Quang Địa**⁴⁷ hay **Thiện Tướng Địa**⁴⁸. Gọi là Thiện Huệ Địa là vì Bồ Tát ở địa này tự tại thuyết pháp với tất cả chủng loại chúng sanh, thành tựu

45 10 tự tại: Mạng tự tại, Tâm tự tại, Tài tự tại, Nghiệp tự tại, Sanh tự tại, Nguyện tự tại, Giả tự tại, Như ý tự tại, Trí tự tại và Pháp tự tại.

46 Vansubandhu, Sdd., quyển 10.

47 Kinh Nhân Vương, Sdd.

48 Ht Thiện Siêu dịch, Sdd., tập 3, tr.182

trí tuệ rộng lớn vô ngại⁴⁹. Đại Bồ Tát bát địa nhân nơi tư duy quán sát tu tập Như Lai trí huệ, nhập đà la ni tam muội Như Lai, đủ thần thông quảng đại vào thế giới sai biệt, tu tập Thập lực, Vô úy, Bất cộng, hưng khởi đại bi đại nguyện nhập hạnh chuyển pháp luân của chư Phật mà được vào cửu địa⁵⁰. Phần thuyết về địa này gồm có bốn phần: Một là thành tựu phương tiện của Pháp Sư, địa này khởi lên biện tài thuyết pháp nên gọi là Địa của Pháp Sư; lập hạnh hướng đến quả Địa gọi là thành tựu phương tiện. Hai là thành tựu về Trí, vì nhận biết thành tựu về Trí thuộc pháp. Ba là thành tựu nhập hạnh, vì nhận biết về căn khí đã giáo hóa. Bốn là thành tựu về thuyết giảng, vì phù hợp căn khí chính thức thuyết giảng⁵¹. Bồ Tát ở địa này thật tri về các pháp, thật tri về tâm niệm của chúng sanh, tùy thuận trí tuệ đó giáo hóa điều phục hết thảy. Bồ tát trú trong địa thứ chín này đầy đủ mười hai pháp, lãnh thọ phần hóa độ trong vô biên thế giới, Bồ tát có được nguyện như vậy thời biết tiếng nói của trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà mà vì họ thuyết pháp, ở trong thai thành tựu; sinh

49 Kinh Giải Thâm Mật, Sdd.

50 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 2, tr.542

51 沙門法藏述, 華嚴經探玄記, 第十四卷, Sdd.

thành tựu; nhà thành tựu; họ thành tựu; quyền thuộc thành tựu; xuất sinh thành tựu; xuất gia thành tựu; hết thấy các công đức lành đầy đủ thành tựu⁵². Ở địa này, Bồ Tát thiên về Lục Ba la mật hơn trong mười môn Ba la mật, những công hạnh lợi tha khác đều chẳng rời Phật trí.

10. Pháp Vân Địa (法雲地): Còn được gọi là **Quán đảnh**⁵³. Địa này nhân nơi duyên mà thông với cảnh, biết tất cả pháp, tất cả Đà la ni và Tam ma đề môn để chứa giữ, ví như mây có thể che thô chướng của hư không, có thể viên mãn pháp thân mà được gọi là Pháp Vân Địa⁵⁴. Nội dung đệ Thập địa chia thành tám phần, gồm: Phương tiện đầy đủ của địa, viên mãn tam muội, tiếp nhận quả vị, tiến vào Đại tận, giải thích tên địa, thần thông lực Vô thượng và Hữu thượng, ảnh tượng của địa và lợi ích của địa⁵⁵. Bồ Tát ở địa này khéo tư duy tu tập, đủ các thiện pháp, thành tựu viên mãn trí giác, dùng Nhất thiết trí mà biết các tập, nhập Như Lai bí mật xứ, được các môn giải thoát, tùy thuận Bồ đề mà thành tựu thiện xảo niệm

52 Ht Thiện Siêu dịch, Sdd., tr.180

53 Kinh Nhân Vương, Sdd.

54 Asaṅga, Sdd.

55 Vansubandhu, Sdd., quyển 12.

lực, an thọ nhiếp trì các pháp, dùng thiện căn và đại nguyện để nhiếp hóa chúng sanh... cho đến có thể khiến cho các chúng sanh vào Nhất thiết chủng trí. Trong mười môn Ba la mật, Bồ Tát ở địa này tăng thượng nơi Trí Ba la mật, các môn khác thì tùy sức tùy phần, mọi công hạnh lợi sanh đều chẳng rời viên mãn Đại giác.

Phẩm 27: Thập Định (十定, quyển 40 – quyển 43)

Phẩm này nói về mười định và những diệu dụng của chúng. Sau khi đã kinh qua Thập địa thì *Thập định* (hay *Thập tam muội*) là lộ trình tiếp theo của Đại Bồ Tát. Theo kinh văn, Đức Thế Tôn ở nơi điện Phổ Quang Minh, nước Ma Kiệt Đà mà nhập tam muội tên Sát Na Tế Chư Phật, cùng vô số đại Bồ Tát Quán Đảnh (Thập địa) câu hội. Trong phẩm này, Đức Phật là người trực tiếp nêu lên danh xưng của Thập Định và Phổ Hiền Bồ Tát là người trình bày ý nghĩa cũng như diệu dụng của nó, điều này nhằm biểu thị “Phật là trí thể căn bản, Phổ Hiền là tác dụng của Sai Biệt Trí. Hai đẳng giúp lẫn nhau, Tịch và Dụng bèn có thể tự tại”⁵⁶. Tuy

56 Như Hòa dịch, Sdd., tr.51

nhiên, theo cách giải thích khác, việc Đức Thế Tôn để Bồ Tát Phổ Hiền nói lên mười ý nghĩa của Thập định mang biểu pháp Bồ Tát Thập địa phải nhập địa vị Phổ Hiền để thăng tiến lên Thập định tức phải tiến thêm một bước nữa là Thập nhất địa⁵⁷, thành tựu Phổ Hiền tịch dụng tự tại môn, thường ở nơi Nhất thiết trí vương mà không lìa chủng chủng hạnh phương tiện của Bồ Tát, tùy thuận mong muốn của chúng sanh mà dẫn dắt khiến chúng an lạc⁵⁸. Hay cũng có thể hiểu “phẩm này (Thập định) dùng tam muội của Phổ Hiền, tự tại vô ngại với đại Dụng vô biên mà làm Tông - Thứ”⁵⁹.

Sau khi phát đại nguyện thì chư Bồ Tát trong pháp hội lúc bấy giờ mới có thể diện kiến được Bồ Tát Phổ Hiền. Đức Thế Tôn lúc này liền nói lên mười thứ tam muội gồm:

-
- 57 Thập nhất địa hay địa vị Đẳng giác, vượt lên 10 địa trước, lìa hẳn các khổ, thường trú pháp lạc. Địa này được nói ở Tam thiên thiên
- 58 明溫陵長者李贄簡要, 華嚴經合論簡要, 中華電子佛典協會, 2021, 頁66
- 59 Thanh Lương Trùng Quán, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao, quyển 73, Đại tạng Kinh (ĐTK) số 1736, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.341

Phổ quang đại tam muội, Diệu quang đại tam muội, Thứ đệ biến vãng chư Phật quốc độ đại tam muội, Thanh tịnh thâm tâm hành đại tam muội, Tri quá khứ trang nghiêm tạng đại tam muội, Trí quang minh tạng đại tam muội, Liễu tri nhất thiết thế giới Phật trang nghiêm đại tam muội, Chúng sinh sai biệt thân đại tam muội, Pháp giới tự tại đại tam muội, Vô ngại luân đại tam muội. Bồ-tát dùng các đại tam-muội để thâm nhập các pháp tướng, giác ngộ và mở ra cánh cửa trí tuệ. Bồ-tát ở trong các tam-muội này liền được vào khắp pháp giới, có thể đi khắp hư không mà không bị chướng ngại. Sở dĩ có được trí tuệ hiểu biết Pháp giới là vì vị ấy an trú trong sự vắng lặng (Tịch), thành tựu chân tánh thanh tịnh, được sinh vào nhà Như Lai, tức đồng hạnh với Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai không khác.

Tiếp đến, Bồ Tát Phổ Hiền thừa giáo huấn của Như Lai mà vì chư Bồ Tát giảng rộng pháp Thập Định hay Thập tam muội:

1. Phổ quang đại tam muội: Tức nghiệp dụng thân tâm rộng khắp (phổ) và soi chiếu tự tại (quang)⁶⁰. Bồ Tát ở định này có mười pháp

60 Thanh Lương Trùng Quán, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng

môn vô tận, mười môn vô biên tâm, mười môn nhập tam muội sai biệt trí, mười môn trí thiện xảo nhập đại tam muội⁶¹, vượt trên thế gian, dứt trừ mê loạn, không còn chướng ngại.

2. Diệu quang đại tam muội: Tức Thân Trí chiếu soi khắp nơi (quang), Dụng thù thắng biến chiếu qua lại (diệu)⁶². Định này lấy trí căn bản làm thể, trí huyễn ảo là dụng, có thể dung nhiếp vô số cảnh giới, mỗi cảnh giới hiện vô số thân hình song hoàn toàn vô trụ, vô chấp vì biết rõ các pháp thế gian đều là huyễn hóa⁶³.

3. Thứ đệ biến vãng chư Phật quốc độ đại tam muội: Bồ Tát ở định này có thể khởi dụng thần thông, qua lại vô số thế giới tự tại cùng khắp tựa như dụng của Trí như⁶⁴ mà chẳng sanh lòng phân biệt, nhiễm trước.

Kinh (Việt dịch), *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, quyển 45, ĐTK số 1735, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.795

61 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., Tập 3, tr.21-23

62 Thanh Lương Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, Sđd.,

63 Lý Thông Huyền, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), *Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận*, quyển 30, ĐTK số 1739, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.368-369

64 Thanh Lương Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, Sđd.

4. Thanh tịnh thâm tâm hành đại tam muội: Ở định này, Bồ Tát tu trì lý Không, nương trí thiện xảo, thông suốt các pháp bản lai thanh tịnh, khởi đại dụng mà cúng dường vô số Phật, thính Phật thuyết pháp, nhập vô lượng nghĩa... và đối với các tướng xuất thế - nhập diệt đều vô sở đắc.

5. Tri quá khứ trang nghiêm tạng đại tam muội: Túc Bồ Tát trang nghiêm hai trí qua việc thông tường pháp của chư Phật quá khứ, lấy trí căn bản là thể, trí biết rõ kiếp số là dụng⁶⁵. Bồ Tát ở định này không đắm ba luân⁶⁶, ghi nhớ giáo pháp, vì chúng thuyết giảng.

6. Trí quang minh tạng đại tam muội: Bồ Tát trụ tam muội này biết rõ vị lai chư Phật và Phật pháp, nhập mười thứ trí môn, trụ các bất khả thuyết, khiến chúng sanh được mười thứ bất không.

7. Liễn tri nhất thiết thế giới Phật trang nghiêm đại tam muội: Bồ Tát trụ tam muội này hay qua lại mười phương các cõi Phật, cúng dường nghe pháp, thành tựu mười thứ mau chóng, mười thứ pháp ấn, mười môn trí

65 Lý Thông Huyền, Sđd., tr.371

66 Ba luân: Thân thông, tâm ghi nhớ, giáo pháp chơn chánh (Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận)

tạng quảng đại, mười thứ thân oai đức, mười thứ viên mãn, mười thứ Phật sự⁶⁷.

8. Chúng sinh sai biệt thân đại tam muội: Theo kinh văn, Bồ Tát trụ tam muội này thành tựu mười thứ vô sở trước, mười pháp xưng tán chỗ ngợi khen, mười thứ quang minh chói sáng, mười thứ vô sở tác, đến mười thứ thần thông bí ngạn và hiện vô số thân vì chúng sanh thuyết pháp.

9. Pháp giới tự tại đại tam muội: Bồ Tát nơi định này “tự nhãn xứ nhãn đến tự ý xứ nhập tam muội nên gọi là pháp giới tự tại”⁶⁸. Bồ Tát biết rõ các pháp và pháp giới, phát khởi đại tâm mà tu Bồ Tát hạnh, được mười thứ hải, mười thứ thù thắng, mười thứ lực, biết rõ vô số tam muội, dùng hạnh Phổ Hiền mà nhập biển Đại trí.

10. Vô ngại luân đại tam muội: Gọi Vô ngại luân là vì “ba luân thâm nhiếp giáo hóa đều tự tại, lại đạt được quả Phật đầy đủ mười vô ngại”⁶⁹. Bồ Tát trụ tam muội này hằng ở nơi vô ngại, được hạnh trí hạnh nguyện vô ngại của

67 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 3, tr.49-54

68 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 3, tr.66

69 Thanh Lương Trường Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, Sdd., tr.796

Phổ Hiền, thường trụ nơi mười pháp tạng lớn⁷⁰, được mười pháp đồng với tam thế chư Phật⁷¹.

Phẩm 28: Thập Thông (十通, phần đầu quyển 44)

Phẩm này Bồ Tát Phổ Hiền lại vì chúng hội Bồ Tát mà giảng lược về *Thập thông*⁷², gồm:

1. Tha tâm trí thông (Tha tâm thông): Bồ-tát Ma-ha-tát có thể nhận biết các tâm khác nhau của chúng sinh qua tam thiên đại thiên thế giới. Chúng bao gồm tâm thiện, tâm ác, tâm rộng, tâm nông, tâm lớn, tâm nhỏ, tâm sinh tử, tâm bất tử, tâm thanh văn, tâm tu tập của bậc Độc Giác, tâm Dạ xoa, tâm Càn thất bà, tâm chư thiên, tâm rồng, tâm người, tâm phi nhân, tâm súc sinh, tâm ngạ quỷ. Thần thông thứ nhất mà đại Bồ-tát sở hữu là khả năng phân biệt được vô lượng và nhiều loại tâm khác nhau của chúng sinh trong cùng một thế giới.

2. Thiên nhãn thanh tịnh vô ngại thông (Thiên nhãn thông): Bồ-tát Ma-ha-tát có thể

70 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 3, tr.105-106

71 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., Tập 3, tr.111-112

72 Thông là thần thông. Diệu dụng khó suy lường gọi là Thần, tự tại không có ngăn che là Thông (Hoa Nghiêm Kinh Sớ)

quán vô số chúng sinh trong thế gian, nhiều như vô số hạt bụi, có thể nhìn thấy những chúng sinh khác nhau chết ở một vùng cụ thể và được sinh ra ở một nơi khác, các tướng tội phước, lành dữ. Tầm nhìn không bị cản trở, có thể phân biệt các loại chúng sinh khác nhau, có thể thấy chúng sinh một cách toàn diện và không sai lầm bằng cách đề cập đến sự tích lũy nghiệp của họ, trải nghiệm của họ về cả hạnh phúc và đau khổ, tâm trí của họ và sự phân biệt đối xử mà họ phải đối diện.

3. Túc trụ tùy niệm trí thông (Túc mạng thông): là năng lực hay biết về những kiếp quá khứ. Bồ-tát Ma-ha-tát biết được tiền kiếp của chính mình và của chúng sinh trong thế gian, kể cả nơi họ sinh ra, tên tuổi, sinh hoạt ăn uống..., dân tộc của họ, nỗi đau họ đã trải qua và niềm vui, cùng nhiều điều khác. Vị ấy nhận thức được một số vấn đề, chẳng hạn như các loại cấp bậc khác nhau của chúng sinh, nghiệp chướng, hình tướng, tư tưởng và ràng buộc của họ v.v... Vị ấy cũng có thể nhớ rằng chư Phật nhiều giống như những hạt bụi trong tất cả các cõi Phật. Lại có thể nhớ danh hiệu chư Phật nhiều như số vi trần trong vô lượng bất khả thuyết các cõi Phật.

4. Trí thần thông: là nhận thức về thời gian trong tương lai. Bồ-tát Ma-ha-tát biết tất cả a-tăng-kỳ kiếp trong cõi Phật nhiều vô kể. Trong mỗi kiếp, Bồ tát đều biết chúng sinh tiếp tục chết và tái sinh trong các cấp độ hiện hữu như thế nào. Ngài biết khi nào nghiệp nhân và quả báo là trọn vẹn hay không trọn vẹn, dứt khoát hay thiếu quyết định. Ngài có thể phân biệt sự sai đúng của chúng sanh, các phiền não có theo thiện căn của họ hay không và liệu các căn tốt nhất của họ có thể tập hợp được hay không, cũng biết về tuổi thọ của các Đức Phật và năng lực chuyển hóa tâm linh của chư Phật, cùng nhiều sự thật khác.

5. Thanh tịnh vô ngại thiên nhĩ viên mãn thông: Bồ-tát Ma-ha-tát có thể nghe mọi thứ ngôn ngữ, âm thanh mà không bị chướng ngại. Có khả năng hộ trì và ghi nhớ Giáo pháp gồm cả ý nghĩa và văn tự. Có thể giải thích Giáo pháp cho những người khác, điều này sẽ khiến họ hiểu và không quên bất kỳ một câu hay một từ nào của Giáo pháp, tự tại vô ngại như vậy cho đến khắp mười phương.

6. Vô thể tánh thần thông: Thần thông thứ sáu dựa trên trí tuệ là thần thông không có vật

chất và có thể tự tại di chuyển, quyền biến đến khắp cùng tất cả các cõi Phật. Bồ-tát Ma-ha-tát có khả năng nghe danh hiệu của chư Phật từ rất xa, xuyên qua vô lượng vô số thế giới nhiều như hạt bụi và đồng thấy mình ở chỗ Phật, học hỏi giáo pháp, thành tựu các hạnh, mãi không thoái chuyển.

7. Thiện phân biệt ngôn âm thông: Ngôn ngữ và âm thanh của chúng sinh Bồ-tát Ma-ha-tát có thể hiểu được những lời nói khác nhau của các bậc thánh trong thế gian. Có khả năng hiểu được ngôn ngữ của các chúng sinh không thể diễn tả bằng lời, cũng như hiểu được tất cả các biểu hiện của các cá nhân và sự khác biệt của họ. Trong mỗi thế giới mà Bồ-tát Ma-ha-tát bước vào, đều có khả năng phân biệt được những căn tính và những mong muốn mà tất cả chúng sinh ở đó có, có thể giao tiếp theo các khuynh hướng của chúng sinh và nhu cầu của họ để họ có thể hiểu được mà không có nghi lầm. Hành động của Bồ-tát giống như ánh sáng mặt trời chiếu rọi mọi hình tướng, khiến cho người có mắt thấy rõ, kẻ có trí có thể hiểu.

8. Sắc thân trí thông: Năng lực thần thông thứ tám là sự hóa hiện của vô số thân hình để cứu

độ chúng sinh. Bồ-tát vào pháp giới là thị hiện làm cho sắc thân được biến hóa. Các hình tướng có thể là vô hạn, vô biên, thuần khiết, trang nghiêm, đáng tôn kính, không thể so sánh. Bồ-tát hiện thân dưới nhiều hình tướng như vậy để khiến cho những ai muốn chuyển hóa đều thấy và khởi tâm nghĩ đến, thuyết pháp thù ứng với thời gian và đặc tính của họ, khiến họ đến gần Bồ-tát và được giác ngộ. Bồ tát sử dụng các sức mạnh thần thông khác nhau để thể hiện sự tự do, an lạc và thể hiện khả năng đa dạng đối với những chúng sanh đang được giáo hóa.

9. Nhất thiết pháp trí thần thông: Thần thông thứ chín là khả năng biết tất cả các pháp của những vị Bồ-tát lớn các ngài biết rằng các pháp không có tên gọi, chỉ là giả danh, không có chủng tử, không đi, không đến, không tự hữu, không thể so sánh v.v... Bồ tát không trụ vào tục đế, cũng chẳng trụ chân đế, chẳng phân biệt, cũng không lìa nguyện, tùy thuận xối mưa pháp. Dù ý thức rằng chân tướng vượt trên lời nói, mà vẫn khéo dùng phương tiện biện tài tùy nghĩa diễn thuyết. Đó là bởi vì vị ấy khéo biết tất cả Pháp đều nhân nơi thiện xảo mà nói ra, ở trong các pháp ngoài văn tự mà nói văn tự, pháp - nghĩa chẳng trái, đều là duyên khởi.

10. Định diệt trí thông: Thần thông thứ mười là Định diệt tất cả pháp. Sau khi Bồ-tát Ma-ha-tát vào Tam muội đoạn tận các pháp, thật tri các pháp vốn Không nhưng vẫn không quên chí nguyện lợi tha, không ngừng giáo hóa chúng sinh và không ngừng phụng sự cúng dường chư Phật. Bồ tát biết rằng tất cả các pháp đều do nhân duyên mà có, không có tự tánh; luôn dùng thần thông biến hóa để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, có thể hiện thân ở bất cứ đâu, nơi lý vô trụ mà phương tiện nói pháp, viên mãn Bồ Tát hạnh.

Phẩm 29: Thập nhẫn (十忍, phần sau quyển 44)

Ở phẩm này, Bồ-tát Phổ Hiền nói với tất cả các vị Bồ-tát về mười loại nhẫn nhục khác nhau, nhân nơi Thập thông mà thành tựu **Thập nhẫn**⁷³. Sau khi có được những nhẫn nhục này, sẽ đạt được Vô ngại nhẫn địa của các vị Bồ Tát và vô lượng Phật pháp vô ngại, vô tận. Mười nhẫn nhục bao gồm:

73 Nhẫn là nhẫn nại, hiểu rõ, chứng minh và thừa nhận; tức trí soi chiếu quán sát thông suốt, nương vào trọn vẹn hiển bày là Thập (Hoa Nghiêm Kinh Sớ)

1. Âm thanh nhãn: là nghe Pháp âm của chư Phật mà không hoảng hốt hay sợ hãi, ngược lại còn sinh tâm ưa thích, tín giải, ghi nhớ và tu tập.

2. Thuận nhãn: là ở trong Phật pháp thực hành quán chiếu bình đẳng, tùy thuận mà biết rõ làm cho tâm thanh tịnh, nơi chánh trụ mà tu tập khiến cho thành tựu.

3. Vô sanh pháp nhãn: là hiểu rõ các pháp vô sanh, vô diệt, vô tận, ly cấu, vô sai biệt, vô xứ sở... cho đến vô khứ vô lai.

4. Như huyễn nhãn: Bồ-tát Ma-ha-tát nhận thức được tất cả các hiện tượng thế gian giống như ảo ảnh do nhân duyên sinh ra. Trong một pháp, vị ấy biết nhiều pháp và, trong nhiều pháp, vị ấy quán một pháp. Sau khi Bồ-tát biết tất cả các pháp đều như huyễn, bèn bắt đầu quán các cõi nước, chúng sanh và các pháp giới, hiểu rõ các pháp vốn bình đẳng, vô sai biệt.

5. Như diệm nhãn: Bồ Tát biết rõ tất cả thế gian giống như bóng chớp, chẳng có vị trí, chẳng có bên ngoài và bên trong..., chỉ thuận theo thế gian mà hiển thị. Bằng cách này, Bồ-tát quán chiếu như thật, hiểu được tất cả các Pháp tại một thời điểm cụ thể, khiến đạt được sự an nhẫn viên mãn.

6. Như mộng nhãn: Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ mọi hiện tượng xảy ra trong thế gian đều giống

như giấc mộng và không thuộc thế gian cũng chẳng phải khác thế gian; hiểu tất cả mọi thứ trên thế giới tương tự như những giấc mộng, các pháp luôn biến dịch thay đổi; như mộng, mộng chấp trước, mộng tưởng phân biệt.... Tất cả đều có những đặc điểm giống như giấc mộng, không có bất kỳ ngã thể nào trong chuỗi điều kiện (nhân duyên) tạo ra chúng. Với bản chất mộng huyễn, tất cả sự biểu lộ và tư duy phân biệt về chúng đều cũng chỉ là mộng, không thật.

7. Như hưởng nhãn: Bồ-tát Ma-ha-tát lắng nghe lời nói của chư Phật, suy nghĩ về bản chất của tất cả các Pháp, hoàn thiện sự tu học của mình và, biết rằng tất cả các âm thanh đều giống như tiếng vang bởi vì chúng không đến cũng không đi mà chỉ hiển thị như vậy, không bắt nguồn từ bên trong cũng không phải bên ngoài. Giống như tiếng vang trong thung lũng, âm thanh đến từ các duyên mà không lìa pháp tánh. Bồ tát Như hưởng nhãn ở nơi vô sai biệt mà sử dụng mọi phương tiện thiện xảo để chuyển vận pháp luân, âm thanh vô ngại vang khắp các cõi nước khiến chúng sanh tùy nghi tin hiểu.

8. Như ảnh nhãn: Bồ Tát hiểu được hết thảy Pháp chẳng có cũng chẳng không. Nó tương tự như mặt trời, mặt trăng, núi và nhà... được phản

chiếu trong gương, dưới nước, như ảnh như hóa nên thực hành Vô trụ, Vô nhị. Vị ấy không trôi lăn trong dòng chảy thế gian hay dòng chảy các pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu rằng tất cả các pháp thế gian đều từ điên đảo mộng tưởng, phân biệt sanh khởi, vì thế mà như một hóa sĩ luôn an trụ chân tâm vô phân biệt mà dùng mọi thiện xảo phương tiện để lợi ích chúng sanh.

9. Như hóa nhãn: Tất cả các pháp trên thế gian đều huyễn hóa, do vậy Bồ tát chẳng thủ chẳng xả, vượt lên trên sự có và không.

10. Như không nhãn: Bồ Tát biết tất cả pháp vốn rỗng lặng, thanh tịnh, bất sinh bất diệt mà an trụ tâm bình đẳng, vô thủ xả, đồng với tam nghiệp rộng lớn như hư không, dung nhiếp hết thảy pháp.

Phẩm 30: A Tăng Kỳ⁷⁴ (阿僧祇, phần đầu quyển 45)

Do sự thưa hỏi của Bồ tát Tâm Vương mà Đức Phật đã thuyết giảng về những con số lượng như: Một trăm lạng xoa bằng một câu chi, câu chi câu chi (câu chi lũy thừa 2) bằng một a

74 A Tăng Kỳ (sa. असंख्येय, pa. Asamkhyeya; zh. 阿僧祇): “A” là vô, “Tăng kỳ” là số. Tên gọi này hoàn toàn dựa trên Đới số (Hoa Nghiêm Kinh Số).

giu đa, a giu đa a giu đa bằng một na do tha, na do tha na do tha bằng một tần bà la, tần bà la tần bà la bằng một căn yết la v.v...

Phẩm này nói về những con số lớn vô lượng, vô số không thể so sánh, không thể đếm, không thể nghĩ bàn, không thể tính toán, không thể kể xiết. Phẩm A Tăng Kỳ dùng “số để hiển bày phạm vi giới hạn của đức” làm Tông, giúp cho hành nhân “nhận biết về Phổ Hiền và chư Phật li xa số lượng và trùng trùng vô tận” làm Thú⁷⁵. Đây cũng là một trong những phẩm kinh do chính Đức Phật tuyên thuyết, mang ý nghĩa phô bày Phật đức, pháp này rộng lớn, các địa khác khó có thể hiểu được, chỉ Phật cùng Phật mới có thể thấu đạt rốt ráo được⁷⁶.

Ở phẩm này, Bồ Tát Tâm Vương thưa hỏi Phật về ý nghĩa của a tăng kỳ và bất khả thuyết. Đức Phật chỉ ra rằng thật tốt khi thỉnh cầu như vậy để chúng sinh trên thế giới có thể hiểu được nghĩa số lượng mà chỉ Đức Phật mới biết. Phẩm này do Tâm Vương Bồ Tát thưa hỏi mang biểu ý từ đây cho đến Phật quả cần phải phát khởi nghiệp tâm rộng lớn, đức tự tại như vua.

75 Thanh Lương Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, Sđd., quyển 47, tr.916

76 Lý Thông Huyền, Sđd., quyển 30, tr.375

Qua phẩm này ta hiểu được vô số cõi Phật cực lớn rộng từ vô lượng kiếp có mặt trong vô số hạt hạ nguyên tử cực nhỏ trong từng sát na cực ngắn thế nhưng không trở ngại nhau cho thấy tính đồng nhất thể của muôn hữu vũ trụ. Lý tính tuyệt đối và thế giới tương đối hữu thể tương tức tương tại, dung thông vô ngại vì rằng chơn không nhưng diệu hữu. Thời gian và không gian đều vô ngã, vì vô ngã nên không có bất cứ trở ngại nào, vì vô ngã nên bình đẳng tuyệt đối, vì vô ngã, thanh tịnh nên tuệ giác lúc nào cũng tỏa sáng dù nơi cảnh giới niết bàn hay ở thế gian tràn đầy ô nhiễm.

Giáo nghĩa trùng trùng duyên khởi đã giải thích rõ mối tương quan vô tận của muôn hữu vũ trụ trên căn bản của lý Nhất Tâm Chân Như, Pháp Giới Duyên khởi, cũng qua lời dạy của Đức Phật trong phẩm này thì, quốc độ chư Phật thì quá nhiều không thể nói hết, cõi nước của chư Phật và cõi nước của chúng sanh thể tánh sai biệt... cũng không thể nói hết, tuy nhiên chư vị Bồ tát có thể thấy rõ.

Phẩm 31: Thọ Lượng (壽量⁷⁷, phần giữa quyển 45)

Ở phẩm này, Bồ Tát Tâm Vương vì chúng Bồ Tát mà nói lên Thật báo ở địa vị Phật. Ngài nói một kiếp ở thế giới Ta Bà của Phật Thích Ca Mâu Ni bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Một kiếp ở thế giới Cực Lạc bằng một ngày đêm ở thế giới Ca Sa Tràng... cho đến trăm vạn A tăng kỳ thế giới và cứ mỗi một ngày một đêm trong thế giới sau lại bằng một kiếp trong thế giới trước. Đến cõi nước cuối cùng, cõi Thắng Liên Hoa của Phật Hiền Thắng, nơi đây có Bồ Tát Phổ Hiền và chư đại Bồ Tát đồng hạnh nhiều vô số.

Hai chữ “Thọ lượng” ở phẩm này trình bày về số kiếp dài ngắn của một cõi nước, đồng thời cũng là biểu thị “thọ lượng tự tại của Phật”⁷⁸. Phẩm này cũng do chính Tâm Vương Bồ Tát

77 Trong Hoa Nghiêm Du Ký và Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký ghi là “Thọ Mạng”. Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận ghi là “Như Lai Thọ Lượng”. Còn trong bản dịch của Ht. Thích Trí Tịnh cùng với các bản Sớ sao của Đại sư Thanh Lương thì ghi là “Thọ Lượng”. “Thọ” là mạng của chánh báo, “Lượng” là phạm vi giới hạn. (Hoa Nghiêm Kinh Sớ)

78 Thanh Lương Trừng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh sớ*, Sđđ., quyển 47, tr.925

trình bày mang ý nghĩa thể của thọ mạng Như Lai chính là chân tâm, là sự tự tại, không thể suy lường đo lường được và tùy theo căn cơ, nhận thức của chúng sanh mà thấy có sai biệt, dài ngắn⁷⁹. Và trên thực tế là, Như Lai thọ lượng là vô tận, vô hạn và vô lượng thọ, không có trường đoản, đó cũng chính là căn bản trí (bản giác) thường hằng, bất biến trong mỗi chúng sanh (然實如來無長短命。如來壽命如根本智)⁸⁰.

Phẩm 32: Chư Bồ Tát Trụ Xứ (諸菩薩住處, phần sau quyển 45)

Đại Bồ tát Tâm Vương đã bảo với chư Bồ tát rằng: Phương Đông có nơi tên là Tiên Nhơn Sơn, xưa nay chúng Bồ Tát thường ở đó và, hiện có Bồ tát Kim Cang Thắng và ba trăm vị Bồ Tát quyền thuộc, đang ở đó để thuyết pháp. Phương Nam có nơi tên là Thắng Phong Sơn, xưa nay chúng Bồ Tát đã ở đó và, hiện nay Bồ tát Pháp Huệ cùng với năm trăm vị Bồ Tát quyền thuộc ở đó để thuyết pháp v.v...

Phẩm này trình bày về những trú xứ ở các phương của chư Bồ Tát. Ở các phương Đông, Nam, Tây, Bắc, Đông Nam, Tây Nam... và

79 Lý Thông Huyền, Sdd., quyển 30, tr.376

80 明溫陵長者李贄簡要, Sdd., 頁68

các biển, các nước, các thành... nhiếp thọ cùng khắp, giáo hóa cùng khắp, chẳng bỏ thế gian. Phẩm này cũng do Tâm Vương Bồ Tát nói ra mang biểu ý Tâm làm gốc muôn pháp, là gốc của mạng nghiệp và hạnh nghiệp. Mạng nghiệp càng rộng lớn, tự tại bao nhiêu thì hạnh nghiệp càng rộng lớn, tự tại bấy nhiêu. Hay, tùy theo Vương thâm nhiếp mà tự tại, Tâm theo trí an trú mà được vô ngại⁸¹. Bồ Tát trụ nơi tâm đại bi vô quái ngại vì chúng sanh mà thị hiện cùng khắp, diễn thuyết cùng khắp nhưng không có mảy may bám chấp, đây là nói trụ trong vô trụ, sinh trong vô sinh, như vậy mới thật là trú xứ của Bồ Tát.

Phẩm 33: Phật Bất Tư Nghì Pháp (佛不思議法, quyển 46 – quyển 47)

Phẩm này nói về quả pháp, trí đức ở địa vị Phật rất cao xa, huyền nhiệm, không thể dùng thức tâm phân biệt mà có thể suy lường được, nên gọi là bất tư nghì: Bốn nguyện của chư Phật không thể nghĩ bàn; Chủng tánh của chư Phật không thể nghĩ bàn; Chư Phật xuất hiện

81 Thanh Lương Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* sớ, Sđđ., quyển 47, tr.927

không thể nghĩ bàn; Thân của chư Phật không thể nghĩ bàn; Âm thanh của chư Phật không thể nghĩ bàn; Trí huệ của chư Phật không thể nghĩ bàn; Tự tại của chư Phật không thể nghĩ bàn; Vô ngại của chư Phật không thể nghĩ bàn; Giải thoát của chư Phật không thể nghĩ bàn.

Theo kinh văn, Bồ Tát Thanh Liên Hoa Tạng thừa thân lực Phật mà an trụ trong vô úy, vào Phật pháp giới, đầy đủ các hạnh nói với Liên Hoa Tạng Bồ Tát về vô lượng trụ của chư Phật như: Thường trụ đại bi, trụ nhiều loại thân để làm nhiều những Phật sự, trụ tâm bình đẳng để chuyển tịnh pháp luân, trụ tứ biện tài để thuyết vô lượng pháp...; Mười thứ pháp biến khắp vô lượng vô biên pháp giới; Mười thứ niệm niệm xuất sanh trí; Mười điều không lỗi thời; Mười thứ cảnh giới vô tỷ không thể nghĩ bàn; Xuất sinh mười thứ trí; Mười thứ pháp phổ nhập; Mười pháp rộng lớn khó tin thọ; Mười công đức lớn, không lầm lỗi, hoàn toàn thanh tịnh; Mười điều rốt ráo thanh tịnh; Nơi tất cả thế giới, tất cả thế gian có mười thứ Phật sự; Mười thứ pháp trí hải vô tận; Mười thứ thường pháp; Mười môn diễn thuyết vô lượng v.v... cho đến có Mười vô ngại giải thoát. Thanh Liên Hoa

biểu thị cho Chân trí, Thanh Liên Hoa Tạng là Tùy tục trí, dùng hai trí này mà nói ba loại nghiệp dụng (thân, khẩu, ý của Như Lai) rộng lớn tự tại không thể nghĩ bàn⁸². Hay nói cách khác, “Thanh Liên Hoa Tạng biểu thị bốn trí chẳng nhiễm, có Sai biệt trí. Liên Hoa Tạng biểu thị Bốn trí và Biệt trí, hai đẳng thành tựu lẫn nhau hiển thị diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn của vị Phật trong tâm, cũng là sự tự tại rộng lớn của hai trí”⁸³. Cũng có số văn giải thích rằng, việc Bồ Tát Thanh Liên Hoa tuyên thuyết pháp này biểu thị quả không tự mình sáng tỏ, phải nhờ vào nhân mà hiển bày hoa, vì Thanh Liên Hoa là thù thắng. Liên Hoa Tạng tiếp nhận biểu thị nếu không nhờ vào tạng thanh tịnh thì không thể thâm nhiếp quả thù thắng đó⁸⁴.

Tất cả chư Phật đều có tịnh độ vô tận quang minh trang nghiêm không thể nghĩ bàn, hiện ra cảnh giới của chư Phật tùy theo tâm nguyện của chúng sinh mà không dính mắc. Các ngài

82 明溫陵長者李贄簡要, Sđd.

83 Như Hòa dịch, Sđd., tr.57

84 Sa môn Hồ Cát Tạng, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), *Hoa Nghiêm Du Ký*, quyển 4 (phần 1), ĐTK số 1732, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.536

luôn ứng hợp thời cơ để thành tựu giác ngộ vô thượng cho tất cả chúng sinh và thọ ký chư vị Bồ tát. Tất cả chư Phật đều có nhiều mười năng lực vô song không thể hiểu được. Chư Phật có oai lực thị hiện khắp vũ trụ, có khả năng nhận thức tất cả các Pháp mà không bị ngăn ngại... Trong một khoảnh khắc, có thể ứng hiện khắp mười phương, nhận biết tâm của tất cả chúng sinh và tất cả chư Phật ba thời. Chư Phật liễu triệt tất cả pháp bất nhị, đều không có tự tánh và dùng trí tuệ để điều phục chúng sinh;

Để có thể giáo hóa thành tựu chúng sinh, tất cả chư Phật có thể du hành qua vô số thế giới và hóa độ tất cả chúng sinh không ngừng nghỉ. Các ngài đối với chúng sanh chỉ thuần một tâm thanh tịnh, từ bi và bình đẳng, giảng dạy giáo pháp vô thượng của Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, khiến cho chúng sanh tin hiểu, tu trì và giác ngộ.

Chư Phật có nhiều thần thông diệu dụng khác nhau; liễu triệt vạn pháp vượt ngoài triết lý hư vô, biết vạn pháp như mộng huyễn, biết tất cả các tướng không chút mê lầm, chư Phật an trú trong thực tại tịch lặng; hành mà vô hành, biết tất cả các thời điểm trong một thời điểm, biết rằng bản chất của vạn vật là không...

Chư Phật có mười tám pháp bất cộng không thể nghĩ bàn và, tất cả những ai chưa thành Phật đều không thể hiểu được.

Phẩm 34: Như Lai Thập Thân Tướng Hải (如來十身相海, phần đầu quyển 48)

Phẩm này lấy vô biên tướng của quả Phật làm tông. Thập thân tướng hải chính là Hoa tạng thế giới hải vi trần số đại nhưn tướng, mười thân của Như Lai gồm: Bồ Đề thân, nguyện thân, hóa thân, lực trì thân, tướng hảo thân, oai thế thân, ý sanh thân, phước đức thân, trí thân, và pháp thân.

Theo kinh văn, Phổ Hiền Bồ Tát vì chư Bồ Tát mà diễn nói chín mươi bảy tướng đại nhân Như Lai như: Đỉnh đầu Phật có ba mươi hai bảo trang nghiêm đại nhưn tướng. Trong các tướng đó có một tướng lớn tên là ánh sáng chiếu khắp các phương và phóng ra vô lượng mạng quang minh lớn. Thứ hai là Phật nhãn quang minh vân. Thứ ba là Sung mãn pháp giới vân. Kế đến là Thị hiện phổ chiếu vân, Phóng bửu quang minh vân... cho đến Hiện nhất thiết Phật thần biến vân và, mỗi thân phần của Như Lai đều dùng những tướng vi diệu báu đẹp để trang nghiêm.

Nếu ở phẩm trước nói về dụng của tam nghiệp nhị trí thì phẩm này lại trình bày về quả của tam nghiệp nhị trí, tức là trí báo, nhờ vào quả trí bất tư nghi mà thành tựu tướng đại nhân⁸⁵. Bồ tát Phổ Hiền còn nói rằng, Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai có đại nhân tướng nhiều như số lượng hạt bụi cực nhỏ trong hoa tạng thế giới hải... rất vi diệu, trang nghiêm.

Phẩm 35: Như Lai Tùy Hảo Quang Minh Công Đức (如來隨好光明功德, phần sau quyển 48)

Đức Phật đã bảo Bồ tát Bảo Thủ rằng: Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác có tùy hảo gọi là Viên Mãn Vương. Trong tùy hảo đó phóng ra đại quang minh tên là Xí thanh, có đến bảy trăm vạn a tăng kỳ quang minh làm quyến thuộc. Phẩm trên nói về Tướng, tức là hình trạng, phẩm này trình bày về hảo, tức là vẻ đẹp của tướng. Như Lai cùng với hằng hà sa tướng lại có theo hằng hà sa hảo (tùy hảo), mỗi hảo đều có quang minh công đức thanh tịnh cảm ứng nhiếp thọ lợi ích chúng sanh. Phẩm này lấy đức thù thắng của hảo làm Tông, khiến chúng sanh

85 明溫陵長者李贄簡要, Sdd.

cung kính và được nhiều lợi ích làm Thứ⁸⁶. Và, trước là nêu lên dụng (vẻ đẹp) của quả, sau là thuyết về dụng của nhân.

Theo kinh văn, Như Lai có tùy hảo tên Viên Mãn Vương, nơi đây phóng đại quang minh tên là Xí Thanh cùng vô lượng quang minh khác. Lúc còn là Bồ Tát, Thế Tôn thường phóng Quang Tràng Vương quang minh khiến các chúng sanh lìa khổ được vui, xa lìa các chướng, sanh cảnh giới lành... đó cũng chính là diệu dụng lợi ích của đức tướng Như Lai. Sở dĩ Phật nói cho Bồ Tát Bảo Thủ là vì tánh quang của Pháp thân tùy thuận hạnh mà tiếp dẫn. Tuy nhiên, theo Đại sư Thanh Lương thì “Thủ” ở đây là vẻ đẹp tùy theo, là chủ của môn này hay khiến cho ở nơi “Bảo” phát khởi niềm tin lại với “Thủ”.

36. Phẩm 36: Phổ Hiền Hạnh (普賢行, quyển 49)

Ở phẩm này, Bồ Tát Phổ Hiền vì chúng hội Bồ Tát mà nói biến hạnh của chư Phật, vì muốn phá mê khai ngộ cho chúng sanh mà thị hiện ra nơi đời. Ngoài ra còn nói trăm ức chướng

86 Thanh Lương Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, Sđd., quyển 48, tr.985

khi một Bồ tát khởi lên những tư tưởng giận dữ đối với các vị Bồ tát khác như chướng chẳng thấy Bồ-đề, chướng ngại khiến người nghe chánh pháp, chướng ngại sanh vào chỗ bất tịnh, chướng ngại sanh vào đường ác thú, chướng ngại nhiều bệnh tật, là đối tượng của nhiều lời phỉ báng, những chướng ngại phá hoại sự chánh niệm lâu dài và đúng đắn; chướng ngại thiếu trí tuệ. Các chướng ngại không tin bậc đại đức, xa lìa lời Phật dạy, đọa vào cõi ma, khó trồng thiện căn và tăng trưởng pháp bất thiện. Các sự ngăn trở bởi thân phận thấp hèn, sanh nơi biên địa, sanh trong nhà có ác nhân, sanh trong ác ma, không ưa Phật pháp...

Các đệ tử của Đức Phật được khuyên không nên liên hệ vào bất kỳ pháp hành sân hận nào đối với các vị Bồ Tát khác vì nó sẽ tạo ra vô số cửa chướng, tội lớn và lỗi lầm. Như vậy, một vị Bồ-tát muốn thành tựu viên mãn tất cả hạnh Bồ-tát thì nhanh chóng tinh tấn tu mười pháp, mười loại thanh tịnh, mười thứ trí quảng đại, mười thứ phổ nhập, mười tâm thắng diệu, mười thứ Phật pháp thiện xảo trí. Kinh văn nói, “Chư Phật Tử! Nếu Bồ tát đối với Bồ tát mà sanh một tâm sân thời thành tựu trăm vạn chướng môn như vậy. Tôi chẳng thấy có một pháp nào lỗi

ác lớn như chư Bồ tát sanh lòng sân với Bồ tát khác. Vì thế nên chư Đại Bồ tát muốn mau đầy đủ hạnh Bồ tát phải siêng tu mười pháp:

- 1- Một là tâm chẳng xa bỏ tất cả chúng sanh.
- 2- Hai là đối với chư Bồ tát xem như Phật.
- 3- Ba là trọn chẳng hủy báng tất cả Phật pháp.
- 4- Bốn là biết các quốc độ không có cùng tận.
- 5- Năm là rất có lòng tin mến nơi Bồ tát hạnh.
- 6- Sáu là chẳng bỏ tâm bình đẳng hư không Pháp giới Bồ Đề.
- 7- Bảy là quán sát Bồ Đề nhập Như Lai lực.
- 8- Tám là siêng năng tu tập vô ngại biện tài.
- 9- Chín là giáo hóa chúng sanh không nhàm mỏi.
- 10- Mười là trụ nơi tất cả thế giới không tâm nhiễm trước.”⁸⁷

Đây cũng là phẩm rộng nói về lợi hạnh – hạnh lợi ích chúng sanh, viên mãn hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền. Hành rộng khắp pháp giới là Phổ, thể thuận theo hòa và thiện là Hiền, hạnh

87 Kinh Hoa Nghiêm, HT Thích Tịnh dịch

thì trình bày về nhân⁸⁸. Cũng có thể nói, đức trùm khắp pháp giới là Phổ, dụng duyên thuận theo thiện là Hiền, nhân thâm nhiếp đức là Bồ Tát, duyên thành tựu về tu là hạnh⁸⁹.

Kinh văn còn ghi rằng, bấy giờ, nhờ thần lực của Phật có mười cõi vi trần số đại Bồ Tát đồng hiệu Phổ Hiền đến từ thế giới Phổ Thắng nơi đức Phổ Tràng Tự Tại Như Lai cùng đến vân tập mà chứng minh, tán thán. Hình ảnh này biểu thị “thể và dụng nơi Phổ Hiền hạnh của chư Phật, ứng xử khiêm nhu là Phổ Thắng, dẹp tan tự lẫn tha là Phổ Tràng, lý trí bi nguyện trọn đủ tùy duyên là tự tại... hạnh Phổ Hiền ấy trọn khắp hết thấy mọi nơi, mười phương cùng một đạo, chẳng hai, vô tận”⁹⁰.

88 Sa môn Hồ Cát Tạng, Sđd., quyển 4 (phần 2), tr.553

89 Sa môn Pháp Tạng thuật, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký*, quyển 16, ĐTK số 1733, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.868

90 Như Hòa dịch, Sđd., tr.59

Phẩm 37: Như Lai Xuất Hiện⁹¹ (如來出現, quyển 50 – 52)

Phẩm này trình bày về quả viên mãn, tương xứng với các nhân ngũ vị đã trình bày ở những phẩm trước, tức từ lúc sơ phát tâm cho đến trải qua các địa của hàng Bồ Tát để đến rốt ráo Phật địa. Phẩm này lấy sự bình đẳng xuất hiện làm Tông và dung thông với các sai biệt quả làm Thú⁹². Đây là hội nói pháp được đức Như Lai phóng quang gia trì, sự thừa thĩnh của hai vị Bồ Tát cùng phần giảng giải pháp môn Như Lai xuất hiện dưới sự lắng nghe và chứng minh của chư Đại Bồ Tát.

Theo kinh văn, lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ nơi tướng lông trắng giữa chạng mây mà phóng đại quang minh tên là Như Lai Xuất Hiện, những tia sáng này là biểu hiện của nhận thức về Chân như, trung đạo. Quang minh đó nhập vào đánh của Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát. Tiếp đó, Thế Tôn lại từ miệng phóng Vô Ngại Vô Úy quang minh và quang minh đó nhập vào

91 Trong Hoa Nghiêm Du Ký và Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký nó còn được gọi là Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi

92 Thanh Lương Trừng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* số, Sđđ., quyển 49, tr.1027

miệng của Bồ Tát Phổ Hiền. Theo Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải của ngài Giới Hoàn cũng như các số luận kinh Hoa Nghiêm thì Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát là danh hiệu khác của Bồ Tát Văn Thù vị Bồ Tát đứng đầu về Tín. Bồ Tát Văn Thù đã hỏi Bồ Tát Phổ Hiền về những thoại tướng phóng quang của Như Lai cũng như cách để biết pháp xuất hiện của chư Phật Như Lai. Phổ Hiền Bồ Tát vì Văn Thù Bồ Tát cùng chúng hội Bồ Tát nói về pháp môn xuất hiện của Như Lai như mười sự xuất hiện vi diệu, mười tướng thân, mười tướng ngôn âm, mười tướng tâm ý, cảnh giới của Như Lai, hạnh đã làm, sự thành đạo, con đường chuyển pháp luân, nhập Niết bàn và sự thấy nghe thân cận được sanh thiện căn.

Sau khi Phổ Hiền Bồ Tát nói xong về pháp môn Như Lai xuất hiện thì ở khắp mười phương thế giới có tám mươi bất khả thuyết trăm ngàn ức na do tha Phật sát vi trần số Như Lai đồng hiệu Phổ Hiền hiện ra tán thán, hộ trì, cùng nói pháp này và thọ ký cho chư Bồ Tát hiện tiền một đời thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, những chúng sanh phát tâm Bồ đề thành Phật hiệu là Phật Thủ Thắng Cảnh Giới. Nhờ thần lực của mười phương chư Phật cùng

nguyện lực của Tỳ Lô Giá Na Như Lai mà chư Bồ Tát trong mười phương đồng hiệu Phổ Hiền đến từ thế giới Phổ Quang Minh, chỗ của đức Như Lai Phổ Tràng Tự Tại cùng bốn châu thiên hạ đều đến vân tập tán thán, chứng minh cho Phổ Hiền Bồ Tát nói pháp xuất hiện bất hoại của Như Lai.

Ở đây, Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát là người thỉnh hỏi về pháp xuất hiện của Như Lai biểu thị từ Thập tín nương trí mà tấn tu hầu viên mãn bi – trí hạnh cả thế gian lẫn xuất thế gian. Tức bản giác, bản trí Như Lai từ nơi tự tánh mà dậy khởi, hiểu theo cách này thì Như Lai ở đây chính là pháp thân thường trụ bất sinh bất diệt và nếu y nơi Báo thân mà luận về pháp thân thì Thanh Lương Đại sư gọi đây là “Chân như xuất triền” hay “Pháp thân xuất hiện”⁹³. Ngoài ra còn có luận giải rằng, sở dĩ Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát hỏi và Bồ Tát Phổ Hiền đáp là vì để hiển bày những căn khí thiện pháp thù thắng trùm khắp pháp giới⁹⁴.

93 Thanh Lương Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tỳ Sớ Diễn Nghĩa Sao*, Sdd., quyển 79, tr.577-578

94 Sa môn Hồ Cát Tạng, Sdd., quyển 4 (phần 2), tr.561

Theo Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận được soạn vào đời Đường thì Bồ Tát Văn Thù tượng trưng cho trí căn bản pháp thân Phật, Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho trí sai biệt tinh tấn tu hành. Quang minh của Thế Tôn chiếu đến đài Văn Thù mang ý nghĩa trí thù thắng của Phật khuyên Bồ tát Văn Thù hỏi về quả địa Phật, ánh sáng từ kim khẩu Thế Tôn chiếu đến kim khẩu Bồ tát Phổ Hiền và Thế Tôn hoàn toàn im lặng mang ý nghĩa thể tánh Phật dung nhiếp cả hai trí và không thể dùng ngôn ngữ văn tự để diễn bày, chỉ có thể dùng trí sai biệt mà tạm nói, nương đây mà nói hạnh nguyện tương ứng với công đức Phật. Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Phổ Hiền đại diện cho lý trí và hạnh quả của Phật, cũng nhân đây mà thỉnh vấn về pháp môn xuất hiện của Như Lai nhằm biểu thị đây là hai đại hạnh cho những ai phát tâm tu hành mở cửa tự tánh, hiển lộ pháp thân hay “Như Lai xuất hiện”.

Chư Phật đồng hiệu Phổ Hiền là biểu thị nơi Căn bản trí Như Lai mà hành hạnh Phổ Hiền, tức biết tất cả chúng sanh đồng chung thể tánh giác ngộ như Phật mà hành sai biệt trí – rõ thấu căn cơ, phương tiện nhập thế – xuất thế

độ sanh, nơi vi diệu trí Văn Thù mà soi chiếu muôn hạnh Phổ Hiền. Đây là pháp môn bất khả tư nghì được chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương chứng minh, tán thán, được nguyện lực của ba đời chư Phật gia trì (Tỳ Lô Giá Na Phật), cũng là biểu pháp của hình ảnh chư Như Lai, Đại sĩ vân tập tán thán ở cuối pháp hội.

Phẩm 38: Ly Thế Gian (離世間, quyển 53 – quyển 59)

Phẩm này nói về công hạnh vào đời độ sanh của chư Phật, Bồ Tát, tuy ở trong thế gian mà chẳng đắm nhiễm thế gian. Một vị Bồ-tát khi đã trải qua sự tu tập viên mãn đạo Bồ-tát với sự tích tập công đức vô lượng và sự phát triển trí tuệ vô biên thì vị ấy chỉ nhắm đến việc đạt được giác ngộ viên mãn và mang lại sự giác ngộ viên mãn cho tất cả chúng sanh. Đạt được giác ngộ viên mãn có nghĩa là hành giả phải nhận ra thật tướng và thật tánh của các pháp bao gồm cả pháp thế gian và xuất thế gian và điều này không có nghĩa là phải lìa bỏ thế gian. Đó là công hạnh Bồ Tát đạo giúp các ngài có thể làm lợi ích cho chúng sinh và tiếp tục làm điều đó ngay cả sau khi đã đạt được Phật quả.

Theo kinh văn, lúc này, Thế Tôn đang ở Magadha (Ma Kiệt Đà), trong điện Phổ Quang Minh, ngồi trên tòa sư tử Liên Hoa Tạng, đã đoạn trừ mọi phiền não và chứng được chân lý vô tướng, an trụ nơi Phật an trụ, được Phật bình đẳng, đạt đến chỗ không chướng ngại... thấy khắp ba đời, thân thường hằng đầy khắp tất cả quốc độ, trí hằng sáng thấu tất cả pháp... Bảy giờ sau khi xuất định, Bồ Tát Phổ Hiền vì Bồ Tát Phổ Huệ cùng chư đại Bồ Tát, từ các cõi nước khác đến, có đủ trí tuệ phương tiện, là những bậc một đời sẽ được vô thượng Bồ đề mà nói về mười chỗ y chỉ của đại Bồ Tát: Lấy bồ đề tâm làm y chỉ, lấy thiện tri thức làm y chỉ, lấy thiện căn làm y chỉ, lấy ba la mật làm y chỉ, lấy nhứt thiết pháp làm y chỉ, lấy đại nguyện làm y chỉ, lấy các hạnh làm y chỉ, lấy tất cả Bồ Tát làm y chỉ, lấy cúng dường chư Phật làm y chỉ, lấy tất cả Như Lai làm y chỉ. Nhờ an trụ nơi pháp y chỉ này mà được là chỗ sở y đại trí vô thượng của Phật.

Ngoài ra Bồ tát Phổ Hiền cũng tuyên thuyết về Mười thứ tướng kỳ đặc, Mười thứ hạnh, Mười bậc thiện tri thức, Mười sự tinh tấn, Mười thứ tâm được an ổn, Mười phương pháp thành tựu chúng sanh, Mười giới không bỏ tâm Bồ đề, Mười pháp

thọ ký tự biết thọ ký, Mười pháp nhập Bồ Tát, Mười thứ nhập kiếp, Mười pháp nói tam thế (Đời quá khứ thế nói đời quá khứ, đời quá khứ nói đời vị lai, đời quá khứ nói đời hiện tại, đời vị lai nói đời quá khứ, đời vị lai nói vô tận, đời vị lai nói đời hiện tại, đời hiện tại nói đời quá khứ, đời hiện tại nói đời vị lai, đời hiện tại nói bình đẳng và đời hiện tại nói ba đời tức một niệm), Mười pháp biết tam thế, Mười thứ tâm không cực nhọc nhàm chán, Mười thứ sai biệt trí, Mười thứ đà la ni... có Mười nhơn duyên phát bồ đề tâm... cho đến Mười nghĩa đức Như Lai quán sát mà thị hiện nhập Niết bàn.

Khi Bồ tát Phổ Hiền nói bài pháp này xong, do thần lực của Phật và vì pháp giáo hóa của pháp môn mà vô lượng vô biên vô số thế giới đều đại chấn động, ánh sáng huy hoàng chiếu khắp thế gian. Lúc bấy giờ, mười phương chư Phật đều hiện ra tùy hỷ và tán thán. Nói tóm lại, đây là phẩm kinh trình bày công hạnh lợi tha của Bồ Tát, duyên cảnh duyên của thế gian mà hành Bi - Trí hạnh, dùng bi để nhập thế độ sanh nhưng không bị thế gian chi phối nhờ trí hạnh siêu việt, qua lại tự tại. Đó cũng là căn nguyên, ý nghĩa của sự đối đáp giữa Bồ Tát Phổ Huệ (trí hạnh) và Bồ Tát Phổ Hiền (bi hạnh).

Phẩm 39: Nhập Pháp Giới (入法界, quyển 60 – quyển 80)

Đây là phẩm nói về cuộc du hành cầu học đạo của Đồng tử Thiện Tài (Sudhana) ở 53 trú xứ, tượng trưng cho 53 giai vị từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa đến Đẳng Giác, Diệu Giác và Phật quả.

Sau khi cầu học đạo với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Đồng tử Thiện Tài đã lặn lội trải qua 110 thành ấp và cầu học với 53 vị thầy như sau:

1. Meghaśrī-bhikṣu (Tỳ kheo **Đức Vân**, 德雲比丘), học về Pháp môn Niệm Phật - Ưc niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến pháp môn (憶念一切諸佛境界智慧光明普見法門), Thiện Tài đã chứng được **Phát Tâm Trụ** (發心住);

2. Sāgaramegha (Tỳ kheo **Hải Vân**, 海雲比丘) học về pháp môn Chư Phật Bồ tát Hành Quang minh Phổ nhãn (諸佛菩薩行光明普眼法), Thiện Tài được **Trị Địa Trụ** (治地住);

3. Supratishthita (Tỳ-kheo **Thiện trụ**, 善住比丘) học về pháp môn Phổ tốc tạt cúng dường chư Phật thành tựu chúng sinh vô ngại giải thoát (普速疾供養諸佛成就眾生無礙解脫門), Thiện Tài đắc được **Tu Hành Trụ** (修行住);

4. Megha-dramida (Đại sĩ **Di già**, 彌伽尊者) học về pháp môn Diệu âm đà la ni quang minh (妙音陀羅尼光明法門), Thiện Tài đắc **Sanh Quý Trụ** (生貴住);

5. Mukta (Trưởng giả **Giải Thoát**, 解脫長者) học về pháp môn Như lai vô ngại trang nghiêm giải thoát (如來無礙莊嚴解脫門), Thiện Tài đắc được **Phương Tiện Trụ** (方便住);

6. Saradhva (Tỳ-kheo **Hải Tràng**, 海幢比丘) học về pháp môn Bát nhã ba la mật tam muội quang minh (般若波羅蜜三昧光明), Thiện Tài chứng được **Chánh Tâm Trụ** (正心住);

7. Asha (Ưu bà di **Hưu Xả**, 休捨優婆夷) học về pháp môn Ly ưu An ổn tràng giải thoát (離憂安穩幢解脫門), Thiện Tài chứng được **Bất Thối Trụ** (不退住);

8. Bhishmottaranirghosha (Tiên nhơn **Tỳ Mục Cù Sa**, 毗目瞿沙仙人) tại nước Nalayur (Na La Tố) học môn Vô thắng tràng giải thoát (菩薩無勝幢解脫), Thiện Tài chứng được **Đồng Chân Trụ** (童真住);

9. Jayoshmayatana (Bà la Môn **Thắng Nhiệt**, 勝熱婆羅門) học về môn Vô Tận Luân Giải Thoát (無盡輪解脫門), Thiện Tài đạt được **Vương Tử Trụ** (王子住);

10. Maitryani (Đồng Nữ **Từ Hạnh**, 慈行童女) học về pháp môn Bát nhã ba la mật phổ trang nghiêm (般若波羅蜜普莊嚴門), Thiện Tài được **Quán Đảnh Trụ** (灌頂住);

11. Sudarshana (Tỳ Kheo **Thiện Kiến**, 善見比丘) học về pháp môn Bồ tát tùy thuận đẳng giải thoát (菩薩隨順燈解脫門), Thiện Tài đắc **Hoan Hỷ Hạnh** (歡喜行);

12. Indriyeshvara (Đồng tử **Tự Tại Chủ**, 自在主童子) học về Nhất Thiết Công Xảo Thần Thông Trí Pháp Môn (一切工巧神通智門), Thiện Tài đắc **Nhiêu Ích Hạnh** (饒益行);

13. Prahùtā (Ưu bà di **Cụ túc**, 具足優婆夷) học về pháp môn Vô tận phúc đức tạng giải thoát (無盡福德藏解脫門), Thiện Tài đạt được **Vô Nghịch Hạnh** (無逆行);

14. Vidvan (Cư Sĩ **Minh Trí**, 明智居士) học về pháp môn Tùy ý xuất sinh phúc đức tạng giải thoát (隨意出生福德藏解脫門), Thiện Tài được **Vô Khuất Hạnh** (無屈行);

15. Radnachada (Trưởng giả **Pháp Bảo Kế**, 法寶髻長者) học về môn Vô lượng phước đức tạng giải thoát môn (無量福德藏解脫門), Thiện Tài đắc **Ly Si Hạnh** (離癡行);

16. Samantanetra (Trưởng giả **Phổ Nhãn**, 普眼長者) học về pháp môn Linh nhất thiết chúng sanh phổ kiến chư Phật hoan hỷ (令一切眾生普見諸佛歡喜法門) Thiện Tài đắc **Thiện Hiện Hạnh** (善現行);

17. Anala (vua **Vô Yểm Túc**, 無厭足王) học về pháp môn Bồ tát như huyền giải thoát (菩薩如幻解脫), Thiện Tài đắc **Vô Trước Hạnh** (無著行);

18. Mahaprabha (vua **Đại Quang**, 大光王) học về được ở vị vua này pháp môn Đại Từ Tráng Hành giải thoát môn (大慈幢行解脫門), Thiện Tài đắc **Tôn Trọng Hạnh** (尊重行);

19. Achala (Ưu bà di **Bất Động**, 不動優婆夷) học về môn Bồ Tát Nan Tồi Phục Trí Huệ Tạng Giải Thoát Môn (菩薩難摧伏智慧藏解脫門), Thiện Tài được **Thiện Pháp Hạnh** (善法行);

20. Sarvagamin (ngoại đạo **Biến Hành**, 偏行外道) học về pháp môn Chí Nhất Thiết Xứ Bồ Tát Hạnh (至一切處菩薩行) và đạt được **Chơn Thật Hạnh** (真實行);

21. Utpalabhuti (Trưởng giả **Chúc Hương**, 鬻香長者) học về pháp môn Điều Hòa Nhất

Thiết Hương Pháp (調和一切香法門), Thiện Tài đắc được *Cứu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hương* (救護一切眾生離眾生相迴向);

22. Vaira (Thuyền trưởng **Bà Thi La**, 婆濕羅船師, học về Đại Bi Tràng môn (大悲幢行門), Thiện Tài đắc *Bất Hoại Hồi Hương* (不壞迴向);

23. Jayottama (Trưởng giả **Vô Thượng Thắng**, 無上勝長者 học về về pháp môn Chí Nhất Thiết Xứ Tịnh Bồ Tát Hạnh (至一切處淨菩薩行法門), Thiện Tài đắc *Đẳng Nhất Thiết Chư Phật Hồi Hương* (等一切諸佛迴向);

24. Sinhavijurmbhita (Tỳ kheo ni **Sư Tử Tần Thân**, 師子頻申比丘尼), Kalingavana (thành Ca Lăng Ca Lam) thuộc Shronaparanta (Thâu Na) học về pháp môn Thành Tựu Nhất Thiết Trí Giải Thoát. (成就一切智解脫門), Thiện Tài đắc *Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương* (至一切處迴向);

25. Vasumitrà (**Bà Tu Mật Đa Nữ**, 婆須密多女) Durga (nước Hiểm Nạn), thành Bửu Trang Nghiêm học về pháp môn Ly Tham dục tế Giải Thoát (離貪欲際解脫門), Thiện Tài đắc *Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hương* (無盡功德藏迴向);

26. Veshthila (Cư Sĩ **Tì Sắc Chi La** còn gọi Trưởng giả An Trụ 鞞瑟胝羅居 - 安住長者), tại Shubhaparamgama (thành Thiện Độ) học về pháp môn Bất niết bàn tế giải thoát môn (不般涅槃際解脫門), Thiện Tài được **Nhất thiết thiện căn hồi hướng** (一切平等善根迴向);

27. Avalokitesvara (**Quán Tự Tại** cũng còn có tên là **Quán Thế Âm**, 觀自在菩薩-觀世音菩薩) ở núi Potalaka (Bồ đà lạc ca) học về pháp môn Đại Bi Hạnh Giải Thoát Môn (大悲行解脫門), Thiện Tài đắc **Đẳng Tỳ Thuận Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng** (等隨順一切眾生迴向);

28. Ananayagamin (Bồ tát **Chánh Thú**, 正趣菩薩) học về Phổ Môn Tốc Tật Hành giải thoát môn (普門速疾行解脫門), Thiện Tài đắc được **Chơn Như Tướng Hồi Hướng** (真如相迴向);

29. Mahadeva (Thần **Đại Thiên**, 大天神) ở thành Dvaravati (Đọa La Bát Đế) học về pháp Môn Vân Võng giải thoát (雲網解脫門), Thiện Tài đắc **Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hướng** (無縛無著解脫迴向);

30. Sthavara (Địa thần **An Trụ**, 安住地神), nước Ma Kiết Đề, học về pháp môn Bất Khả Hoại

Trí Huệ Tạng Giải Thoát (不可壞智慧藏解脫門), Thiện Tài đắc **Nhập Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hương** (入法界無量迴向); 31. Vasanti (Dạ Sơn Thần Bà San Bà Diễn Đế, 婆珊婆演底主夜神 - 春和主夜) tại thành Kapilavastu (Ca tì la) nước Ma yết đà tham vấn pháp môn Bồ tát phá nhất thiết chúng sanh ám pháp quang minh giải thoát (菩薩破一切眾生暗法光明解脫法門) đắc **Hoan Hỷ Địa** (歡喜地);

32. Samantagamambirashrivimalaprabha (Dạ Thần **Phổ Đức Tịnh Quang**, 普德淨光主夜神), ở Bồ đề tràng, nước Ma kiệt đà để tham vấn Dạ Thần Phổ Đức Tịnh Quang về pháp môn, Bồ tát tịch tịnh thiền định nhạo phổ du bộ giải thoát (菩薩寂靜禪定樂普遊步解脫法門) đắc **Ly Cấu Địa** (離垢地);

33. Pramuditānayanajagadvīrocana (Hỷ Mục Quan Sát Chúng Sinh, 喜目觀察眾生主夜神), ở phía bên phải Bồ đề tràng để tham vấn pháp môn Đại thế lực phổ hỷ tràng giải thoát (大勢力普喜幢解脫法門) đắc **Phát Quang Địa** (發光地);

34. Samantasattvāttrāṇojahśrī (**Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức**, 普救眾生妙德主夜神) tham vấn về môn Phổ hiện nhất thiết

thế gian điều phục chúng sanh giải thoát (普現一切世間調伏眾生解脫法門) đắc *Diệm Huệ Địa* (燄慧地);

35. Prashantarutasagaravati (Dạ Thần **Tịch Tĩnh Âm Hải**, 寂靜音海主夜神) học về pháp môn Niệm niệm xuất sanh quảng đại hỷ trang nghiêm giải thoát (念念出生廣大喜莊嚴解脫法門) đắc *Nan Thắng Địa* (難勝地);

36. Sarvagarakshasambhavatejahshri (Dạ Thần **Thủ Hộ Nhất Thiết Thành**, Tăng Trưởng Oai Lực, 守護一切城主夜神) học về pháp môn Thâm thâm tự tại diệu âm giải thoát (甚深自在妙音解脫法門) đắc *Hiện Tiền Địa* (現前地);

37. Sarvavrikshapraphullanasukhasam-vasa (Dạ thần **Khai Phu Nhất Thiết Thụ Hoa**, 開敷一切樹花主夜神), tham vấn về môn Bồ tát xuất sanh quảng đại hỷ quang minh giải thoát (菩薩出生廣大喜光明解脫門) đắc *Viễn Hành Địa* (遠行地);

38. Sarvajagadrakshapranidhanavirya-prabha (Đại nguyện Tinh Tiến Lực cứu hộ **Nhất Thiết Chúng Sinh** (大願精進力救護一切眾生主夜神), học về pháp môn pháp môn Bồ tát Giáo hóa chúng sinh linh sanh thiện căn

giải thoát (菩薩教化眾生令生善根解脫門) **đắc Bất Động Địa** (不動地);

39. Sutejomandalaratishri (Diệu Đức viên Mãn lâm thần, 妙德圓滿林神) tại vườn Lumbini (Lâm-tỳ-ni) học về môn Ủ vô lượng kiếp biến nhất thiết xứ thị hiện thọ sanh tự tại giải thoát (於無量劫徧一切處示現受生自在解脫門) **đắc Thiện Huệ Địa** (善慧地);

40. Gopà (Cù Ba, 瞿波女), ở thành Kapilavastu (Ca-tỳ-la) tham vấn pháp môn Quán sát nhất thiết Bồ tát tam muội hải giải thoát (觀察一切菩薩三昧海解脫門) **đắc Pháp Vân Địa** (法雲地-Dharmamegha-Bhùmi);

41. Maya (Ma Gia phu nhân, 摩耶夫人) học được môn **Đại Nguyện Trí Huyền Giải Thoát** (大願智幻解脫門);

42. Surendrabhà (Thiên nữ Thiên Chủ Quang, 天主光天女) học được pháp môn **Vô Ngại niệm thanh tịnh trang nghiêm giải thoát** (無礙念清淨莊嚴解脫門);

43. Vishwamitra (Biến Hữu đồng tử sư, 遍友童子師) tại thành Kapilavastu (Ca-tỳ-la), vị này không nói gì và chỉ giới thiệu Thiện Tài đến với vị khác;

44. Shilpabhijna (Đồng tử **Thiện Tri Chúng Nghệ**, 善知眾藝童子) học về pháp môn *bốn mươi hai mẫu tự* (四十二字母法門) và môn *Thiện tri chúng nghệ Bồ tát giải thoát* (善知眾藝菩薩解脫);

45. Bhadrōttama (Ưu Bà Di **Hiền Thắng**, 賢勝優婆夷) tại thành Bà đất na nước Ma kiệt đà và học về pháp môn *Vô y xứ đạo tràng giải thoát* (無依處道場解脫法門);

46. Muktasara (Trưởng giả **Kiên Cố Giải Thoát**, 堅固解脫長者), ở thành Bharukaccha (Ốc Điền) học pháp môn *Vô Trước niệm thanh tịnh trang nghiêm giải thoát* (無著念清淨莊嚴解脫門);

47. Suchandra (trưởng giả **Diệu Nguyệt**, 妙月長者) học học pháp môn *Tịnh Trí quang minh giải thoát* (淨智光明解脫法門);

48. Ajitasena (Trưởng giả **Vô Thắng Quân**, 無勝軍長者), tại thành Roruka (Xuất Sinh) học pháp môn *Vô tận tướng giải thoát* (無盡相解脫門);

49. Shivaragra (Bà la môn **Tối Tịch Tĩnh**, 最寂靜婆羅門) học được pháp môn *Thành nguyện ngữ giải thoát* (誠願語解脫門);

50. Shrisambhava và Shrimati (Đồng tử **Đức Sinh** và Đồng nữ **Hữu Đức**, 德生童子及有德童女), ở thành Sumanamukha (Diệu Ý Hoa Môn) học về môn *Bồ tát huyền trụ giải thoát* (菩薩幻住解脫) ;

51. Maitreya (Bồ tát **Di Lặc**, 彌勒菩薩), ở Samudrakaccha (nước Hải Tạng) học được pháp môn *Nhập Tam Thế Nhất Thiết Cảnh Giới Bất Vọng Niệm Trí Trang Nghiêm Giải Thoát Môn* (入三世一切境界不忘念智莊嚴藏解脫門);

52. Manjushri (Bồ tát **Văn Thù Sư Lợi**, 文殊菩薩) học được Bồ tát Vô biên tế đà la ni (菩薩無邊際陀羅尼), Vô biên tế nguyện (無邊際願), Vô biên tế tam muội (無邊際三昧), Vô biên tế thần thông (無邊際神通), Vô biên tế trí giải thoát (無邊際智解脫) liền được pháp môn *Thành tựu a tăng kỳ* (成就阿僧祇法門), đầy đủ vô lượng đại quang minh, nhập được Phổ Hiền hạnh Đạo tràng;

53. Samantabhadra (Bồ tát **Phổ Hiền**, 普賢菩薩) học về Mười hạnh nguyện lớn (十種廣大行願), Thiện Tài được môn *Nhất thiết Phạt sát vi trần số tam muội* (一切佛剎微塵數三昧門).

Đây là phẩm kinh thuộc Đệ Cửu Hội, trình bày lại nhân quả của ngũ vị. Mở đầu phẩm này là hình ảnh Đức Phật ở thành Thất La Phiệt, giảng đường Trùng Cát Đại Trang Nghiêm, rừng Thệ Đa, vườn ông Cấp Cô Độc cùng chư đại Bồ Tát vây quanh, Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền làm thượng thủ. Theo kinh văn, Thế Tôn nhập Sư Tử Tán Thân tam muội diễn bày cảnh giới cùng sức thần thông tự tại của chư Phật. Bồ Tát Phổ Hiền cũng quán sát khắp đại chúng, nơi phương tiện đồng pháp giới, đồng tam thế... mà diễn thuyết Sư Tử Tán Thân tam muội. Bồ Tát Văn Thù từ Thiện Trụ lâu các đi qua phương Nam vào trong nhân gian, ngài Xá Lợi Phất cùng sáu ngàn Tỷ Kheo đồng đến chỗ Bồ Tát Văn Thù, dưới sự tán thán và khuyến dụ của ngài Xá Lợi Phất, chư Tỷ Kheo liền đến chỗ của Bồ Tát Văn Thù đánh lễ và cầu thỉnh Ngài dạy phương pháp tu hành thành tựu Bồ Tát hạnh.

Ở quyển 62, Bồ Tát Văn Thù ở tại nước Phước Thành, rừng Thệ Đa (Jetavana) vì các chúng mà nói kệ kinh Phổ Chiếu Pháp Giới hóa độ vô số chúng sanh. Cũng ở tại pháp hội này, Thiện Tài Đồng tử đã cúng dường, học hỏi

giáo pháp cũng như phát nguyện đi theo Ngài Văn Thù. Bồ Tát Văn Thù đã hướng dẫn cho Đồng tử Thiện Tài những công đức của chư Phật và dạy Thiện Tài muốn viên mãn Nhất Thiết Chủng Trí phải cần cầu học hỏi, gần gũi với Thiện tri thức. Và xuyên suốt phẩm Nhập Pháp Giới này chính là nói về việc Đồng tử Thiện Tài vượt qua 110 thành ấp, tụ lạc, từ tham vấn với Đức Bồ Tát Văn Thù cho đến du phương cầu học lần lượt với 53 vị Thiện tri thức (Thiện Tài Đồng tử ngũ thập tam tham) như: Tỷ kheo Đức Vân, Tỷ kheo Hải Vân, Tỷ kheo Thiện Trụ, đại sĩ Di Già... trong đó có bốn vị Bồ Tát: Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Di Lặc và Bồ tát Phổ Hiền. Thiện Tài Đồng tử tham học với 53 vị Thiện tri thức cũng tức tham học 53 giai đoạn tu hành từ: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác đến Phật Quả, hay nói cách khác là từ khi sơ phát tâm Bồ đề cho đến lúc thành tựu quả vị Phật.

Đây là phẩm kinh chuyên sâu về sự hành trì, sự thực hành những pháp môn đã được diễn bày ở các phẩm trước, khiến cho công hạnh ở

Ngũ vị được hoàn toàn viên mãn, lý - sự viên dung vô ngại mà vào Nhất chân pháp giới, nhập biển Phật pháp tạng. Sở dĩ phẩm này được nói ở trong nhân gian, rừng Thệ Đa, vườn ông Cấp Cô Độc là biểu thị chẳng rời nhân gian chính là pháp giới, hay “trọn vẹn quả vị hạnh độ sanh trong cõi đời sau khi thành Phật”⁹⁵ và ở Trùng Cát giảng đường vì mang ý nghĩa “tâm bi trở lại sinh trưởng trên chánh trí”⁹⁶. Phổ Hiền và Văn Thù là biểu trưng của Trí hạnh và Bi hạnh (như phẩm Ly Thế Gian). Cũng có thể hiểu, Văn Thù là Trí Căn bản của pháp thân, Phổ Hiền là hạnh của Sai biệt trí, ở nơi hai trí này mà thành tựu Trí Vô sở trụ tức gọi là Phật⁹⁷ (Nhất thiết chủng trí).

Pháp giới (法界 - Dharmadhatu) xưa nay vốn vô sở trụ, vô sở tại nhưng không có chỗ nào là không phải pháp giới, vậy thì làm thế nào để có thể vào và ra tức nhập và xuất? Và, tại sao lại có phẩm tên là **Nhập Pháp Giới?** Đây chính là tra vấn khiến hành giả phải hành trì và liễu triệt về Bất Nhị môn như ở phần Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới trình bày.

95 Lý Thông Huyền, Sdd., quyển 32, tr.403

96 Sa môn Hồ Cát Tạng, Sdd., quyển 5 (phần 1), tr.623

97 明溫陵長者李贄簡要, Sdd., 頁70

Phẩm 40: Nhập Bát Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên (入不思議解脫境界普賢行願, quyển 81)

Ở phẩm này, Phổ Hiền Bồ Tát vì chư Bồ Tát cùng Thiện Tài Đồng tử mà tán thán công đức thù thắng, bất khả tư nghì của Như Lai cũng như dẫn đạo Hoa Nghiêm hải hội về Tây phương Tịnh độ, cõi nước của Đức Phật A Di Đà. Thâu nhiếp cả ba căn, viên dung cả đốn tiệm, kiên vững đạo Bồ đề bằng việc khuyến tấn chúng hội tu tập mười đại hạnh nguyện để trọn nên công đức thù thắng đó. Mười hạnh đó là:

1. Lễ kính chư Phật (禮敬諸佛)

Thiện Tài thưa thỉnh thế nào là Lễ kính chư Phật? , Bồ Tát Phổ Hiền bảo Thiện Tài rằng: “Này thiện nam tử! Nói “Lễ kính chư Phật” là như vậy: Có bao nhiêu đức Phật nhiều như số hạt bụi nhỏ trong cõi Phật khắp mười phương ba đời pháp giới, hư không giới, con do nơi hạnh nguyện Phổ Hiền thâm tâm tin hiểu như đối trước mắt, thấy đều dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh thường tu hạnh lễ kính. Nơi mỗi đức Phật đều hóa hiện thân nhiều như số hạt bụi cực nhỏ trong các cõi Phật không thể

nói bàn. Mỗi thân đều lễ kính khắp các đức Phật nhiều như số hạt bụi cực nhỏ trong các cõi Phật không thể nói hết. Cõi hư không hết, thì sự lễ kính của con mới hết. Nhưng vì cõi hư không là vô cùng tận nên sự lễ kính của con cũng không cùng tận. Nhấn đến các cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết thì sự lễ kính của con mới kết thúc. Tuy nhiên, cõi chúng sanh... cho đến phiền não không hết, nên sự lễ kính của con cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không dứt, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề mệt mỏi nhàm chán.

2. Xưng tán Như Lai (稱讚如來)

Dùng vô tận âm thanh cùng sức biện tài mà khen ngợi biển công đức của Như Lai trong khắp hư không pháp giới, tất cả ba đời mười phương chư Phật nhiều như số hạt bụi cực nhỏ trong tất cả thế gian, nơi mỗi đức Phật đều có vô số Bồ tát vây quanh, nhưng con nguyện dùng tất cả sức thậm thâm thắng giải tri kiến hiện tiền, dùng lưỡi vi diệu hơn cả Thiên nữ Biện Tài. Mỗi lưỡi phát ra biển âm thanh vô tận. Mỗi âm thanh phát ra tất cả biển ngôn từ, khen ngợi các biển công đức của tất cả Như Lai, ca ngợi liên li đến tột

đời vị lai, khắp cả pháp giới, không chỗ nào sót. Như thế dẫu cho hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não đều kết thúc, thì sự khen ngợi công đức chư Phật của con đây mới kết thúc.

Chỉ có thể xưng tán biển công đức không thể nghĩ bàn của các Đức Như Lai khi ba nghiệp của chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, vì thế xưng tán Như Lai cũng hàm nghĩa tinh cần tu tập để thanh tịnh hóa tự thân và tịnh Phật quốc độ. Các Đức Như Lai không cần chúng ta xưng tán, nhưng công đức xưng tán Như Lai rất lớn, vì sẽ làm tăng trưởng trí tuệ và thể nhập pháp thân. Vì thế Bồ tát Phổ Hiền phát nguyện xưng tán Như Lai với tất cả sự tôn kính, biết ơn và năng lực thanh tịnh.

3. Quảng tu cúng dường (廣修供養)

Quảng tu cúng dường có nghĩa là có bao nhiêu cõi Phật nhiều như số hạt bụi cực nhỏ trong khắp hư không pháp giới, mười phương ba đời, trong mỗi cõi Phật đều có vô số chư Phật và nơi mỗi đức Phật đều có vô số Bồ Tát vân tập. Con dùng sức hạnh nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, khởi lòng tín giải rất sâu và hiện tiền tri kiến, đem phẩm vật thượng diệu cúng dường

pháp hội của chư Phật. Các lễ vật tối diệu để cúng dường nhiều và lớn như núi Tu di, rộng như đại dương. Như là mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc cõi trời, mây tàn lọng cõi trời, mây y phục cõi trời, các thứ hương trời: hương xoa, hương đốt, hương bột... Các thứ mây trên đây thấy đều nhiều lớn như núi Tu Di. Lại thấp các thứ đèn, đèn tô lạc, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm mỗi tim đèn lớn như núi Tu Di, dầu trong đèn như nước bể cả. Đem các thứ đồ cúng dường như trên để thường cúng dường.

Tất cả những sự cúng dường đều là tối thượng và, chúng bao gồm việc cung cấp sự tu tập về mặt giáo dục vì lợi ích cho chúng sinh, cung cấp sự hỗ trợ cho tất cả những chúng sinh đang trải qua những điều kiện khó khăn, cung cấp những thuận duyên cho việc tinh tấn tu tập các điều thiện, đầu tư thì giờ và năng lực để thực hành hạnh Bồ tát vì phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật. Trong tất cả sự cúng dường, Pháp là sự cúng dường tối thượng nhất. Pháp cúng dường chính là: Tinh tấn tu hành đúng theo lời Phật dạy, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, thay thế chúng sanh chịu khổ, nhiếp thọ chúng sanh, tinh cần tu tập căn lành, không bỏ hạnh Bồ Tát, chẳng rời tâm Bồ

Đề, tất cả những nỗ lực ấy chính là cúng dường Pháp, công đức so với những thứ khác thì vô lượng vô biên. Và, cúng dường như thế không bao giờ kết thúc, không bao giờ mệt mỏi.

4. Sám hối nghiệp chướng (懺悔業障)

Phải tự xét rằng, từ vô thủy kiếp về quá khứ, do vô minh, phiền não mà thân, khẩu ý tạo ra vô lượng vô biên ác nghiệp. Con nguyện đem ba nghiệp thanh tịnh đối trước vô số chư Phật và chư Bồ Tát trong khắp pháp giới thành tâm sám hối, nguyện không tái phạm; thường an trú nơi giới pháp thanh tịnh đầy đủ thiện công đức. Sám hối tinh tấn trong mỗi niệm một cách bất tận không nhàm chán.

Tịnh hóa ba nghiệp bằng các phương pháp sám hối thù thắng như Hồng danh sám hối, Thủ tướng sám hối, Vô sanh Sám hối v.v... với tất cả năng lực thành tịnh của ba nghiệp.

5. Tùy hỷ công đức (隨喜功)

Tất cả căn lành, tất cả hạnh lớn khó thực hiện, tất công đức thù thắng không thể nghĩ bàn của ba đời mười phương vô số chư Phật từ lúc mới phát tâm vì muốn chúng sanh thành tựu nhất thiết trí mà xả thí thân mạng tinh tấn tu tập các căn lành, đầy đủ các ba la mật,

chúng nhập trí địa của Bồ tát, viên mãn quả vị vô thượng Bồ đề cho đến thị hiện nhập niết bàn và phân bố xá lợi, công đức dù nhỏ hay lớn con đều tùy thuận hoan hỷ và tùy hỷ một cách vô tận.

Tùy hỷ công đức không chỉ đối với tất cả chư Phật, chư đại Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn Vô học, Hữu học... mà còn bao gồm hết tất cả chúng sanh trong ba đời mười phương thế giới đã, đang và sẽ thành tựu những công đức, chẳng những thế mà còn nâng đỡ, hỗ trợ tối đa trong khả năng có thể cũng như cung cấp mọi điều kiện và tạo mọi cơ hội, thuận duyên để mỗi chúng sanh trong khả năng tốt nhất mà họ có thể thành tựu viên mãn những thiện căn công đức mà họ phát tâm vun trồng giống như chư Phật đã thành tựu trải qua nhiều kiếp không thể nghĩ bàn.

6. Thỉnh chuyển pháp luân (請轉法輪)

Trong mọi nơi và mọi lúc, khát ngưỡng, thiết tha thỉnh cầu chư Phật, chư đại Bồ tát và chư hiền thánh tăng số nhiều vô lượng trong khắp ba đời mười phương hư không pháp giới chuyển vận bánh xe chánh pháp, tức thuyết pháp để giáo hóa độ sanh; đồng thời tinh cần

tu học để vừa tự thanh tịnh hóa, vừa nâng cao kiến giải nhằm góp phần hoằng pháp lợi sanh... Trong từng mỗi niệm, một cách không dừng nghỉ, một cách không cùng tận, đem cả ba nghiệp và mọi phương tiện, thành tâm thỉnh cầu chư Phật thuyết pháp độ sanh.

7. Thỉnh Phật trụ thế (請佛住世)

Một cách không cùng tận, vì muốn lợi lạc cho hết thảy chúng sanh, con chí thành thỉnh cầu ba đời mười phương vô lượng chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn và các bậc thiện tri thức không thị hiện niết bàn mà thường trú ở đời để cứu khổ độ sanh; đồng thời tinh tấn tu học và khuyến thỉnh tất cả chúng sanh tinh tấn tu học để tự mình nhận chân và hiển lộ Phật tánh đang hiện hữu hằng hữu trong chính tâm thức của mình.

8. Thường tùy Phật học (常隨佛學)

Luôn hy hiến thân mạng để tôn trọng, bảo vệ chánh pháp. Có thể lột da làm giấy, vót xương làm bút, lấy máu làm mực để biên chép vô số kinh điển. Và, tất cả công hạnh, thần lực của chư Phật, chư đại Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác v.v... nơi vô số đạo tràng ở khắp các cõi, trong vô lượng kiếp, tùy theo căn cơ chúng

sanh, phương tiện dẫn xuất diệu âm, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, trong mỗi một niệm con đều chí thành tinh cần học hỏi và, dù cho hư không có biến mất nhưng hạnh nguyện thường theo học Phật này vẫn chẳng mảy may biến đổi chẳng khác nào hạnh nguyện của đức Tỳ lô Giá Na Như Lai.

9. Hằng thuận chúng sanh (恒順衆生)

Tất cả mọi loài chúng sanh trong tất cả các cõi trong mười phương pháp giới, hư không giới, dù có tên hay không tên, có hình hay vô hình, có sắc hay vô sắc, muôn ngàn sai khác, đủ thứ chủng loại con đều tùy thuận và kính thờ bình đẳng chẳng khác nào như cha mẹ, thầy, A La Hán hay đức Như Lai. Đối với các loài chúng sanh nếu bệnh thì con vì họ làm lương y, nếu bị lạc đường thì vì họ chỉ cho chánh đạo, trong đêm tối thì vì họ làm đuốc soi đường, nghèo thiếu thì khiến được của báu. Phát tâm tùy thuận chúng sanh vì tùy thuận chúng sanh là tùy thuận cúng dường chư Phật. Phụng sự chúng sanh là tôn trọng cúng dường chư Phật. Giúp chúng sanh hoan hỷ là làm cho chư Phật hoan hỷ vì tất cả các đức Như Lai đều lấy tâm đại bi làm thể, vì chúng sanh mà sanh tâm đại

bi, do tâm đại bi mà phát tâm Bồ đề, do tâm Bồ đề mà thành Phật. Ví như ở giữa sa mạc có cây lớn thọ vương, do gốc cây được thấm nhuần nước nên cành lá hoa quả đều tươi tốt.

Cũng giống như thế, cây thọ vương Bồ đề ở giữa sa mạc sanh tử bao la thì tất cả chúng sinh là gốc rễ, Bồ Tát là hoa, Phật là quả. Dùng nước đại bi tưới thấm gốc rễ chúng sanh thì sẽ nở hoa Bồ Tát và trí huệ kết thành quả Phật. Vì Bồ Tát dùng nước đại bi làm lợi ích chúng sanh nên thành tựu quả Phật. Do vậy quả Phật thuộc về chúng sanh, vì nếu không có chúng sanh thì tất cả Bồ Tát đều không thể thành Phật. Tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh thì lòng đại bi có thể phát sanh hoàn hảo. Dem tâm đại bi tùy thuận chúng sanh thì đó chính là cúng dường chư Phật, luôn tùy thuận sở nguyện của tất cả chúng sanh. Với đại bi tâm và lòng lợi tha vô ngã, tùy căn cơ của chúng sanh mà thiết lập các phương tiện thiện xảo để cứu hộ tất cả chúng sanh một cách bình đẳng vô phân biệt. Vì chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, vì chúng sanh mà thực hành lý tưởng Bồ tát đạo. Và vì chúng sanh mà tùy thuận một cách không mệt mỏi, không cùng tận.

10. Phổ giai hồi hướng (普皆回向)

Bao nhiêu công đức gặt hái được từ hạnh đầu tiên là Lễ kính chư Phật đến hạnh thứ chín là Tùy thuận chúng sanh đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh trong khắp hư không pháp giới, đồng thời nguyện cho tất cả chúng sanh không bị bệnh khổ, thường được an lạc, thất bại những nghiệp ác, thành tựu các nghiệp lành, đóng cửa ác thú, mở đường niết bàn, thay thế chúng sanh chịu tất cả khổ, giúp họ thành tựu viên mãn quả vị giải thoát giác ngộ. Dẫu cho hư không biến mất, chúng sanh, nghiệp chướng và phiền não không còn nhưng hạnh nguyện hồi hướng của con luôn luôn kiên vững và chẳng bao giờ kết thúc. Đó là mười hạnh nguyện viên mãn của đại Bồ Tát. Tu tập mười hạnh nguyện lớn này thì có thể thuần phục hết thấy chúng sanh, có thể tùy thuận đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, đủ hạnh nguyện hải của Bồ tát Phổ Hiền.

Đối với mọi công đức thì công đức của người nghe, giảng thuyết, biên chép, thọ trì mười hạnh nguyện này là tối thắng. Nếu vững tin vào mười hạnh nguyện này thì có thể đoạn trừ mọi khổ não, thân bệnh, tâm bệnh, năm nghiệp vô gián và tất cả các ác nghiệp; tất cả quân ma, quỷ

thần hung ác... đều lánh xa, hoặc phát tâm theo hộ trì. Người trì tụng mười hạnh nguyện này thì ở giữa thế gian không bị chướng ngại, như mặt trăng sáng, được chư Phật, Bồ tát ngợi khen, đáng được tất cả trời người đều lễ kính, chúng sanh cúng dường. Có được thân người, đầy đủ công đức của Phổ Hiền, chóng thành tựu sắc thân vi diệu, có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, nếu sanh trong cõi người hay cõi trời thì sanh trong dòng họ cao quý, phá trừ các đường ác, xa lìa tất cả bạn ác, chế phục tất cả ngoại đạo, giải thoát tất cả phiền não, xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của tất cả chúng sanh. Phút cuối lâm chung, thân thể biến hoại, tất cả tài sản, địa vị, quyến thuộc bạn bè đều không thể mang theo ngoại trừ mười nguyện lớn này.

Do mười nguyện lớn này mà chỉ trong khoảnh khắc sanh về cõi Cực Lạc, thấy đức Phật A Di Đà và các vị Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Di Lặc, v.v... có đủ sắc tướng đoan nghiêm, công đức viên mãn vây quanh. Người có đủ mười nguyện lớn này tự thấy từ hoa sen báu hóa sanh, được đức Phật xoa đầu thọ ký. Trải qua vô số kiếp, ở khắp vô số cõi, tùy theo tâm của chúng sanh, dùng sức trí tuệ tạo nên

những lợi ích. Sẽ chóng ngồi nơi đạo tràng Bồ Đề, hàng phục ma quân, thành Phật và vì chúng sanh trong vô số cõi, nhiều vô lượng kiếp, thuyết giảng giáo pháp vi diệu khiến vô số chúng sanh đều được thành thực và lợi ích không thể cùng tận.

Ài nghe, tin, thọ trì, đọc, tụng, biên chép, giảng thuyết mười nguyện vương này thì chỉ Phật mới biết hết công đức của họ. Do vậy chớ có nghi ngờ mà hãy tinh tấn hành trì. Người thọ trì mười nguyện lớn này chỉ trong một niệm, thành tựu tất cả hạnh nguyện, phước đức vô lượng vô biên, có thể ở trong biển phiền não sinh tử khổ đau mà cứu độ chúng sanh, khiến chúng sanh được giải thoát, được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

Chương 3

TOÁT YẾU TƯ TƯỢNG HOA NGHIÊM TÔNG

Kinh Hoa Nghiêm là bộ Kinh thuộc Đại thừa Viên giáo, trình bày về sự vận hành của tâm thức cũng như nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu hay nói cách khác là pháp giới và sự thực tập các pháp môn để thể nhập pháp giới Nhất chân. Hoa Nghiêm tông cho rằng vạn pháp đều được sinh ra từ tâm thức, cái tâm ấy vốn tròn sáng, thường hằng (Nhất tâm chân như) nhưng bởi phiền não vô minh che lấp mà sinh ra muôn vàn vọng tưởng điên đảo; do các nhân duyên, tất cả các pháp tức mọi hiện hữu nương nhau khởi sinh, trùng trùng vô tận (Pháp giới duyên khởi). Vì tự tánh của mọi hiện hữu đều rỗng lặng

(Không) nên chúng trùng trùng duyên nhau nên muôn sự muôn vật đều hàm dung, nhiếp nhập lẫn nhau, không có chướng ngại. Ở trong tự tánh vô ngại này mà quyền biến lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, thành tựu trí - hạnh trang nghiêm cũng tức thể nhập pháp giới nhất chân, là thế giới Phật - chúng sanh đồng nhất, Tịnh - uế không hai, đồng quy pháp tánh Tỳ Lô Xá Na, vào biển tuệ Hoa Nghiêm thâm sâu bao la vô tận.

I. Nhất Tâm Chân Như

Nhất tâm chân như hay còn gọi là Chân như, Nhất tâm hay Chân tâm, là tâm “đệ nhất tịch diệt, không có pháp để phô trương, không có đạo để kiến lập..., nói theo chánh lý thì chỉ là trở về nhất tâm Phật thừa, không còn việc gì khác”¹. Tâm này chính là Phật tâm, bản giác uyên nguyên thường tồn trong mỗi chúng sanh, đặc tính của nó là chẳng sinh cũng chẳng diệt, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng một cũng chẳng khác, chẳng đến cũng chẳng đi “不生亦不滅, 不常亦不斷, 不一亦不異, 不來亦不出” (Bất sinh diệt bất diệt, Bất thường diệt bất đoạn, Bất nhất diệt bất dị, Bất lai diệt bất

1 Thiền sư Diên Thọ, Tông Cảnh Lục

xuất²). Phật - Tâm - Chúng sanh đồng nhất thể. Tuy nhiên, chúng sanh vì bị phiền não vọng niệm che lấp bản tánh nên nghiệp thức mê hoặc, khởi lên những điên đảo, vọng tưởng nhận giả làm chân, chấp hư là thật, từ đó mà hoạt hiện muôn vàn các pháp sai biệt. Như bóng trăng hiện dưới nước, kẻ trí biết chẳng phải thật nên tùy duyên tự tại, kẻ mê chấp nhầm cho là thật có mà khởi lên muôn sự phân biệt; kẻ trí nhân bóng mà thấy hình, nơi vọng mà kiến chân, kẻ mê thấy bóng cho là hình, chấp vọng là chân từ đó làm nhân trôi lăn trong sanh tử, đều từ vô minh (vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử). Nếu vô minh diệt thì hành diệt ... cho đến lão tử diệt. Nên nói, Phật do tâm mà phạm phu cũng do tâm, sanh tử do tâm mà Niết bàn cũng do tâm... đây cũng chính là chân lý “Nhất thiết duy tâm tạo” mà kinh Hoa Nghiêm chủ xướng.

Trong Bát Thập Hoa Nghiêm (八十華嚴) quyển 19, phẩm thứ 20: Dạ Ma Cung Trung Kệ

2 Nāgārjuna, Trung Luận (中論 - Madhyamaka-Sāstra)

Tán (夜摩宮中偈讚品), Bồ tát Giác Lâm (覺林菩薩) đã tuyên thuyết rằng:

若人欲了知、
三世一切佛、
應觀法界性、
一切唯心造

*(Nhược nhân dục liễu tri
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo.)*

Nghĩa là: Nếu người nào muốn hiểu rõ ba đời mười phương Chư Phật, nên quán chiếu để thấy rõ tánh của pháp giới, tất cả đều do tâm tạo tác.

Hay trong phẩm Dạ Ma Thiên Cung Bồ Tát Thuyết Kệ (夜摩天宮菩薩說偈品) nói:

心如工畫師、
畫種種五陰；
一切世界中、
無法而不造

*(Tâm như công họa sư
Họa chủng chủng ngũ ấm
Nhất thiết thế giới trung
Vô pháp nhi bất tạo)*

Nghĩa là:

Tâm như vị họa sư
Vẽ các thứ ngũ ấm
Mọi sự trong thế giới
Không pháp gì chẳng tạo.

Hai bài kệ trên đã tổng quát hết thủy yếu nghĩa về Tâm hàm dung tất cả các pháp thế lẫn xuất thế gian, tục đế lẫn chân đế, pháp giới tướng lẫn pháp pháp giới tánh. Tâm chân là tâm thanh tịnh, bình đẳng, quán sát muôn pháp tịch diệt, như thị; Tâm vọng thì điên đảo, vọng động, nhìn thấy vạn tượng sai biệt, hình hình sắc sắc. Hay nói theo luận Đại Thừa Khởi Tín là Tâm chân như và tâm sanh diệt. Tuy nhiên, dù là Chân (bất sinh bất diệt) hay Vọng (sinh diệt) thì chúng vẫn luôn tương ứng bất nhị, chẳng phải một cũng chẳng phải khác.

Trên góc độ pháp giới tướng mà nói thì hiện thực vật lý các pháp trên thế gian đều từ nơi tâm mà tạo tác ra tất cả, như nhà họa sư vẽ nên bức tranh đầy màu sắc. Ví dụ, thế giới chúng ta ngược về 100 năm về trước so với hiện tại quả thật khác xa rất nhiều. Thế giới ngày nay với những tòa nhà chọc trời, những trang thiết bị hiện đại, những phương tiện giao thông di chuyển trên không thậm chí là những con tàu

phóng tầm ra khỏi Trái đất để khám phá sự bao la vô tận của vũ trụ ngoài kia... điều mà cách đây 100 năm chúng ta có thể xem là những thứ viễn vong, chỉ nằm trong tưởng tượng. Thử hỏi, sự cải tiến, thay đổi diện mạo đó từ đâu phát sinh? Phải chăng đều hoàn toàn được tạo ra bởi con người? Nói chính xác là tâm tưởng của con người? Một sản phẩm vật chất trước khi ra đời trước tiên nó phải nằm trong tư duy, tưởng tượng sáng tạo (Tâm) của con người, thêm vào đó là sự hỗ trợ của nhiều yếu tố khác mà Phật giáo gọi là nhân duyên để những ý tưởng đó được hiện thực hóa. Ngay cả với tướng trạng của chính con người, chúng ta cũng thường nghe nói “Tướng tùy tâm sanh”. Vì vậy có thể nói, tâm là họa sư vẽ ra tất cả các pháp, vẽ ra các cảnh tượng, hiện trạng muôn màu muôn vẻ, tùy nơi tâm thanh tịnh hay nhiễm ô, chân hay vọng mà thế giới hiện ra thanh tịnh hay nhiễm ô, an lạc hay đau khổ, thế giới hòa bình hay chiến tranh, an toàn hay tệ nạn, ổn định hay bất ổn... cũng do nơi tâm của con người tạo ra. Vì thế trong phẩm Thế Giới Thành Tựu, Bồ Tát Phổ Hiền có nói:

“Những chúng sanh nhiễm ô
Nghiệp phiền não đáng sợ

Tâm họ khiến quốc độ
Tất cả thành nhiễm ô”

Và:

“Vô lượng số chúng sanh
Đều phát Bồ đề tâm
Tâm họ khiến quốc độ
Trụ kiếp thường thanh tịnh”³.

Qua đây có thể thấy, tâm niệm của chúng sanh khác nhau chỉ ở một sát na chân hay vọng mà tạo ra muôn vàn sai biệt, từ nơi vọng tưởng phân biệt mà mọi vật được tưởng tượng ra⁴.

Bên cạnh đó, cùng một vấn đề mà tùy theo căn cơ, trình độ, môi trường sống, sự tiếp nhận giáo dục... khác nhau mà mỗi người lại có cách nhìn và lý giải khác nhau và do đó, dưới sự khác biệt trong ý thức và suy niệm (Tâm) mà bản chất các pháp vốn là “như thị” lại thành có pháp tốt, pháp xấu, pháp cao, pháp thấp... Như câu chuyện của hai vị tăng thời Lục tổ Huệ Năng tranh luận về “gió động hay phướn động”, thật ra chẳng phải gió động hay phướn động mà là tâm người động⁵. Bởi tâm động mà thấy có muôn vàn các

3 Ht Thích Trí Tịnh dịch

4 Ht Thiện Siêu dịch, Thành Duy Thức luận

5 Pháp Bảo Đàn Kinh, Sđd.

pháp vọng động sai biệt. Nên nói: “Tất cả thân, sự nghiệp, khí thể gian... đều là bóng dáng của tạng thức, hai tướng năng thủ và sở thủ hiện ra, bởi người ngu sa vào hai kiến chấp sinh diệt nên trong hư vọng khởi phân biệt hữu vô”⁶. Hay như ngài Tông Mật (đệ ngũ tổ Hoa Nghiêm tông) cũng cho rằng, ngoài tâm thể nhất chân sáng suốt ra thì tất cả đều hư vọng, do mê lầm mà hư vọng nương gá nơi chân tâm mà sanh khởi, nếu biết dùng Trí bối vọng hiệp chân, đoạn ác tu thiện thì Pháp thân Phật hiện tiền⁷. Pháp thân Phật ở đây chính là bản thể viên minh của vũ trụ, là chân tâm bản giác uyên nguyên trong mỗi chúng sanh mà Kinh Hoa Nghiêm gọi là Nhất tâm (phẩm Thập Địa), Pháp giới Nhất chân (Hoa Nghiêm Kinh Số Sao) hay Pháp thân Đức Tỳ Lô Giá Na (phẩm Tỳ Lô Giá Na), Pháp Bảo Đàn Kinh gọi là Tự tánh thanh tịnh - năng sinh vạn pháp, Kinh Pháp Hoa gọi là Phật Tánh, Kinh Niết Bàn gọi là Ngã hay Pháp Thân Thường Trụ, Kinh Bát Nhã gọi là Tánh Không, Kinh Lăng Già gọi là Đạo hay Như Lai Tạng, Kinh Lăng Nghiêm gọi là Tánh Giác Diệu Minh hay Diệu tánh Chân Như,

6 Kinh Lăng Già

7 GS. Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, *Tánh Khởi Và Duyên Khởi*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2003, tr.69-70

Nhiếp Đại Thừa Luận gọi là Chân như và Trung Quán Luận gọi là Trung đạo...

Pháp giới tánh là thể tánh, bản thể, bản chất của pháp giới, xét cho cùng là sự tròn đầy khắp mười phương⁸. Bản chất ấy cũng do tâm tạo ra, Ta bà hay Tịnh độ, khổ đau hay giải thoát, sinh tử hay niết bàn, chúng sanh hay Phật... cũng không ra ngoài một niệm tâm, bởi lẽ “căn bản của sanh tử luân hồi là Vọng Tâm, căn bản của bồ đề niết bàn là Chân Tâm”⁹. Nên nói, Viên mãn toàn giác, muôn đức trang nghiêm là pháp giới chư Phật; tấn tu lục độ, hành hạnh lợi tha là pháp giới Bồ Tát; chấp pháp nhân duyên, vào lý Thiên không là pháp giới Duyên Giác; tu tập tứ đế, chứng nhập tứ quả là pháp giới của Thanh văn; tu thập thiện nghiệp, thích quả hữu lậu là pháp giới của chúng trời; siêng tu ngũ giới, ái nhiễm chưa đoạn là pháp giới của cõi người; sân tâm đấu tranh, kiêu mạn hiếu thắng là pháp giới A tu la; tạo các ác nghiệp, thọ báo khổ hình là pháp giới của Địa ngục; tham lam bỏn xẻn, ái kiến chấp trước là pháp giới Ngạ quỷ; mê đắm tham dục, ngu si tà kiến là pháp giới Súc sanh.

8 Kinh Viên Giác

9 Kinh Thủ Lăng Nghiêm

Tất cả đều chịu sự chi phối của nghiệp quả, mà nghiệp tạo ra cũng từ tâm. Pháp tướng tông nói: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, thức là cách nói khác của vọng tâm, những cảnh sở duyên trên do các thức biến hiện, tức đều từ nơi tâm chúng sanh mà hoạt hiện ra hết thảy các cảnh giới, kiếp sống khác nhau:

“Trước từ một niệm sau thành kiếp
 Sanh ra đều do tâm chúng sanh”.

(phẩm Thế Giới Thành Tựu)

Cũng có nghĩa: Ba cõi chỉ là Nhất tâm, ba đời chỉ là Nhất niệm (phẩm Thập Địa) hay “Trong muôn sự, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả”¹⁰ và, vì do tâm sinh ra thì cũng từ nơi tâm mà diệt. Nên nói, “phàm phu tức là Phật, phiền não tức Bồ đề”¹¹, “không lìa sanh tử, riêng có Niết bàn”¹², giữa Tâm, Phật và chúng sanh cả ba vốn không có sai khác (phẩm Dạ Ma Cung Kệ Tán), thường ở nơi uế trước mà tự tại vô ngại, hành hạnh lợi tha, ở trong sáu trần mà vào cảnh Chánh định, như Kinh vẫn nói:

10 Kinh Pháp Cú

11 Kinh Pháp Bảo Đàn, Sđd.

12 Nāgārjuna, Sđd.

“Ở trong nhãn căn nhập chánh định
Nơi trong sắc trần từ định xuất”
(*phẩm Hiền Thủ*)

Cũng như: “dùng sắc thân để thành tựu chúng sanh... dùng không nhiễm trước để thành tựu chúng sanh” (phẩm Ly Thế Gian).

Tuy nhiên, chân lý duy tâm của Phật giáo khác hoàn toàn với lý luận tư tưởng thuộc trường phái Duy tâm (đối nghịch với Duy vật) của pháp học thế gian. Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là Hoa Nghiêm tông chủ trương Tâm làm chủ vạn pháp, hay “do tự tâm chấp trước, tâm hiện tợ cảnh bên ngoài, cảnh được thấy đó chẳng phải có thật”¹³, từ tâm sinh cũng từ tâm mà diệt, song Phật giáo không hề phủ nhận thực tại khách quan hiện hữu bên ngoài (khác với trường phái Duy tâm cho rằng mọi thứ chỉ tồn tại bên trong tinh thần thuộc hệ tầng ý thức) mà công nhận chúng dưới góc nhìn “thật tri” (Hoa Nghiêm tông) và “như thị” (Thiên Thai tông) thông qua “Nguyên lý duyên sinh” hay “duyên khởi”.

13 Kinh Lăng Già, Sđd.

II. Pháp Giới Duyên Khởi

Một trong những giáo lý cơ bản và độc đáo nhất của Phật giáo là khái niệm *Duyên khởi* (緣起, P: Paṭicca-samuppāda, S: Pratītya-samutpāda). Đức Phật đã tuyên bố trong một số đoạn thuộc hệ Kinh điển Pali như một quy luật tự nhiên, sự tồn tại của mọi hiện hữu dựa vào sự tương tác tổng hợp của nhiều yếu tố và điều kiện khác nhau. Mọi thứ đều đan xen và phụ thuộc lẫn nhau. Mỗi hành động đều tác động đến mọi hành động khác. Mọi thứ tồn tại là do sự tồn tại của những thứ khác. Những gì đang xảy ra ngay bây giờ là sự tiếp nối của những gì đã xảy ra trong quá khứ và, nó là sự tiếp nối của những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Đây là giáo lý về Duyên khởi ở dạng cơ bản nhất: Thập Nhị Nhân Duyên) (十二因緣, P: Dvādasanidānāni, S: Dvādaśanidānāni). Giáo lý này có nhiều tên gọi khác nhau, bao gồm Duyên Khởi, Tánh Không, Trung Đạo, Giả Danh, Khởi Nguyên Có Điều Kiện và, Mối Quan Hệ Nhân Quả v.v... Pratitya-Samut Pada là từ tiếng Phạn của Duyên khởi. Paṭicca-samuppada, Paṭicca-samuppada, và Paṭichcha-samuppada (Thập Nhị Nhân Duyên) đều là những cách viết có thể

có của từ Pali liên quan. Dù chúng ta muốn gọi nó là gì thì, Duyên khởi cũng chính là một khái niệm cơ bản của tất cả các trường phái Phật giáo, bao gồm cả truyền thống Nguyên Thủy, Đại thừa và Kim Cang Thừa.

Chỉ mất vài phút tự suy ngẫm để thấy khái niệm về bản thân thực sự dễ uốn nắn như thế nào. Bản thân là một người khác khi ở nơi làm việc so với khi ở cùng gia đình, khi ở cùng bạn bè hoặc khi ở cùng vợ chồng, con cháu v.v... ngay cả khi chỉ ở một mình. Con người của ta hôm nay có thể không phải là con người của ta ngày mai, khi tâm trạng ta thay đổi, từ việc bị đau đầu, bị mất việc hoặc được trúng xổ số... Không có cái tôi đơn lẻ nào được phát hiện ở bất cứ đâu – chỉ có vô số tập hợp xảy ra trong hiện tại và bị ảnh hưởng bởi vô số sự kiện khác. Anicca (vô thường) và, vô ngã (anatta) mô tả mọi hiện tượng trong vũ trụ của chúng ta, bao gồm cả con người, không có ngã thể, hoàn toàn vô ngã. Dukkha (khổ) là do chúng ta không thể nắm bắt được thực tại tối hậu. Nói cách khác, Ta giống như những con sóng trong nước, ở chỗ ta là một hiện tượng của chính ta. Đại dương là sóng. Đại dương và những con sóng của nó không thể tách rời, mặc dù thực tế rằng sóng là

những hiện tượng riêng biệt. Không có gì bị lấy đi khỏi đại dương khi gió hoặc thủy triều tạo ra sóng. Mọi thứ trong đại dương vẫn giữ nguyên như trước khi chuyển động của sóng dừng lại. Trong khoảnh khắc hiện tại, nó xuất hiện và sau đó biến mất do một số lý do.

Về cơ bản, Đức Đạt Lai Lạt Ma nói thêm rằng giáo lý Duyên khởi loại trừ hai khả năng: “ý tưởng rằng mọi thứ có thể bắt nguồn từ hư không, không có nguyên nhân và hoàn cảnh, và khả năng mọi thứ có thể phát sinh nhân danh một nhà thiết kế hoặc người sáng tạo siêu việt.” Cả hai lựa chọn thay thế này đã bị loại trừ. Có rất nhiều mối liên hệ giữa khái niệm Duyên khởi và các giáo lý khác, bao gồm cả những giáo lý về nghiệp và tái sinh. Kết quả là hiểu được Duyên khởi là điều cốt yếu để hiểu gần như mọi khía cạnh của tư tưởng và thực hành Phật giáo. Giáo nghĩa Duyên khởi đã được Hoa Nghiêm tông khai dụng đúng mức. Ở cấp độ tối hậu, tất cả những gì tồn tại là Không tính hay bản chất thuần khiết không phân biệt; tuy nhiên, ở mức độ quy ước hay tương đối, tất cả những gì tồn tại đều phụ thuộc và bắt nguồn từ nhau. Trong giáo lý về Mười hai Nhân duyên, sự phụ thuộc lẫn nhau từ một đời sống hữu hạn

cho đến muôn hữu vũ trụ vô hạn đã xác chứng nguồn gốc của vạn vật được sinh khởi như thế nào và hủy diệt ra làm sao. Kết quả là, chúng được gọi là Duyên khởi, liên quan đến tất cả thế giới hiện hữu ở mọi trạng thái và cấp độ như chúng ta đã biết và chưa biết. Mặc dù giáo nghĩa Hoa Nghiêm nói với chúng ta rằng mọi thứ đều có bản chất thanh tịnh, rỗng lặng và hoàn toàn vô ngã; tuy nhiên qua những trải nghiệm hàng ngày của chúng ta về nội ngã và thế giới xung quanh thì tất cả chỉ là một vũ trụ tương đối, một vũ trụ của sự xuất hiện tương thuộc. Lý do ở đây không gì khác hơn chính là bởi tâm thức của chúng ta đang vẫn còn mê muội nên mọi thứ xuất hiện từ nội tâm đến ngoại cảnh đều ngàn sai muôn biệt, muôn vẻ muôn màu.

Sự phụ thuộc vào nguyên nhân và điều kiện, sự phụ thuộc vào các thành phần và ý thức dán nhãn là tất cả các ví dụ về Duyên khởi trong kinh điển Phật giáo. Ngược lại, Trường phái Trung Quán Cự Duyên (中觀具緣) còn gọi là Trung Quán Ứng Thành Tông (中觀應成宗, sa. *prāsaṅgikamādhyaṃika*) tập trung vào ý nghĩa thứ hai, Trung Quán Ứng Thành Tông hay Quy Mậu Luận Chứng Phái (歸謬論証, S. Prasaṅga) do các ngài Phật Hộ (Buddhapalita),

Thánh Thiên (S. Āryadeva), Nguyệt Xứng (月稱, Chandrakirti) và Tịch Thiên (寂天, sa. Śāntideva,) là một luận sư Phật giáo kiêm thi hào Ấn Độ sống vào khoảng thế kỷ thứ VII - VIII chủ xướng. Trường phái này cho rằng Pháp giới và Tâm giới bao gồm cả tục đế lẫn chân đế đều hoàn toàn không có tự tính trong khi Trường phái Trung Quán Y Tự Khởi Tông (中觀依自起宗, S. Svātantrika-mādhyamika) do ngài Thanh Biện (清辯, S. Bhāvaviveka, thế kỷ thứ VI)) khai sáng tập trung vào ý nghĩa thứ ba cho rằng Pháp giới có tự tính mang tính tục đế.

Chính giáo nghĩa Duyên khởi đã giải thích lập trường Phật giáo một cách rõ ràng và đã được tất cả những người theo đạo Phật hành trì và lưu bố trong suốt quá trình lịch sử tuyên dương chánh pháp. Nhân quả là một tiến trình tương hỗ của vô số điều kiện. Nhân quả nghiệp báo mô tả cách những tác ý và hành vi hiện tại của chúng ta sẽ định hình tương lai của chính mình. Mười hai mắc xích duyên khởi (Thập nhị Nhân duyên) tương thuộc và tương sinh nhưng cũng tương diệt và tương hủy. Cả niềm tin rằng một thế lực bên ngoài nào đó, chẳng hạn như một vị thần sáng tạo hay niềm tin rằng niềm vui và nỗi buồn của con người không gì khác

hơn là kết quả của sự kết hợp và tương tác của các phần tử, bị chi phối bởi nhân quả bên ngoài, đều bị khước từ trong tư tưởng độc đáo của Hoa Nghiêm. Khi nói đến triết học Phật giáo, đặc biệt là tuệ giác Hoa Nghiêm là nói đến sự đối nghịch với lập luận cho rằng cảm giác vui sướng và đau khổ của chúng ta là do những thứ bên ngoài tâm thức của chúng ta gây ra. Không, tất cả hạnh phúc và khổ đau đều do tâm tạo tác. Tất cả chúng ta đều muốn hạnh phúc và xa lánh đau khổ và, trong nhiều trường hợp, chúng ta muốn giúp người khác làm điều tương tự. Ngay cả những nỗ lực có chủ ý tốt nhất để giảm thiểu đau khổ cũng chỉ có thể có tác động hạn chế nếu chúng ta không biết rõ nguyên nhân nào gây ra khổ đau. Điều cần nhớ thật kỹ và thật rõ, tất cả đều xuất phát từ tâm của chúng ta.

Giáo lý của Đức Phật khai thị mối liên hệ giữa thế giới bên ngoài và bản thân chúng ta. Khi chúng ta tiếp xúc với một đối tượng hay một vật thể nào đó, chúng ta thường dành thời gian để tìm hiểu về hình dáng bên ngoài của chúng, như thế thì, chúng ta sẽ không thể hiểu chúng một cách đích thực như chính chúng đang là vì thế chúng ta dễ dàng bị chúng chi phối và sai khiến. Con người chúng ta còn nhiều điều

tốt hơn như là những gì chúng ta ghi công cho nó. Khả năng nhận ra sự phụ thuộc lẫn nhau bên trong của chính chúng ta là điều quan trọng nhất cho sự phát triển của chính chúng ta. Hiểu cách thức hoạt động của sự phụ thuộc lẫn nhau trong tâm trí của mình cho phép chúng ta hiểu cách thức mà mỗi mối liên hệ trong số mười hai mối liên hệ nhân quả tuần tự tạo ra một mối liên hệ khác. Một kết nối được thiết lập giữa cái này và một cái khác và, chúng ta biết rằng cái khác này là hạt giống mà từ đó tác động của cái đó sẽ tạo nên sự phát triển. Kết quả là, chúng ta hiểu rõ hơn về cách trải nghiệm bên trong của chúng ta được xây dựng thông qua sự liên kết dần dần của nhiều khía cạnh. Tiến trình mắc xích tạo luân hồi và trình tự tháo gỡ, phá bỏ quy trình này để dẫn đến con đường giải thoát giác ngộ có thể được tìm thấy ngay trong giáo lý về sự phụ thuộc lẫn nhau.

Có nhiều bộ Kinh ghi rõ giáo nghĩa Duyên khởi được thuyết giảng bởi Đức Phật nhưng có hai thể loại chính liên quan đến khái niệm về sự xuất hiện tương thuộc đó là loại xác định nguyên tắc chung và loại mô tả chi tiết các thành phần riêng lẻ được kết nối với nhau thành một chuỗi xích. Nguyên tắc hay quy luật chung để lý giải

về sự hình thành và hủy diệt của mọi hiện hữu bằng bốn câu kệ như trong các Kinh số: 292-299 và 348-350 trong Kinh Tập A Hàm hay trong Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya), ở bản Kinh Phật Tự Thuyết (Udāna) Đức Phật đã dạy:

**“Imasmim sati idam hoti
Imasmimasati Idamna hoti
Imassuppāḍḍa idam uppajjati
Imassa nīdrdhāidam nirujjhati”**
此有故彼有 (*Thử hữu cố bỉ hữu*)
此生故彼生 (*Thử sanh cố bỉ sanh*)
此無故彼無 (*Thử vô cố bỉ vô*)
此滅故彼滅 (*Thử diệt cố bỉ diệt*)

Có nghĩa là:

Cái này có nên cái kia có
Cái này sinh nên cái kia sinh
Cái này không nên cái kia không
Cái này diệt nên cái kia diệt.

Về quy luật chi tiết cũng đã được nhiều bộ Kinh ghi rõ trong đó có *Trung Bộ Kinh* (Majjhima Nikaya), *Kinh số 115*. Bahudhātuka sutta (Kinh Đa Giới), Đức Phật dạy: “... Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái

này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ananda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: “Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi”.¹⁴

Từ một khuôn khổ, nguyên tắc chung, định dạng trước thường được sử dụng để lý giải cho định dạng sau và, định dạng sau thì phổ biến hơn và thường được biểu thị đơn lẻ, chi tiết nhưng không mất đi tính nối kết, tương thuộc mà ngược lại. Để giải thích về lý Duyên khởi, Nhất Thiết Hữu Bộ (說一切有部, Sarvāstivāda, S.. sarvāstivādin) gọi tắt là Hữu Bộ, một bộ

14 Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch

phái cho rằng tất cả pháp đều tồn hữu (*nhất thiết hữu*, sarvam asti) và “Ngã vô pháp hữu” đã chủ xướng học thuyết 6 nhân (sad-hetavah) gồm: Câu hữu nhân, Đồng loại nhân, Biến hành nhân, Tương ứng nhân, Dị thực nhân, Năng tác nhân và, 4 duyên (catvārah pratyayāh) gồm: *Nhân duyên* (因緣), *Đẳng vô gián duyên* (等無間緣), *Sở duyên duyên* (所緣緣), *Tăng thượng duyên* (增上緣). *Trung Quán Luận* cũng đề cập đến 4 duyên: *Nhân duyên* (因緣), *Thứ đệ duyên* (次第緣), *Duyên duyên* (緣緣) và *Tăng thượng duyên* (增上緣).

Trong giáo lý *Thập Nhị Nhân Duyên* thì Mười Hai Nhân Duyên được chia thành ba thời như sau:

A. Quá khứ:

1. Vô minh (無明, S. avidyā, P. avijjā):
Không hiểu rõ bản chất của mọi hiện hữu
 2. Hành (行, S. saṃskāra, P. saṅkhāra):
Động lực tạo tác
- 5 nhân:** 1, 2, 8, 9, 10

B. Hiện tại

3. Thức (識, S. vijñāna, P. viññāṇa): Sự thấy biết, thức tái sinh

4. Danh sắc (名色, S., P. nāmarūpa): Tâm và vật
5. Lục nhập (六根, S. ṣaḍāyatana, P. saḷāyatana): Sáu căn, sáu giác quan
6. Xúc (觸, S. sparśa, P. phassa): Sự tiếp xúc giữa lục căn và lục trần
7. Thọ (受, S, P. vedanā): Cảm thọ
5 quả: 3, 4, 5, 6, 7
8. Ái (愛, S. trṣṇā, P. taṇhā): Ham muốn
9. Thủ (取, S, P. upādāna): Sự chấp thủ
10. Hữu (有, S, P. bhava): Sự có mặt, tồn tại, nghiệp quả gồm Dục hữu, Sắc Hữu và Vô sắc hữu, Nghiệp hữu (kamma-bhava)
5 nhân: 1, 2, 8, 9, 10

C. Vị lai:

11. Sinh (生, S., P. jāti): Thọ sanh, khởi sanh...
12. Lão tử (老死, S., P. jarāmaraṇa): Già, chết
5 quả: 3, 4, 5, 6, 7

Sự tương tục của tính liên kết và tương quan được thể hiện bởi nguyên lý Duyên khởi minh họa cho sự phụ thuộc lẫn nhau. Mọi thứ được kết nối, phụ thuộc và tồn tại trong mối quan hệ với nhau, chúng được tạo thành từ nhiều yếu tố

khác nhau, do thế tất cả mọi thứ tồn tại đều vô thường và không có thực thể nội tại; tất cả mọi thứ đều không có nguyên nhân đầu tiên.

Trong phẩm Nhân Duyên của Trung Luận ngài Long Thọ đã nói:

“諸法不自生
亦不從他生
不共不無因。
是故知無生”

*“Chư pháp bất tự sinh,
Diệc bất tùng tha sinh,
Bất cộng bất vô nhân,
Thị cố tri vô sinh”.*

Nghĩa là:

“Các pháp chẳng tự sinh
Cũng chẳng từ tha sinh
Chẳng cộng không vô nhân
Nên đều biết vô sinh”.

Trên bình diện lịch sử, trải qua quá trình phát triển giáo nghĩa Duyên khởi được chia thành 5 loại căn bản như sau:

- 1- Nghiệp cảm Duyên khởi (業感緣起) trong thời kỳ Bộ phái Phật giáo;
- 2- Tánh không Duyên khởi (性空緣起) của học phái Trung Quán;

- 3- A lại da Duyên khởi (阿賴耶緣起) của Du già hành pháp;
- 4- Như Lai tạng Duyên khởi (如來藏緣起) còn gọi là Chân như Duyên khởi (真如緣起)
- 5- Pháp giới Duyên khởi (法界緣起) trong “Kinh Hoa Nghiêm.

Ý nghĩa của **Pháp giới** (法界) rất rộng và bao gồm nhiều loại pháp giới, chỉ cho muôn hữu vũ trụ như Thập pháp giới của Lục phẩm, Tứ thánh...

Pháp Giới Duyên Khởi trong Kinh Hoa Nghiêm có nghĩa là vạn vật trong vũ trụ đều khởi sinh từ Như Lai Tạng, bản tâm thanh tịnh của tự tánh. Do vậy dù là “một” (toàn thể) hay “nhiều” (bộ phận) hay dù là bản thể hay hiện tượng, tất cả các pháp đều phát xuất từ quy luật Tương tức (相即), Tương nhập (相入). Ví dụ, mỗi chúng sanh không tồn tại biệt lập trong Tam giới, Lục đạo mà tất cả chúng sinh được liên kết với nhau để thành tựu; giống như các chuỗi hạt trên lưới Indra (Nhân đà-la-võng, 因陀羅網), chúng phản chiếu trùng trùng vô tận và có độ sáng rực rỡ vô hạn. Do đó, Pháp Giới Duyên Khởi được hiểu là “Viên dung vô ngại” (圓融無礙), Trùng trùng vô tận (重重無盡)

và, “Tương tức tương nhập” (相即相入). Có thể nói Pháp Giới Duyên Khởi đã đạt đến đỉnh cao của tư tưởng Phật giáo.

Dưới góc nhìn Hoa Nghiêm, mọi sự vật, hiện tượng đều được liên kết với nhau qua mắc xích Nhân - Duyên - Quả. Tâm làm chủ các pháp (nhân), dưới sự hỗ trợ của duyên (tác nhân) mà quả được thành (thực tại khách quan). Theo cách hiểu này thì bản thân nhân cũng là một duyên và duyên cũng là một nhân; “cái này có cái kia có, cái này sinh cái kia sinh, cái này diệt cái kia diệt”¹⁵ cũng tức nói “Pháp giới duyên khởi” hay “Pháp giới trùng trùng duyên khởi”. Nếu nói “nhất tâm chân như” là phần “tĩnh” của chân như hay chân tâm thì “pháp giới duyên khởi” chính là phần “động”. Và vì các pháp đều phát xuất từ tâm, nhờ duyên hòa hợp mà thành nên không có tự tánh, không có chủ thể, vô tướng, bất sanh bất diệt và vô công dụng hạnh (phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm). Chẳng hạn như một ngôi nhà muốn thành hình trước hết nó phải nằm trong tâm của con người, dưới tác động của các duyên ngoại lai như nhân lực, cát, đá, nước, xi măng... mà ngôi nhà được

15 Kinh Phật Tự Thuyết (Tiểu Bộ Kinh I)

tạo ra, trở thành thực tại hiện hữu. Chính bởi ngôi nhà thực sự đang có mặt, có thể dùng giác quan để cảm nhận được nên hiện tượng ta thấy Có (Diệu hữu) nhưng bản chất ngôi nhà là Không, không có tính riêng cố định, không thường hằng bất biến (Chân không). Ta không thể gọi ngôi nhà là cát hay xi măng... được vì chúng là tổng hòa của các duyên, cứ như vậy mà truy nguyên đến cùng các thành tố trong từng yếu tố cũng không có một tự tánh nào cả, do đó nói thực tại vạn pháp hiện tượng là Có, do duyên hòa hợp mà thành; bản chất là tánh Không, không có tự tánh, không thường hằng vĩnh cửu. Như kinh nói:

“Tất cả các pháp vô sở hữu
 Diễn thuyết các pháp không, vô chủ
 Như huyễn, như diệm, trăng dưới nước
 Cũng như giấc mơ cùng bóng tượng”.
 (*phẩm Hiền Thủ*)

Chân không là thể tánh tuyệt đối của chân như, ly ngôn luận, lìa đối đãi, bất khả tư nghì. Diệu hữu là sự có mặt như thật của muôn pháp, còn gọi là Như Lai Tạng hay Nhất tâm¹⁶. Từ nơi

16 Asvaghosha, Tỷ kheo Thích Giác Quả dịch, *Luận Khởi Tín Đại Thừa*, Nxb Thuận Hóa - Huế, 2012, tr.18

Thể Chân không và Tướng Diệu hữu mà ứng hoạt nghiệp Dụng trùm khắp pháp giới. Song, Có và Không tuy hai mà một, Hữu - Không bất tương ly, nhờ Có và Không mà các pháp được tương sinh, tương thành (dĩ hữu không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành)¹⁷.

Tồn tại (existence) theo Phật giáo là sự có mặt trong mối tương quan giữa vạn pháp. Nhất tâm chân như, pháp giới duyên khởi là chân lý hợp tạo nên sự tồn tại đó, cấu thành nên vũ trụ vạn hữu và vũ trụ vạn hữu không ngoài chân tâm. Duy Thức luận lấy ví dụ tâm như nước và pháp giới là sóng, bản chất của sóng là nước, có nước mới có sóng như tâm tạo ra pháp giới. Tuy nhiên, sóng với nước không hai, sóng ngừng động lại hòa với nước làm một; tâm và pháp giới vốn chẳng khác, một niệm tâm mà sinh ra pháp giới, rồi cả pháp giới sau cùng lại quy về một niệm tâm, nên Kinh nói: “Trong tất cả biết một, trong một biết tất cả”¹⁸ (phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức), “Pháp giới trên đầu sợi lông” (phẩm Phật Bất Tư Nghị Pháp) hay “cả

17 Nāgārjuna, Trung Quán Luận, Sdd.

18 Về sau trở thành công án nổi tiếng của Thiền tông: “Vạn pháp quy Nhất, Nhất quy hà xứ?” (Muôn pháp về Một, Một đi về đâu?)

đại địa nằm trong hạt cải”¹⁹, tương tức tương nhập, dung thông vô ngại, vô cùng vô tận, đó là nguyên lý Pháp giới duyên khởi, Vô tận duyên khởi hay Thập huyền duyên khởi²⁰. Kể trí ở nơi chân tâm quan sát các pháp thấy rõ như vậy nên không sinh tâm chấp trước, phân biệt, sự sự vô ngại, “tức sự nhi chân”²¹ (nơi huyền mà biết chân); kẻ mê dùng vọng tâm cho là thật có, không biết là như huyền do duyên, chấp có ngã và ngã sở mà sinh tâm bám víu, phân biệt mà chiêu cảm phiền não khổ đau. Nên nói Phật và chúng sanh, mê và ngộ chỉ khác nhau ở một niệm, thật tri các pháp từ tâm tưởng sanh, do duyên mà thành, lìa xa vọng tưởng chấp trước thì ngay đó là đại tánh Viên giác, bởi lẽ: “Muôn pháp không thật, do duyên gặp mà sinh ra, pháp sinh ra vốn không, hết thấy chỉ có biết, biết như huyền mộng, chỉ là nhất tâm, tâm lặng mà biết, mắt thấy là Viên Giác” (萬法虛偽、緣會而生、生法本無、一切唯識、識如幻夢、但是一心、心寂而知、目之爲圓覺)²² hay nói như Kinh văn: Nếu ai chứng hiểu lý duyên khởi

19 Kinh Pháp Hoa

20 <https://quangduc.com/a57053/phap-gioi>

21 Kinh Đại Nhật

22 Tông Mật tổ sư, *Viên Giác Kinh Lược Sớ Tự Chú*

sẽ được trí huệ và tam muội, cũng tức là thành tựu Phật quả” (phẩm Hiền Thủ).

Dùng trí này mà thể nhập Chân tâm, Thiền tông gọi là tìm thấy Bản lai diện mục, Mật tông nói Tức thân thành Phật, Tịnh độ tông gọi là Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ và Hoa Nghiêm tông gọi là thể nhập Nhất chân pháp giới - thể của các pháp môn đại tổng tướng, không sanh không diệt, không hình không tướng, trùm khắp hết thảy, không thể nghĩ bàn²³, là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai²⁴. Đây được xem là căn cốt của triết học về Tâm, nguyên lý duyên sinh của Hoa Nghiêm Tông, cũng là một trong những tư tưởng tinh hoa của Đại thừa Phật giáo.

Từ giáo nghĩa pháp giới duyên khởi này mà chư tổ sư lại lập ra thành tam quán - tứ pháp giới, lấy đây làm y cứ diễn giải pháp giới trong Hoa Nghiêm, trình bày muôn pháp trùng trùng duyên nhau mà thành, nên cũng có thể nói pháp giới duyên khởi của tông Hoa Nghiêm cũng

23 Trần Hoàng Hùng, “Tâm” Trong Kinh Điển Phật Giáo Bắc Truyền, Nghiên cứu Tôn giáo số 7&8 (157), 2016, tr.49

24 Pháp sư Tịnh Không, *Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa*, tập 122

tức là hình thức quy nạp của bốn pháp giới và, cũng từ đây mà khai triển thành lục tướng, thập huyền môn v.v...

1. Tứ pháp giới

(四法界, **Four Dharmadhātu**)

Bốn pháp giới của tư tưởng triết học Hoa Nghiêm gồm hai thực tại tương đối mang tính quy ước đó là Sự pháp giới, Lý pháp giới và hai thực tại siêu việt tuyệt đối đó là Lý sự vô ngại pháp giới và Sự Sự vô ngại pháp giới.

Dharmadhātu (*Pháp giới* - 法界) là một thuật ngữ được sử dụng trong Phật giáo Đại thừa để chỉ về lãnh vực của hiện tượng và lãnh vực của bản thể.

Pháp giới là thế giới vạn pháp, tức mọi hiện hữu trong vũ trụ. Pháp giới gồm có nhiều nghĩa:

- Tên gọi của các sự vật khi nói về Lý và Sự.
- Giáo nghĩa Duyên khởi mô tả về sự sinh khởi của muôn hữu vũ trụ trong đó có 18 pháp giới...
- Theo Trung Quán, Pháp giới có nghĩa là Chân như, Thực tại hay Niết-bàn. Chữ giới có nghĩa là bản thể hay bản chất tối hậu nội tồn trong mỗi con người.

- Pháp giới cũng có nghĩa là xá lợi Phật
- Trong Mật giáo thì Pháp giới bao gồm Thai Tạng giới (Garbhadhatu: vật chất) và Kim Cang giới (Vajradhatu: bất hoại).
- Trong Pháp giới hay thế giới hiện tượng, có ba cõi là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Trong triết học Phật giáo Đại thừa, nó được gọi bằng một số từ ngữ liên quan, bao gồm Tathata (Thực tại như-là), tính không... Dharmadāhtu là tiếng Phạn có nghĩa là Pháp giới... Dharma có thể chỉ cho sự vật, các pháp, nguyên tắc, sự thật, thực tại tuyệt đối; Dhātu có thể chỉ cho thế giới hoặc vương quốc (realm), cảnh giới, khu vực...

Thuật ngữ pháp giới cũng có thể ám chỉ đến Pháp thân (法身, S. Dharmakāya) hay Chân như hay Phật tánh. Đây là một cấp độ ý thức cao hơn so với cấp độ trước đó. Đức Phật là pháp giới vô tận trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, có nghĩa là pháp thân vô biên. Trong trường hợp này, Đức Phật đại diện cho tổng thể của tất cả mọi hiện hữu. Dharmadāhtu là tâm thanh tịnh trong trạng thái tự nhiên của nó, không có che chướng, đó là trạng thái của tâm chân như, chân tâm. Được tiếp cận qua dòng tâm thức, nó

là chất lượng cốt lõi hay bản chất của tư tưởng, nền tảng cơ bản của nhận thức, là chất lượng cốt lõi hay bản chất của ý thức vì Giới có nghĩa là bản chất tối hậu, thâm sâu nhất.

Dharmadāhtu (S. Dharmaksetra) có nghĩa là pháp tính, thật tướng, chân như... Pháp giới cũng có nghĩa là cảnh giới của lý tắc, là sự tướng của hết thảy sự tướng, là Như Lai Tạng, là chân như, là thực tại, là niết bàn...

Ngoài ra, trường phái Hoa Nghiêm đã phát triển thêm như sau: Trong Kinh Hoa Nghiêm, khái niệm pháp giới duyên khởi lần đầu tiên được giới thiệu và, nó được trường phái Hoa Nghiêm phát triển thêm thành một hệ thống có cấu trúc, hệ thống giảng dạy phù hợp với kiến giải trí thức Trung Quốc. Tổ Đỗ Thuận (杜順, 557-640) được ghi nhận là người đã thiết lập nền tảng của học thuyết pháp giới và được tổ Trí Nghiễm (智儼, 602-668) phát triển thêm. Tổ Pháp Tạng (法藏, 643-712) hệ thống hóa và, tổ Thanh Lương Trừng Quán (清涼澄觀, khoảng 737-831), tổ Tông Mật (宗密, 780-841) xây dựng. Dharmadhtustava (Ca ngợi Pháp giới), một chuyên luận về pháp giới được cho là của tổ Nāgārjuna (Long Thọ, नागार्जुन, 龍樹), trong khi quyền tác giả của nó vẫn còn

cần truy cứu. Theo lời dạy của Đức Phật, Pháp giới là nền tảng để đạt được niết bàn mà pháp giới chính là niết bàn.

Nó được trình bày chi tiết về Pháp giới Hoa Nghiêm và những bình luận kèm theo về lý thuyết Tứ Pháp Giới. Khái niệm này đóng vai trò nền tảng cho khuôn khổ thiền định của truyền thống Hoa Nghiêm. Pháp giới là mục tiêu tối hậu của sự thực hành của một vị Bồ tát; đó là bản chất rốt ráo của thực tại mà hành giả phải thể nhập. Bốn pháp giới có thể được mô tả như bốn cách tiếp cận nhận thức về thế giới, bốn cách nhận thức thực tại. Tóm lại, bốn pháp giới là căn bản, là bốn nhận thức tiếp cận thực tại siêu việt. Bốn Pháp giới là bốn trụ cột của Hoa Nghiêm.

Như đã nói ở trên, lý thuyết về Tứ pháp giới đầu tiên được nêu ra bởi Sơ tổ Hoa Nghiêm tông – Đỗ Thuận pháp sư²⁵, được viết trong cuốn “Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn”(華嚴法界觀門)²⁶, sau được đệ nhị tổ Trí Nghiễm

25 黃琬芸, 澄觀《華嚴法界玄鏡》之真空觀的開展 - 並以「真空觀」作為佛教與天主教二者的對話, 大專學生佛學論文集, 頁 441-460 (西元 2010 年) 台北市華嚴蓮社, tr.441

26 Đến nay đã bị thất lạc, chánh văn chỉ còn thấy trong các bản chú sớ của đệ tứ tổ và đệ ngũ tổ...

và đệ tam tổ Pháp tạng diễn thuyết rộng rãi, cho đến thời của Trùng Quán đệ tứ tổ thì tư tưởng này mới thật sự đồng nhất với triết lý Hoa Nghiêm²⁷. Quan điểm về Bốn pháp giới của tổ Đỗ Thuận được chú sớ khá rõ trong cuốn “Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Kính” (華嚴法界玄鏡) của tổ Trùng Quán và “Chú Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn” (注華嚴法界觀) của đệ ngũ tổ Tông Mật.

Pháp giới hay Pháp giới duyên khởi là một trong những tư tưởng trọng tâm của kinh Hoa Nghiêm. Về định nghĩa, Tông Mật tổ sư cho rằng Pháp giới là bản thể thân tâm của tất cả chúng sanh, từ xưa đến nay, rõ ràng thấu suốt, bao la trùm khắp, là trạng thái thực sự duy nhất, không có hình thức, giới hạn và được hàm dung trong một niệm tâm²⁸. Nói cách khác, pháp giới chính là tâm của chúng sanh, tâm ấy năng sinh các pháp thể gian lẫn xuất thế gian, từ sắc giới cho đến thân tướng hảo Như Lai²⁹. Pháp giới cũng là một trong mười tám giới, tức cảnh giới

27 Gs. Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, *Bốn Pháp Giới*, 2009, tr.4

28 峰宗密, 唐綿州刺史裴休述, 注華嚴法界觀門, 大正新脩大正藏經, Vol. 45, No. 1884, 2006, tr.1

29 Vasubandhu, *Vãng Sanh Luận Chú*, quyền thượng

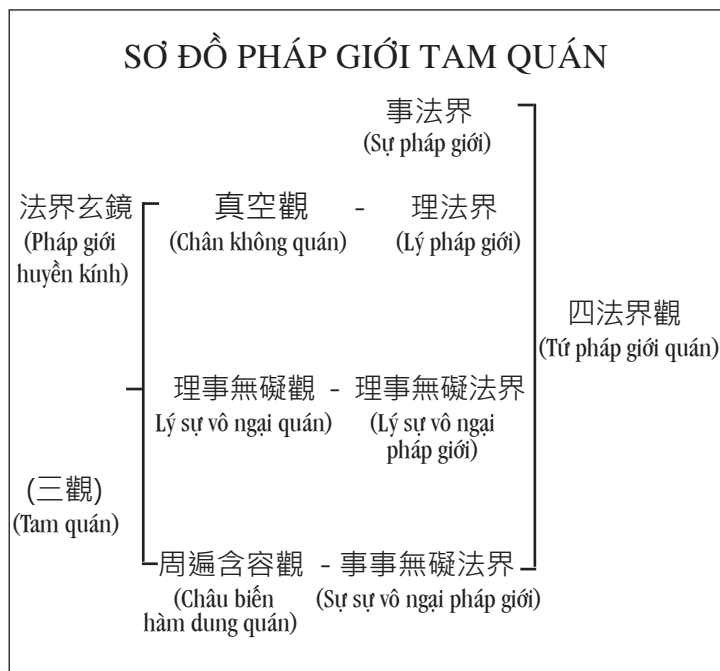
mà ý thức nương dựa vào; cũng là pháp trần, một trong lục trần; trong đó bao gồm các pháp hữu vi, vô vi và tất cả đều là sở duyên của ý thức³⁰. Tóm lại, pháp giới nói rộng ra chính là sum la vạn tượng trùng trùng vô tận, chung quy lại chính là tâm thức nhất niệm của mỗi chúng sanh, tâm hàm nhiếp muôn hữu, muôn hữu khởi do tâm.

Sơ tổ Đỗ Thuận y cứ trên chánh văn Hoa Nghiêm mà lập ra pháp quán Hoa Nghiêm, gồm Chân không quán, Lý sự vô ngại quán và Châu biến hàm dung quán³¹. Từ tam quán này mà phân tích thành tứ pháp giới: Sự pháp giới, Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới và Sự sự vô ngại pháp giới. Tuy nhiên, theo một số tác phẩm của tổ Trùng Quán và tổ Tông Mật thì Sự pháp giới đã bị lược đi, chỉ còn lại Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới và Sự sự vô ngại pháp giới, tương ứng với Chân không quán, Lý sự vô ngại quán và Châu biến hàm dung quán. Diễn hình như trong Chú Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn, tổ Tông Mật nói: “Lược có ba loại, trừ Sự pháp giới, vì sự không độc lập,

30 Bồ Tát Anh Lạc Bản Nguyên Kinh, quyển thượng

31 摘自澄觀,華嚴法界玄鏡, CBETA, T45, p.672, a, tr.1

nên không có pháp trong tông pháp giới. Nếu quán riêng, tức là cảnh của chấp tình, chấp sự, vì chẳng phải là cảnh của trí quán. Nếu là môn phân tích nghĩa, thì sẽ có bốn”. Hay trong một nghiên cứu về Pháp Giới Huyền Kính của tổ Trừng Quán, tác giả Chu Tuệ Định (朱慧定) của Hoa Nghiêm Chuyên Tông Học viện đã thiết lập sơ đồ pháp giới tam quán như sau:



Vì theo tổ Trùng Quán: “Tướng của pháp giới cốt yếu chỉ có ba, nhưng lại đủ bốn loại: Sự pháp giới, Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, Sự sự vô ngại pháp giới. Ở đây chỉ trình bày ba loại sau, còn Sự pháp giới thì cách biệt, không dung thông, rất khó trình bày. Hơn nữa mỗi mỗi sự tướng đều có thể thành cảnh quán, cho nên không nói đến, cũng đều là thể sở y của ba pháp quán”³². Tuy nhiên, theo tổ Pháp Tạng thì pháp giới là một trú xứ rộng lớn và thù thắng, gồm đủ cả bốn nghĩa: Sự pháp giới, Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, Sự sự vô ngại pháp giới³³. Từ những cách lý giải trên có thể thấy, pháp giới theo Hoa Nghiêm tông được phân tích trên bốn phương diện: Sự pháp giới, Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, Sự sự vô ngại pháp giới; tuy nhiên trên mặt trí quán pháp giới thì chỉ có ba (trừ Sự pháp giới), ba pháp giới này tương ứng với ba pháp quán của sơ tổ Đỗ Thuận. Và trong tác phẩm này, bút giả sẽ nghiên cứu cả Tam quán và Tứ pháp giới trong mối quan hệ tương tức, tương nhập với nhau,

32 Đại sư Thanh Lương, Thích Nguyên Chơn dịch, *Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Cảnh*, 2016, quyển thượng (t.1)

33 Pháp Tạng tổ sư, *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký*, Sđd., q.18, No.1735, tr.952-953

đặt dưới góc nhìn Hoa Nghiêm tông và y cứ trên chánh văn kinh Hoa Nghiêm.

1.1. Sự pháp giới:

Sự là chủ sở hữu của các trường ngữ nghĩa “vật chất”, “hiện tượng” và “sự kiện”. Có thể coi đó là “lãnh địa” mà mọi sự vật, hiện tượng đều tồn tại, là hiện thực các pháp trong thế gian, sự sai biệt trong các pháp sắc và tâm chúng sanh và chịu sự phân cách, giới hạn của không gian và thời gian³⁴. Chúng là những tướng trạng, hiện tượng, đời sống hiện thực, các sự vật, sự việc mà giác quan con người có thể thấy và cảm nhận được. Những quy ước, ước định mang tính tương đối ở thế gian cũng thuộc Sự pháp giới. Hay nói cách khác, Sự pháp giới là cảnh giới của Thế đế, là “phần sanh diệt môn của Như Lai tạng”³⁵.

1.2. Lý pháp giới:

Pháp giới của Lý có nghĩa là “nguyên tắc”, “quy luật” và “bản thể”. Lý (nguyên tắc) là một thuật ngữ thường đề cập đến trật tự siêu hình cơ bản làm nền tảng cho các sự kiện cũng như các

34 Duy Tắc Thiên sư, Ht. Duy Lực dịch, *Yếu Chỉ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, 2009, tr.3

35 Ht.Thích Thiên Tâm, Sđd.

nguyên tắc lý luận giải thích trật tự đó. Giáo lý Phật giáo thường sử dụng thuật ngữ Lý như một từ đồng nghĩa với khái niệm về tánh Không. Ngài Wonhyo, một cao tăng của Hàn Quốc là người đầu tiên đã tiến hành phân tích dựa trên mối quan hệ giữa lý và sự, điều này đã tác động đến các học giả Hoa Nghiêm ở thời kỳ đầu. Trong khi ở trong thế giới của lý, có thể nhận thức được các nguyên tắc liên kết sự với nhau, các nguyên tắc này quan trọng hơn bản thân các sự kiện cụ thể. Wang Yangming, một triết gia không đồng ý với những lời dạy của Zhu Xi, vì cảm thấy rằng nguồn gốc của Lý có thể không nằm ở thế giới mà nằm ở chính bản thân mỗi người. Do đó, Wang Yangming là một nhà tư tưởng duy tâm hơn, người đã áp dụng một cách tiếp cận nhận thức luận khác biệt. Tuy nhiên, hai nguyên tắc triết học này không được coi là loại trừ lẫn nhau trong thực hành y học cổ truyền Trung Quốc, nơi cả hai cách giải thích nội sinh và ngoại sinh của những ý tưởng này đều được chấp nhận.

Nói một cách dễ hiểu hơn, Lý pháp giới là thế giới của chân lý tuyệt đối, bản thể tối hậu, là chánh niệm về chân như, sự hiển hiện của Nhất tâm, bản chất đồng nhất trong thể tánh của các

chúng sanh trên những pháp sắc và tâm khác nhau; thể tánh ấy bất sinh bất diệt, không có ngăn ngại, cũng tức là tánh Không, Phật tánh, Pháp thân, Như Lai tạng³⁶. Chẳng hạn bằng mắt thường ta có thể thấy hiện tượng muôn vàn các pháp sai biệt như nhà cửa, xe cộ, trắng đen, phải trái... đây là Sự pháp giới. Tuy nhiên, khi xét đến cùng bản chất của mỗi pháp ta sẽ không thể tìm thấy một chủ thể hay tự tánh nào cả, cũng tức là bản chất của tất cả các pháp đó đều là Không tính. Hiện tượng các pháp vô tận sai biệt nhưng thể tánh của chúng lại chỉ có một (vô tận sự pháp, đồng nhất tánh cố), đồng nhất tính này chính là Lý pháp giới. Nói cách khác, Lý pháp giới là bản chất tánh Không của vạn pháp, là “phần Chân như môn của Như Lai tạng”³⁷. Và, từ Sự muốn thấy Lý phải dùng Chân không quán, nên trong các số luận chú giải của chư tổ sư, Chân không quán cũng tức là Lý pháp giới³⁸, dựa trên Lý pháp giới.

Chân không tức là nhị như (Tùy duyên chân như và Bất biến chân như) trong Lý pháp

36 Nguyễn Thế Đăng, *Đi Vào Kinh Hoa Nghiêm*, Nxb Thiện tri thức, 2015, tr.63

37 Ht.Thích Thiện Tâm, Sdd.

38 華嚴 法界玄鏡 & 注華嚴法界觀門

giới. Dùng Chân không quán để thấy thật lý của các pháp, chẳng phải là đoạn diệt không, không có gì cả, cũng chẳng ly sắc không, mà là hữu minh không (trí tuệ thấy rõ thật tướng không)³⁹. Ngay cả khái niệm “Không” cũng không vì đó chỉ khái niệm, chỉ là giả danh. Hay trong Chú Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn, tổ Tông Mật giải thích: Chân không là thể của pháp giới, cũng tức là bản tâm, vì phân biệt chẳng phải hư vọng lo nghĩ lường dối mà gọi Chân, chẳng phải sắc tướng làm trở ngại mà nói không (giản phi hư vọng niệm lự cố vân Chân, giản phi hình ngại sắc tướng cố vân Không dã). Theo chánh văn Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn (華嚴法界 觀門) của tổ Đỗ Thuận thì từ Chân không quán lại lập thành “Tứ cú thập môn” (bốn câu và mười môn). Trong đó, hai pháp quán đầu, mỗi pháp gồm bốn môn, hiệp chung với hai pháp sau cùng mà thành lập Thập môn quán.

1.2.1. Hội sắc qui không quán (會色歸空觀)

Nghĩa là quán hội sắc về không, quán sắc tức không, gồm có bốn môn. Ba môn đầu có tên giống nhau nhưng giải thích khác nhau, đều

39 Thích Nguyên Chơn dịch, Sđd.

dùng pháp để loại trừ tình chấp; môn thứ tư chính thức hiển bày, biểu thị rõ lý.

1.2.1.1. Sắc bất tức không, dĩ tức không cố
(色不即空以即空故):

Nghĩa là sắc chẳng là không, vì tức không. Bởi lẽ sắc chẳng đoạn diệt không, hiện tượng sắc khác bản thể không nên nói “sắc chẳng là không” (sắc khác không). Tuy nhiên, thể tánh của sắc vốn là không, là nhất tâm chân như, hòa hợp với sinh diệt... đều không có tự thể vì đã quy không ở chân tâm, nên cũng nói “vì tức không” (sắc là không). Nói theo tâm kinh Bát Nhã là “sắc bất dị không... sắc tức thị không”. Và vì là chân không nên chẳng có pháp hay cái không để đoạn, y cứ theo nghĩa không này nên nói “sắc chẳng là không”. Pháp quán này chỉ rõ là sắc để hiển không và đoạn không, “không” nằm ngoài sắc (như chỗ bức tường thì chẳng không, ngoài bức tường là không) cũng như loại trừ hai diệt sắc để hiển rõ không (như đào giếng, lấy đất đi chỉ còn khoảng không, đó cũng là nghĩa diệt sắc)⁴⁰.

40 唐清涼山大華嚴寺沙門澄觀述,華嚴法界玄鏡,卷上,大正新脩大正藏經, Vol. 45, No.1883, 2006, tr.2-3

1.2.1.2 Sắc bất tức không, dĩ tức không cố (色不即空以即空故):

Theo Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn (華嚴法界觀門), tổ Đỗ Thuận giải thích: Các tướng xanh, vàng chẳng phải là lý chân không nên “bất tức không” (khác không); nhưng bản chất xanh, vàng vốn là vô thể nên “là không” (tức không). Phép quán này nhằm loại trừ loạn ý, vọng tâm. Một là phá trừ vọng tâm cho rằng “sắc tướng là chân không” mà không biết rằng “không” ở đây là tánh không (toàn tức); hai là niệm chấp “là tướng mà thấy tánh”. Mặt khác cũng phá loạn ý cho rằng có một vật là thể của không (loạn ý không) bằng cách “dùng hữu loại trừ đoạn diệt không, dùng bất nhị loại trừ dị sắc không hay lìa sắc không và dùng bất tận loại trừ “lấy không làm hữu”.

Tổ Tông Mật lấy ví dụ tánh không cũng giống như nước bao dung mọi vật thể nhập vào trong nó, tùy vào phân lượng lớn nhỏ của vật mà nước bao dung hết thảy, vì tánh của nước vốn mềm mại, không trở ngại lưu chuyển.

1.2.1.3. Sắc bất tức không, dĩ tức không cố (色不即空以即空故):

Nghĩa là trong “không” không có sắc nên “bất tức không” (sắc khác không), ngược lại, vì hội sắc thì vô thể nên “tức không” (sắc là không). Môn này loại trừ cả “tức” và “ly”. Bởi lẽ tìm trong “không” không thấy sắc nên sắc khác không (đoạn tức) và nếu hội quy tất cả thể sắc thì lại về không nên sắc chẳng khác không (đoạn ly); khi đã đoạn tức và đoạn ly viên mãn, ngay đó chính là chân không (bất tức bất ly phương vi chân không). Phần cuối của môn này cũng là câu tổng kết cho các môn trên, nghĩa là đây là những môn dùng pháp mà phân biệt, phá trừ tình chấp (chấp sắc – không, hữu – vô). Phá trừ vọng tâm, loạn ý cho rằng ngoài sắc có “không”, ngoài “không” có sắc cũng như phá trừ hình sắc - hiển sắc.

1.2.1.4. Sắc tức thị không (色即是空):

Nghĩa là sắc tức là không. Sơ tổ Đỗ Thuận giải thích sở dĩ nói sắc tức là không là vì hễ có sắc pháp thì tuyệt nhiên chẳng khác chân không bởi sắc pháp vô tánh và tất cả các pháp đều không ra ngoài quy luật này. Như đã nói ở trên, tất cả các pháp nói là vô tánh vì do duyên

sinh mà có, bản thân duyên (y tha khởi) cũng không có tự tánh nên các pháp viên thành (chân lý vô tánh của muôn hữu).

Sắc đứng đầu trong ngũ uẩn, là đại diện cho pháp tướng, ở đây dùng sắc để y cứ mà nói nghĩa không, các pháp khác cũng tương tự như vậy, từ tam giới, lục đạo cho đến nhị thừa, Bồ Tát... cũng không ra ngoài yếu nghĩa “tức không” này. Đây cũng chính là dùng lý để làm sáng tỏ “sắc tức không” của pháp quán này.

1.2.2. Minh không tức sắc quán

(明空即色觀)

Đây là pháp quán quán không tức sắc, cũng gồm có bốn môn. Nhưng tướng quán của chúng ngược lại với bốn môn trước, thế vẫn trái nhau để phá chấp lẫn nhau. Ba môn đầu có tên giống nhau và đều dùng pháp để phá trừ tình chấp, môn sau cùng biểu thị lý phá chấp.

1.2.2.1. Không bất tức sắc, dĩ không tức sắc cố (空不即色以空即色故)

Nghĩa là không chẳng là sắc vì không tức là sắc. Nói “không chẳng là sắc” vì đoạn không chẳng phải là chân sắc; ngược lại, chân không vốn không khác sắc nên cũng nói “không tức

là sắc”. Từ nơi “chân không là sắc” mà đoạn “không chẳng là sắc”. Sự lập luận này cũng không ngoài hàm nghĩa đoạn tức và đoạn ly như đã nói ở các môn quán trên, nhằm phá trừ vọng tưởng, tình chấp và loạn ý, lấy “loại trừ đoạn không chẳng phải thật sắc để sánh với nghĩa thật sắc chẳng phải đoạn không trong môn Hội sắc qui không quán”⁴¹.

1.2.2.2. Không bất tức sắc, dĩ không tức sắc cố (空不即色以空即色故)

Môn quán này đối lại với môn quán thứ hai, lấy “lý không chẳng phải là xanh, vàng” để đối lại với “xanh, vàng chẳng phải là lý không”. Vì “lý không chẳng phải là xanh, vàng” nên nói “không chẳng phải là sắc”, đồng thời “chân không cũng chẳng khác xanh, vàng” nên nói “không tức là sắc”. Và chính hàm nghĩa “chẳng khác” cũng “chẳng tức” này mà nói chân không “tức là sắc” cũng “chẳng tức là sắc”. Môn quán này nhằm phá trừ tình chấp “chân không là sắc tướng” cũng như loạn ý cho rằng “không là hữu” của hàng phàm phu và nhị thừa.

41 Thích Nguyên Chơn dịch, Sdd.

1.2.2.3. Không bất tức sắc, dĩ không tức sắc cố (空不即色以空即色故)

Môn quán này giải thích “không chẳng tức sắc” vì không là sở y chứ không phải là năng y, đồng thời “chân không làm sở y cho năng y” nên cũng nói “không tức là sắc”. Do đó, “không chẳng tức sắc” và “không tức là sắc”. Ở đây, đệ ngũ tổ Tông Mật đã lấy ví dụ cho môn quán này như sau: Thứ nhất, ở trong “không” không có sắc nên “không” là đối tượng nương tựa của sắc, như ánh sáng trong gương không có ảnh tượng nên mới làm chỗ sở y cho ảnh tượng, nên “không” cũng là ảnh. Thứ hai, ở trong sắc không có “không”, như trong hạt châu ma ni chẳng có màu đen, xanh, trắng... nhưng những màu sắc đó vẫn ánh lên từ hạt châu.

1.2.2.4. Không tức thị sắc (空即是色)

Đây là môn thứ tư của pháp quán thứ hai: Không tức là sắc. Trong Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn, sơ tổ Đỗ Thuận giải thích: chân không vốn chẳng khác sắc vì pháp này vô ngã (khác đoạn diệt không) nên nói “không tức là sắc”. Lấy “không” và “sắc” làm biểu ý cho môn quán này và các pháp khác cũng không ra ngoài quy luật đó.

1.2.3. Không sắc vô ngại quán (空色無礙觀)

Nghĩa là quán sắc – không vô ngại. Đây là môn quán bao quát tám môn quán trước, quán sắc – không để thấy sự tương dung, vô ngại giữa chúng; bởi lẽ “sắc là huyễn nên chẳng trở ngại không, “không” là chân không nên chẳng ngại sắc”. Nên Bồ Tát ở nơi sắc mà thấy “không”, quán trong “không” mà thấy sắc, không có mê vọng, chấp trước, tự tại vô ngại, thuần một vị pháp. Đây chính là dụng lực tự tại của môn quán “không sắc vô ngại”.

1.2.4. Mẫn tuyệt vô ký quán (泯絕無寄觀)

Đây là pháp quán cuối cùng nhằm dứt bật mọi tình chấp, gá nương. Chân không là đối tượng quán ở môn này, rằng “chân không chẳng phải là sắc”, cũng “chẳng khác sắc” hay “chẳng phải là không” cũng chẳng “tức không”. Hay nói như sơ tổ Đỗ Thuận: “Nhất thiết pháp giai bất khả, bất khả diệt bất khả” (Tất cả pháp đều chẳng thể, chẳng thể cũng chẳng thể), không còn mảy may chấp trước, gá nương, “Pháp thượng ứng xả hà hướng phi pháp”⁴² (Chánh pháp còn bỏ hướng hồ phi Pháp), đây cũng là nhất niệm

42 Kinh Kim Cang, Sđd.

bất khả tư nghi, bất sanh bất diệt, không thể luận bàn, chẳng thể tri giải, “vô trí diệt vô đắc”⁴³, cũng gọi là “hành cảnh” bởi lẽ “vừa sanh tâm động niệm thì liền trái pháp thể, mất chánh niệm” (Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Cảnh).

Theo phân tích của tổ Trường Quán trong Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Kính (華嚴法界玄鏡) thì pháp quán đầu tiên “Hội sắc qui không quán” nhằm “hiển tục tức chân”, “Minh không tức sắc quán”; thứ hai nhằm “hiển chân tức tục”, “Không sắc vô ngại quán”; thứ ba với mục đích “hiển nhị đế đồng thời hiện” và “Mẫn tuyệt vô ký quán”; thứ tư nhằm hiển bày “Nhị đế đều bất”. Nếu y cứ trên Tam đế thì pháp quán đầu tiên thuộc chân đế, thứ hai thuộc tục đế, thứ ba và thứ tư thuộc trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Còn nếu y cứ trên Tam quán mà nói thì pháp quán đầu tiên thuộc Không quán, thứ hai thuộc Giả quán, thứ ba và thứ tư thuộc trung đạo quán. Trong đó, pháp quán thứ ba thuộc song chiếu quán (thành lập cả Không lẫn Hữu) và pháp quán thứ tư thuộc song giả quán (phá bỏ cả không lẫn Hữu) cùng để biểu thị một pháp trung đạo.

43 Bát Nhã Tâm Kinh

Tóm lại, mười môn quán này thuộc Lý sự vô ngại quán hay Lý pháp giới – một trong tứ pháp giới của kinh Hoa Nghiêm. Dùng mười môn quán này để thấy rõ lý chân không của pháp giới, bản thể Không tánh bất sanh bất diệt của vạn pháp, từ đó mà nhận chân “lý vô tánh duyên khởi” vốn là một trong những tư tưởng cốt yếu của Hoa Nghiêm tông.

1.3. Lý sự vô ngại pháp giới

Pháp môn không chương ngại của Lý trước sự cản trở của Sự. Bản dịch tiếng Anh của khái niệm này là “lĩnh vực trong đó không có trở ngại giữa nguyên tắc và biểu hiện.” Một điểm khác biệt quan trọng khác do các tổ sư Hoa Nghiêm thực hiện là sự tương phản giữa lý và sự, bản thể và hiện tượng, được minh họa thông qua việc sử dụng các ẩn dụ như vàng và sứ tử, hoặc nước và sóng. Trước hết, bản thể và hiện tượng gắn bó chặt chẽ với nhau và theo một nghĩa nào đó đồng nhất với nhau, không có xung đột giữa chúng. Cái này không phủ nhận cái kia theo bất kỳ cách nào. Thứ hai, bởi vì mọi sự vật phát sinh một cách phụ thuộc lẫn nhau theo Trung quán luận và, bởi vì các mối liên kết của sự phụ thuộc lẫn nhau trải rộng khắp toàn pháp giới và

xuyên suốt thời gian, quá khứ, hiện tại, tương lai đều phụ thuộc vào nhau, nghĩa là toàn bộ pháp giới phát sinh đồng thời, tất cả các hiện tượng đều thâm nhập lẫn nhau và đồng nhất trong tổng thể phụ thuộc lẫn nhau. Tuy nhiên, thay vì tập trung vào các sự kiện trong khi vẫn không để ý đến các nguyên tắc, hoặc tập trung vào các nguyên tắc trong khi vẫn không để ý đến các sự kiện, các sự kiện trong lĩnh vực này được coi là sự thể hiện của các nguyên tắc và các nguyên tắc không gì khác hơn là thứ tự của các sự kiện.

Lý sự vô ngại pháp giới cũng chính là Lý sự vô ngại quán. Trong pháp giới hay pháp quán này, lý nhân nơi sự mà được hiển bày, sự nhờ lý mà thành tựu, lý - sự cả hai dung thông lẫn nhau nên gọi là “Lý sự vô ngại pháp giới”, cũng có thể nói, vì lý - sự dung thông mà pháp giới vô ngại. Lý - sự cả hai vô ngại, dung thông với nhau vì cả hai đều vô tự tánh, không có tự thể để ngăn ngại, lý và sự là bản chất và hiện tượng của các pháp, ngoài hiện tượng không thể tìm thấy bản chất và ngược lại, lý - sự đồng nhất, bất nhị, tương dung tương nhiếp, tương tức tương nhập, vượt ngoài không gian và thời

gian, từ một lý mà thấy tất cả sự, tất cả sự quy về một lý. Như Kinh nói:

“Tất cả cõi nước vào thân tôi
Chỗ chư Phật ngự cũng như vậy
Chúng nên xem các chân lông tôi
Nay tôi hiện bày cảnh giới Phật”.
(*phẩm Thế Giới Thành Tựu*)

Đây là nói lý - sự vô ngại trên mặt không gian. Hay về mặt thời gian, Kinh có chép:

“Những kiếp đời vị lai
Cõi nước bất khả thuyết
Một niệm đều biết rõ
Nơi đó không phân biệt”.
(*phẩm Phổ Hiền Hạnh*)

Cũng nói:

“Một niệm quán khắp vô lượng kiếp
Vô khứ vô lai cũng vô trụ
Như vậy rõ biết việc ba thời”.
(*phẩm Quang Minh Giác*)

Do đây cũng có thể nói “sự lý đồng nhất thể” chính là Như Lai tạng duyên khởi hay Tánh khởi, thực tướng “duyên sinh” và “tánh Không” không những không mâu thuẫn mà còn tương hỗ cho nhau. Tuy nhiên, Pháp Tướng

tông và Tam Luận tông lại cho rằng lý - sự tách biệt nhau.

Theo Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán (華嚴法界觀), sơ tổ Đỗ Thuận chia Lý - sự vô ngại thành mười môn:

1.3.1. Lý biến ư sự môn (理遍於事門)

Nghĩa là lý biến khắp trong sự. Lý tánh là năng biến không có phần hạn, sự là sở biến có phần vị sai khác. Ở trong mỗi sự, lý tánh Không đều bao trùm cùng khắp, toàn biến trong sự, không có hạn lượng, phân chia, trong mỗi mỗi vi trần đều thị hiện tròn đủ. Chẳng hạn như trong sự là ngôi nhà có lý tánh Không hiện diện cùng khắp, không thể nói lý tánh là cái cột hay cái mái nhà được. Do đó, Kinh nói: “Bất khả thuyết thế giới vào trong một thế giới” (phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức) hay “trên đầu một sợi lông chứa đựng mười phương quốc độ” (Ư nhất mao đoan, biến năng hàm thọ thập phương quốc độ)⁴⁴... chính là biểu thị cho ý này.

1.3.2. Sự biến ư lý môn (事遍於理門)

Nghĩa là sự biến khắp trong lý. Ngược lại với nghĩa ở trên, sự là năng biến có hạn lượng,

44 Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Sđd.

lý là sở biến không có hạn lượng; tuy nhiên, chúng hoàn toàn đồng nhau, chẳng phải đồng một phần. Sự tuy có biên tế, lý thì không nhưng chúng hoàn toàn dung nhiếp trong nhau, nhìn thấy lý trong một sự là thấy lý trong muôn sự, chư tướng mà vô tướng, bởi bản chất cuối cùng của sự là Không, đồng nhất với lý, cũng là “đường thể tức không”⁴⁵ hay “trong một hạt bụi, Phật Lô Xá Na thị hiện thế giới Thập Phật” (phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện). Sơ tổ Hoa Nghiêm tông cũng dùng hình ảnh của biển lớn và sóng nhỏ để biểu thị lý sự vô ngại, vì chúng đồng nhất thể, biến nhập trong nhau, lý tánh dung hòa.

1.3.3. Y lý thành sự môn (依理成事門)

Đây là môn nương nơi lý mà thành sự. Sự nhờ duyên mà lập, duyên đó không tự tánh nên sự không thể riêng biệt, tách rời lý. Cũng như nương Như Lai Tạng mà xuất sanh hết thủy pháp, xuất sanh hết thủy sự, “nương vào Như Lai tạng mà có sanh tử, nương vào Như Lai tạng mà có chân như”⁴⁶ hay “pháp tánh vốn vô sanh mà thị hiện có sanh” (phẩm Bồ Tát Vấn

45 Nāgārjuna, Sdd.

46 Kinh Thắng Man

Minh). Nhờ có tánh Không mà các sự pháp mới được thành nên nói y lý thành sự môn.

1.3.4. Sự năng hiển lý môn (事能顯理門)

Nghĩa là sự có thể hiển lý. Từ trong sự hư giả mà thấy lý chân thật, như lìa nước thì không có sóng, ảnh tượng biểu thị ánh sáng của gương, thức – trí biểu thị cho bản tánh. Cũng như chỉ ở trong vô thường, tạm bợ mới thấy tính giả hữu của vạn pháp, ở trong sanh tử mà chứng đắc Bồ đề, không thể ở ngoài các uẩn mà thấy được Không tánh, ở ngoài thế gian mà thành tựu Phật đạo, như Kinh nói:

“Sao gọi là các uẩn
 Các uẩn có tánh gì
 Tánh uẩn chẳng diệt được
 Vì vậy nói vô sanh”.
(phẩm Dạ Ma Cung Kệ Tán)

Bởi lẽ:

“Ngộ tự tánh các pháp
 Hoàn toàn vô sở hữu”.
(phẩm Tu Di Sơn Đảnh Kệ Tán)

Thấy được vô sở hữu cũng tức là thấy được Pháp thân Tỳ Lô Xá Na thường trụ bất diệt.

1.3.5. Dĩ lý đoạt sự môn (以理奪事門)

Thứ năm là dùng lý đoạt sự. Môn này lấy lý mà đối với sự, lý làm sự, dùng trí quán Không mà nhìn nhận các pháp thì thấy tất cả pháp đều là vô tướng, vô thường, quy về lý tánh Không, nhất tâm, bình đẳng. Bởi ngoài lý không tìm thấy sự nên nói là đoạn tất cả sự, do đây mà chúng sanh và Phật dữ đồng, đều là vô ngã, chân Không. Như Kinh nói: “Dù tất cả chúng sanh đều thành chánh giác trong một niệm thì cũng chẳng khác không thành chánh giác. Vì sao? Vì Bồ đề vô tướng cũng chẳng phải vô tướng” (phẩm Như Lai Xuất Hiện).

1.3.6. Sự năng ẩn lý môn (事能隱理門)

Tức sự có thể làm ẩn lý (ngược lại với môn trên), dùng sự mà đối lý, sự làm lý. Tổ Trừng Quán giải thích: Sự thì có hình tướng, lý không có hình tướng nên sự che lấp lý, nhưng sự đã trái ngược với lý nên lý ẩn. Vì các pháp sự làm che lấp lý tánh nên chúng sanh chấp có pháp hằng hữu, xa rời chân như, không thể chứng đắc. Như Kinh nói: “Không có một pháp nào được nhập pháp tánh” (phẩm Bồ Tát Vấn Minh) hay như luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Tất cả chúng sanh chẳng được gọi là giác, vì

từ xưa đến nay, niệm niệm nối tiếp nhau chưa từng lìa niệm”.

1.3.7. Chân lý tức sự môn (真理即事門)

Tức lý đồng nhất với sự, lý không nằm ngoài sự, sự nương lý vô ngã mà thành. Vì lý là rỗng không nên toàn thể lý chính là sự, đây mới thật là chân lý. Như sóng chính là nước nên cũng đồng tánh ướt như sóng, do đó nói nước là sóng.

1.3.8. Sự pháp tức lý môn (事法即理門)

Đối lại với nghĩa trên, ở đây nói sự đồng nhất với lý. Sự do duyên sinh nên không có tự tánh, do đó mà hợp quy chân không, muôn vật cùng một pháp ấn, thanh tịnh và tịch diệt, bản chất vốn là như vậy, chẳng phải loại bỏ giả danh mà nói thật tướng, như sóng với nước, khi sóng chuyển động, nước và sóng không hai. Kinh chép:

“Như vàng và màu vàng
Xoay vần không sai biệt
Pháp, phi pháp cũng vậy
Thể tánh không khác nhau”.
(phẩm Dạ Ma Cung Kệ Tán)

Hay: “Tất cả chúng sanh tức tướng chân như”⁴⁷.

1.3.9. Chân lý phi sự môn (真理非事門)

Môn này biểu thị chân lý chẳng phải sự, bởi chân - vọng khác nhau, năng - sở đối nhau, như nước là sóng mà chẳng phải sóng. Cũng như:

“Trong đại chủng không sắc
Trong sắc không đại chúng”
(*phẩm Dạ Ma Cung Kệ Tán*)

1.3.10. Sự pháp phi lý môn (事法非理門)

Ngược lại, sự cũng chẳng phải là lý, bởi tánh - tướng khác nhau, vọng tưởng điên đảo chẳng phải là Bồ đề. Nên Kinh nói:

“Phàm phu thấy các pháp
Chỉ chuyển theo tướng giả
Chẳng rõ pháp vô tướng
Do đây chẳng thấy Phật”.
(*phẩm Tu Di Đánh Kệ Tán*)

Mười môn trên thuộc lý - sự vô ngại quán, cũng là mười môn của lý - sự vô ngại pháp giới, chỉ ra mối tương giao tương hỗ, tương dung tương nhiếp lẫn nhau giữa sự và lý. Sự

47 Kinh Tịnh Danh

là lý, lý là sự, sự chẳng phải lý, lý chẳng phải sự, “chân không chẳng ngoài diệu hữu, chân lý chẳng ngoài huyền sự”⁴⁸... chính là bản tánh viên dung vô ngại của muôn hữu. Và theo đệ tam tổ Thanh Lương thì, quán sự là tục quán, quán lý là chân quán, lý sự vô ngại là trung đạo quán; quán sự là bi, quán lý là trí. Ở nơi nhị quán vô ngại mà thành tựu vô trụ, không - giả trung đạo quán.

1.4. Sự sự vô ngại pháp giới

Pháp giới thứ tư và cũng là pháp giới cuối cùng mô tả sự tương tức, tương nhập và không chướng ngại của mọi sự kiện. Sự sự vô ngại pháp giới là đỉnh cao của ba pháp giới trước. Lĩnh vực này được đặc trưng bởi mọi thứ đều có quan hệ nhân quả với mọi thứ khác. Với hình ảnh lưới trời Đế Thích, là một mạng lưới khổng lồ bao gồm toàn bộ vũ trụ, Hoa Nghiêm đã đặc biệt nhấn mạnh quan điểm này.

Mặc dù thuyết bất nhị không phải là thuyết nhất nguyên, nhưng nó được phân biệt bởi thực tế là sự sự vô ngại không loại bỏ sự khác biệt giữa các sự vật, mà lập luận rằng mọi thứ được kết nối với nhau trong khi vẫn duy trì bản sắc

48 Ht.Thích Thiền Tâm, Sdd.

của nó. Các khái niệm về bản sắc và sự khác biệt về cơ bản là hai mặt của cùng một đồng tiền; tuy nhiên, dù là một đồng xu, nó có hai mặt khác nhau, cũng không nên nhầm lẫn với nhau. Sự thâm nhập lẫn nhau xảy ra ở cả cấp độ thời gian và không gian; quá khứ, hiện tại và tương lai đều được thâm nhập vào nhau. Kết quả là, theo Hoa Nghiêm, bước vào con đường dẫn đến giác ngộ cuối cùng tương đương với việc đã đến đích đó một cách đáng kể.

Khái niệm dung thông không chướng ngại theo Hoa Nghiêm tông và Thiền tông thì không có giới hạn cố định nào. Mặc dù sự kết nối không đề cập đến sự tồn tại của các bản thân riêng biệt, nhưng nó đề cập đến sự xuất hiện của các nút nhận thức duy nhất trong mối quan hệ của các lực lượng và mối quan hệ hình thành. Hành trì giáo nghĩa Hoa Nghiêm, sẽ tri nhận tính liên kết vô hạn của vũ trụ và thể chứng thực tại tuyệt đối điều mà thuộc về những gì trước đây chỉ được xem là lý thuyết. Thực tập buông bỏ các cấu trúc hình tướng dẫn đến nhận thức tỷ lệ thuận với toàn thể vũ trụ mà bản thể vốn thanh tịnh rỗng lặng thì rõ ràng đó chính là tâm Phật. Giải thoát chúng ta ra khỏi khung nhận thức bị hạn chế, khép kín và tuyệt đối hóa của cái tôi

nhỏ bé thông qua Sự sự vô ngại chính là đoạn tận mọi trói buộc của thời gian, không gian, bản ngã, tham ái, thủ chấp... và đạt được tự tại an lạc không thể nghĩ bàn.

Theo Hoa Nghiêm, một là tất cả, tất cả là một. Giáo nghĩa này không chỉ liên kết với nhau về mặt lịch sử và ngôn ngữ; chúng cũng là hai tâm chứa đựng lẫn nhau và khúc xạ lẫn nhau. Tâm trí con người nhỏ bé có thể thâm nhập và hiểu biết lẫn nhau vì họ không bao giờ hoàn toàn có thể thu nhỏ lại cho riêng mình trong tầm nhìn vũ trụ tuyệt vời về vô số thế giới bao trùm vô số thế giới. Thế giới nhỏ hàm dung thế giới lớn và thế giới khổng lồ chứa đựng thế giới nhỏ, cho thấy rằng mỗi tâm nhỏ hay điểm nhận thức hiện tượng là cốt lõi của tâm lớn nhận thức vũ trụ vô tận hay tâm Phật. Như vậy, mỗi người đều có tánh giác thâm nhập vô biên. Sẽ là một sai lầm về mặt khái niệm nếu lý tưởng hóa tâm Phật và nâng nó lên địa vị của một nền tảng thần linh, bởi vì làm như vậy sẽ che giấu sự thật rằng nhận thức bản chất không tồn tại bên ngoài sự vật.

Hai khuynh hướng quan niệm này, lý tưởng hóa hay xóa nhòa tâm Phật, bắt nguồn từ những sai lầm trong thực hành về cách sống.

Tuy nhiên, chỉ trong bối cảnh của sự tồn tại được định vị về một hiện tượng, người ta mới có thể hiểu được trải nghiệm bất nhị của một tâm thức phi định vị là vô biên. Mặt khác, sự thôi thúc hòa nhập với vũ trụ dẫn đến một sự lý tưởng hóa kỳ ảo xóa sạch sự thật của cuộc sống hiện tượng để ủng hộ một lý tưởng hóa kỳ ảo. An trú trong biển đại Định thì nhận ra nhận thức phi vị trí vô biên từ bên trong một ý thức hiện tượng và hiện thân bị giới hạn. Chứng ngộ tâm Phật không giống như hòa vào một đại dương nhất nguyên bao la của tánh giác vô biên và đánh mất ý thức về sự tồn tại cụ thể của mình, mà giống như việc làm tan biến ảo tưởng về ranh giới rõ ràng giữa bên trong và bên ngoài và, không còn là hiện hữu, được xác định bởi sự liên tục đơn thuần của một tập hợp các trạng thái tinh thần và tình cảm quen thuộc vốn dựng lên những ranh giới giả tạo giữa mình và người.

Có thể nhận thức vượt qua những hạn chế của một quan điểm hiện thân và cố hữu khi tâm Phật được hiển lộ toàn diện. Trong trạng thái định tĩnh, những ký ức tinh thần và cảm xúc không còn bị giới hạn bởi một ý tưởng liên tục và tương đối cố định về bản thân, nhưng chúng

cũng được giải phóng khỏi cách giải thích được lựa chọn ban đầu và có giới hạn cao mà một câu chuyện lịch sử về bản thân gán cho chúng là kết quả của sự phân ly này. Vì vậy, Tâm Kinh có nói rằng ngay cả cảm giác, nhận thức, hành uẩn và ý thức đều rỗng lặng. Khi bắt đầu cuộc hành trình vào bản thể thanh tịnh của thực tại tuyệt đối các tương tác giữa người với người thường không được nhìn nhận dưới dạng mối quan hệ liên chủ thể nhận thức và đối tượng bị nhận thức trên căn bản của triết lý nhị nguyên hay ý thức phân biệt. Từ góc độ của chấp thủ, mỗi tâm trí nhỏ bé phóng chiếu lên tấm gương của tâm trí khác, nhưng lại xem cả mình và người khác như luôn được chứa bên trong chân trời thế giới được phóng chiếu của tâm trí nhỏ bé đó. Khi hai quan điểm đối lập được kết hợp với nhau trong diễn ngôn thông qua các dự đoán tự neo như vậy, một người có thể điều chỉnh sự hiểu biết cá nhân, điều chỉnh tầm nhìn, mở rộng tâm lý cảm xúc và thực hiện các bước nhỏ để sửa chữa định kiến, trong số những điều khác. Trong phạm vi mà một khái niệm về cái tôi giới hạn và chứa đựng quan điểm, những bất đồng sẽ tái củng cố xung quanh sự tắc nghẽn cứng đầu của sự gán bó ở giới hạn ngoài cùng

của mỗi chân trời cá nhân, những thành kiến theo thói quen sẽ không bị loại bỏ tận gốc và sự khúc xạ sẽ không tồn tại một cách tự do theo mức độ thực sự mà nó tiết lộ cho chúng ta thấy chính chúng ta từ hư ảo, nghĩa là từ những mô hình kiến tạo bản ngã và thế giới quen thuộc sai lầm của chúng ta.

Hoa Nghiêm khẳng định rằng không có chướng ngại nội tại giữa các hiện tượng, điều này trái ngược với sự hiểu biết thông thường. Tuyên bố này có vẻ phản thực tế dưới ánh sáng của thực tế được thể hiện dày đặc của sự tồn tại về giới tính, phân biệt chủng tộc, lịch sử, văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ... Nó phá bỏ niềm tin giới hạn rằng tôi sẽ không bao giờ có thể hiểu được những quan điểm mà tôi thấy ghê tởm. Thậm chí rõ ràng hơn, sự không cản trở của các hiện tượng ngụ ý rằng tôi có khả năng tham gia, mặc dù ở các mức độ khác nhau, một số thái độ và niềm tin mà tôi coi thường hoặc bác bỏ trong sự thay đổi, mặc dù quan điểm lớn hơn của tôi dường như trái ngược 180 độ đến người khác. Thực tế là tâm trí chứa đựng lẫn nhau lập luận rằng không có thứ gọi là sự đối lập hoàn toàn và, đơn giản bởi vì các cá nhân mỗi người

khi được nhìn theo ba chiều, không bao giờ bị quy giản thành những thái độ lộn xộn hoặc những sự tuyệt đối hóa tổng thể mà chúng thể hiện như là chân trời của cuộc sống. Mặc dù trực giác đúng đắn, hạt giống của cái nhìn sâu sắc hợp lệ hoặc sự thiếu hiểu biết đúng đắn có thể là cơ sở cho những sai lầm của chúng ta và thế giới méo mó mà chúng ta tạo ra từ chúng, nhưng việc cụ thể hóa quan điểm về cái tôi cục bộ ngăn cản người ta nhìn thấy sự không khác biệt và chia cắt thế giới.

Sự sự vô ngại pháp giới cũng chính là Châu biến hàm dung quán – phép quán thứ ba trong tam quán. Sự sự vô ngại pháp giới là “tất cả giới hạn, phân cách của sự vật xúng với tánh dung thông, một tức nhiều, nhiều tức một, lớn vào nhỏ, nhỏ vào lớn, trùng trùng vô tận”⁴⁹, sự tương quan tương hỗ giữa hiện tượng và hiện tượng, tướng và tướng, trần trần vô ngại, hay còn gọi là thực tại bất nhị. Và có thể nói, sự sự vô ngại pháp giới chính là đỉnh cao của tư tưởng Hoa Nghiêm, là pháp quán rất ráo để thể nhập thế giới nhất chân – căn cứ thuyết minh cho sự thành tựu thế giới sum la vạn tượng, những

49 Thích Nguyên Chơn dịch, Sđd.

hạnh nguyện Ba la mật viên minh tự tại⁵⁰, viên thành thể tánh của Đức Tỳ Lô Xá Na, vượt khỏi mọi tư duy, lý luận của thức phân biệt, bất khả tư nghì và, chỉ đạt được khi ở trong trạng thái thiền định rốt ráo. Tư tưởng này được thể hiện xuyên suốt trong hầu hết các phẩm Kinh, rõ nhất ở phẩm Nhập Pháp Giới:

“Hoặc có thấy trong một vi trần
 Có đủ hằng sa Phật quốc độ
 Vô lượng Bồ Tát đều sung mãn
 Bất khả thuyết kiếp tu các hạnh”.

Hay:

“Phật trí thông đạt tịnh vô ngại
 Một niệm biết khắp pháp tam thế
 Đầu từ tâm thức, nhân duyên sanh
 Sanh diệt vô thường không tự tánh”.

Cũng như:

“Vô lượng Phật trong tất cả sự
 Số đồng chúng sanh khắp thế gian
 Vì khiến điều phục hiện thân thông
 Dùng đây trang nghiêm thế giới hải”.
(phẩm Thế Giới Thành Tựu)

50 Trùng Quán Đại sư, *Hoa Nghiêm Kinh Hành Nguyên Phẩm Sơ*.

Chỉ khi ở trong thiền quán sâu mầu, quán xét thật tánh rốt ráo của các pháp là Không, duy tâm và duyên sinh, đều là sanh diệt, vô thường, vô ngã mới thật sự thể nhập pháp giới sự sự vô ngại, pháp giới nhất chân hay Phật trí, vô ngại trí. Trí tuệ đó biết rõ lý - sự không hai, sự - sự cũng chẳng khác, trùng trùng duyên khởi, đều từ nhất tâm; giống như thể tánh của ánh sáng: hỗn giao mà không ngăn ngại, đồng thời phản chiếu chính nó và tất cả những ánh sáng khác, “mỗi một thực tại cá biệt ngoài tánh cách nó là nó, còn phản chiếu trong nó một tổng thể nào đó và đồng thời, nó chính là nó vì có những cá thể khác nó”⁵¹, quan điểm này tương đồng với quan điểm của triết gia phương Tây Hegel và, đây cũng chính là lý nghĩa viên dung vô ngại của sự sự pháp giới trong Hoa Nghiêm tông.

Căn cứ trên tánh cách hàm dung, châu biến, tương nhiếp vô ngại, sự sự tự tại này mà sơ tổ Hoa Nghiêm tông đã chỉ ra mười môn để luận giải như sau:

51 Daisetz Teitaro Suzuki, Trúc Thiên dịch, Thiền Luận, quyền hạ, Nxb Phật học viện Quốc tế, 1989, tr.673

1.4.1. Lý như sự môn (理如事門)

Môn thứ nhất là **lý như sự**. Tức sự trống rỗng, dứt hết thấy tướng; nhưng thể tánh (lý) thì chân thật, bất biến nên thể tánh đó hiện hữu mọi nơi, trong khắp các sự. Từ đây mà thấy sự quán lý, toàn lý là sự, đồng thời sự chẳng là lý, xa lìa nhị biên, đó là Bồ Tát.

1.4.2. Sự như lý môn (事如理門)

Môn thứ hai là **sự như lý**. Tức sự tùy theo lý mà viên, biến; toàn thể pháp giới cho đến vi trần đều nằm trong lý tánh thường trụ, vạn pháp đồng nhau.

1.4.3. Sự hàm lý sự vô ngại môn (事含理事無礙門)

Môn thứ ba là **sự bao gồm lý, sự**. Tức một sự mà bao gồm hết thấy, như một hạt bụi mà dung chứa hết thấy pháp giới. Lý sự dung thông chẳng một cũng chẳng khác, gồm: Một trong một, một trong tất cả, tất cả trong một và tất cả trong tất cả.

1.4.4. Thông cục vô ngại môn (通局無礙門)

Thứ tư là môn **biến - trụ vô ngại**. Môn này giải thích thêm cho môn thứ hai khi cho rằng tất cả đều biến; môn này nói chẳng hoại tướng, tức

bao gồm cả nghĩa biến. Các pháp lý - sự chẳng một (cục) cũng chẳng khác (thông), châu biến thập phương mà chẳng xa chẳng gần, như hạt bụi không rời một chỗ mà trùm khắp trong hết thủy bụi ở mười phương, không có chướng ngại.

1.4.5. Quảng hiệp vô ngại môn (廣狹無礙門)

Thứ năm là môn *rộng - hẹp vô ngại*. Môn này giải thích cho môn thứ ba cho rằng “sự bao gồm lý, sự”. Tức nói do sự cùng lý chẳng một cũng chẳng khác nên không hoại tướng mà vẫn hàm dung rộng lớn, như hạt bụi chứa đựng pháp giới mười phương mà tướng hạt bụi vẫn không thay đổi. Nên nói sự là hạt bụi vừa rộng vì chẳng phải khác (quảng) lại vừa hẹp vì chẳng phải một (hiệp), lớn - nhỏ tự tại, không có chướng ngại.

1.4.6. Biến dung vô ngại môn (遍容無礙門)

Thứ sáu là môn *dung chứa khắp vô ngại*, gồm có hai vế: khắp là chứa đựng và chứa đựng là khắp, hay nói cách khác là biến - dung; giống như hạt bụi, hạt bụi so với tất cả là biến (khắp), tất cả so với hạt bụi là dung (chứa), tự biến khắp tha, tha nhiếp trong tự, hay dung hay nhập, biến - nhiếp đồng thời nên nói vô

ngại. Hay trong Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Kinh, tổ Thanh Lương có lấy ví dụ khi một tấm gương chiếu soi chín tấm gương khác, tức thời thâm nhiếp chín tấm gương kia vào tự thân (đây là nghĩa biến tức dung). Ngược lại, khi một tấm gương dung nhiếp nhiều tấm gương, tức thời một tấm gương hay dung nhiếp đó lại trở lại biến khắp trong ảnh của nhiều tấm gương được dung nhiếp (đây là nghĩa dung tức biến). Nên nói biến khắp trong hết thảy các pháp sai biệt dung chứa nơi tự thân chính là ý nghĩa của biến dung vô ngại.

1.4.7. Nhiếp nhập vô ngại môn (攝入無礙門)

Thứ bảy là ***nhiếp nhập vô ngại***. Tất cả so với một, một nhập trong tha gọi là thâm nhiếp tha, là năng nhiếp (nhiếp); ngược lại, khi tất cả vào trong một khiến một kia trở lại (nhập) ở trong tất cả. Cũng có nghĩa một pháp ở trong tất cả pháp, tất cả pháp hằng tại một pháp, một cách đồng thời, nhiếp nhập không có chướng ngại.

1.4.8. Giao thiệp vô ngại môn (交涉無礙門)

Thứ tám là ***giao xen lẫn nhau không có chướng ngại***. Y cứ trên mối tương quan giữa

một và tất cả, lấy một đối sánh với tất cả mà phân thành năng nhiếp - sở nhiếp, năng nhập - sở nhập. Từ đây mà chia ra bốn câu – hai cặp phạm trù lớn:

- Một nhiếp tất cả – một nhập trong tất cả
- Tất cả nhiếp một – tất cả nhập trong một
- Một nhiếp một – một nhập trong một
- Tất cả nhiếp tất cả – tất cả nhập trong tất cả

Các cặp phạm trù này đan xen đồng thời, nhiếp nhập vô ngại, nên gọi là Giao thiệp vô ngại môn.

1.4.9. Tương tại vô ngại môn (相在無礙門)

Thứ chín là tương tại vô ngại môn. Môn này cũng y cứ trên mối tương quan giữa một và tất cả nhưng lại lấy tất cả đối sánh với một, cũng gồm bốn câu:

- Nhiếp một nhập trong một
- Nhiếp tất cả nhập trong một
- Nhiếp một nhập trong tất cả
- Nhiếp tất cả nhập trong một

Và giữa chúng cũng có đặc tính đan xen đồng thời, nhiếp nhập vô ngại nên gọi là Tương tại vô ngại môn.

1.1.4.10. Phổ dung vô ngại môn (普融無礙門)

Cuối cùng là Phổ dung vô ngại môn (môn dung thông vô ngại), là tổng thấu nhiếp của chín môn trước. Nghĩa là một và tất cả vừa rất ráo đồng thời lại vừa đối lập nhau, một là tất cả, tất cả là một, một khác tất cả, tất cả khác một, một nhiếp tất cả, tất cả nhiếp một, trùng trùng vô tận... dung thông vô ngại. Như Kinh nói, tất cả thế giới vào một lỗ chân lông, một lỗ chân lông vào tất cả thế giới... tất cả Phật pháp vào một pháp, một pháp vào tất cả pháp (phẩm Phổ Hiền Hạnh). Cũng như từ một vi trần cho đến mười phương thế giới, từ một niệm cho đến ba thời, không đâu là không có Phật; tâm - Phật - chúng sanh trùng trùng nhiếp nhập vô ngại.

“Trong vi trần của tất cả cõi
Đều thấy Như Lai hiện trong đó”

Hay:

“Phật thân cùng khắp tất cả cõi
Vô số Bồ Tát đều đầy khắp
Như Lai tự tại không gì sánh
Hóa độ tất cả các hàm thức”.
(phẩm Hoa Tạng Thế Giới)

Tổ Trùng Quán nói, hàng sơ phát tâm cũng như lúc đạt đến rốt ráo, thâm nhiều kiếp thành một niệm, tin trọn đạo thành, cũng tức một niệm bao trùm Phật địa (Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Cảnh).

Và như đã nói ở trên, nghĩa lý của pháp giới duyên khởi vô cùng thâm sâu, chẳng phải hàng phàm phu có thể dễ dàng tỏ bày được. Nên trên lộ trình hoằng hóa pháp môn này của mình, tổ Pháp Tạng đã phương tiện dùng con sư tử bằng vàng để làm hình ảnh tượng trưng lý giải cho thế giới lý tưởng Sự sự vô ngại này, gồm có mười điều: Minh duyên khởi, Biện sắc không, Ước tam tánh, Hiển vô tướng, Thuyết vô sanh, Luận ngũ giáo, Lặc thập huyền, Quát lục tướng, Thành Bồ đề và Nhập Niết bàn⁵². Trong đó, Lặc thập huyền và Quát lục tướng được xem là hai nội dung trung tâm cấu thành nên pháp giới duyên khởi, cùng với Tứ pháp giới trở thành tư tưởng nòng cốt của Hoa Nghiêm tông.

2. Thập huyền môn (十玄門)

Thập huyền môn còn gọi là Thập huyền duyên khởi vô ngại môn, Hoa Nghiêm nhất thừa thập huyền môn, Nhất thừa thập huyền

52 沙門法藏述, 華嚴金獅子章

môn, Thập huyền duyên khởi hay gọi tắt là Thập huyền⁵³, chỉ cho mười môn mẫu nhiệm nhằm biểu thị tướng của Sự sự vô ngại pháp giới, giải thích Sự sự vô ngại pháp giới, tương tức tương nhập, tương dung vô ngại cũng như đặc tính vô sai biệt của vạn pháp trong vũ trụ, từ đây mà dẫn vào biển tuệ Hoa Nghiêm.

Về nguồn gốc, có thuyết cho rằng giáo lý Thập huyền môn được tổ Trí Nghiễm sáng lập⁵⁴. Bên cạnh đó, có thuyết lại cho rằng pháp Thập huyền này lần đầu được tổ Đỗ Thuận giảng thuyết, tổ Trí Nghiễm biên soạn với tác phẩm tựa đề “Hoa Nghiêm Thập Huyền Chương” (華嚴十玄章)⁵⁵ nên tổ Đỗ Thuận được xem là người đã lập ra môn này. Hoặc nếu căn cứ trên các tác phẩm mà chư tổ để lại thì có ý kiến cho rằng sơ tổ Đỗ Thuận đã viết cuốn “Hoa Nghiêm Nhất Thừa Thập Huyền Môn” (華嚴一乘十玄門)⁵⁶, mở đường cho pháp Thập huyền này. Tuy nhiên quan điểm này cũng không đúng

53 Tiến sĩ Lâm Như Tạng, *Nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm*

54 Pháp sư Nhất Như (triều Minh), Lê Hồng Sơn dịch, *Tam Tạng Pháp Số*, Nxb Phương Đông, 2011, tr.754

55 東大寺圓超大法師，華嚴宗章疏并因明錄，大正新脩大正藏經，Vol. 55, No. 2177, 2002, 頁3

56 Nhân tử Nguyễn Văn Thọ, *Phật học chỉ nam*, chương 15, California, USA, 2015

lắm, vì căn cứ trên nguyên tác Hán văn của “Hoa Nghiêm nhất thừa thập huyền môn” thì thấy rằng tổ Trí Nghiễm là người soạn ra trên sự giảng thuyết của sơ tổ Đỗ Thuận (大唐終南太一山至相寺釋智儼撰承杜順和尚說). Từ những phân tích trên có thể kết luận rằng, pháp môn Thập huyền được sáng lập bởi tổ Đỗ Thuận và, cho đến tổ Trí Nghiễm thì mới bước đầu được quảng diễn.

Như đã nói ở trên, Thập huyền môn lần đầu tiên được nói bởi sơ tổ, gọi là Nhất thừa thập huyền môn, sau vào đời nhà Đường, tổ Trí Nghiễm soạn lại và được đưa vào Đại chính tạng tập 45, dựa theo Như Lai hải ấn tam muội mà nói thành mười môn⁵⁷ hay thập huyền chương, gọi là Cổ thập huyền. Về sau, tổ Pháp Tạng đã soạn ra cuốn “Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương” (華嚴五教章) để diễn giải thuyết này của nhị tổ. Theo đó, Cổ thập Huyền gồm:

- 1- Đồng thời cụ túc tương ứng môn (同時具足相應門)
- 2- Nhân đà la võng cảnh giới môn (因陀羅網境界門)

57 Phật Quang đại từ điển

- 3- Bí mật ẩn hiển câu thành môn (祕密隱顯俱成門)
- 4- Vi tế tương dung an lập môn (微細相容安立門)
- 5- Thập thế cách pháp dị thành môn (十世隔法異成門)
- 6- Chư tạng thuần tạp cụ đức môn (諸藏純雜具德門)
- 7- Nhất đa tương dung bất đồng môn (一多相容不同門)
- 8- Chư pháp tương tức tự tại môn (諸法相即自在門)
- 9- Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn (唯心迴轉善成門)
- 10-Thác sự hiển pháp sinh giải môn (託事顯法生解門)

Mười môn này mỗi môn có đủ mười hội: Giáo nghĩa, lý sự, giải hành, nhân quả, nhân pháp, phân tề cảnh vị, pháp trí sư đệ, chủ bạn y chánh, nghịch thuận thể dụng và tùy sinh căn dục tính⁵⁸ hợp lại một trăm môn, giải thích

58 釋智儼撰承杜順和尚說, 華嚴一乘十玄門, CBETA 電子佛典集成 Version 2021. Q1, No.1868, tr.5-6

giáo nghĩa trùng trùng vô tận của kinh Hoa Nghiêm. Tuy nhiên, giáo nghĩa Thập huyền lúc này vẫn chưa thật sự được xác định để làm khuôn mẫu⁵⁹.

Tổ Pháp Tạng sau đó đã viết khá nhiều về Thập huyền môn và có không ít thay đổi cho đến khi hoàn thiện. Từ “Hoa Nghiêm nhất thừa giáo nghĩa phân tề chương” (華嚴一乘教義分齊章), “Hoa Nghiêm kim Sư tử chương” (華嚴金獅子章) cho đến “Hoa Nghiêm Kinh thám huyền ký” (華嚴經探玄記) thì pháp Thập huyền mới thật sự được hoàn thiện và phổ biến rộng rãi, gọi là Tân thập huyền⁶⁰. Đến tổ Trừng Quán, ngài đã căn cứ trên pháp Thập huyền được nói trong “Hoa Nghiêm Kinh thám huyền ký” của tổ Pháp Tạng mà trình bày lại và, cũng chủ trương Tân thập huyền môn, nói rõ trong cuốn “Hoa Nghiêm Kinh số sao huyền đàm” hay “Hoa Nghiêm huyền đàm” (華嚴玄談), “Hoa Nghiêm Kinh tùy số diễn nghĩa sao” (華嚴經隨疏演義鈔), Hoa Nghiêm Kinh số (華嚴經疏). Và có thể

59 華嚴玄談,由十玄門的變革論華嚴法界觀的唯心思想,世界宗教學刊19,頁199-232, Graduate Institute of Religious Studies, Nanhua University, 2012, tr.210

60 方立天,《華嚴金獅子章校釋》,第19-20頁

nói, pháp Thập huyền đã được khởi xướng vào thời sơ tổ nhưng mãi đến tổ Pháp Tạng và tổ Thanh Lương thì mới thật sự hoàn thiện và lập môn. Tân thập huyền (trích trong Hoa Nghiêm Kinh số) gồm:

- **Đồng thời cụ túc tương ưng môn** (同時具足相應門):

Tất cả các pháp đồng thời tương ưng, đồng lúc đầy đủ, vạn vật đồng hiện khởi và viên dung vô ngại. Cũng như theo ngài Pháp Tạng, đây cũng là nghĩa “tất cả mười huyền môn nương nhau, kết hợp thành niềm tương ứng, tạo thành một pháp giới duyên khởi không phân biệt giữa quá khứ và vị lai, khởi thủy và chung cánh”. Bởi lẽ, tất cả pháp đều không ngoài Hải ấn tam muội, *đều tụ hội ở một pháp trong đạo tràng*.

- **Quảng hiệp tự tại vô ngại môn** (廣狹自在無礙門)

Rộng - hẹp không ngăn ngại nhau, rộng chứa trong hẹp, vạn pháp chứa trong tâm và ngược lại. Tâm sinh vạn pháp là quảng, vạn pháp quy nhất tâm là hiệp, quảng - hiệp dung thông như “trên đầu sợi lông dung nạp tất cả thế giới” (phẩm Thế

Chủ Diệu Nghiêm) cũng như lấy tiểu thế giới làm thành đại thiên thế giới và ngược lại.

- **Nhất đa tương dung bất đồng môn (一多相容不同門)**

Một và nhiều tuy đồng mà chẳng đồng, chẳng đồng mà đồng, lý chẳng phải sự nhưng lý cũng là sự, tương dung tương nhiếp vô ngại lẫn nhau. Như Kinh nói, lấy mười phương cõi Phật vào trong một cõi, “sát trần Phật ở trong một trần” (phẩm Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện). Tuy nhiên, nhất – đa cũng chẳng đồng, rõ ràng phân minh:

“Trong đây không có hai
Cũng lại không có một”.
(*phẩm Tu Di Sơn Đảnh Kệ Tán*)

- **Chư pháp tương tức tự tại môn (諸法相即自在門)**

Chư pháp nhất thể hóa, đan xen lẫn nhau, một tức nhiều, nhiều tức một, tương tức vô ngại vì cùng do tâm tạo tác. Cũng như con Sư tử được làm bằng vàng thì mỗi mỗi bộ phận của nó đều là vàng, không có ngoại trừ.

• **Bí mật ẩn hiển câu thành môn** (祕密隱顯俱成門)

Ẩn - hiện đồng thời, không hai không khác, cho đến ngôn giáo của Như Lai dù ẩn hay hiện đều vì muốn thành tựu chúng sanh. Các pháp sự - lý nhiếp nhập lẫn nhau, sự ẩn thì lý hiện và ngược lại, tùy nhiên chúng không hề mất đi, ẩn hay hiện đều do nơi vọng thức phân biệt của chúng sanh mà thôi; vì không có trở ngại, trước sau nên nói là bí mật. Như hình dáng sư tử và bản chất vàng của nó, ẩn - hiện tương tức tương hỗ mà thành sư tử vàng nhất thể hóa.

• **Vi tế tương dung an lập môn** (微細相容安立門)

Đây là nói về sự tương tức tương hỗ giữa hai mặt bản chất và hiện tượng, lý và sự, nhất và đa một cách vi tế nhất, dù khó nhận ra như vô hình tướng nhưng chúng luôn tương nhiếp vô ngại lẫn nhau mà thành nhất thể, đồng thời có mặt mà không hề có mâu thuẫn, trở ngại. Một bao hàm nhiều là tương dung, nhiều không lẫn lộn một là an lập, như ánh sáng của những ngọn đèn được thắp lên cùng lúc, dù chòm chòm tương giao nhưng không hề ngăn ngại lẫn nhau.

• **Nhân đà la võng cảnh giới môn** (因陀羅網境界門)

Nhân Đà-La-Võng là “lưới báu của Đế Thích, mỗi mắt lưới đều dùng châu ngọc giao kết nhau để dụ cho vạn pháp giao kết lẫn nhau, trùng trùng vô tận”⁶¹. Như kinh nói “Chư Phật biết tất cả thế giới, giống như thế giới trong tấm lưới châu vô số hạt minh châu của trời Đế thích” (phẩm Hoa Tạng Thế Giới), chính là biểu trưng cho ý này.

• **Thác sự hiển pháp sinh giải môn** (託事顯法生解門)

Là mượn những thí dụ, giả thuyết hay một sự vật, hiện tượng nào đó nhằm hiển bày chánh pháp khiến chúng sanh phát khởi tín giải. Như từ hình dáng sư tử mà thấy được bản chất vàng ròng của nó, hay như trong “Hoa Nghiêm Kinh tùy số diễn nghĩa sao”, tổ Thanh Lương lấy “lầu các Di Lặc là tượng trưng cho cửa pháp, Bà la môn Thắng nhiệt, núi Hỏa tụ đạo là Bát nhã” (phẩm Nhập Pháp Giới) cũng như trong Kinh Lăng Già, Đức Phật đã lấy hình ảnh “ngón tay chỉ trăng” để minh họa cho mối tương quan giữa

61 Ht.Thích Duy Lực dịch, Sđd.

chứng ngộ và ngôn thuyết... tất cả mọi sự hiển bày đều là phương tiện dẫn đến lý chân như.

- **Thập thế cách pháp dị thành môn (十世隔法異成門)**

Đây là ý chỉ nói mười thời⁶² tuy cách biệt nhưng luôn tương tức, tương tại, hiển bày đồng thời, mỗi thời đầy đủ cho đến nhiếp nhập trong một thời. Nói vô số kiếp đều ở trong một niệm cũng chính là biểu thị cho ý này.

- **Chủ bạn viên minh cụ đức môn (主伴圓明具德門)**

Tất cả các pháp duyên khởi hợp thành đại duyên khởi, nếu lấy bất kỳ một pháp nào làm chủ thì đồng thời các pháp khác là bạn, xoay vần như thế mà làm chủ bạn lẫn nhau, mỗi pháp đều viên minh tròn đủ mọi công đức. Hay trong Yếu chỉ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh của Duy Tắc thiền sư có giải thích: “Dù lập năng sở mà viên tròn sáng tỏ, siêu việt năng sở, tất cả công đức vốn tự đầy đủ” nên cũng gọi là Năng sở viên minh cụ đức môn. Ngoài ra,

62 Quá khứ - hiện tại - vị lai, mỗi thời chứa đựng ba thời thành chín thời; cộng thêm một thời do chín thời hợp chung lại thành mười thời.

cũng có nghĩa mười phương chư Phật, Bồ Tát thường làm chủ bạn cho nhau mà nói pháp môn Viên giáo, pháp môn được nói đều được luận bàn cùng cực về lý tánh, công đức viên mãn.

3. Lục tướng (六相)

Lục tướng hay lục tướng viên dung là sáu tướng biểu thị nguyên lý duyên khởi của vô tận pháp giới⁶³, thể của nhất chân pháp giới⁶⁴ cũng như tướng trạng của pháp giới duyên khởi⁶⁵, sự tương quan hài hòa, vô ngại giữa đồng nhất và dị biệt, sinh và diệt ở cả thể - tướng - dụng; từ đó thấy được tính đại đồng nhất của muôn hữu vũ trụ.

Thuyết lục tướng này do Bồ Tát Thế Thân (Vasubandhu) dựa theo Kinh Hoa Nghiêm mà lập ra, được trình bày trong Thập Địa Kinh Luận (十地經論), sau được ngài Tuệ Viễn chú giải trong Thập Địa Luận Sớ hay Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký (十地經論義記) và được thu vào Vạn tực tạng tập 71. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, thuyết lục tướng chỉ được mới

63 釋見光, 華嚴六相圓融在法界無盡緣起之探討, 圓光佛學研究所三年級, tr.4

64 Tam Tạng pháp số, Sdd., tr.474

65 釋明達, 華嚴六相思想之研究, 中華民國八十七年五月

đề cập đến thể và lý của pháp giới mà chưa bàn đến tướng và sự. Đến đời Đường, tổ Trí Nghiễm mới bắt đầu kiến lập, tương truyền tác phẩm “Lục tướng” (六相) được viết bởi nhị tổ, còn được gọi là lục tướng viên dung (六相圓融), đến tổ Pháp Tạng và tổ Thanh Lương thì hoàn toàn đại thành, được thể hiện qua Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴探玄記), Hoa Nghiêm Nhất Thừa Giáo Nghĩa Phân Tề Chương (華嚴一乘教義分齊章), Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương (華嚴金師子章), Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao (華嚴經隨疏演義鈔)... Lục tướng gồm:

1- *Tổng tướng* (總相)

Tổng tướng là tướng chung của toàn thể, như toàn thân sư tử chứa các bộ phận của nó, thân sư tử gọi là tổng tướng. Tổng tướng cũng còn gọi là “nhất hàm đa đức”⁶⁶, như thể của pháp giới chứa đầy đủ nghĩa và, quy về một nghĩa.

2- *Biệt tướng* (別相)

Biệt tướng là tướng riêng biệt của mỗi mỗi pháp sai biệt tạo thành một thể, như thân sư tử chỉ có một nhưng các bộ phận của nó thì lại

66 Ht.Thích Duy Lực dịch, Sđd.

hiều và mỗi mỗi sai khác, những bộ phận đó gọi là biệt tướng.

3- *Đồng tướng* (同相)

Đồng tướng sự đồng đẳng, đồng đều của các pháp sai biệt hợp thành một thể, như các bộ phận của sư tử mỗi mỗi khác nhau song, tính vàng là đồng đẳng chỉ có một.

4- *Dị tướng* (異相)

Dị tướng là tướng sai biệt, riêng khác của các pháp; như các bộ phận của sư tử, tuy cùng một thể nhưng chúng lại có vị trí, hình dáng, công dụng... khác nhau.

5- *Thành tướng* (成相)

Thành tướng là tướng thành tựu của các pháp, nhờ duyên khởi mà hợp thành một thể; như các bộ phận của sư tử hòa hợp mà tạo thành tổng thể sư tử.

6- *Hoại tướng* (壞相)

Hoại tướng là tướng không thật của tổng tướng; như các bộ phận riêng biệt của sư tử hợp thành tổng tướng sư tử, nhưng khi mỗi bộ phận ấy trở về đúng vị trí, ý nghĩa của tự thể chính nó thì tướng sư tử không còn, vì mắt, tai, đuôi... sư tử chẳng phải là sư tử.

Lục tướng này dưới con mắt của phàm phu thì thấy có khác biệt, tổng chẳng phải biệt, dị chẳng phải đồng... nhưng dưới con mắt của người giác ngộ thì thấy không có sai khác, trong một tướng chứa năm tướng còn lại và, đồng thời có mặt trong nhau, không có trở ngại. Sự tương tức tương nhập đồng thời vô ngại này nên gọi là lục tướng viên dung, “vì lục tướng viên dung nên các pháp tức là nhất chân pháp giới vô tận duyên khởi”⁶⁷. Do đó mà nói Lục tướng – Thập huyền là lý luận trọng yếu giải thích và chứng minh cho pháp giới duyên khởi của tông Hoa Nghiêm.

III. Bồ Đề Tâm – Bồ Tát Đạo

Bồ đề tâm - Bồ Tát đạo là một trong những tư tưởng cốt yếu của Đại thừa Phật giáo, là một trong những điều kiện tiên quyết của hành giả trên lộ trình tiến nhập Phật vị. Bồ đề tâm là nhân hạnh của Bồ Tát đạo, chính trực tâm - thâm tâm - Bồ đề tâm là đạo tràng của Bồ Tát⁶⁸, là tinh túy của đại lộ giác ngộ và giải thoát; nhờ tam tâm này mà Bồ Tát mới có thể thừa nguyện

67 Ht.Thích Duy Lực dịch, Sdd.

68 Kinh Duy Ma Cật

vào đời, vì chúng sanh mà mở bày pháp môn chánh lý, khiến chúng minh tâm kiến tánh. Như trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật có dạy: “Chư Phật Thế Tôn ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên lớn đó là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến” hay trong Kinh tạng nguyên thủy, Ngài cũng dạy rằng: “Này các Tỷ Kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần sanh, vì an lạc cho quần sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người”⁶⁹. Do đó nói:

“Tâm Bồ đề chính là
Rường cột của Đại thừa
Là căn bản, nền tảng
Của pháp tu vĩ đại”⁷⁰.

Chính tư tưởng Bồ Tát đạo này mà Phật giáo còn được hiểu là một nền giáo dục toàn diện, Toàn giác; một nền triết học luân lý đạo đức siêu việt và, một nền là Nhân học căn bản và chân chính.

Kinh Hoa Nghiêm là một bộ Kinh lớn thuộc hệ thống Đại thừa, do đó tư tưởng Bồ đề tâm

69 Tương Ưng I, tr.128

70 Đức Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Như dịch, *Lamrim Đại Luận Toát Yếu*, 2010, tr.58

- Bồ Tát đạo gần như được xem là tư tưởng xuyên suốt và thống nhất trong hầu hết các phẩm Kinh. Con đường Bồ Tát đạo trong Hoa Nghiêm tông là con đường nhập thế và ly thế, giáo lý Nhất tâm chân như – Pháp giới duyên khởi của Kinh chỉ rõ Phật – chúng sanh không hai, đời đạo đồng nhất vì vạn pháp quy nhất thể. Bồ Tát sau khi giác ngộ thật tánh của các pháp sẽ dùng Trí và Hạnh mà nhập thế lợi sanh, ở trong thế cuộc mà tùy duyên vô ngại, pháp âm bất tuyệt mà phương tiện giáo hóa khiến hết thảy chúng sanh thật tri các pháp không ngoài lý tánh chân như, vô tận duyên khởi, đồng nhập Tỳ Lô tánh hải. Bồ Tát Văn Thù là đại diện của Trí tuệ và Bồ Tát Phổ Hiền là đại diện cho Hạnh nguyện, đây cũng là hai vị Bồ Tát lớn thường trực trong pháp hội Hoa Nghiêm, tỏ rõ thắng hạnh của Bồ Tát đại thừa.

Như đã nói ở trên, tư tưởng lợi tha của Bồ Tát là sợi chỉ “bi - trí” xuyên suốt trong hầu hết các phẩm kinh và, phẩm Tỳ Lô Giá Na nói rằng:

“Vô lượng vô biên đại chúng hải
 Trong các pháp hội Phật đều hiện
 Khắp chuyển vô tận diệu pháp luân
 Tất cả chúng sanh được điều phục”.

Dù ở nơi vô lượng chúng sanh, điều phục hết thảy nhưng không có mảy may dính mắc, ở nơi các sắc trần mà bình đẳng không phân biệt:

“ Bao nhiêu Phật pháp đều rõ ràng
 Thường quán tam thế không nhàm mỏi
 Dầu duyên cảnh giới không phân biệt
 Đấy phương tiện của bậc Nan tư”.

(phẩm Quang Minh Giác)

Hay:

“ Nguyện hạnh thanh tịnh đều đầy đủ
 Và được tạng trí huệ rộng lớn
 Thường hay thuyết pháp độ chúng sanh
 Mà tâm vô y và vô trước”.

(phẩm Minh Pháp)

Vì an trụ trong chân tâm rộng lặng như hư không nên mỗi mỗi bi nguyện và hạnh nguyện đều tương ứng với pháp tánh, thật tế:

“ Vì lợi thế gian phát đại tâm
 Tâm đó khắp cùng cả mười phương
 Chúng sanh, quốc độ, pháp tam thế
 Phật và Bồ tát biến tối thắng”.

(phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức)

Tuy nhiên, tư tưởng Bồ đề tâm - Bồ Tát đạo trong Kinh Hoa Nghiêm lại được thể hiện

rõ nhất qua phẩm Nhập pháp giới với sự vân du cầu học của Thiện Tài Đồng tử với 53 vị thiện tri thức. Ngoài việc chỉ ra lộ trình tu học từ sơ phát tâm đến viên mãn quả Phật, hình ảnh Thiện Tài Đồng tử còn mang tính giáo dục sâu sắc cho những phẩm hạnh tự lợi - lợi tha cần có ở một vị Bồ Tát, qua đó nêu rõ ý nghĩa của việc phát tâm Bồ đề cũng như hành Bồ Tát đạo trên lộ trình thể nhập pháp giới nhất chân.

Những bài học của Sudhana (Đồng tử Thiện Tài) từ năm mươi ba vị thầy.

Sudhana (đồng tử Thiện Tài, 善財童子,) với khát vọng giải thoát khổ đau cho mình và cho người, trong cuộc hành trình tìm kiếm sự giác ngộ, Thiện Tài đã đến cầu học với năm mươi ba vị thầy lớn. Thiện Tài đã cố gắng trở thành bình đẳng với chư Phật trong một đời sống duy nhất và đó chính là động lực tối thắng thúc đẩy Thiện Tài, một đồng tử trẻ tuổi nhưng luôn không ngừng tinh cần tu học và sẵn sàng chấp nhận mọi gian lao nguy khốn kể cả những thách đố có thể tước đi mạng sống của mình. Đồng tử được sinh ra từ một gia đình thương gia, chủ của ngân hàng giàu có và, tài sản, châu báu đã tăng trưởng từ lúc Đồng tử Thiện Tài

đang trong bào thai của mẹ. Điều này đã mang lại cho Đồng tử cái tên Sudhana (Thiện Tài).

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đồng tử Thiện Tài được miêu tả như một nhân vật hết sức ấn tượng. Chuyến hành hương đầy gian nan trải qua 110 thành ấp trên hành trình tìm kiếm sự giác ngộ là một tấm gương sáng lớn đối với nỗ lực phi thường nhưng đồng thời cũng là một bài học giá trị cho chí nguyện cầu đạo sắc son, cho Bồ đề tâm bất thối mà không có bất cứ trở lực nào có thể tạo nên sự đổi thay dao động. Giác ngộ là nguồn cảm hứng mãnh liệt đã tác động và thôi thúc Đồng tử Thiện Tài tìm đến với năm mươi ba vị thầy để cầu học hạnh Bồ tát. Cứu cánh tối hậu mà Đồng tử Thiện Tài hướng đến đó là sự giác ngộ và mục đích của sự giác ngộ chính là để giải thoát muôn loài chúng sanh ra khỏi biển khổ đau ách nạn.

Phẩm Nhập Pháp Giới tập trung vào kinh nghiệm và thể chứng của Đồng tử Thiện Tài trong hành trình cầu pháp với năm mươi ba vị thầy đã chỉ rõ phương pháp giải thoát của Bồ tát cũng như từng giai đoạn chứng ngộ theo trình tự từ thấp lên cao một cách sinh động và vi diệu.

Lần đầu tiên Thiện Tài ký thác và phát triển niềm tin vào Phật pháp và muốn bằng vào nền tảng quan yếu này để tìm hiểu thấu đáo về bản thân nhằm thâm nhập vào trí tuệ tối thượng, với mục đích giác ngộ tất cả chúng sinh. Vì vậy, Thiện Tài đã phát tâm Bồ đề trước Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, bậc tượng trưng cho đại trí tuệ. Bồ đề tâm là yếu tố quyết định cho hạnh nguyện vô ngã vị tha, đây là niềm tin cơ bản của Đại thừa Bồ tát, đây cũng là nhân tố chủ yếu để thành tựu lý tưởng Bồ tát đạo.

Vì lý do gì Bồ-tát Văn Thù, bậc đại trí trong hàng Bồ tát, đã không tự mình chỉ dạy những pháp cần chỉ dạy cho Đồng tử Thiện Tài mà lại hướng dẫn Thiện Tài đi khắp đó đây để cầu học? Vì kinh nghiệm sống không thể thay thế bằng lời nói. Trong quá trình học hỏi, hãy nỗ lực hành trì và mở rộng tâm hồn để trân trọng cuộc sống; ngoài việc học hỏi các pháp môn khác nhau, phong thái, cách ứng xử, kỹ năng và phương pháp truyền đạt của những vị thầy lỗi lạc, nơi mỗi vị thầy đều có những điểm đặc thù, rất đáng để chúng ta tham vấn.

Những bậc thầy mà Thiện Tài đến cầu học bao gồm những nhân vật hàng đầu thuộc mọi

tầng lớp xã hội, điều này cho thấy nhiều người thực sự đạt được thành công trong sự nghiệp thường có những hiểu biết và hành động phù hợp với Phật giáo và đáng để học hỏi. Bất cứ ai có khả năng phát triển một lãnh giới đặc hữu đều phải có một chất tố xuất chúng.

Những vị thầy tâm linh này không có quan điểm về giáo phái, khi biết Thiện Tài đã phát bồ đề tâm, họ đều ân cần dạy cho Thiện Tài những phương pháp và kinh nghiệm thực hành hạnh Bồ tát đồng thời giới thiệu Thiện Tài tìm đến những thiện tri thức khác để tiếp tục học tập. Trong suốt năm mươi ba chặn dừng chân cầu học, Thiện Tài đã trải qua đủ loại tình huống từ nóng đến lạnh, từ thấp đến cao, từ khó đến dễ, tất cả các loại thử thách đó đã giúp Thiện Tài loại bỏ những chướng ngại sâu xa và học cách cứu độ chúng sanh bằng nhiều phương tiện thiện xảo, đặc biệt phải biết rằng nên tự đặt mình vào vị trí của người khác, thay thế người khác thọ nhận những khổ đau, bất hạnh thì lúc ấy con đường Bồ tát mới có thể tiến xa và thành tựu.

Đồng tử Thiện Tài (善財童子) đã phát tâm khi tham kiến Bồ tát Văn Thù Sư Lợi (文殊菩薩) sau đó cần phải liễu giải được làm thế nào

để có thể an trụ nơi sự phát tâm. Trước hết là phải học pháp Thập Trụ, chủ yếu là phải vượt qua những quan điểm thế tục, là điều kiện khiến chúng tử Bồ đề có thể đâm rễ và nảy mầm. Vâng theo lời dạy của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Thiện Tài đã lần lượt đến cầu học với 53 vị thầy, hiện là những nhân vật hàng đầu trong xã hội.

Pháp môn của năm mươi ba vị thầy vĩ đại mà Đồng tử Thiện Tài đã cầu học có thể được phân loại thành những giai vị như sau: Mười pháp trụ, mười pháp hạnh, mười pháp hồi hướng, mười pháp địa, mười đẳng giác pháp và ba Diệu giác pháp. Qua sự hướng dẫn, dạy bảo của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Đồng tử Thiện Tài đã lên đường cầu học với 53 bậc thầy với năm mươi ba pháp môn giải thoát được tóm tắt giản lược như sau:

1. Meghaśrī-bhikṣu (Tỳ kheo Đức Vân, 德雲比丘).

Để bắt đầu cho cuộc hành trình cầu đạo giải thoát, Đồng tử Thiện Tài đã đến núi Diệu Phong ở nước Thắng Lạc, suốt bảy ngày dù không tìm thấy Tỳ kheo Đức Vân, tuy nhiên Thiện Tài vẫn kiên trì không bỏ cuộc. Cuối cùng Thiện Tài đã nhìn thấy một thầy Tỳ kheo đang từng bước nhẹ nhàng chậm rãi kinh hành trên đỉnh núi và

toát ra oai nghi đức hạnh hết sức khả kính như một đỉnh núi cao đã tạo nên nguồn cảm hứng bất tận cho Đồng tử Thiện Tài, qua đó Đồng tử ý thức rõ việc đi tu là việc chấm dứt mọi nóng vội, hấp tấp, gát lại mọi lập luận có quan điểm thủ trước, hý luận. Một khi đã đình chỉ mọi vọng động thì các nguyên tắc chưa thể xác định, các phương hướng chưa được định hình sẽ trở nên rõ ràng cụ thể. Thiện Tài leo lên đỉnh núi cao và cố gắng tìm kiếm Tỳ kheo Đức Vân hàm ý đại diện cho sự nỗ lực tinh tấn và cho việc khai dụng sức mạnh nội tại để quán chiếu mọi hiện tượng với năng lực định tĩnh nhằm có thể liễu triệt bản chất của mọi hiện tượng một cách như thật, đồng lúc phát huy bản thể thanh tịnh nhằm thấp sáng trí giác tối thượng.

Những bước đi chậm rãi của Tỳ kheo Đức Vân, thể hiện tâm an nhiên tự tại vượt lên trên mọi ràng buộc chi phối. Trong cuộc tham vấn, Thiện Tài đã thỉnh vấn về việc học và hành đạo Bồ tát như thế nào để chóng được thành tựu viên mãn, Tỳ kheo Đức Vân dạy Thiện Tài pháp môn Ưc niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới trí tuệ quang minh phổ kiến (憶念一切諸佛境界智慧光明普見法門). Khi Thiện Tài hỏi rằng làm thế nào để học Bồ tát hạnh và thành tựu nhanh

chóng, viên mãn hạnh Phổ Hiền? Tỳ kheo Đức Vân đã nói với Thiện Tài rằng ngài thường xuyên nhớ nghĩ tất cả cõi Phật trong mười phương và quán tưởng phổ quát ánh sáng trí tuệ của chư Phật. Đây là pháp môn Niệm Phật, Pháp môn này làm cho trí tuệ toả sáng khiến tất cả chúng sanh đều niệm Phật, mà muốn niệm Phật thì trước hết cần phải xây dựng lòng tin thật vững chắc, liễu triệt chân lý, không bị bất cứ điều gì làm cho tâm bị loạn động, lay chuyển, vì thế mà niệm Phật một cách nhất tâm bất loạn và đó chính là cảnh giới của đại định, do có định mà có trí tuệ nhờ thế mà thấy rõ mọi hoạt động, thần biến của chư Phật trong khắp mười phương cũng như trang nghiêm tất cả chúng sanh đạo tràng. Trong tất cả cõi nước, chư Phật và các vị Bồ-tát, tùy theo căn cơ của vô số chúng sinh mà thi thiết các thứ phương tiện pháp môn giúp chúng sanh hiểu rõ chân lý, đoạn trừ mọi lậu hoặc, phiền não, đạt được giải thoát giác ngộ và đi khắp mười phương cõi Phật, cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Tại nơi đây, Thiện Tài đạt được **Phát Tâm Trụ** (發心住) và Tỳ-kheo Đức Vân đã hướng dẫn Thiện Tài đến cầu học với Tỳ kheo Hải Vân.

2. Sāgaramegha (Tỳ kheo Hải Vân, 海雲比丘).

Tiếp tục đi về phương Nam, đến nước Hải Môn (Sagaramukha), Thiện Tài đã gặp Tỳ kheo Hải Vân và được ngài chỉ dạy pháp môn Chư Phật Bồ Tát hành Quang minh Phổ nhãn (諸佛菩薩行光明普眼法門). Tỳ kheo Hải Vân dạy rằng, nếu chẳng gieo nhân lành thì không thể phát Bồ đề tâm. Phát Bồ đề tâm là phát tâm đại bi, phát lòng đại từ... cứu độ tất cả chúng sanh... Phát tâm trí tuệ để vào biển nhất thiết trí tuệ.

Tỳ kheo Hải Vân đã bảo Thiện Tài rằng, bất cứ khi nào tôi quán chiếu đại dương mênh mông, tôi đều tư duy không có gì sâu rộng có khả năng dung chứa vô lượng châu báu trang nghiêm kỳ diệu, vô lượng chúng sanh và dung thọ thân hình to lớn của chúng sanh như biển biển cả? Trong thế gian còn có gì rộng lớn hơn, vô lượng hơn, thâm sâu hơn, giá trị hơn biển cả?

Lúc đang suy nghĩ như thế tôi thấy dưới biển đột nhiên hiện ra một đóa sen rất lớn, vô số bảo vật rực rỡ trang nghiêm, tất cả Bồ tát kính tin, mười phương thế giới đều hiển hiện bao gồm cả huyển pháp lần thanh tịnh nghiệp,

lấy môn vô tránh để trang nghiêm, nhập ấn vô vi, trụ môn vô ngại, tùy thuận cảnh giới chư Phật, biến mãn mười phương khắp cõi... Trên đài sen có đức Như Lai đã thành tựu vô số công đức, thần lực bất khả tư nghĩ, đưa tay phải xoa đầu tôi và thuyết giảng pháp môn Phổ nhãn, chỉ rõ tất cả cảnh giới của Như Lai, các hạnh của tất cả Bồ tát, nói rõ diệu pháp của tất cả chư Phật, tất cả Pháp luân đều đồng lúc vận chuyển, có thể thanh tịnh tất cả cõi Phật, phá trừ tất cả tà luận, dị giáo..., soi sáng tâm hành chúng sanh, làm cho tất cả được khai ngộ, hoan hỷ, an lạc.

Đại dương là một phép ẩn dụ cho kỷ luật tự phát. Tỳ kheo Hải Vân sử dụng cái nhìn trực quan sâu sắc để soi sáng cấu trúc hình thành của các pháp hữu vi sinh diệt và các dạng thức của sự thành trụ hoại không và biến nó thành một đại dương của trí tuệ thâm sâu. Hải Môn là cửa biển, ẩn dụ này nhắc nhở người thực hành hạnh Bồ Tát rằng là, muốn tìm thấy cõi Phật thì phải tìm trong biển cả sinh tử luân hồi; Hải là biển, Vân là mây, chỉ cho tâm thênh thang tự tại trên đại dương mênh mông điệp trùng vô ngại. Hải Môn không chứa sinh tử nhưng cũng không loại trừ sinh tử mà biến tử sinh thành tịnh lạc an nhiên. Tỳ kheo Hải Vân đạt được

thượng trí, vì thế nên liễu triệt rằng phiền não tức Bồ đề, xa lìa thế gian không thể tìm cầu sự chứng ngộ (Phật pháp bất ly thế gian giác).

Nhờ quán sát đại dương mênh mông thăm sâu tâm của Tỳ kheo Hải Vân quảng đại bao la vô tận có khả năng dung chứa tất cả nhưng không bị tất cả chi phối. Đứng giữa bờ sinh tử nhưng không bị tử sinh buộc ràng, do đại bi tâm nên phát tâm ở trong trần gian phiền não mà cứu khổ độ sanh. Thâm nhập biển hạnh, biển nguyện, biển chúng sanh, biển ngôn ngữ..., với tuệ giác siêu việt, xuất nhập vô ngại, trong tất cả mười phương vô biên, tùy theo căn cơ sở nguyện chúng sanh mà thi thiết phương tiện từ bi cứu khổ.

Quán chiếu để thấy rõ mọi hiện tượng như chính nó đang là và phát tâm cứu độ chúng sanh là bài học lớn tuyệt vời mà Đồng tử Thiện Tài đã học nhờ thế mà đạt được *Trị Địa Trụ* (治地住)

3. Supratishthita (Tỳ-kheo Thiện trụ, 善住比丘).

Sau khi từ giả Tỳ kheo Hải Vân, Thiện Tài tiếp tục cuộc hành trình cầu đạo của mình, Đồng tử đến bờ biển của đảo Lanka (Lăng-già) để

tham vấn Tỳ kheo Thiện Trụ (Supratishthita) và được ngài dạy về pháp môn ***Phổ tốc tạt cúng dường chư Phật thành tựu chúng sinh vô ngại giải thoát*** (普速疾供養諸佛成就眾生無礙解脫門). Tỳ kheo Thiện Trụ đã nói với Thiện Tài rằng là nhanh chóng cúng dường chư Phật thì mau thành tựu cửa giải thoát không chướng ngại cho tất cả chúng sanh, nhờ thế mà có thể đến, đi tùy thích, tự tại vô ngại. Khi đã đạt được trí huệ quang minh cứu cánh vô ngại thì không còn có bất cứ chướng ngại nào; có thể biết rõ sự khác biệt về tâm hành, sự sống và cái chết, sự luân chuyển trong ba đời của vô số chúng sanh vì thế có thể giải trừ tất cả vô minh trong nội tâm của vô số chúng sanh. Có được “Thần thông vô trụ vô tác” bằng vào giới luật thanh tịnh, với giới luật thanh tịnh thì bất cứ ở đâu, nghĩ, nói hay làm bất cứ điều gì cũng đều có thể hòa hợp với đại chúng không bị trở ngại và, đạt được nhiều thần lực như Thần túc thông, dạo đi khắp cõi để giáo hóa, làm lợi ích cho vô số chúng sanh bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu.

Thiện Tài đã tích cực kiểm tra lại các yếu tố quan trọng hàng ngày của việc phân biệt đối xử trong các giác quan của mình và phát hiện ra rằng chúng đã hoàn toàn trở thành hạt giống của

trí tuệ. Vì vậy, Thiện Tài không đã còn một chút đắn đo gì về chúng nữa. Thiện Tài đã tìm thấy phương pháp nhập định nhờ an trú trong giới luật thanh tịnh, không bị lừa dối bởi những cực hình của cái chết lẫn sự sống, giờ đây đại dương của cái chết và sự sống đã chuyển thành đại dương của trí tuệ. Thiện Tài đã thấy thân tâm tự tại vì không bị chướng ngại bởi kiến chấp dù ở trong hay ở ngoài thế giới; không bị chướng ngại bởi ranh giới của ô nhiễm và trong sạch, nhờ vậy mà kịp thời phụng sự chư Phật một cách rộng khắp mười phương trong thoáng chốc, Thiện Tài đã đạt được ***Tu Hạnh Trụ*** (修行住).

4. Megha-dramida (Đại sĩ Di già, 彌伽尊者)

Thiện Tài đến gặp Đại sĩ Di già ở thành Vajrapura (Tự tại) nước Dravidia (Đạt- lý- tị-đồ) và được chỉ dạy pháp môn ***Diệu âm đà la ni quang minh*** (妙音陀羅尼光明法門).

Đại sĩ bảo với Thiện Tài rằng là, muốn thực hành viên mãn Bồ tát hạnh điều kiện tiên quyết là phải phát đại nguyện, phải phát tâm Bồ đề, chủ yếu là trang nghiêm Phật độ, thành tựu tất cả chúng sinh, hành Bồ tát hạnh viên mãn, tròn đủ các đại nguyện. Nếu hiểu được bản chất của các pháp (pháp tánh), hiểu được nghiệp nhân

và quả báo của tất cả chúng sinh, tín tâm kiên cố, hiểu được ý nghĩa chân thật của Phật pháp, thì sẽ được tất cả chư Phật trong mười phương hộ trì, bình đẳng với tất cả Bồ Tát, được thánh hiền bảo vệ, cung kính cúng dường.

Di Già Megha là một nhà ngữ pháp. Ý nghĩa quan trọng của Dravidia là làm tan biến mọi mê muội, loại bỏ những nhận thức sai lầm thông qua sự dạy dỗ khôn ngoan. Ông đã được Diệu âm đà la ni có khả năng phân biệt rõ ràng vô lượng ngữ ngôn của tất cả muôn loài trong vô lượng cảnh giới vì thế thâm nhập biển tư tưởng... của tất cả chúng sanh và diễn thuyết biến pháp cú thâm mật cứu cánh tối thượng. Sau khi biết rằng khái niệm vòng tròn (luân) âm thanh trang nghiêm đã đánh thức khả tính giác ngộ của Thiện Tài vì thế ông đã bảo Thiện Tài rằng hãy thâm nhập biển chú thuật để tiếp tục nâng cao khả tính giác ngộ nhờ thế Thiện Tài đạt được *Sanh Quý Trụ* (生貴住).

5. Mukta (Trưởng giả Giải Thoát, 解脫長者)

Sau khi rời Vajrapura, Thiện Tài đã du hành đến Vanavasin (Trụ Lâm) gặp Trưởng giả Giải Thoát, một bậc lỗi lạc và đã khám

phá ra một tập hợp với đầy đủ thiết bị và năng lực trong các phương tiện (Cụ túc phương tiện trụ) bằng pháp môn ***Như lai vô ngại trang nghiêm giải thoát*** (如來無礙莊嚴解脫門). Trưởng Giả Giải Thoát đã nhập xuất môn vô ngại trang nghiêm giải thoát, tri nhận được chư Phật chính là tâm tự tại và mục đích của việc hành trì là nhằm chứng đạt trí lực bình đẳng của chư Phật. Sau 12 năm du hành cầu đạo, khi gặp Trưởng giả Giải Thoát, ông đã đặc biệt nhấn mạnh rằng, điều cốt yếu của việc tu hành là làm cho tâm của một người trở nên quảng đại, thanh tịnh, trong sáng; muốn được như thế thì hành giả phải tinh tấn thực hiện những điều thiện, tôi luyện bằng hạnh nhẫn nhục và, sử dụng trí tuệ để làm cho tâm không trở ngại. An trụ vô ngại hạnh, nên thấy được tam muội của chư Phật, đạt đến cảnh giới thâm sâu của tất cả các pháp, có được tâm thái bình đẳng giữa bản thân, chư Phật và tất cả muôn hữu vũ trụ. Tri nhận tất cả đều chỉ là huyền mộng, tất cả sự thấy biết đều là do tâm vì thế tinh tấn tu học Phật pháp, tích hợp diệu hạnh, điều phục chúng sinh, tịnh các cõi Phật. Tất cả đều do Tâm nên phải dùng thiện pháp

để hỗ trợ tâm, dùng nước pháp thấm nhuần tâm, dùng trí chứng để thanh tịnh tâm, dùng tinh tấn, nhẫn nhục... để kiên cố tâm... dùng Phật thập lực để quán chiếu tự tâm, được vô ngại trí, trụ vô ngại hạnh, thường thấy chư Phật, chẳng trụ niết bàn...

Thiện Tài đã du hành mười hai năm để đến Vanavasin, thực tế này chỉ ra rằng, mười hai mắt xích của điều kiện hóa (Thập nhị Nhân duyên) là: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão và tử là nội dung của thiền quán. Mười hai mối liên hệ của sự tồn tại có điều kiện và có được trí tuệ siêu phàm là bài học mà Thiện Tài đã học được từ Sagaramegha nên Thiện Tài nhận thức rõ nguyên tắc không phá hủy nhưng cũng không thủ chấp nơi một sự sống đã hình thành. Trưởng giả Giải thoát tuyên bố rằng toàn bộ vũ trụ của những hành động yêu thương vô tận của mọi trí tuệ là một xã hội thiền định không bị cản trở về bản chất, Thiện Tài đạt được **Phương Tiện Trụ** (方便住). Với tất cả lòng tri ân sâu xa vô lượng, Thiện Tài đánh lễ bái biệt Trưởng giả Giải Thoát và lên đường.

6. Saradhvaja/ Sàgara-dhvaja (Tỳ-kheo Hải Tràng, 海幢比丘).

Thiện Tài đã tiếp tục đi đến nước Ma Lợi già la bên biển biển cõi Diêm phù đề và được Tỳ-kheo Hải Tràng chỉ dạy về pháp môn ***Bát nhã ba la mật tam muội quang minh*** (般若波羅蜜三昧光明), đây là pháp tối thắng vi diệu, chứng được pháp môn này thì có thể thông suốt tất cả pháp môn vi diệu của của chư Phật trong tất cả thế giới và tùy duyên hóa độ tất cả chúng sinh mà không có bất cứ chướng ngại nào.

Thiện Tài quan sát Tỳ kheo Hải Tràng đang nhập đại định. Khắp thân thể Thầy xuất hiện vô số cảnh giới, vô số chủng loại..., mặt trời, mặt trăng hiện ra nơi mắt chiếu rọi khắp nơi, chư Phật hiện ra trên đỉnh đầu và vô số tia sáng phát ra từ lỗ chân lông..., toàn bộ cơ thể của Tỳ-kheo Hải Tràng trở thành ánh sáng thực tại không bị cản trở của cơ thể vật lý sinh học. Trong tam muội, thầy có thể quán triệt muôn sự muôn vật tương dung, tương nhiếp, một là tất cả, tất cả là một mà không một chút trở ngại. Với tam muội vi diệu khiến người bệnh được lành, người nghèo được sung túc, ô nhiễm biến thành thanh tịnh, mọi phiền não khổ đau của tất

cả chúng sinh đều đoạn trừ, thành tựu mọi công đức, có được thần lực siêu xuất, trí tuệ thấy khắp bình đẳng vô ngại không thể nghĩ bàn...

Thiện Tài đã đợi ở đây suốt 6 tháng 6 ngày, cho đến khi Tỳ-kheo Hải Tràng xuất thiền. Thầy giải thích rằng thầy đã chứng được *Tam Muội Phổ Nhân Xả Đắc* (普眼捨得), hay *Bát Nhã Ba La Mật cảnh giới thanh tịnh quang minh tam muội* (般若波羅蜜境界清淨光明三昧門) hay Phổ trang nghiêm thanh tịnh môn (普莊嚴清淨門), với pháp môn này thầy có thể nhập vào các cảnh giới trong đó bao gồm các biến cảnh giới của Chư Phật một cách không chướng ngại.

Với sự chiếu soi của tuệ giác bát nhã siêu việt thì không có gì mà chẳng hiện ra,

Thiện Tài được thân kiên cố, có được diệu pháp, thâm nhập cảnh giới, trụ thanh tịnh giải, trí tuệ sáng suốt biến mãn mười phương, cũng chính tuệ giác bát nhã siêu việt mà đạt được *Chánh Tâm Trụ* (正心住).

7. Asha Ưu bà di (Hưu Xả, 休捨優婆夷).

Sau khi đánh lễ thâm tạ và giả từ Tỳ-kheo Hải Tràng, Thiện Tài du hành đến Samudravetali (nước Hải Triều vườn Phổ

trang nghiêm) được chỉ dạy pháp môn *Ly ưu An ổn tràng giải thoát* (離憂安穩幢解脫門). Là một người rất giàu có, Ưu bà di Hưu Xả cư trú trong một trang viên trang nghiêm, tráng lệ, bà đã từng phụng sự vô số chư Phật, ai gặp bà đều sẽ hết bệnh và được bất thoái chuyển vô thượng Bồ đề, vô ngại thanh tịnh. Thiện Tài được khuyên là hãy theo học nơi vô số chư Phật, tôn trọng, thọ trì, sống đời phạm hạnh, phát tâm thực hành vô lượng hạnh nguyện của Bồ-tát. Phải tinh tấn tu hành, chứng tất cả các pháp mới viên thành đạo Bồ-tát, rồi đi khắp các cõi Phật, trang nghiêm tịnh độ, thành tựu chúng sanh; giáo hóa, độ tận chúng sanh và hộ trì chánh pháp. Muốn được như thế trước tiên phải phát tâm Bồ đề vì Bồ đề tâm là điều kiện đầu tiên để thành Phật, hạnh nguyện của Bồ tát rất rộng lớn vô biên, muốn đạt được hạnh nguyện rộng lớn vô biên thì phải tinh tấn một cách không ngừng nghỉ. Với môn giải thoát “Ly ưu an ổn tràng” chẳng khác nào như các vị Bồ tát, tâm của Ưu bà di Hưu Xả bao la như đại dương có khả năng dung thọ tất cả Phật pháp, ý chí kiên cố như núi Tu Di, như thần dược đoạn trừ các bệnh phiền não, như mặt trời phá tan vô minh si chướng, như đại

địa làm chỗ nương tựa, như gió lành, như đèn sáng, như vầng mây lớn rưới mưa đại pháp tịch diệt... tất cả đều do tâm đại bi vì chúng sanh mà giải thoát mọi khổ đau, nghiệp chướng.

Thiện Tài coi bà là một con người tiêu biểu cho những hoạt dụng của trí tuệ và từ bi, vì sự kết hợp của lòng từ bi và trí tuệ bà đã đạt được tâm thái an ổn và vượt qua ngưỡng cửa của sự sống và cái chết để giáo hóa chúng sinh, lý do là bà nhận ra rằng cái chết, sự sống của những người chưa chứng ngộ chính là bài học để tinh cần tu học nhằm thể chứng niết bàn, một cảnh giới không có sự bắt đầu cũng không có sự kết thúc và hoàn toàn tịch lặng, an lạc, Thiện Tài đạt được **Bất Thối Trụ** (不退住). Trong niềm rung cảm đến rơi lệ, Thiện Tài thành tâm bái biệt tôn sư và tiếp tục cuộc hành trình cầu học Bồ tát hạnh, tu tập Bồ tát đạo.

8. Bhishmottaranirghosha Mục Cù Sa (Tiên nhưn Tỳ, 毗目瞿沙仙人).

Thiện Tài đã tìm đến nước Nalayur (Na La Tố) gặp Tiên ông Tỳ Mục Cù Sa trong một khu rừng trang nghiêm rộng lớn để học môn **Bồ tát Vô thắng tràng giải thoát** (菩薩無勝幢解脫).

Đến Nalayur, Thiện Tài đã khám phá ra nơi cư trú của bản chất trẻ trung. Tiên ông Tỳ Mục Cù Sa trong một khu rừng được trang hoàng đa dạng bởi vì ông sở hữu sự hiểu biết và lòng từ bi rộng lớn, luôn luôn bảo vệ chúng sinh. Tiên nhân ngồi trên thảm cỏ dưới cây chiên đàn, biểu thị hạnh thiếu dục, ít muốn.

Sau sự thỉnh cầu của Thiện Tài, Tiên ông khen ngợi Thiện Tài là người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, ban lợi ích, vô úy cho tất cả chúng sanh, thường quán chiếu biển trí tuệ của chư Phật... Chúng nhơn cũng khen Thiện Tài sẽ thành tựu hạnh Bồ tát lớn... tát cạn biển ái dục, đóng kín cửa hiểm nạn, đoạn tận mọi vô minh mang lại biển trí tuệ tối thắng, cứu chúng sinh thoát ly mọi thống khổ.

Tiên ông tuyên bố đã đạt được môn Bồ tát vô thắng tràng giải thoát, tượng trưng cho sự bất khả chiến bại. Khi ông đưa tay phải xoa đầu và nắm tay Thiện Tài, Thiện Tài bỗng thấy mình đến khắp mười phương cõi Phật nhiều như số vi trần, vô số chư Phật và chúng hội cũng như Phật độ thanh tịnh trang nghiêm. Được nghe chư Phật tùy thuận chúng sanh thuyết pháp, dùng trí giải, thanh tịnh nguyện để thành tựu các lực, ứng hiện sắc tướng, trí huệ chói sáng vô ngại

Thiện Tài tự thấy mình ở chỗ chư Phật từ một ngày đêm cho đến không thể nói lũy thừa cho không thể nói về cõi Phật số kiếp nhiều như vi trần. Thiện Tài được tỳ lô giá na tạng tam muội quang minh; phổ nhiếp chư phương đà la ni quang minh; cực thanh tịnh trí huệ tam tam muội quang minh v.v... Và, khi Tiên như Tỳ Mục Cù Sa buông tay Thiện Tài Thiện Tài tự thấy mình đang tại chỗ cũ. Với môn Bồ Tát vô thắng tràng giải thoát, giống như chư đại Bồ Tát, vị Tiên như này đã thành tựu tất cả tam muội thù thắng, tự tại trong mọi thời gian, chỉ một niệm xuất sanh vô lượng trí tuệ Phật, dùng đèn Phật trí chiếu khắp để trang nghiêm thế gian, chỉ một niệm vào khắp ba đời của mọi cảnh giới, phân thân trong mười phương cõi nước, trí thân hiện hữu mọi pháp giới. Tùy theo căn cơ chúng sanh mà ứng hiện để mang lại lợi ích, công đức, hạnh nguyện thù thắng vô lượng vô biên.

Điều cốt yếu là hãy học tập và thành tựu tất cả tam muội thù thắng tối thượng của chư vị Bồ-tát nhằm có được giải thoát, tự tại, và trong một niệm, xuất sanh vô lượng trí tuệ của chư Phật, dùng ngọn đèn trí tuệ của chư Phật chiếu sáng

thế gian và làm tất cả những điều lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Trên thực tế, thì đây chính là một người đã kiểm soát được hành động, ngôn ngữ và tâm thức của chính mình, người đã an trú trong đại định, trong chánh niệm và thức giác. Được sự hướng dẫn của Tiên nhơn Tỳ Mục Cù Sa, tại khu rừng trang nghiêm này, Thiện Tài đạt được **Đồng Chân Trụ** (童真住). Với tất cả tâm hoan hỷ, Thiện Tài thành tâm cúi lễ và ân cần chiêm ngưỡng rồi từ biệt Tiên nhơn.

9. Jayoshmayatana (Bà la Môn Thắng Nhiệt, 勝熱婆羅門)

Thiện Tài đến đến tụ lạc Ishana (Y-sa-na) gặp Bà La Môn Thắng Nhiệt, người đang tu phương pháp khổ hạnh để cầu nhất thiết trí. Bà la môn Thắng Nhiệt biết môn **Vô Tận Luân Giải Thoát** (無盡輪解脫門) đã khuyến thỉnh Thiện tài leo lên núi đao, gieo mình vào hố lửa thì sẽ được những hạnh Bồ Tát thanh tịnh, Thiện Tài nghi là ma chướng thế nhưng sau khi nghe mười ngàn Phạm Thiên ở trên hư không khuyến thỉnh, Thiện Tài đã sám hối và vâng theo lời khuyên nhảy vào hố lửa, đang rơi nửa chừng thì chứng được Tam muội Bồ tát thiện trụ và Tam muội

Bồ tát tịch tĩnh lạc thần thông. Thắng Nhiệt là người đã thắng được nhiệt não. Ngọn núi giống như dao bén, đại diện cho sự sắc bén của trí tuệ như thật, chọc thủng mạng lưới vô minh. Bên dưới ngọn núi là một hố lửa, tượng trưng cho ánh sáng của tuệ giác không thể phá vỡ. Thiện Tài nhảy vào biển lửa khi kiến thức của Thiện Tài hòa nhập với tuệ giác tổng thể nên đã đạt được khả năng tập trung vào sự thanh thản, an lạc của sự tĩnh lặng trước khi Thiện Tài rơi được nửa đường. Thiện Tài đạt được *Vương Tử Trú* (王子住).

Điều cốt yếu là diệt trừ biến tham ái thế gian, dứt sạch mạng lưới xấu ác, đốt sạch tất cả phiền não nghi hoặc, diệt hết chướng ngại của ba đời. Dùng bánh xe trí tuệ phá tan mê lầm của tất cả chúng sinh, khiến họ vững tin, ai cũng dũng mãnh tinh tấn, không lùi bước.

10. Maitrayani (Đồng Nữ Từ Hạnh, 慈行童女).

Thiện Tài đã đến thành Simhavijurbhita (Sư tử Phấn Tấn) để tham vấn Đồng nữ Từ Hạnh. Đồng nữ Từ Hạnh ngay lập tức đồng cảm trong khi vẫn không bị ảnh hưởng bởi thói quen hấp dẫn. Đồng nữ Từ hạnh là con gái của

Vua Sư Tử Tràng, có 500 đồng nữ hầu hạ, ngồi trên tòa báu trong điện Tỳ Lô Giá Na Tạng để thuyết giảng diệu pháp. Đồng nữ cư trú trong cung điện mà trong những vật dụng trang trí trong cung điện này Thiện Tài thấy đều hiện ra pháp giới của tất cả chư Phật từ lúc sơ phát tâm thực hành Bồ Tát hạnh cho đến lúc viên thành đại nguyện và thị hiện nhập Niết bàn. Nền phalê của cung điện tượng trưng cho sự thuần khiết nguyên sơ của cơ thể thực tại. Các cột đá kiên vững tượng trưng cho sự bảo trì chánh tín. Vách bằng kim cương biểu trưng cho Bồ đề tâm kiên cố. 500 Đồng nữ tượng trưng cho sự trong trắng hồn nhiên. Vô số châu báu biểu thị cho vô số chơn ngôn thần chú vi diệu. Nơi cung điện trang nghiêm này biểu hiện tri thức và thiện tâm bao hàm trọn vẹn trong trí tuệ và từ bi. Đồng nữ Từ Hạnh đã nhập môn Bát Nhã Ba La Mật phổ trang nghiêm và dạy Đồng tử Thiện Tài pháp môn *Bát nhã ba la mật phổ trang nghiêm* (般若波羅蜜普莊嚴門), Thiện Tài đã đạt được *Quán Đảnh Trụ* (灌頂住).

Do có đắc Thập Trụ mà Thiện Tài có được muôn ức Tổng trì môn, quán chiếu ngũ uẩn đều rỗng không, nên vượt qua mọi khổ ách. Do sự

thấy biết và hành động đồng nhất, nên Bồ đề tâm không mảy may thoái chuyển trong bất cứ mọi hoàn cảnh, tình huống nào. Tương ứng với thực tại bên trong và bên ngoài, vì thế nội lực tăng triển, hoa trí tuệ rực sáng và, sử dụng lòng từ bi để cứu khổ độ sanh. Dựa trên nền tảng của bình đẳng vô ngã, Thiện Tài nhận ra rằng sự bố thí siêu việt chính là thực hành hạnh Bồ tát và sự bố thí này không một mảy may phân biệt: Đẳng tam luân không tịch. Hành giả bố thí, phương tiện bố thí, người nhận bố thí đều rỗng lặng. Khi thực hành sự bố thí theo cách này, hành giả chỉ cảm nhận cái vô tận của chân lý và thế giới hiện hữu là vô thường, mong manh và vô định. Hành giả phát triển lòng từ chân chính nhưng không thủ chấp.

11. Sudarshana (Tỳ Kheo Thiện Kiến, 善見比丘).

Thiện Tài đã du hành đến nước Trinayana (Tam Nhãn) để cầu học pháp môn *Bồ tát tùy thuận đảnh giải thoát* (菩薩隨順燈解脫門) với Tỳ kheo Thiện Kiến. Tỳ kheo Thiện Kiến tuy tuổi còn trẻ, nhưng phước tướng trang nghiêm, oai nghi đức độ; Thầy thường kinh hành trong rừng. Do được cảnh giới bình đẳng

của Phật nên lúc nào cũng đem lòng đại bi giáo hóa lợi lạc tất cả chúng sanh. Do muốn khai thị pháp nhãn Như Lai, đi theo con đường Như Lai mà đi kinh hành không chậm chảnh mau. Vì trí tuệ thanh tịnh nên lúc kinh hành, tất cả mười phương đều hiện tiền trong một niệm. Trong một niệm, tất cả thế giới đều có mặt vì đi qua không thể nói lữ thừa không thể nói thế giới (bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới). Vì thành tựu sức đại nguyện nên trong một niệm vô số cõi Phật đều nghiêm tịnh v.v...

Thực hành hạnh tùy thuận hoan hỷ bằng những phương pháp thích nghi với thế giới thiên nhiên như cỏ cây trong rừng, mục đích là đi vào sinh tử để giải thoát chúng sanh ra khỏi tử sinh, cũng như truyền cảm hứng hạnh nguyện Bồ tát khiến chúng sanh thực hiện tâm từ bi vô ngã, sau khi tu chứng trở lại cõi sinh tử giải thoát khổ đau cho tất cả chúng sanh. Pháp môn của chư Phật nhiều như số cát của nhiều tỷ sông Hằng. Trong đại định, đồng nhất với tâm thanh tịnh của chư Phật, có thể tự tại ra vào tất cả pháp giới, thành tựu công đức viên mãn; có trí tuệ lớn, có khả năng liễu triệt tất cả pháp, tùy theo nhu cầu của tất cả chúng sinh mà giáo hóa cứu độ, giúp chúng sanh giải thoát

giác ngộ. Thiện Tài đã quan sát Tỳ kheo Thiện Kiến đi kinh hành trong rừng như một ví dụ điển hình về quá trình tu hạnh Bồ tát. Tỳ kheo Thiện Kiến nói rằng thầy còn trẻ và chỉ mới xuất gia chưa được bao lâu, nhưng thầy đã có được đức hạnh trong sạch đồng thời tuyên bố rằng đã từng thực hành phạm hạnh thanh tịnh nơi ba mươi sáu hằng hà sa Đức Phật, hoặc chỉ một ngày đêm hoặc vô số đại kiếp cung kính lắng nghe, chí tâm thọ trì chánh pháp vi diệu sâu xa của chư Phật v.v... viên mãn sáu môn ba la mật hải v.v... Nghe xong, Thiện Tài đắc *Hoan Hỷ Hạnh* (歡喜行).

12. Indriyeshvara (Đồng tử Tự Tại Chủ, 自在主童子).

Thiện Tài tiếp tục đến cầu học với Đồng tử Tự Tại Chủ tại nước Sumukha (Danh Văn), vùng đất đại diện cho hương thơm của đạo đức lan tỏa khắp mọi thứ và, dòng sông đại diện cho giới luật thanh tịnh phạm hạnh cho phép người ta tiếp cận thế giới độc lập, cuối cùng bước vào đại dương trí tuệ.

Thiện Tài thấy Đồng tử Tự Tại Chủ đang chơi trò gom cát, học trí tuệ của thế gian và phân biệt thiện ác với đồng tử Văn Thù Sư Lợi,

có kiến thức sâu rộng, tinh thông về tất cả các nghệ thuật ứng dụng, cũng như kiến thức về viết lách, kỹ thuật in ấn, kế toán, kiểm soát, y học, sản xuất, nông nghiệp, công nghiệp, kinh tế, thương mại, toán học, khoa học, năng lượng, kiến trúc v.v... có khả năng hiểu được các loại bệnh tật trên thế gian và có khả năng phân biệt được ai có thể đắc quả Thanh văn thừa, ai có thể chứng ngộ Bồ tát thừa và, ai có thể chứng đắc được Phật quả. Do ngộ được **Nhất Thiết Công Xảo Thần Thông Trí Pháp Môn** (一切工巧神通智門) nên có khả năng tính đếm được tất cả nhiều như số lượng những hạt cát cũng như số lượng các dải ngân hà, số lượng chúng sinh và số lượng của chư Phật. Đồng tử Tự Tại Chủ bảo rằng thuở xưa đã từng học nhiều phương pháp như toán số v.v... với Đồng tử Văn Thù Sư Lợi nên được ngộ nhập pháp môn nhất thiết công xảo thần thông trí.

Đồng tử Tự Tại Chủ biết Bồ Tát toán pháp. Như một trăm lạng xoa thì bằng một câu chi. Câu chi lũy thừa câu chi bằng một a giu đa. A giu đa lũy thừa a giu đa bằng na do tha. Na do tha lũy thừa na do tha bằng một tần bà ta. Tần bà la lũy thừa tần bà la bằng một căng yết la

v.v... cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết lũy thừa bất khả thuyết bất khả thuyết bằng một bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển. Quả thật, đây là một con số khổng lồ không thể nào có thể biểu đạt trọn vẹn.

Đếm cát là một phương pháp liễu tri, nhờ đếm cát mà biết được chính xác số lượng thế giới, số lượng chư Phật... Đồng tử Tự Tại Chủ đã dùng Bồ Tát toán pháp để đếm đồng cát rộng lớn vô lượng do tuần, biết rõ số cát bao nhiêu hạt, đồng thời biết rõ mười phương có bao nhiêu thế giới sai khác thứ lớp an trụ ra sao, bao nhiêu thế giới dù lớn hay nhỏ kể cả tên gọi của chúng, chẳng những thế mà còn biết rõ có bao nhiêu tên của tất cả kiếp, danh hiệu của tất cả Phật, tên của tất cả Bồ Tát, tên của tất cả chúng sanh, tên của tất cả nghiệp, tên của tất cả đế lý.

Nội dung của kỷ luật đối với Đồng tử là sử dụng tài năng thực tế và sáng tạo để vừa tham gia với thế giới nhưng đồng thời vượt ra ngoài thế giới, cũng như bản chất của kỷ luật đối với Đồng tử là kết nối đại dương sinh tử với đại dương trí tuệ.

Người truyền trưởng, một vị thầy của Thiện Tài sau này, xem nội dung của kỷ luật là đưa

mọi người qua bờ, thay vì ở lại bờ này hay bờ kia. Một người thầy khác, nữ thần bóng đêm với đôi mắt biết cười, xem lòng trắc ẩn, từ bi to lớn là bản chất của kỷ luật. Sự tiến bộ khác nhau tùy theo cấp bậc. Tuy nhiên, khi kiến thức thấm nhuần, mọi cấp bậc đều có sự liên quan. Kết quả là, Đồng tử Tự Tại Chủ tuyên bố rằng mình có kiến thức cao đối với tất cả các nghệ thuật ứng dụng, cũng như kiến thức về chữ viết, kỹ thuật in ấn, giám sát, y học, sản xuất, nông nghiệp, thương mại toán học và khoa học... Thiện Tài đã học được pháp môn Nhất thiết công xảo đại thần thông trí quang minh và đặc *Nhiêu Ích Hạnh* (饒益行).

13. Prahùtā (Ưu bà di Cụ túc, 具足優婆夷).

Thiện Tài đi đến ở thành Samudrapratishthana (Hải Trụ) để tham vấn với Ưu bà di Cụ túc, một người có hảo tướng uy đức quang minh. Mặc dù ngôi nhà của bà trang nghiêm rộng lớn, chung quanh tường vách đều được thiết kế toàn bằng bảo vật nhưng Ưu bà di Cụ Túc chỉ mặc y phục màu trắng và không đeo bất cứ loại trang sức giá trị nào. Tuổi bà đã cao và ngồi trên tòa báu, chung quanh bà có đến mười ngàn đồng nữ xinh đẹp tuyệt vời như thiên nữ vây quanh.

Cơ thể của mười ngàn đồng nữ đều phát ra mùi thơm toả ngát khắp nơi. Chúng sanh nào ngửi được mùi thơm đó thì đều được tâm bất thối chuyển, không có tâm sân giận, oán thù, tham lam, ganh tỵ, lừa dối, hiểm độc, cũng không có tâm hạ liệt hay ngã mạn mà chỉ có lòng bình đẳng, đại từ bi, an trụ luật nghi và phát tâm làm những điều lợi ích. Ai thấy các đồng nữ đều xa lìa tham nhiễm...

Trong nhà của nữ Cư sĩ này chỉ có một cái bát nhỏ thế nhưng cái bát nhỏ này có thể cấp dưỡng cả muôn tỷ người, với lượng thức ăn rất ít nhưng có khả năng đáp ứng cho vô số nhân sinh. Vô số người đã được chào đón bởi tình yêu thương vô điều kiện, tâm từ bi vô lượng và niềm hoan hỷ vô biên và, ai thọ dụng thức ăn thì cũng đều được giác ngộ bao gồm cả hàng Thanh Văn và Độc Giác, khi đã thọ dụng thực phẩm của bà thì đều chứng đắc đạo quả và an trụ tối hậu thân. Còn hàng Bồ Tát nhất sanh bổ xứ thì thành Đẳng Chánh Giác...

Một bát thức ăn nhỏ nhưng có khả năng cung cấp cho vô số khẩu phần tiêu biểu cho nhất tâm chân như và lòng từ bi vô lượng. Với nhất tâm chân như thì tâm ấy bao trùm thái hư

vô tận. Với lòng từ bi vô lượng thì mang lại lợi lạc cho khắp cả pháp giới vô biên. Khi đã an trú trong chơn tâm thì tất nhiên núi vọng động, kiến chấp, phiền não bị phá hủy, biển phiền não mông muội bị tát cạn. Dù sống trong lâu đài trang nghiêm nguy nga tráng lệ, nhưng Ưu bà di Cù túc ăn mặc đơn sơ tiêu biểu cho đời sống thanh cao vô nhiễm, “An bản lạc đạo”. Mười ngàn đồng nữ có mùi thơm mà ai ngửi được đều trụ nơi bất thối chuyển là nêu bật hương thơm giới đức, phạm hạnh thanh tịnh.

Nữ Cư sĩ này biết môn giải thoát vô tận phước đức. Thiện Tài đã được bà dạy về pháp môn *Vô tận phước đức tạng giải thoát* (無盡福德藏解脫門). Cung kính cúng dường các vị Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác và bố thí cung cấp thực phẩm và vật phẩm cần dùng cho tất cả chúng sinh khiến họ được no đủ và mãn nguyện cũng như có được tâm thức hỷ lạc vô tận, một bài học của đại dương tình thương vô phân biệt được tác thành vì đã hoàn thiện tất cả các phương pháp thực hành về lòng kiên nhẫn, hiểu biết và thương yêu. Thiện Tài đạt được *Vô Nghịch Hạnh* (無逆行).

14. Vidvan (Cư Sĩ Minh Trí, 明智居士).

Thiện Tài đã đến Mahasambhava (thành Đại Hưng) tại ngã tư thành phố để tham vấn cư sĩ Minh Trí về pháp môn Vô khuất nhiều hạnh và được vị Cư sĩ dạy về pháp môn ***Tùy ý xuất sinh phúc đức tạng giải thoát*** (隨意出生福德藏解脫門).

Cư sĩ có thể cấp dưỡng mọi người từ các vùng khác nhau tất cả những gì họ cần. Cư sĩ có mặt trong xã hội để nâng cao truyền thống giá trị đạo đức. Ông ngồi trên bảo tòa được thiết trí bằng vô số bảo vật hiếm quý trang nghiêm, có đủ loại diệu hương, thiên hoa và tiếng nhạc hay hơn thiên nhạc. Chung quanh ông có mười ngàn quyến thuộc hình sắc đoan nghiêm và tất cả họ đều đã thành tựu chí nguyện Bồ Tát. Lúc ấy có vô lượng chúng sanh từ mười phương thế giới... do nguyện lực Bồ tát mà vân tập đông đảo.

Cư sĩ Minh Trí nhiếp niệm nhìn lên bầu trời và, bất cứ thứ gì mọi người mong muốn tìm kiếm đều rơi xuống từ hư không. Ông vì số đông nói hạnh tích hợp phước đức, hạnh xa lìa nghèo cùng, hạnh biết rõ các pháp, hạnh thành tựu pháp hỷ thiền duyệt..., hạnh thành tựu vô

tận đại oai đức lực hàng phục ma oán. Ông vì họ thuyết pháp khiến bỏ lìa chấp trước sanh tử thể nhập Phật pháp vị, có được tướng hảo tối thượng của chư Phật, ngồi xe Đại thừa, đạt được diệu sắc thanh tịnh của chư Phật và, ông đã cho họ thấy những thực tế theo những khả năng riêng biệt.

Thông qua việc tư duy, quán chiếu về tính không của các thực tại, sự thấu hiểu như thật này tạo nên sự giải thoát và dập tắt những thói quen ích kỷ khôn ngoan còn tồn tại trên thế gian. Đây là nhận thức được phát sinh từ Phật pháp, một chân lý vi diệu siêu việt cả thời gian và không gian. Do đó, Cư sĩ cho rằng các cộng sự của ông giờ đã được sinh vào ngôi nhà Phật giáo và điều cốt lõi của thực hành Bồ tát hạnh là bất kể nhu cầu của chúng sinh là gì trong cuộc sống hàng ngày, một Cư sĩ có trí tuệ đều có thể đáp ứng nhu cầu của họ một cách thoả đáng đồng thời thuyết giảng Phật pháp để giáo hóa họ.

Cư sĩ Minh Trí vì Thiện Tài hiển bày cảnh giới Bồ Tát giải thoát không thể nghĩ bàn và Thiện Tài đạt được *Vô Khuất Hạnh* (無屈行).

15. Radnachada (Trưởng giả Pháp Bảo Kế, 法寶髻長者).

Thiện Tài đi đến cầu học với Trưởng giả Pháp Bảo Kế tại thành Simhapota (Sư Tử). Trưởng giả đạt được môn *vô lượng phước đức tạng giải thoát môn* (無量福德藏解脫門), ông nói rằng trong quá khứ lâu xa vô số kiếp, ông đã từng phát tâm cúng dường đức Vô Biên Quang Minh Pháp Giới Phổ Trang Nghiêm Vương Như Lai ở thế giới có tên Viên Mãn Trang Nghiêm và hồi hướng công đức cho ba mục đích: Tất cả chúng sanh đều xa lìa nghèo đói khổ não; thường gặp Phật và các bậc thiện tri thức và; thường chánh pháp giải thoát tất cả khổ đau.

Thiện Tài nhận ra ở Trưởng giả những kỳ luật không lẫn lộn. Ngôi nhà của Trưởng Giả cao rộng mười tầng, có tám cửa và vô cùng hoành tráng vì được kiến thiết bằng vô số châu báu, là nơi vân tập của hội chúng thanh tịnh trong đó có các vị Bồ tát, chư Phật, tiêu biểu cho các giai vị từ Bồ tát Sơ phát tâm cho đến Phật quả.

Tầng thứ nhất dùng để bố thí những thức ăn uống. Tầng thứ hai bố thí những y phục quý

báu. Tầng thứ ba bố thí tất cả bảo vật trang nghiêm. Tầng thứ tư bố thí những thế nữ và tất cả thân bảo thượng diệu. Tầng thứ năm có chư Bồ Tát bao gồm Ngũ địa Bồ Tát thuyết giảng các pháp để lợi ích chúng sanh, thành tựu tất cả môn đà la ni môn... trí huệ quang minh siêu việt. Tầng thứ sáu có chư Bồ Tát đã thành tựu trí tuệ thậm thâm, minh liễu pháp tánh, thành tựu môn tổng trì tam muội to lớn không chướng ngại, chẳng trụ hai pháp, phân biệt hiển thị vô số môn Bát Nhã Ba la mật. Tầng thứ bảy có các Bồ Tát được Như hưởng nhãn, sử dụng phương tiện trí phân biệt quán sát nên được xuất ly, có thể nghe và thọ trì chánh pháp của chư Phật. Tầng thứ tám có vô lượng Bồ Tát, đều được thần thông bất thối đoạ, hiện khắp mười phương pháp giới, là thượng thượng thủ của tất cả Phật chúng hội, chỉ dùng một âm thanh mà thuyết pháp giáo hóa ở khắp mười phương cõi. Tầng thứ chín có chư Bồ Tát nhất sanh bồ xứ. Tầng thứ mười có vô số chư Phật đang ngự.

Thông điệp ở đây chính là bản chất hay trọng tâm hiện đã đạt được trong từng mười giai vị và, tính vô ngại, độc lập, ổn định, thịnh vượng, thái hòa của xã hội được thiết lập bởi yếu tố thiên định xuyên qua sự tinh cần hành trì giới

luật khiến tâm thức của mỗi cá thể được định tĩnh, sáng suốt, lòng từ bi và trí tuệ ngày một tăng trưởng, phẩm giá đạo đức ngày một hoàn thiện, vì thế mà xa lìa tất cả những mộng muôi, si mê. Tám cánh cửa tiêu biểu cho Bát Chánh Đạo, đó là con đường Trung đạo, con đường đưa chúng sanh đạt đến cảnh giới niết bàn, giải thoát biển sanh tử luân hồi đầy khổ đau phiền não. Thiệt Tài đã học học từ vị Trưởng giả này pháp môn đặc *Ly Si Hạnh* (離癡行).

16. Samantanetra (Trưởng giả Phổ Nhân, 普眼長者).

Tiếp tục cuộc hành trình cầu hạnh và đạo Bồ tát vô cùng gian lao nhưng chẳng hề mệt nhọc, chỉ một lòng nhớ nghĩ những lời dạy thù thắng của các bậc thiện tri thức khả kính, Thiệt Tài đã đến Vetramulaka, thành Phổ Môn gặp Trưởng giả Phổ Nhân, trong nước Đẳng Căn. Ông ta nói rằng ông có khả năng chữa trị những bệnh tật và là người thành thạo trong việc kết hợp và chế tạo các mùi hương và tùy theo bệnh mà chữa trị, sau khi chữa lành bệnh tật, ông dùng nước thơm tắm họ, cho họ những loại trang sức, quần áo giá trị và bố thí đầy đủ của cải và, tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, người tham ái

thì dạy quán về bất tịnh, người sân hận thì dạy quán về từ bi; người ngu si thì dạy phân biệt các pháp tướng; người phiền não thì dạy pháp môn thù thắng; Vì muốn cho họ phát bồ đề tâm, nên xưng dương công đức của tất cả chư Phật. Vì muốn cho họ khởi lòng đại bi, nên hiển thị sanh tử vô lượng khổ não. Vì muốn chúng sanh tăng trưởng công đức thù thắng nên tán thán hạnh tu tập vô lượng phước trí. Vì muốn chúng sanh phát đại nguyện nên xưng tán công hạnh điều phục chúng sanh; thuyết giảng về công hạnh tu tập của chư vị Bồ tát trong tất cỗi để khuyên tu hạnh Phổ Hiền; tán dương Bồ thí ba la mật để họ có đủ tướng hảo của Phật, nói chung vì lợi ích to lớn và lâu dài của tất cả chúng sanh mà sách tấn họ tu Lục độ ba la mật như bồ thí, nhẫn nhục, thiền định, phương tiện, lực, trí.

Qua những công hạnh đó, ngụ ý rằng ông đã học môn y học cổ truyền, thực tế này cho thấy rằng ông đã tham gia vào các nghệ thuật khôn ngoan của thế gian và nó phản ánh sử dụng sự hiểu biết thông minh để hướng dẫn, dạy bảo, mà hương thơm của các mùi hương đã làm dậy mùi hương của phạm hạnh đồng thời biến chúng thành mùi thơm của trí tuệ và sử dụng trí tuệ đưa tất cả thế giới vào lãnh địa của

Phật tính. Ông cũng tuyên bố rằng mình biết cách làm cho mọi người đều nhận biết được chư Phật và sanh tâm hoan hỷ. Thiện Tài đã học được từ ông pháp môn *Linh nhất thiết chúng sanh phổ kiến chư Phật hoan hỷ* (令一切眾生普見諸佛歡喜法門) và đặc *Thiện Hiện Hạnh* (善現行).

17. Anala (Vua Vô Yểm Túc, 無厭足王).

Thiện Tài du hành đến Taladhvaja (thành Đa La Tràng) để tham vấn quốc vương Vô Yểm Túc. Trước mặt vua, hai bên có một trăm ngàn quân lính mạnh khỏe, tướng mạo, y phục rất hùng dũng, tay cầm binh khí, trợn mắt vung tay khiến ai cũng phải kinh hồn khiếp vía. Bất cứ ai phạm tội đều bị vua nghiêm khắc xử trị. Tên của vua Taladhvaja có nghĩa là trí tuệ, kiến thức sáng suốt, thuần khiết vì vua Anala đã sử dụng nhiều hành vi khác nhau để điều ngự và giáo hóa. Ông đã sử dụng sự hiểu biết và tài năng của mình trong các phương pháp tạo ra sự xuất hiện của những hình ảnh đáng sợ, sử dụng những hình phạt như người đáng trị tội thì xử trị, người đáng phạt thì phạt, kẻ đáng nhiếp thời nhiếp hóa. Trừng phạt các kẻ tội ác, giải quyết sự tranh tụng; thương yêu người thế cô sức yếu,

làm cho nhân dân chấm dứt sự giết hại, trộm cướp, tà dâm. nói sai sự thật, nói độc ác, nói ly gián, nói thù dật, khiến cho mọi người xa lìa tham lam, sân hận, tà kiến. Vua dùng những luật lệ như những thiện xảo phương tiện trí nhiếp thọ chúng sanh trí, hộ niệm chúng sanh trí, thành tựu chúng sanh trí, thủ hộ chúng sanh trí độ thoát chúng sanh trí, điều phục chúng sanh trí chẳng thể nghĩ bàn nhưng quan niệm rằng đó chỉ là những phương tiện huyễn hóa vì ông biết môn *Bồ Tát Như Huyền Giải Thoát* (菩薩如幻解脫門). Vì để điều phục chúng sanh nên vua sử dụng phương tiện hóa hiện những kẻ ác tạo những tội nghiệp và bị hành hình khiến dân chúng nghe thấy kinh sợ mà không làm việc ác làm các việc lành và phát tâm Bồ đề rất ráo đều trụ ở Nhất thiết trí. Tuy nhiên, vua bảo: Thân, ngữ, ý của mình chưa từng nào hại bất cứ chúng sanh nào vì vua phát tâm ở đời vị lai dẫu chịu vô gián thống khổ, nhưng quyết không móng niệm làm khổ một con kiến, con muỗi, chứ đừng nói là làm khổ con người.

Vua được môn như huyền giải thoát vì chứng được vô sanh nhẫn, tri nhận các loài hữu lậu đều như huyễn như mộng...

Quốc vương Vô Yểm Túc đã cho Thiện Tài vào lâu đài của mình và quan sát những thiết kế trang trí lộng lẫy trước khi tuyên bố rằng ông ta am tường phương pháp giải phóng mọi ma thuật đồng thời giải thích rằng những hình ảnh khủng khiếp này là tất cả các biểu hiện siêu nhiên của sự đồng cảm to lớn được thiết kế để gây sốc cho những người thiếu chân chính từ bỏ sự xấu xa. Tuy nhiên, trên thực tế thì không một vi sinh vật nào, chứ đừng nói con người bị bách hại. Thiện Tài đã học được ở quốc vương pháp môn Bồ tát như huyễn giải thoát và đặc **Vô Trước Hạnh** (無著行).

Thông điệp lớn ở đây là chỉ dạy tất cả chúng sinh, vững tin vào bản chất tốt đẹp vốn có của con người, cho dù nhất thời phạm những sai lầm, nhưng chỉ cần thành tâm sám hối, quyết tâm chuyển hóa thì chắc chắn sẽ được thành Phật, vì tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Vì vậy, để thành tựu những vị Phật tương lai này, cần sử dụng các phương tiện thiện xảo, sẵn sàng hy hiến, quên mình vì người, vào trong ba đường ác và, với tất cả đại bi tâm, cứu giúp tất cả nhưng không bao giờ tự mãn hay chán nản.

18. Mahaprabha (Vua Đại Quang, 大光王).

Thiện Tài du hành đến Suprabha (thành Diệu Quang), một thành phố của ánh sáng vô cùng kỳ diệu và xinh đẹp, ngang dọc đều mười dặm, có tám cửa và có mười ức đường phố (một trăm triệu), biểu thị chúc năng tinh tế của sự khác biệt trong sự hiểu biết trong khắp mười phương nhưng cũng thể hiện cho từng mười hạnh lớn của Bồ Tát. Thiện Tài cảm nhận mặt đất, cây cối, tòa nhà, sân thượng và ao hoa của thành phố đều được trang trí bằng ngọc vì ông là hiện thân của các phương tiện trí tuệ và lòng từ bi. Mọi người, chim chóc, các sinh vật của thành phố và các vùng xung quanh đều tụ tập để bày tỏ lòng tôn kính đối với nhà vua khi vua bước vào cánh cửa đắm mình trong lòng bi mẫn nhân hậu cao cả. Đối với chúng sanh nghèo khổ vua mở các cửa kho để họ tùy thích chọn lấy và vua khuyên họ đừng làm việc ác, đừng hại chúng sanh, đừng sanh tà kiến, thủ chấp. Vua Đại Quang bảo với Thiện Tài rằng, tất cả chúng sanh trong thành Diệu Quang đều là Bồ Tát phát tâm Đại thừa, do tâm mà thấy rộng hẹp, đẹp xấu... bất đồng.

Thiện Tài đã học được ở vị vua này pháp môn *Đại Từ Tràng Hành giải thoát môn* (大慈幢行解脫門) và được *Tôn Trọng Hạnh* (難得行). Bài học quan yếu ở đây là sử dụng pháp môn Đại Từ Tràng Hành giải thoát này để nhiếp hóa và dẫn dắt tất cả chúng sinh, làm cho tất cả chúng sinh an trụ trong tự tính của các pháp; dùng pháp môn này để an trú trong lòng từ bi, để cắt đứt ái nhiễm sinh tử, để hoan hỷ với chánh pháp, cầu tất cả trí tuệ, thanh tịnh hóa biến tâm, tăng trưởng tín tâm đem chánh pháp giáo hóa thế gian khiến cho tất cả chúng sanh đều đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

19. Achala (Ưu bà di Bất Động, 不動優婆夷)

Thiện Tài tiếp tục du hành đến Sthira (nước An trụ) để tham vấn với Ưu bà di Bất Động, một nữ Cư sĩ mà trong quá khứ ở một kiếp có tên Ly Cấu có đức Phật hiệu là Tu Tỷ, tiền thân của bà là con gái duy nhất của Quốc vương Diễm Thọ. Nữ cư sĩ này đã được Đức Phật Tu Tỷ dạy là hãy phát tâm bất khả hoại để tận diệt các phiền não; phát tâm vô năng thắng để phá trừ các chấp trước; phát tâm không thối khiếp để thể nhập các pháp môn; phát tâm nhẫn nhục để cứu các chúng sanh ác; phát tâm không mê

hoặc để thọ sanh trong các loài; phát tâm vô yểm túc để cầu thường thấy chư Phật; phát tâm không biết đủ để lãnh thọ tất cả chánh pháp của Như Lai; phát tâm chánh tư duy để phát sanh tất cả ánh sáng Phật pháp; phát tâm đại trụ trì để chuyển vận tất cả bánh xe chánh pháp; phát tâm rộng rãi dung thông để tùy theo sở thích chúng sanh mà bố thí pháp bảo. Nhờ nghe Phật dạy nên Ưu bà di đã phát tâm cầu Nhứt thiết trí, Phật thập lực, Phật biện tài, Phật quang minh, Phật sắc thân, Phật tướng hảo, Phật chúng hội, Phật quốc độ, Phật oai nghi và Phật thọ mạng. Tâm của Ưu bà di kiên cố như kim cang không có bất cứ phiền não nào có thể chi phối. Ưu bà di Bất Động tuyên bố là được môn *Bồ Tát Nan Tồi Phục Trí Huệ Tạng Giải Thoát Môn* (菩薩難摧伏智慧藏解脫門). Nữ Cư sĩ được coi là một người có tâm bất động do năng lực của các đại định vi diệu, thế nhưng bà bảo rằng đã đắm mình trong cuộc tìm kiếm không bao giờ tự mãn hay nhàm chán đối với đại định và trí tuệ tối thượng. Thiện Tài được bà giảng về pháp môn Cầu nhất thiết pháp vô yểm túc tam muội quang minh và đạt được *Thiện Pháp Hạnh* (善法行). Bài học lớn ở đây chính là phải phát

tâm không tự mãn, không nhàm chán, cần cầu Phật pháp, tinh tấn hành trì để đoạn trừ phiền não, đạt được tuệ giác siêu việt, phát nguyện chuyển vận bánh xe chánh pháp để cứu độ tất cả chúng sanh. Do vậy mà, trải qua vô lượng vị Ưu bà di này thường thấy chư Phật, chư Bồ Tát, các bậc chân thiện tri thức, thường nghe hạnh nguyện của chư Phật, chư đại Bồ Tát... hiện thân khắp chốn, sử dụng ngôn âm thượng diệu thanh tịnh để khai ngộ tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới.

20. Sarvagamin (Ngoại đạo Biến Hành, 徧行外道).

Thiện Tài đến Tosala, (thành Đô Tát La) để tham vấn Tiên tri Biến Hành và khám phá ra sự thực hành chân lý ở một nơi tưởng chừng như thế tục. Tosala được biết đến như là nơi tạo ra sự vui vẻ khắp chốn. Thiện Tài nhìn thấy vị Tiên tri trên ngọn núi ở phía đông thành phố Tosala đang đi kinh hành chậm rãi nhan sắc viên mãn, oai quang chiếu sáng vượt xa Đại Phạm Thiên Vương, chung quanh Tiên tri Biến Hành có mười ngàn trời Phạm Chúng. Ánh sáng rực rỡ mô tả mặt trời của trí tuệ siêu việt vào nửa đêm sinh tử tối tăm. Tiên tri đang

đi kinh hành trên đỉnh núi tượng trưng cho sự ưu việt cao quý của trí tuệ siêu xuất nhưng bao hàm sự đối xứng của tâm từ bi. Ông đã thành tựu môn **Chí Nhất Thiết Xứ Tùy Thuận Biến Hành Bồ Tát Hạnh** (至一切處隨順遍行菩薩行門), Phổ Quán Thế Gian Tam Muội Môn, Vô Y Vô Tác Thần Thông Lực và Phổ Môn Bát Nhã Ba La Mật Đa, ông đi khắp nơi giáo hóa mọi người giúp họ quay về đạo giác ngộ giải thoát vô thượng. Thiện Tài đã học được từ vị này pháp môn Chí Nhất Thiết Xứ Tùy Thuận Bồ Tát Hạnh và đạt được **Chơn Thật Hạnh** (真實行). Vị Tiên tri này cho biết là ông có mặt khắp nơi trong thế gian bằng nhiều thân hình, nhiều hạnh giải ở nhiều cảnh giới như Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Địa ngục, Súc sanh, Diêm la vương, Phi nhơn, loài Người. Vì tất cả mà giảng dạy chánh pháp, sử dụng mọi phương tiện thiện xảo khiến cho lợi ích, đầy đủ đạo Nhứt thiết trí, đạt được tâm Vô thượng đạo, giúp cho hoàn mãn nguyện tịnh Phật độ để cứu độ tất cả chúng sanh. Ông cũng bảo rằng thường đến mười phương vô lượng thế giới các biển chúng sanh, tùy theo tâm

nguyện của chúng sanh, dùng các phương tiện pháp môn, thị hiện những sắc thân và dùng các thứ ngôn âm thuyết pháp để cứu độ.

Bài học ở đây là, trên căn bản của đại bi tâm, được soi sáng bởi đại trí tuệ, dẫn thân đi khắp mọi nơi, kể cả địa ngục A tỳ, thuận theo hạnh Bồ tát, tán thán Bồ đề tâm, dùng Tứ Nhiếp Pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự để nhiếp hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh tin sâu nhân quả nghiệp báo, nỗ lực thực hiện các việc lành, tránh xa những điều ác, phát tâm bố thí cúng dường, tạo các công đức thù thắng, đặc biệt dụng công tu tập để thành tựu giải thoát giác ngộ hầu thực hiện viên mãn các hạnh nguyện lớn của chư Phật và chư vị Bồ tát lớn.

21. Utpalabhuti (Trưởng giả Chúc Hương, 鬻香長者).

Thiện Tài tiếp tục đến nước Quảng Đại để tham vấn Trưởng giả Chúc Hương. Vị Trưởng giả này có sở trường chuyên môn về các loại hương trong rất nhiều cảnh giới, đồng thời nắm vững phương pháp chế tác tất cả những loại hương, biết loại hương nào trị bệnh, loại hương nào gây phiền não, loại hương nào đoạn trừ việc

ác, loại hương sanh hoan hỷ v.v... đặc biệt là hương Tượng Tạng, chỉ đốt một viên, thì mưa thơm bảy ngày... Nếu chúng sanh ngửi được, thì suốt bảy ngày đêm hoan hỷ an lạc, không bệnh tật, chẳng xâm hại lẫn nhau, lìa xa các ưu khổ, không kinh sợ, chẳng hờn giận, thương quý nhau và chí ý được thanh tịnh. Trưởng giả vì họ thuyết pháp, giúp họ phát tâm Vô thượng Bồ đề. Hoặc Hương Ngưu Đầu nếu thoa vào thân sẽ không bị cháy khi đi vào trong lửa, hoặc hương Hải Tạng chỉ đốt một viên để xông thì Chuyển Luân Vương và bốn bộ binh đều bay đi giữa hư không. Tại cõi Trời Thiện Pháp có loại hương Tịnh Trang Nghiêm, chỉ đốt lên một nén, thì tất cả chư Thiên đều niệm Phật...

Chuyển Luân Vương và bốn bộ binh bay giữa hư không là tiêu biểu cho tâm thức được nâng cao khi đã đạt được sự tập trung, điều này minh họa cho Phật tính thường trụ bất biến và mùi hương đức hạnh thì luôn toả ngát và trường kỳ; chỉ khi nào đồng hành với chư Phật, mới biết được chư Phật là bậc đại thức giác, có những hoạt dụng thần biến, công đức thù thắng, phương tiện thiện xảo không thể nghĩ bàn. Điều đó cũng cho thấy sự thành công của thực hành gắn bó chặt chẽ như thế nào với

chân tâm bất động. Thiện Tài sắp đạt đến biển hạnh nguyện Phổ Hiền, dùng hương trí tuệ để tự trang nghiêm khiến tất cả thế giới trở thành một thể, bình đẳng về phạm vi, bình đẳng trong giáo pháp, bình đẳng về thực hành, bình đẳng về nhận thức, bình đẳng về diệu dụng, bình đẳng trong từ bi, bình đẳng trong tự tại và giải thoát... là những bình đẳng tuyệt đối không thể nghĩ bàn. Thiện Tài học được pháp môn *Điều Hòa Nhất Thiết Hương Pháp* (調和一切香法門), đắc được *Cứu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hương* (救護一切眾生離眾生相迴向), thành tựu viên mãn giới vô trước, thanh tịnh trí vô trước... chẳng nhiễm dục trần, đoạn trừ ma phiền não.

22. Vaira (Thuyền trưởng Bà Thi La, 婆濕羅船師).

Thiện Tài đến Kutagara (thành Lô Cúc) để tham vấn Thuyền trưởng Bà Thi La là người có kiến thức sâu rộng về những nơi có châu báu, báu khí, nơi nào có nước xoáy và biết rõ về các dòng nước lớn nhỏ, các luồng gió nghịch, thuận, nắm vững hải hành, biết rõ thời điểm khởi hành và thời điểm cập bến. Ông đưa người đi về an toàn, hướng dẫn mọi người thoát biển sinh tử

và thể nhập biển nhất thiết trí. Bà Thi La đứng trên bờ biển bên ngoài cửa thành. Chung quanh ông có hàng trăm ngàn thương gia và có vô số người. Bà Thi La vì mọi người nói về pháp biển lớn phương tiện khai thị Phật công đức hải. Ông ở trên bờ biển để tịnh tu hạnh Bồ Tát đại bi tràng. Thấy chúng sanh nghèo khổ trong cõi Diêm Phù Đề mà phát tâm tu tập các khổ hạnh để tạo nên lợi ích khiến cho sở nguyện của họ được thỏa mãn. Trước đem thế lợi bố thí đầy đủ sau đem chánh pháp ban bố làm cho hoan hỷ, tu các phước hạnh... phát Bồ đề tâm, tịnh Bồ đề nguyện, kiên vững sức đại bi, tu đạo diệt sanh tử, nhưng chẳng nhằm hạnh tử sanh, nhiếp hóa tất cả chúng sanh hải, tu công đức hải, chiếu rõ tất cả pháp hải, thấy tất cả Phật hải và vào Nhất thiết chủng trí hải.

Thiện Tài phát hiện ra quyết tâm không thể lay chuyển của Thuyền trưởng Vaira, một người được biết đến như một con người độc lập bởi vì ông đã bước vào biển sanh tử nhưng vẫn ung dung tự tại vô ngại, với lòng từ bi bao la, sử dụng mọi phương tiện thiện xảo để cứu vớt chúng sanh. Vaira được miêu tả như một vị thuyền trưởng lèo lái con tàu không dừng

lại ở bến gần hay bờ xa mà ở giữa dòng sông để vớt người cần cứu vớt. Ông tuyên bố là biết rõ tất cả các hải đảo, kho báu, các loại châu báu trong đại dương nhưng vẫn cực kỳ tịch lặng giữa trung tâm của đại dương sinh tử. Tâm thức hoàn toàn an tịnh trước những khám phá về vô số châu báu ngụ ý cho năng lực đại định và tuệ tri như thật là bảo vật vô giá vì đã tri nhận bản chất vô ngã của mọi hiện tượng mà dứt trừ mọi tham ái. Kiến thức sâu rộng có giá trị đề cập đến nhiều phẩm chất tự nhiên.

Để đạt được Phật quả, người ta phải biết rõ Phật tánh vô giá. Triệt tiêu ba độc và sóng gió phiền não, lậu hoặc thì niết bàn, sự an tịnh tức khắc xuất hiện. Thuyền trưởng ý thức rằng đại dương sinh tử đóng vai trò như một cánh cổng dẫn đến vũ trụ thực tại siêu nhiên. Số lượng ý tưởng trong ý thức tình cảm được thể hiện bằng nhịp vỗ lao xao của sóng biển. Màu sắc dễ chịu và xấu xa của sóng đại diện cho niềm vui của tâm xả bỏ và sự tức giận của tâm thủ chấp. Vaira cũng nhận ra chuyển động của mặt trời, mặt trăng và các vì sao, cũng như thời gian ngày đêm ngắn dài... ngụ ý rằng ông ta nhận thức được các tín hiệu âm dương bí ẩn của thế giới và có thể sử dụng chúng để giúp đỡ người

khác. Vaira cũng nhận thức được sức mạnh của các cấu trúc của thân tàu và hiệu quả của hệ thống thiết bị máy móc, thể hiện sự hiểu biết của ông về sự trưởng thành của khả năng nhận thức. Vaira cử các thương gia đến các hòn đảo kho báu để thu thập châu báu, sau đó đưa họ trở lại đất liền; nó tượng trưng cho sự vượt qua các giai vị giác ngộ và khi đã hoàn thành viên mãn thì trở về sống trong biển sinh tử luân hồi để thực hành hạnh nguyện cứu khổ độ sanh. Vaira tuyên bố đã đạt được sự thực hành lòng đại bi, ngụ ý rằng phương pháp để có được lòng đại bi là không thể phá vỡ mà cần được tăng trưởng.

Thiện Tài đã học được từ Thuyền trưởng Bà Thi La (Vairocana) về **Đại Bi Tràng Hành Môn** (大悲幢行門), đặc **Bất Hoại Hồi Hướng** (不壞迴向). Thiện Tài phát tâm đại từ bi vô lượng, cả phước đức và trí huệ đều được trang nghiêm. Xa lìa tất cả trần cấu phiền não, thể chứng pháp bình đẳng, tâm chẳng phân biệt thấp cao, nhổ gai xấu ác, diệt mọi nghiệp chướng, dùng sức tinh tấn làm hào tường, lấy đại định sâu xa làm vườn tược. Dùng mặt nhật trí huệ phá tan bóng tối vô minh. Sử dụng gió phương tiện nở bừng hoa trí huệ. Dùng nguyện vô ngại sung mãn cả Pháp giới. Tâm

thường thể nhập nhất thiết trí để một lòng khát ngưỡng cầu học đạo Bồ tát.

Với Đại Bi Tràng Hành Môn, như truyền Bà Thi La, nếu ai nghe ta thuyết pháp, thì chẳng còn lo sợ biển sanh tử, được vào biển nhất thiết trí, triệt tiêu biển ái dục, sử dụng trí quang chiếu sáng biển tam thế, tát cạn biển khổ của tất cả chúng sanh, làm sạch biển tâm của tất cả chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh tất cả sát hải, dạo khắp biển lớn mười phương, biết rõ biển căn cơ, biển hạnh của tất cả chúng sanh và có khả năng tùy thuận các biển tâm của tất cả chúng sanh. Hãy quán chiếu để thấy rõ biển khổ đau của tất cả chúng sinh mà phát tâm thay thế chúng sinh chịu khổ và, trên nền tảng của đại bi tâm, ứng dụng mọi phương tiện thù ứng ở giữa biển đời để thi thiết hạnh nguyện cứu khổ độ sanh.

Phải phát Bồ đề tâm, giống như các vị Bồ tát lớn thường xuyên du hành trong đại dương sanh tử nhưng chẳng mảy may ô nhiễm bởi các biển phiền não tử sinh, có khả năng xả bỏ biển vọng kiến, quán chiếu các biển pháp tánh, dùng tứ nhiếp pháp để nhiếp hóa biển chúng sanh, an trụ trong biển nhất thiết trí, đoạn trừ biển chấp trước của tất cả chúng sanh, bình đẳng trụ nơi tất cả biển thời gian, dùng thần thông, theo thời

nghe cứu độ và điều phục biến chúng sanh vô lượng.

23. Jayottama (Trưởng giả Vô Thượng Thắng, 無上勝長者).

Thiện Tài tiếp tiếp du hành đến Nandihara (thành Khả lạc) để tham vấn Trưởng giả Vô Thượng Thắng, người có khả năng quản lý, phán đoán những sự việc của nhân gian trong rừng Vô Ưu và từ bi thuyết pháp khiến diệt trừ mọi tham xan tật đố, tâm được thanh tịnh không còn ngã mạn, xa lìa ngã và ngã sở, đạt được tịnh tín và thường vui thích thấy Phật, phát tâm thọ trì Phật pháp nhờ thế mà sanh Bồ tát lực, khởi Bồ tát hạnh, nhập Bồ tát Tam ma địa, được Bồ tát trí tuệ, trụ Bồ tát chánh niệm, tăng trưởng Bồ tát nguyện. Và, Trưởng giả đạt được pháp môn *Chí Nhất Thiết Xứ Bồ Tát Hạnh* (至一切處淨菩薩行法門) và môn *Đẳng Nhất Thiết Trí Chư Phật Hồi Hương*.

Jayottama tiếng tăm lừng lẫy và hiểu rằng cam kết của ông có thể so sánh với cam kết của tất cả các Đức Phật. Ông đã giải quyết hiệu quả các vấn đề của người dân và nỗ lực đến mọi nơi và thực hành hạnh thanh tịnh của Bồ tát nhằm mang lại an lạc đích thực cho mọi người,

khiến Nandihara được mệnh danh là Thành phố Hạnh phúc. Vì ưu thế của sự thực hành kiên nhẫn, Jayottama được mệnh danh là Đấng chiến thắng tối cao. Người ta coi ông là một lãnh tụ trước một nhóm doanh nhân và những người lớn tuổi ở phía đông thành phố tại rừng Vô Ưu. Phía đông thành phố là hiện thân của sự tiến bộ bởi những tri thức hiện thực; rừng Vô Ưu tượng trưng cho sự bảo vệ khỏi mọi lo lắng nhờ sự kiên trì tinh tấn tu tập chánh pháp, nhờ hành trì Phật pháp mà trí tuệ bừng sáng nên dập tắt mọi bóng tối vô minh, tất cả ưu não khổ đau đều đoạn tận; giới doanh nhân là mô tả sự học hỏi trao đổi bằng tất cả tinh túy Chánh mạng để từ sự thiếu hiểu biết, thiếu lương thiện có được trí tuệ, từ bỏ cái ác, chọn lấy cái thiện; Trưởng giả của thành phố mô tả việc giáo dục quần chúng bằng đức hạnh, bằng nhân cách đạo đức khả kính. Bởi vì việc thực hành cam kết bình đẳng với tất cả các Đức Phật là điều rất vĩ đại, Jayottama tuyên bố có một con đường thực sự để trau dồi các hạnh thanh tịnh của Bồ tát ở khắp mọi nơi. Việc hướng dẫn của một Cư sĩ thể hiện lòng sùng mộ kéo dài từ cái tuyệt đối xuất phát từ cuộc sống bình thường trong mỗi ngày. Tất cả những gì mà Trưởng giả thuyết giảng, hướng

dẫn đều hướng đến mục đích khai hiển công đức của Bồ tát, tri nhận công đức thắng diệu của nhất thiết trí, thấy rõ pháp vô ngại, triệt tiêu mọi tưởng chấp, thấu rõ lý bất nhị vì sự an lạc vô tận không gì khác hơn đó chính là thế gian tịch diệt, khiến chúng sanh giải thoát mọi khổ hoạn sanh tử, thể ngộ pháp vô y và, mỗi đèn trí tuệ thanh tịnh, chuyển vận bánh xe Phật pháp trong mọi lúc mọi nơi. Thiện Tài lãnh thọ pháp môn *Chí Nhất Thiết Xứ Tu Bồ Tát Hạnh Thanh Tịnh* và được *Đẳng Nhất Thiết Chư Phật Hồi Hướng* (等一切諸佛迴向)

24 . Sinhavijurbhita (Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân, 師子頻申比丘尼)

Thiện Tài tiếp tục đến Kalingavana (thành Ca Lăng Ca Lam) thuộc Shronaparanta (Thâu Na) nơi Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân đang thuyết pháp để lợi ích quần sanh. Tại vườn Nhật Quang có vô số loại cây quý, vô lượng loài hoa đẹp, quả ngon, ao trong, suối mát, âm nhạc du dương, hương thơm ngào ngạt và rất nhiều bảo vật thù thắng trang nghiêm... Và, Thiện Tài phát hiện ra rằng có thể tìm thấy sự cam kết về mối tương tác tổng hợp tịnh lạc ở mọi lĩnh vực. Khu vực được đặt tên là Can Đảm, và thành

phố được đặt tên là Tranh Đấu, cả hai đều là biểu tượng của việc mạnh mẽ nắm lấy thế giới hàng ngày để chấm dứt cuộc đấu tranh giữa những ý tưởng tuyệt đối và tầm thường, trong sáng và ô nhiễm.

Sinhavijurbhita được đặt tên là cái ôm của Sư Tử để thể hiện lòng nhân từ không bao giờ vơi cạn của Cô. Cô được thể hiện như một Tỳ kheo ni để nêu bậc ý nghĩa một người đã thoát khỏi giới hạn của thế gian, của ngôi nhà phiền não và ngôi nhà ba cõi để bước vào Tăng bảo, một Tăng Đoàn của những người đang sống đời thanh tịnh, hòa hợp và thức giác. Nữ tính của cô biểu thị lòng từ bi trầm ẩn và sự bố thí cúng dường của cô thể hiện tâm tôn kính, lợi tha quảng đại thông qua sức mạnh kiên nhẫn loại bỏ những trang sức giả tạm bề ngoài. Tri thức được tượng trưng bằng oai lực và thần lực. Ở mức độ nghị lực của tấn lực miên tục này, hành giả phải kết hợp kiên nhẫn, trí tuệ và từ bi để nắm bắt các thực hành của năm thừa giáo mà Nhân thừa được xem là nền tảng của mọi nền tảng.

Khu vườn được trang trí trang nghiêm hoành tráng, thể hiện sự hoàn hảo về môi trường trong

sạch là kết quả của sự phát triển tâm linh. Vì thành tựu nhất thiết trí nên thể nhập Tam ma địa và có được ý sanh thân, vì thế Cô thường xuyên qua lại khắp mười phương thế giới, hiện vô số thân, cúng dường vô số cõi Phật, không phân biệt hình tướng ngôn ngữ, thuyết giảng vô số pháp môn...

Thiện Tài đã chứng kiến các đối tượng do Sư cô giảng dạy được phân theo từng nhóm và các lớp khác nhau như ở Đâu Suất Thiên cung, Thiên cung, Long cung, Nhơn cung, tại mỗi nơi Cô đều thành kính cúng dường chư Phật và thuyết giảng cho tất cả chúng sanh phản ánh những nỗ lực giáo dục hòa nhập của cô, bao gồm học sinh từ tất cả các trình độ trong đó có trình độ đã tiến gần đến sự hiển lộ Phật tánh. Đó là học thuyết pháp thân hằng vĩnh, trong đó một giai vị bao trùm tất cả các giai vị và mỗi giai vị bao trùm khắp pháp giới, tất cả đều hoàn thiện lẫn nhau, tạo ra năm mươi ba học thuyết và một trăm mười thành phố, tất cả đều riêng lẻ, đơn nhất, tuy nhiên, tất cả sự khác biệt đều liên kết với nhau và tương tác một cách trác việt trọn vẹn vì nhất thiết trí đã được thành tựu viên mãn.

Thiện Tài đã học được từ vị Tỳ kheo ni này pháp môn *Thành Tựu Nhất Thiết Trí Giải Thoát*. (成就一切智解脫門), đặc *Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng* (至一切處迴向). Dùng tuệ giác siêu việt quán chiếu thấy rõ bản chất như thật của mọi hiện hữu trong mọi thời gian và không gian do vậy chỉ một niệm có thể chứng ngộ tam muội vương của mọi hiện hữu. Một niệm liễu tri tất cả pháp, do biết các pháp như huyễn nên đối với pháp tướng không khởi tâm phân biệt, phương tiện hóa hiện vô số thân trải qua vô số kiếp thực hành vô số hạnh cúng dường bố thí và tùy theo vô số căn cơ sai biệt của mỗi một chúng sinh mà thuyết giảng vô số pháp môn nhưng không phân biệt bất cứ hình tướng, hiện tượng nào vì thể ngộ pháp thân và thắng tri tự tính các pháp vốn là Không tính.

25. Vasumitrà (Bà Tu Mật Đa Nữ, 婆須密多女).

Thiện Tài du hành đến vương quốc của Durga (nước Hiểm Nạn) tại thành Bửu Trang Nghiêm để tham vấn Bà Tu Mật Đa Nữ.

Thiện Tài nhìn thấy người phụ nữ Vasumitra và hiểu được tầm quan trọng của việc cống hiến nguồn lực vô tận cho đức hạnh. Người

phụ nữ này sống trong một thế giới bản thủ, đáng sợ, khiến bất cứ ai cũng khó tin tưởng cô ấy; vì vậy, khu vực này được đặt tên là Hiểm Nạn. Cô ấy đã đến thăm những thế giới bản thủ thông qua thiền định và biến tất cả chúng thành những cõi thanh tịnh, trí tuệ; cô ấy ở tại thế giới ô nhiễm với lòng từ bi vô hạn và, không bị nhiễm ô tổn hại bởi những tiếp xúc với những trần cảnh uế trước, đó là lý do tại sao thành phố của cô đang sống được đặt tên là Thành phố Bửu Trang Nghiêm nghĩa là có những châu báu quý giá trang nghiêm; ngôi nhà của cô thì vô cùng đồ sộ, tráng lệ và dung nhan của cô thì đoan nghiêm hảo tướng tuyệt trần.

Tên của Vasumitra có nghĩa là bạn của thế giới, gợi ý rằng cô ấy là vị thầy và một người bạn của những người khác. Nữ tính của cô ấy tượng trưng cho sự vi diệu tối thượng, cũng như ở giữa sự trôi buộc mà không bị nó trôi buộc nói lên ý nghĩa phiền não tức Bồ đề. Bên ngoài thì có vẻ nhiệt tình nhưng bên trong thì trang nghiêm thanh tịnh. Người phụ nữ này sống ở phía bắc của quảng trường thị trấn, ngụ ý rằng con đường điên cuồng nguy hiểm trong

đêm dài sinh tử là nơi sinh sống của những sinh vật phát sáng, là nơi an trú của những vị Bồ tát có đầy đủ trí tuệ.

Trong kiếp quá khứ nhờ nương theo thần lực của chư Phật, thấy rõ diệu lực của các đức Như Lai đã nên giác ngộ, Cô thành tâm đảnh lễ chư Phật, cúng dường một đồng và được Văn Thù Sư Lợi đồng tử, vị thị giả của Đức Phật Cao Hạnh chỉ dạy nên phát tâm vô thượng Bồ đề.

Vasumitra tuyên bố đã đạt được sự an nhiên, vô ngại tự tại khi sống trong ô uế mà không bị nhiễm ô nhờ vào sự hiểu biết hoàn hảo của cô ấy về thực tại. Đồng nữ Vasumitra tiếp tục nói rằng vì cô được Bồ tát giải thoát môn “Ly tham dục tế” nên hiện thân tùy theo sở thích của chúng sanh, nếu chư thiên thấy cô, thì cô là Thiên nữ xinh đẹp tuyệt vời. Nếu nhơn hay phi nhơn thấy cô, thì cô là nữ nhơn hay phi nữ nhơn.

Nếu ai vì tâm tham dục tìm đến cô, thì cô thuyết pháp khiến họ hết tham dục và đạt được cảnh giới Bồ tát vô trước Tam ma địa.

Ai nắm tay cô, rời khỏi chỗ ngồi của cô, nhìn cô, ôm cô và hôn cô thì đều thoát ly tham dục và được nhiều loại Tam ma địa tương ứng. Bất cứ chúng sanh nào thân cận cô đều lìa tham

dục và được thể nhập Bồ tát nhứt thiết trí hiện tiền giải thoát vô ngại.

Nắm tay cô ấy biểu thị mong muốn được chuộc lỗi. Lên chỗ ngồi của cô ấy có nghĩa là sự chiến thắng của trí tuệ Không tính. Nhìn cô ấy nghĩa là chứng kiến sự thật phá trừ những vọng tưởng sạch sẽ tức tịnh tướng đối với nữ sắc và ôm lấy cô ấy nghĩa là thành thật đối diện với thực tại hiển thị lý sắc tức thị không. Hôn cô ấy đòi hỏi phải có được sự hướng dẫn, biểu thị kiến thức tạo ra sự tập trung và thể hiện trách nhiệm cao về lý tưởng bất xả ly chúng sanh do thế được Bồ tát Tam ma địa nhiếp tất cả chúng sanh và không bao giờ từ bỏ, trong khi sự giàu có, cung điện tráng lệ biểu thị sức mạnh của sự tập trung tức định lực bao trùm mọi thứ một cách trọn vẹn. Ly tham dục là khởi dậy ý niệm giác ngộ; bố thí của cải là biểu hiện tâm thức ly tham, xả bỏ. Một đồng tiền có thể không nhiều lắm, nhưng thái độ có thể từ bỏ một thứ gì đó có giá trị dù với một giá trị không lớn cũng giống như việc bố thí một số tiền lớn, thì đây được gọi là kho chứa đức hạnh vô tận. Vấn đề ở đây không là giá trị vật chất mà chính là thiện tâm, là tấm lòng từ bi lợi tha tế vật. Vấn đề ở đây cũng không phải nhiều hay ít, vì chỉ

một niệm nhất tâm thì biến khắp mười phương thế giới. Thiện Tài được vị này dạy về pháp môn *Ly Tham dục tế Giải Thoát* (離貪欲際解脫門) nên đắc *Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng* (無盡功德藏迴向).

26. Veshthila (Cư Sĩ Tì Sắc Chi La, 鞞瑟胝羅居士 (又名：安住長者)).

Thiện Tài đến Shubhaparamgama (thành Thiện Độ) tham vấn Cư sĩ Tì Sắc Chi La còn được gọi là Trưởng giả An Trụ. Trưởng giả quan niệm rằng chưa từng có Đức Phật nào nhập Niết Bàn vì Ông hiểu rằng niết bàn là trạng thái tâm thức vắng lặng, tịch tĩnh. Niết bàn vượt lên trên thời gian và không gian nên không có nơi chốn nhập hay xuất và, chư Phật luôn thường trú khắp nơi.

Cư sĩ Tì Sắc Chi La bảo rằng ông đã được môn “Bất bát Niết bàn tế”, vì thế ông không nghĩ rằng Đức Phật đã nhập Niết bàn, đang nhập Niết bàn hay sẽ nhập Niết bàn.

Ông biết rõ mười phương tất cả thế giới các đức Như Lai rốt ráo đều không nhập Niết bàn, ngoại trừ vì để điều phục chúng sanh mà thị hiện nhập niết bàn.

Ông cũng tuyên bố rằng khi ông mở cửa tháp của đức Chiên Đàn Tòa Như Lai, ông liền có được Tam ma địa: “Phật chủng vô tận” nên trong mỗi niệm nhập Tam ma địa này, ông liễu tri vô lượng sự vi diệu thù thắng. Trong khoảng một niệm thấy vô lượng vô số Đức Phật, được môn “Bát bát Niết bàn tế” chẳng khác nào như các vị Bồ tát lớn dùng như niệm trí liễu tri cả tam thế, một niệm thể nhập hết thấy Tam ma địa.

Với tuệ giác siêu việt các đức Như Lai hoàn toàn không có tâm phân biệt đối với tất cả pháp. Liễu tri tất cả Phật đều bình đẳng. Như Lai và tất cả chúng sanh đều bình đẳng. Biết rõ tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, không động chuyển, nên hiện thân khắp tất cả thế gian, an trụ Phật pháp ẩn để khai ngộ tất cả chúng sanh.

Thiện Tài đã học cách cam kết ổn định mọi gốc rễ của mọi diệu lực một cách thích hợp. Veshthila được biết đến như một Cư sĩ có trí tuệ và kiến thức rộng lớn và toàn diện. Điều ông khẳng định mục đích là để chứng minh rằng chư Phật và chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay vốn đều bình đẳng; sử dụng tháp Chiên Đàn và Tòa Như Lai như một công cụ tượng trưng để truyền đạt điều này, nhằm giáo dục chúng ta

về bản chất và biểu tượng của chúng ta chẳng khác nào như Phật tánh nguyên sơ trên pháp tòa tánh không tôn quý. Khi nhận ra rằng vật chất giống như hư không và những hình tướng chỉ là những phóng chiếu, thì đó chính là đạt được sự hiểu biết bằng đôi mắt giác ngộ vì đã liễu tri “sắc chẳng khác không không chẳng khác sắc, sắc chính là không không không chính sắc”; Niết bàn là cõi thanh tịnh tịch lặng, không có biên cương, không có trú xứ, không có bắt đầu hay kết thúc, không có hiện tại, quá khứ hay tương lai, vì niết bàn siêu lên trên tất cả mọi hình tướng, danh ngôn và khái niệm và tên gọi. Do vậy, Veshthila tuyên bố rằng ông đã đạt được tự tại vô ngại, không bị tiêu diệt, đồng thời luôn luôn lưu trong trí tuệ vô tận của chư Phật. Thiện Tài đã được ông hướng dẫn về pháp môn *Bất niết bàn tế giải thoát môn* (不般涅槃際解脫門) và đạt được *Nhất thiết thiện căn hồi hướng* (一切平等善根迴向)

27. Avalokitesvara (Quán Tự Tại cũng còn có tên là **Quán Thế Âm**, 觀自在菩薩, 觀世音菩薩).

Thiện Tài đến Núi Potalaka (Bồ đà lạc ca) tham học với Bồ tát Quán Tự Tại. Thiện Tài

gặp Bồ tát Quán Thế Âm và Ngài đã dạy Thiện Tài tầm quan trọng của việc tương tác với tất cả các sinh vật có tri giác. Potalaka là một ngọn núi được bao phủ bởi những bông hoa nhỏ màu trắng ngát hương tượng trưng cho sự khiêm tốn, trong sạch và lòng từ bi của một bậc giác ngộ. Bồ tát Quán Thế Âm có mặt trong biển sinh tử, ngụ ý rằng, với lòng từ bi, lúc nào Ngài cũng ở trong chốn khổ đau để cứu thoát chúng sinh. Hai quy tắc khác tạo nên phẩm chất của Vairocana (Đức Phật Tỳ Lô Giá Na), là nguyên lý tri giác siêu việt được đại diện bởi Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và, vô số hạnh nguyện to lớn, được đại diện bởi Bồ tát Phổ Hiền.

Bồ tát Quán Thế Âm ngồi trên đỉnh núi với những bông hoa nhỏ màu trắng để biểu thị rằng mọi người không nên dù chỉ thực hiện một điều ác nhỏ hoặc từ bỏ dù chỉ một chút đức hạnh. Ở sườn phía tây của ngọn núi, suối chảy êm đềm lấp lánh, khu rừng cây rợp bóng xanh tươi, cỏ thơm mềm mại phủ trùm mặt đất. Phương Tây biểu thị một vị trí đòi hỏi giáo dục con người bằng sức mạnh trí tuệ sắc bén. Bồ tát Quán Thế Âm ngồi trên một tảng đá kim cương, xung quanh là các vị Bồ tát đang ngồi trên những tảng đá khảm ngọc, vì chúng Bồ

tát giảng thuyết về pháp đại từ bi để nhiếp thọ tất cả chúng sanh, điều này thể hiện trí tuệ kim cương kết hợp với lòng từ bi nhu hòa nhẫn nhục là một sự kết hợp hoàn hảo. Bồ tát tuyên bố đã hoàn thành giải thoát nhờ hạnh nguyện đại từ bi, chứng tỏ Bồ tát Quán Thế Âm đã đại diện lòng đại từ bi cho tất cả chư Phật trong suốt nhiều kiếp lâu xa như thế nào. Kết quả là tất cả các cấp độ tình thương bao la cùng tuôn trào với sự đồng cảm lớn lao vô tận.

Sau đó, Bồ tát Ananyagamin (Bồ tát Chánh Thù) từ giữa hư không xuất hiện và đứng trên đỉnh của dãy núi bao quanh bởi nhiều hành tinh, làm rung chuyển trái đất và phát ra ánh sáng rực rỡ đến nỗi nó làm lu mờ ánh sáng của tất cả các thiên thể. Bồ tát Ananyagamin (Chánh Thù) từ giữa hư không là vì tri thức chân chính không có chỗ dừng chân hay bám trụ. Những ngọn núi xung quanh tượng trưng cho sự gán bó sai lầm của chúng sinh với thế giới bị điều kiện hóa, trong khi những trận động đất biểu thị sự tan biến của những ảo tưởng với sự xuất hiện của giác ngộ. Ánh sáng sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng và các vì sao là ánh sáng của trí tuệ thanh tịnh, ánh sáng của thế gian không thể tiếp cận được. Sự xuất hiện của Ananyagamin

tại chỗ của Bồ tát Quán Thế Âm tượng trưng cho sự trở lại của trí tuệ siêu việt đối với lòng từ bi. Đức Như Lai thị hiện ở bất cứ đâu, với tâm đại bi, Bồ tát Quán Thế Âm đều có mặt để trợ thủ chư Phật. Bằng tâm đại từ bi, Bồ tát sử dụng rất nhiều phương tiện thiện xảo khác nhau, tùy thuận chúng sanh để giúp chúng sanh khai ngộ, chấm dứt hết thủy khổ đau, hưng phát tâm Bồ đề và an trú trong Không tánh.

Bồ tát Quán Thế Âm đã thành tựu viên mãn môn Bồ tát đại bi hạnh giải thoát và sử dụng pháp môn này liên lý bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sanh. Mặc dù Bồ tát thường trú nơi tất cả chư Phật, nhưng lại hiện trước tất cả chúng sanh. Bồ tát có thể sử dụng hạnh bố thí hay ái ngữ, lợi hành, đồng sự để nhiếp hóa chúng sanh. Hoặc thị hiện sắc thân, hay âm thanh hoặc oai nghi, thần biến hay hiện thân đồng chủng loại để khai ngộ chúng sanh.

Bồ tát Quán Thế Âm nguyện luôn luôn cứu hộ tất cả chúng sanh, khiến chúng sanh không sợ hãi, không nhiệt nảo, không nghèo khổ, khổ đau... Đặc biệt Ngài nguyện cho tất cả chúng sanh nhớ đến ngài, xưng danh hiệu ngài, hoặc thấy thân ngài, thì đều giải thoát tất cả sự

bố úy và phát tâm Vô thượng Bồ đề mà không
mảy may thối chuyển.

“Này Thiện nam tử! Ta chỉ được môn Bồ tát
đại bi hạnh này”

Bồ tát Quán Tự Tại đã dạy Thiện Tài rằng:
Thiện Tài đã phát tâm Đại thừa để nhiếp hóa
chúng sanh; khởi tâm chánh trực để chuyên cầu
Phật pháp, có năng lực đại bi thâm trọng để
cứu hộ tất cả chúng sanh. Tiếp nối diệu hạnh
Phổ Hiền, thâm tâm đại nguyện thanh tịnh viên
mãn. Tinh tấn cầu học Phật pháp, nỗ lực vun
bồi thiện căn, hết lòng kính thuận các bậc thiện
tri thức. Được khởi sinh từ biển lớn trí huệ công
đức của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Tâm đã thành
thục viên mãn thần lực Phật, đạt được Tam ma
địa quang minh rộng lớn, thường thấy chư Phật,
trí huệ thanh tịnh rộng suốt như hư không, có
khả năng tự tỏa sáng và còn vì người mà giáo
hóa lợi sanh và, luôn an trú trí huệ tối thượng
của các đức Như Lai.

Thiện Tài được Bồ tát Quán Thế Âm chỉ
dạy pháp môn *Đại Bi Hạnh Giải Thoát Môn*
(大悲行解脫門) để hết lòng thương yêu mọi
chúng chúng với tâm vô úy và từ bi vô lượng.
Thiện tài đạt được *Đẳng Tùy Thuận Nhất*

Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng (等隨順一切眾生迴向)

28. Ananayagamin (Bồ tát Chánh Thú, 正趣菩薩).

Thiện Tài đến cầu học với Bồ tát Chánh Thú vị đã được môn **Phổ Môn Tốc Tật Hành giải thoát** (普門速疾行解脫門) có thể đến các cảnh giới Phật một cách nhanh chóng và thấu triệt tâm địa của tất cả chúng sinh mà hiện thân thuyết pháp giáo hóa.

Thiện Tài đã tiếp nhận được cam kết đặc trưng cho chân như thanh tịnh. Bởi vì trí tuệ và lòng từ bi đồng cảm không phải là hai điều khác biệt, Bồ tát Chánh Thú có nghĩa là bậc Tiến Lên Chân Chánh, đã ở trên ngọn núi Bồ-đà-lạc-ca với Bồ tát Quán Thế Âm. Bồ tát Chánh Thú tuyên bố rằng ngài đến từ Đông phương thế giới Diệu Tạng cõi nước của đức Phật Khổ Thắng Sanh đến đây, ở cõi đó ngài được môn “Phổ môn tốc tật hành” nhờ thế có đủ thần biến du hành vô lượng vô số cõi Phật để cúng dường chư Phật. Không chỉ ở phương đông, mà tất cả mười phương Bồ tát cũng đều thi thiết tâm từ bi của mình một cách nhanh chóng như thế.

Thế giới phương đông tràn ngập những điều kỳ diệu vì trí tuệ và tri kiến quảng đại của một Bồ tát đối với các mô hình, sắc thái phương tiện được liên tục thi thiết nhưng không bị vướng mắc do tâm không chấp thủ vào bất cứ sự kiện nào. Các dạng tri kiến mẫu nhiệm riêng biệt xuất hiện từ bản tâm, vang vọng, phóng chiếu khắp mười chiều mà không một mảy may biến đổi đó là tự tại đi đến mọi phương một cách nhanh chóng và đồng hành với chư Phật ở khắp mọi nơi chỉ trong một niệm. Đã hàng nhiều số kiếp, mỗi bước chân của Bồ tát đi qua vô số cõi Phật nhiều như số vi trần để cung kính cúng dường từng mỗi vị Phật và bằng những hạnh nguyện lớn đã không ngừng giáo hóa vô lượng vô số chúng sanh là mỗi bài học lớn. Vì bản chất của trí tuệ là toàn diện và bao trùm tất cả, nên nó phát triển vượt tốc, vượt qua những phán đoán cảm tính và sự thông minh; vì vậy chỉ trong một niệm, Bồ tát Chánh Thủ đã đi qua nhiều cõi Phật. Ngài thủ đắc môn “Phổ môn tốc tạt hành” kỳ diệu và thể hiện đại bi tâm song hành với trí tuệ tối thắng, đưa dẫn đến những thành tựu tốt đẹp và trở thành những hoa trái thù thắng tối diệu. Bồ tát thấu hiểu tâm căn của tất cả chúng sinh,

tùy theo căn cơ, ý nguyện của chúng sinh, bằng nhiều phương tiện thù ứng, hoặc phóng quang, hoặc bố thí, hoặc thuyết pháp v.v... khiến chúng sanh có được trí tuệ vô phân biệt, phát khởi tâm Bồ-đề, phân thân khắp mười phương, pháp giới, bình đẳng thuyết pháp để cứu độ tất cả chúng sinh. Thiện Tài được Ngài chỉ dạy pháp môn *Bồ Tát Phổ Môn Tốc Tật Hành Giải Thoát* và đặc được *Chân Như Tướng Hồi Hướng* (真如相迴向).

29. Mahadeva (Thần Đại Thiên, 大天神).

Thiện Tài đến thành Dvaravati (Đọa-la-bát-đề) tham vấn thần Đại Thiên, người có pháp Môn *Vân Võng giải thoát* (雲網解脫門) và cứu độ chúng sinh bằng những lời thuyết giáo tuôn xuống như mưa từ những đám mây từ bi cũng như bằng những mảnh lưới, thần Đại Thiên hóa hiện khối tài sản to lớn và ban cho Thiện Tài để cúng dường chư Phật đồng thời biến hiện những cảnh giới bất tịnh, những thân thể ghê rợn và nạn binh lửa, bệnh tật... để giúp kẻ có tâm bất thiện kinh sợ từ bỏ những hạnh ác và tu tập những pháp lành.

Thiện Tài đã đạt được cam kết không thủ chấp, không vướng mắc. Dvaravati có nghĩa là

có một cánh cửa và, tên của địa điểm này xuất phát từ thực tế là có một cánh cửa trí tuệ giải thoát lớn để giác ngộ chúng sinh hữu tình khi một người đã giác ngộ đó là Bồ tát. Mahadeva, vị thần vĩ đại sở hữu “Vân Vọng giải thoát”, với pháp môn này Thần Đại Thiên có thể hóa hiện vô số vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, hỏa diệm bửu, ly cấu tạng bửu, đại quang minh bảo... như ý ma ni v.v... và, vô số các loại hoa, hương, y phục, trần phan, âm nhạc... vô số bảo vật và bảo Thiện Tài mang đi cúng dường các đức Như Lai và bố thí cho chúng sanh giúp sanh thực hành hạnh bố thí nhằm xả bỏ những điều khó bỏ để huân tập thiện căn và phát tâm vô thượng Bồ đề.

Thần Đại Thiên dùng những phương tiện như vậy, khiến chúng sanh bỏ những hạnh bất thiện mà tu pháp lành, trừ tất cả chướng Ba la mật để đầy đủ Ba la mật. Khiến họ vượt khỏi tất cả đường hiểm chướng ngại mà đến chỗ vô ngại. hiển thị các dấu hiệu của thiện và ác, khen thưởng và răn đe một cách kịp thời và, liên tục đáp ứng bằng nhiều phương tiện thù ứng. Kết quả là, ông được miêu tả như một thực thể của các thiên thể. Ngoài sức mạnh tinh thần của những vị thần thông thường, tất cả các vị thần

siêu nhiên đều là tấm gương của những chúng sinh muốn giác ngộ. Mahadeva rửa mặt bằng bốn bàn tay lấy nước từ bốn đại dương. Điều này thể hiện sự thi thiết rộng rãi Tứ nhiếp pháp để tịnh hóa chúng sanh. Mahadeva tuyên bố đã đạt được “Vân vãng giải thoát”, mà ông mô tả là mưa giáo lý từ những đám mây từ bi bao la và cứu độ chúng sinh bằng lưới mây. Mahadeva hiện thực hóa những núi vàng, bạc và đá quý, sau đó ông trao cho Thiện Tài để thực hành hạnh bố thí. Điều này chứng tỏ lòng từ bi bao la kỳ diệu được tạo ra bởi tri kiến không giả tạo là vô tận với những phương tiện tối hảo của các hạnh nguyện tối thắng. Ông thường phát tâm cúng dường các phẩm vật thù thắng lên chư vị Bồ tát và các đức Như Lai cũng như bố thí cho tất cả chúng sanh để vun trồng công đức và khuyến tấn chúng sanh thực hành hạnh bố thí cúng dường đồng thời thực hành các lời chỉ dạy của các bậc thiện tri thức để vun bồi công đức và trí tuệ nhưng không bị những hạnh lành trôi buộc để tự biến mình thành một kẻ thủ chấp vô minh. Thiện Tài được vị thần này hướng dẫn pháp môn *Bồ Tát Vân Vãng Giải Thoát* và đặc *Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hướng* (無縛無著解脫迴向).

30. Sthavara (Địa thần An Trụ, 安住地神).

Thiện Tài đến nước Ma Kiệt Đề để tham vấn nữ Địa thần An Trụ. Thiện Tài nhận ra rằng mình có một cam kết vô hạn để bình đẳng với pháp giới vũ trụ. Những nhân tố để có thể khiến Bồ tát đi khắp cõi Phật và được Phật thọ ký đó là học và hành tất cả hạnh nguyện của Bồ tát, các loại pháp môn thanh tịnh, các tam muội vô tận, những thần thông rộng lớn, năng lực đại tự tại và các pháp môn bất hoại... Để đạt được giác ngộ, phải tinh tấn trau dồi Giới, Định, Tuệ. Sthavara được đại diện như một nữ thần trái đất vì lòng từ bi làm nền tảng và tạo ra nhiều phương pháp và thực hành khác nhau để hỗ trợ và cứu giúp chúng sinh. Vị nữ Địa thần này là hiện thân của lòng từ bi bao la, trong khi vị Thiên thần Mahadeva đại diện cho chức năng vi tế của trí tuệ thanh tịnh. Thiện Tài nhìn thấy Sthavara được bao quanh bởi một triệu nữ thần trái đất, tất cả đều tỏa sáng; nó tượng trưng cho cách mà từ bi và trí tuệ đã phát huy hết khả năng của chúng và, những tập khí làm ô nhiễm sự trong sạch đã biến mất. Chân của Sthavara chạm đất và các mỏ đá quý đột nhiên mọc lên, sự kiện này cho thấy lòng từ bi bao la

có thể khai mở kho báu của mảnh đất tâm linh tiềm ẩn vi diệu như thế nào, cho phép tâm trí được khai dụng trọn vẹn mà không có bất cứ một cuộc đấu tranh cam go cay đắng nào. Khi Thiện Tài đến chỗ địa thần An Trụ, chư Thần đã bảo nhau rằng Thiện Tài sẽ vì khắp chúng sanh mà làm chỗ sở y, vì chúng sanh phá bỏ lột vỏ vô minh, sẽ xô dẹp mọi tà luận và dị đạo... Tại đây, Thiện Tài đã học được pháp môn **Bất Khả Hoại Trí Huệ Tạng Giải Thoát** (不可壞智慧藏解脫門), tu tam muội, học quĩ tắc, quán thần thông, nhập vi diệu mà được trí huệ bình đẳng, hiểu rõ thậm thâm các pháp và đặc **Nhập Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng** (入法界無量迴向).

31. Vasanti (Chủ Dạ Thần Bà San Bà Diễn Đế, 婆珊婆演底主夜神, 又名：春和主夜).

Thiện Tài đến thành Kapilavastu (Ca tì la) nước Ma yết đà tham vấn pháp môn Hoan Hỷ Địa với vị dạ thần Bà-san-bà-diễn-đế, người cứu độ những người lạc đường trong rừng rậm, núi cao, trên đất bằng và trên biển cả v.v... để giải thoát chúng sinh ra khỏi mọi phiền não, khổ đau. Thiện Tài cũng xin được học đạo Nhất thiết trí để từ trong đó mà đến bậc Thập lực.

Thiện Tài đến Kapilavastu, nhìn thấy nữ dạ thần Vasanti và đạt được trạng thái hoan hỷ (Hoan Hỷ Địa). Kapilavastu được gọi là thành phố màu vàng và tượng trưng cho trí tuệ hợp nhất với con đường trung đạo. Bà là nữ thần bóng tối, tượng trưng cho trí tuệ vô biên trong bóng tối sinh tử. Mười một vị hướng dẫn tiếp theo, bắt đầu từ nữ thần ban đêm này, đều là phụ nữ, tượng trưng cho lòng đại bi của các bậc Bồ tát, như người mẹ hiền ban cho con tất cả. Các Ngài có thể hóa hiện hình tướng trong khắp mười phương vì các Ngài ở trong hàng Bồ tát, có hạnh nguyện hộ trì và cứu tế thế gian dù vẫn không rời khỏi chúng hội của chư Phật.

Nữ thần Bóng đêm mặc một bộ quần áo màu đỏ với một chiếc mào Phạm Thiên, thân màu chơn kim, ngọc báu làm trang sức, hình mạo đoan nghiêm, ngồi trên tòa Hương liên hoa tạng sư tử tất cả các chòm sao và ngôi sao lấp lánh hiện rõ trên cơ thể cô ấy. Nó tượng trưng cho cách mà giai đoạn đầu tiên tích hợp các quy tắc của mọi cấp độ, dẫn đến sự nhận thức đầy đủ về sự hiểu biết đặc biệt rộng rãi về lòng bi mẫn. Nữ thần tuyên bố rằng bà đã đạt được sự giải thoát bằng ánh sáng của trí tuệ, thứ đã loại

bỏ bóng tối vô minh trong tất cả chúng sinh và rằng bà có thể là người hướng dẫn hoặc cung cấp nơi nương tựa, nơi trú ẩn, con đường và ánh sáng vào những đêm tối tăm bao tố nguy hiểm để giải thoát chúng sinh khỏi nỗi sợ hãi bóng tối. Điều này chứng tỏ việc thực hành lòng từ bi sâu xa chân xác và toàn diện như thế nào. Bà cũng nói rằng bà đã là một phụ nữ trong nhiều kiếp, thực hành lời dạy của chư Phật, thể hiện lòng từ bi sâu sắc đến mức bà không muốn rời bỏ thế giới vì bà hiểu mọi thế giới tốt xấu đều xuất phát từ tâm. Thiện Tài đã được bà hướng dẫn về pháp môn *Phá Nhất Thiết Chúng Sinh Ám Pháp Quang Minh Giải Thoát* (破一切眾生癡暗法光明解脫門) và chúng đắc *Hoan Hỷ Địa* (Pramuditā-Bhūmi, 歡喜地).

32. Samantagamambirashrivimalaprabha (Dạ Thần Phổ Đức Tịnh Quang 普德淨光主夜神).

Thiện Tài tìm đến Dạ Thần Phổ Đức Tịnh Quang ở Bồ đề tràng, nước Ma kiệt đà để tham vấn Dạ Thần Phổ Đức Tịnh Quang về pháp Môn: *Ly Cấu Địa* (離垢地), làm thế nào để tu Bồ Tát địa, xuất sanh Bồ Tát địa và thành tựu Bồ Tát địa. Dạ thần cũng đã dạy Thiện Tài

mười pháp để viên mãn công hạnh của một Bồ Tát.

Thiền Tài đã hiểu được giai đoạn của sự trong sạch (Ly Cấu Địa) sau khi nhìn thấy nữ Dạ thần Samantagambhira Shrivimalaprabha tại địa điểm giác ngộ (Bồ đề Đạo tràng). Vì lòng từ bi sâu xa vô lượng mà trong thế giới hàng ngày gắn bó chặt chẽ với ý thức cứu độ cơ bản, điều này cũng xảy ra ở nơi giác ngộ. Nữ thần Bóng đêm tuyên bố rằng bà đã đạt được sự giải thoát nhờ niềm hoan hỷ của thiền định an lạc đã lan toả khắp thế giới. Đó là bởi vì thiền là nền tảng của mọi kỷ luật căn bản, nhờ thiền quán mà nhận thức chân xác về bản chất như thật của mọi sự vật ở khắp mọi nơi. Bà cho biết bà đã thực hiện nhiều giai đoạn thiền định khác nhau cho đến khi loại bỏ phiền não và đau khổ cho chúng sinh trong khi hoàn toàn tập trung suy nghĩ của mình vào việc cứu độ và bảo vệ chúng sinh và tùy theo căn cơ của chúng sanh mà hóa độ; bà sử dụng mọi phương tiện để thành tựu tất cả chúng sinh; tất cả những điều này là một phần của thiền định. Dạ Thần được môn Giải thoát Bồ Tát Tịch Tĩnh Thiền Định Lạc Phổ Du Bộ và luôn dạy mọi người rằng hãy giữ tâm thanh tịnh vì tâm thanh tịnh

thì sẽ thấy Phật; giữ mắt thanh tịnh thì sẽ thấy tướng hảo trang nghiêm của Phật, bà hiểu rõ biến âm ngôn của tất cả chúng sinh, liễu triệt Như Lai chẳng đến đi, vì đã đoạn tận không và thời gian, cũng chẳng phải sinh vì pháp thân tuyệt đối bình đẳng, chẳng phải diệt vì chẳng có tướng sanh..., ở nơi giải thoát môn này mà tăng trưởng tư duy quán sát, thành tựu kiên cố trang nghiêm, xa lìa vọng tưởng phân biệt mà bi tâm cứu độ hết thảy chúng sanh, ở trong đêm dài sanh tử mà siêu xuất trí tuệ quang minh. Thiện Tài còn được bà hướng dẫn pháp Môn: Ly Cấu Địa, pháp môn *Tịch Tĩnh Thiền Định Nhạo Phổ Du Bộ Giải Thoát* (寂靜禪定樂普遊步解脫門), đặc *Ly Cấu Địa* (Vimalà-Bhùmi, 離垢地).

33. Pramuditānayanajagadvīrocana (Hỷ Mục Quan Sát Chúng Sinh 喜目觀察眾生主夜神).

Thiện Tài đến phía bên phải Bồ đề tràng để tham vấn Dạ thần Hỷ Mục Quan Sát Chúng Sinh về pháp Môn Phát Quang Địa. Nữ dạ thần này trong kiếp quá khứ vốn là Hóa Thân của Bồ tát Phổ Hiền. Trong quá khứ Dạ Thần cũng đã từng tu hành với Thiện Tài.

Dạ thần gia hộ cho Thiện Tài được tăng trưởng thành thực các thiện căn từ việc thân cận thiện tri thức. Thiện Tài đạt được giai đoạn Phát Quang Địa khi nhìn thấy nữ thần ban đêm Pramuditānayanā Agadvīrocana. Lúc bấy giờ Dạ thần ngồi trên tòa sư tử Liên hoa tạng, nhập Phổ hỷ tràng giải thoát, hóa hiện vô lượng thân nhiếp hóa và thành thực tất cả chúng sanh. Lập trường của lòng trắc ẩn là đúng đắn; nó đòi hỏi phải hành động dựa trên nhận thức và trau dồi lòng khoan dung và lòng tốt. Đôi mắt hoan hỷ quán chiếu chúng sanh là tên của nữ thần; đôi mắt hoan hỷ biểu thị lòng khoan dung và độ lượng, quán chiếu thế giới chúng sanh biểu thị không từ bỏ chúng sinh. Vô số chúng sinh từ mọi lỗ chân lông trên cơ thể của bà Nữ thần bóng đêm đã xuất hiện và phát ra nhiều âm thanh vi diệu bao trùm 10 hướng để thuyết pháp một cách chi tiết về các nhánh của mười con đường siêu việt; hiện vô số thân hình và tận dụng mọi phương tiện để giáo hóa và thành tựu chúng sanh đạt được được nhất thiết trí, điều này chứng tỏ công việc giảng dạy thâm nhập khắp mọi nơi như thế nào.

Nữ thần bóng tối tuyên bố rằng bà đã tu hành nhiều kiếp, đã từng là bữu nữ của Chuyển Luân Pháp Vương... và đã được đánh thức bởi Pháp môn Giải Thoát Đại Thế Lực Phổ Hỷ Tràng. Trong quá trình của quá khứ xa xưa, đã chỉ ra cách kích hoạt các chức năng phức tạp dựa trên kiến thức cơ bản và thực hành lòng từ bi không giới hạn về thời gian; đó là bởi vì sự tăng trưởng của trí tuệ siêu việt, trong khi thực hành lòng từ bi vô lượng bi tiếp tục được khai dụng. Thiện Tài đã học được từ bà pháp môn *Đại Thế Lực Phổ Hỷ Tràng Giải Thoát* (大勢力普喜幢解脫門) đắc *Phát Quang Địa* (Prabhākari-Bhūi, 發光地)

34. Samantasattvatranojahshri (Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức, 普救眾生妙德主夜神).

Thiện Tài đến tham vấn nữ Dạ thần Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức và thấy nữ thần bóng tối Samantasattvatranojahshri trong cùng một hội tòa và hiểu được giai đoạn cực kỳ quang minh rực rỡ. Vị này viên mãn trí tuệ, thanh tịnh và từ bi, vì Thiện Tài mà thị hiện Bồ Tát điều phục chúng sanh, phóng Trí đăng phổ chiếu thanh tịnh tràng quang minh giữa chạng mây, chiếu

khắp thế gian và trở lại chiếu vào đảnh Thiện Tài khiến thành tựu Cứu cánh thanh tịnh luân tam muội. Những người được sinh ra trong trú xứ của bậc giác ngộ, không bao giờ lìa giác ngộ, vì vậy, nữ thần đã có mặt tại nơi Đức Phật thành đạo. Thiện Tài đã nhìn thấy Nữ thần xuất hiện trong mọi cõi giới, để tùy theo căn cơ giải thoát chúng sinh khiến cho chúng sanh đoạn trừ si mê, đạt được Quang minh Thanh tịnh Nhất thiết trí. Chư Phật, nhiều như chuỗi hạt, tượng trưng cho những phần thưởng khác nhau của tuệ giác đạt được qua nỗ lực tinh tấn hành trì. Sự ra đời của một vị vua từ một bông sen tượng trưng cho sự tinh khiết của trí tuệ.

Nữ thần bóng đêm đại diện cho sự kết hợp của trí tuệ và lòng từ bi. Nữ thần tuyên bố đã nhận được tự do từ một trăm mười vị Phật trước đó, bà cũng tuyên bố là đã có mặt cùng với vô số chư Phật ở các phương khác. Khi tâm như Phật, tất cả hành động như Phật, tất cả ý nghĩ như Phật, thì không có gì trong mười phương cõi không phải là Phật, đây là ý nghĩa Phật nhiều như vi trần trong các cõi nước. Là một sai lầm khi coi bất cứ điều gì hoặc bất kỳ ai khác ở ngoài Phật. Nữ thần cũng tuyên bố đã trở thành một

linh hồn bóng đêm, một hoàng đế, cũng như các thực thể khác, trong nhiều thế kỷ và cùng với vô số chư Phật. Tất cả những hóa thân này đều tượng trưng cho các cấp độ khác nhau của những pháp môn chứng ngộ giác ngộ. Kết quả là, khi thực hành và nhận thức va chạm với nhau, chư Phật sẽ hiển lộ một cách tự nhiên. Đây không phải là cái thấy đúng nếu chúng ta nhận thấy bất cứ điều gì khác ngoài sự thực hành và chứng ngộ của mình. Ngay cả khi chúng ta bị bắt buộc phải tìm kiếm những linh kiến, chúng chỉ là những ảo giác thoáng qua, không phải là chư Phật chân chính. Thiện Tài được Dạ thần hướng dẫn pháp môn *Phổ Hiện Nhất Thiết Thế Gian Điều Phục Chúng Sinh Giải Thoát* (普現一切世間調伏眾生解脫門), là cảnh giới của bậc an trụ Phổ Hiền hạnh và đặc *Diệm Huệ Địa* (Arcismatì-Bhùmi, 焰慧地).

35. Prashantarutasagaravati (Dạ Thần Tịch Tĩnh Âm Hải, 寂靜音海主夜神).

Thiện Tài đến chỗ Dạ thần Tịch Tĩnh Âm Hải và đánh lễ, nhiễu quanh dạ thần, cầu học pháp tu Bồ Tát hạnh, bước lên Nan thắng địa. Giai vị này Bồ tát nhờ nhập định đạt được trí huệ, liễu ngộ Tứ Diệu Đế và chân như, đoạn trừ

nghe ngờ và biết phân biệt hiểu rõ pháp hữu vi là vô ngã; đồng thời tinh cần hành trì những trợ pháp khác vì một pháp thanh tịnh chứng ngộ thì tất cả pháp cũng chứng ngộ.

Nữ dạ thần tuyên bố đã đạt được môn Giải thoát Bồ tát Niệm niệm Xuất sinh Quảng đại hỷ Trang nghiêm có khả năng mang lại những dòng hạnh phúc trong mọi suy nghĩ và với thệ nguyện bình đẳng thanh tịnh. Bà cũng vì Thiện Tài mà nói sự nghiệp, cảnh giới, phương tiện và pháp quán của môn giải thoát này. Dạ thần ứng cơ thuyết pháp cứu độ chúng sinh, khởi tâm thanh tịnh bình đẳng, tâm ly cấu, tâm kiên cố... mà khiến chúng sanh đều thọ hỷ lạc, lìa xa ác đạo, được vui nhân thiên, cho đến Nhất thiết trí, từ đó mà được đại hoan hỷ pháp quang minh hải, điều này minh họa tính phổ quát của niềm vui thiền định, của đạo Bồ Tát, sự tôn thờ lẫn nhau của các nguyên tắc và thực hành và giá trị to lớn của nó đối với cuộc sống. Bà cũng tuyên bố rằng trải qua nhiều kiếp đã từng thủ hộ rất nhiều đạo tràng cho chư Phật và sẽ trợ giúp tất cả các vị Phật của kiếp này, cũng như tất cả các vị Phật tương lai của tất cả các cõi trong nhiều kiếp, chứng minh rằng trái tim của thiền định

hoàn toàn được tiếp nối từ quá khứ, hiện tại và cả đến tương lai Thiện Tài học được từ nữ Dạ thần này pháp môn *Niệm Niệm Xuất Sanh Quảng Đại Hỷ Trang Nghiêm Giải Thoát* (念念出生廣大喜莊嚴解脫門) cũng như mười đại pháp tạng để đạt được môn giải thoát này và, đặc *Nan Thắng Địa* (Sudurjaya-Bhùmi, 難勝地).

36. Sarvagarakshasambhavatejahshri (Dạ Thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành, 守護一切城主夜神).

Thiện Tài thấy nữ thần bóng đêm Sarvagarakshasambhavatejahshri trong hội chúng của Đức Phật, ngồi trên tòa sư tử Nhất thiết bảo quang minh ma ni vương, vô số dạ thần vây quanh, hiện vô số thân mà điều phục chúng sanh. Tại đây, Thiện Tài hỏi dạ thần về phương pháp lợi ích chúng sanh, phương pháp nhiếp vô thượng để nhiếp chúng sanh, làm thế nào để thuận theo lời Phật dạy, để gần ngôi Pháp vương và cũng tại đây học về Hiện Tiền Địa. Nữ dạ thần có thể giúp cho chúng sinh an trụ trong Bồ Đề tâm và đạo Nhất Thiết Trí; bà tuệ tri chỗ thấy biết của chư Phật, khai thị pháp tạng của chư Phật, đầy đủ thệ nguyện, không còn chướng ngại...

Nữ thần này đại diện cho sự bảo vệ suy nghĩ của các chúng sanh cũng như nâng cao sức mạnh tri thức và hiểu biết của tâm trí. Bà ấy tuyên bố đã đạt được môn Giải Thoát Thâm Tâm Tự Tại Diệu Âm, thể hiện âm thanh tự tại sâu xa vì diệu không phân biệt và có khả năng diễn đạt mọi chân lý để dạy dỗ các chúng sanh và tự do thể hiện mọi tri kiến, dùng pháp thí mà hóa độ chúng sanh khiến sanh bạch pháp cầu trí huệ vô lậu, khởi mười thứ quán sát pháp giới để nhóm họp thiện căn, được pháp trợ đạo, thấu rõ oai đức không cùng của chư Phật, cũng như thể nhập cảnh giới nan tư của Như Lai. Từ đây mà thành tựu mười môn đại oai đức đà la ni luân và mười ngàn đà la ni luân quyến thuộc, ở trong đây mà vì hết thảy chúng sanh tuyên thuyết diệu pháp. Thủ Hộ Nhất Thiết Thành dạ thần cũng nhập Như Lai vô sai biệt pháp giới môn hải, nói đại pháp âm nhiếp hóa chúng sanh trụ hạnh Phổ Hiền. Và môn giải thoát hy hữu này đã được dạ thần chứng được trong vô lượng đời quá khứ, trong vô lượng đời quá khứ đã vì chúng sanh “thủ hộ tâm thành, bỏ tâm giới thành mà an trụ nơi pháp thành Nhất thiết trí vô thượng”⁷¹.

71 Ht Thích Trí Tịnh, Sđd., tập 4, tr.468

Thiện Tài được Nữ dạ thần hướng dẫn pháp môn *Thậm Thâm Tự Tại Diệu Âm Giải Thoát* (甚深自在妙音解脫門) và, đặc *Hiện Tiền Địa* (Abhimukhì-Bhùmi, 現前地).

37. Sarvavrikshaphullanasukhasamvasa
(**Khai Phu Nhất Thiết Thụ Hoa**, 開敷一切
樹花主夜神).

Thiện Tài đến tham vấn với Dạ thần Khai Phu Nhất Thiết Thụ Hoa về môn Viên Hành Địa. Thiện Tài thấy nữ dạ thần Sarvavrikshaphullanasukhasamvasa trong hội chúng của Đức Phật và hiểu được giai đoạn của cuộc hành trình dài. Giữa sự tự do của sinh tử, nữ thần này nhập vào sinh tử và thực hiện hạnh lợi tha. Nữ thần tuyên bố đã đạt được sự giải thoát bằng cách phát ra ánh sáng rực rỡ của niềm vui bao la (Pháp Môn Giải thoát Bồ tát xuất sanh quảng đại hỉ quang minh), ngụ ý rằng bà đã đạt được bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả. Nhập môn giải thoát này có thể biết được trí phương tiện thiện xảo của Như Lai, thuận theo và thực hành lời dạy của Như Lai, khởi nguyện được hết thảy diệp bửu tư cụ nhiếp khắp chúng sanh, ở nơi các trần không còn đắm nhiễm, chấp trước, khởi tâm

bình đẳng, đại bi, tâm kim cang lợi ích chúng sanh... cho đến khởi tâm khiến tất cả chúng sanh rốt ráo Thập lực trí quả.

Dạ thần đã tu nhiều kiếp và có kiếp là đồng nữ Bửu Quang Minh, phò trợ vua Nhất Thiết Pháp Âm Viên Mãn Cái, chính là đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai ngày nay. Nhà vua tổ chức một thí hội lớn, với sự tham dự của thiếu nữ Bửu Quang Minh, con của một vị đại trưởng giả và sáu mươi người hầu cận. Nhà vua ngày nay là đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai (Vairocana) và nữ thần bóng tối là thiếu nữ Bửu Quang Minh (Viên ngọc ánh sáng) mô tả giai đoạn của sự đồng cảm thực sự trong một thời điểm khủng khiếp khi có rất nhiều đau khổ. Đức vua Nhất Thiết Pháp Âm Viên Mãn Cái biểu thị sự hiểu biết, sáu vạn phi tần biểu thị lòng từ bi bao trùm sáu cõi chúng sinh, bảy trăm hoàng tử biểu thị sự tu tập về Thất giác chi, thiếu nữ là viên ngọc Ánh sáng, đại diện cho lòng từ bi và, sáu mươi phụ nữ trẻ tại buổi tiệc suy ngẫm về sáu cấp độ của lòng từ bi kết hợp với sự hiểu biết, trí tuệ. Việc nhà vua là Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) tượng trưng cho trí tuệ có được từ các hoạt động hàng ngày. Thiện Tài được nữ dạ thần hướng

dẫn về pháp môn *Xuất Sinh Quảng Đại Hỷ Quang Minh Giải Thoát* (出生廣大喜光明解脫門), đặc *Viễn Hành Địa* (Dùramgamà-Bhùmi, 遠行地).

38. Sarvajagadrakshapranidhanavirya-prabha (Đại nguyện Tinh Tiến Lực cứu hộ Nhất Thiết Chúng Sinh, 大願精進力救護一切眾生主夜神).

Thiện Tài tiếp tục đến tham vấn với Dạ thần Đại nguyện Tinh Tiến Lực cứu hộ Nhất Thiết Chúng Sinh, còn gọi là Nguyện Dũng Quang Minh Thủ Hộ Chúng Sinh Dạ Thiên về pháp môn Giáo hóa chúng sinh linh sinh thiện căn giải thoát Bất Động Địa. Thiện Tài thấy nữ thần ở trong đại chúng ngồi trên tòa sư tử Phổ Hiện Nhất thiết cung điện ma ni vương tạng, đạt đến trạng thái tĩnh lặng mà hiện thân nhật nguyệt tinh tú ảnh tượng, tùy nơi tâm chúng sanh mà đều được thấy. Thiện Tài ở tại đây mà phát khởi mười tâm nơi thiện tri thức, nhân đó mà được đồng hạnh với Dạ thần cùng chư Bồ Tát. Danh hiệu của Đại Nguyện Tinh Tấn Lực Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh có nghĩa là “Năng lượng ánh sáng của lời thề bảo vệ tất cả chúng sanh” và, nó cho thấy sức mạnh của hạnh

nguyện quảng đại trong việc cứu hộ muôn loài, hay hiểu một cách đơn giản, sức mạnh lời thề là động lực thúc đẩy thực hiện những sứ mệnh cứu tế một cách mãnh liệt không ngừng nghỉ. Thiện Tài nhìn thấy dạ thần ngồi trên ngai nạm ngọc, phản chiếu nơi ở của mọi sinh vật; nó cho thấy mục đích cơ bản của hiểu biết trong tri thức minh bạch - tuệ giác siêu việt biểu hiện ở mọi nơi, mọi lúc như thế nào. Cơ thể của Nữ thần bóng tối phản chiếu mặt trời, mặt trăng và các vì sao, bà là hiện thân của lòng từ bi cứu độ tất cả chúng sinh trên khắp các thế giới dưới dạng các thực thể sinh động khác nhau, tùy thuộc vào trạng thái tâm trí, căn cơ của mỗi chúng sanh. Nó là phần kiến thức, là tuệ giác khi nó xuất hiện trong những hoàn cảnh và điều kiện tương ứng. Nữ thần bóng tối nói rằng bà đã tùy tâm hiện thân giáo hóa chúng sinh theo những cách nuôi dưỡng thiện tâm. Tất cả năng lượng của đức hạnh phát triển khi cốt lõi của vô ngã được thể hiện. Nhiều phép loại suy khác nhau được đề xuất ở đây, chẳng hạn như mức độ hiểu biết của các bậc giác ngộ giống như mặt trời trong dải ngân hà, không có ngày và đêm, không có hạnh phúc hay đau khổ. Nữ thần sử dụng chúng

để trả lời câu hỏi rằng bà đã được thúc đẩy để theo đuổi sự giác ngộ trong bao lâu, chứng tỏ rằng sự giải thoát, giác ngộ không thể tính bằng thời gian. Theo nữ thần, một vị Phật thị hiện với danh hiệu của nhà vua có tên Thắng Quang.

Vua chiếu sáng không gian, phá tan mọi u tối với tiếng nói của sự thật, đã ngồi ở nơi giác ngộ trong một trăm năm trong quá khứ xa xôi. Ánh sáng Chiến thắng, vị vua của không gian và thời gian này, có một người con trai, thái tử Thiện Phúc, người sở hữu hai mươi tám trong số ba mươi hai tướng của một vị chuyển luân thánh vương. Vị hoàng tử đã sống cuộc đời phạm hạnh suốt 500 năm sau khi giải thoát các tù nhân khỏi nhà tù. Giống như tiếng vang, Đức Phật biểu thị trí tuệ vô lậu. Nhà vua tượng trưng cho trí tuệ, hoàng tử tượng trưng cho lòng từ bi thiết thực và, nhà tù tượng trưng cho phạm vi hành động của lòng nhân từ. Sống cuộc đời thánh thiện 500 năm, sau đó xả bỏ có nghĩa là sẵn sàng phát tâm xả bỏ thân mạng cho mục tiêu cứu độ chúng sanh và, buông bỏ huyễn thân sinh diệt để thể nhập vào chân thân thực tại. Thái tử chỉ sở hữu hai mươi tám đại tướng, bốn trong số đó đã bị thiếu kể từ thời kỳ thứ tám. Thiện Tài đã được nữ dạ thần hướng dẫn pháp môn *Giáo hóa*

Chúng sinh Linh sinh Thiện căn Giải thoát (教化眾生令生善根解脫門), đặc **Bất Động Địa** (Acalà-Bhùmi, 不動地).

39. Sutejomandalaratishri (Diệu Đức viên Mãn, 妙德圓滿林神).

Thiện Tài du hành đến vườn Lumbini (Lâm-tỳ-ni) thánh địa nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sanh để tham vấn nữ Dạ thần Diệu Đức Viên Mãn và học về pháp môn U vô lượng kiếp biến nhất thiết xứ thị hiện thọ sanh tự tại giải thoát (於無量劫徧一切處示現受生自在解脫門).

Giai vị của một trí tuệ tốt (Thiện Huệ Địa) được đánh dấu bằng sự hoàn hảo của sự hiểu biết và trí tuệ siêu việt, cũng như khả năng khéo diễn giải các giáo pháp; do đó mang nghĩa là Thiện Huệ Địa, một mảnh đất, một tâm địa, một giai vị có năng lượng trí tuệ rất tốt. Nữ thần mô tả mười tạng thọ sanh của các Bồ Tát và nói rằng bà đã được tái sinh tự do trong nhiều kiếp vô tận. Bồ Tát thành tựu pháp này tức đồng sanh nhà Như Lai, ở trong mỗi niệm được tăng trưởng thiện căn cho đến đạt được Nhất thiết trí, Phật pháp hiện tiền. Nữ thần nói rằng bà sinh tại vườn Lumbini vì bà biết Đức Phật sẽ thị hiện ở đó. Hơn nữa, Đức Phật được sinh ra

trong mọi khu vườn Lumbini là không gian của tất cả các thế giới trong mười phương vì Như Lai không đến và đi, hay dừng lại trong thời gian. Thiện Tài đã học được từ nữ dạ thần này pháp môn “*U vô lượng kiếp biến nhất thiết xứ thị hiện thụ sinh tự tại giải thoát*” (於無量劫徧一切處示現受生自在解脫門, đặc **Thiện Huệ Địa** (Sādhumatī-Bhūmi, 善慧地).

40. Gopā (Cù Ba, 瞿波女).

Thiện Tài đến thành Kapilavastu (Ca-tỳ-la) tham vấn nữ thánh Thích ca Cù- Ba và được học về pháp môn Pháp Vân Địa. Pháp Vân Địa, một giai vị giống như giai đoạn nguyên sơ vì trí tuệ và từ bi hay nói một cách đời thường, kiến thức và sự đồng cảm là đồng thời. Tên của Gopā có nghĩa là “trông chừng” hay “bảo vệ” và, nó tượng trưng cho việc duy trì nền tảng của lòng từ bi bao la. Trong tiền kiếp hóa thân quá khứ, Gopā là phối ngẫu của Thái Tử Oai Đức Chủ, biểu thị niềm vui, lòng tốt và lòng trắc ẩn trong sự thật. Bà cũng được cho là phối ngẫu của Thái Tử Oai Đức Chủ trong nhiều kiếp trước, đại diện cho mối liên kết không thể phá vỡ giữa trí tuệ và lòng từ bi. Một vị nữ thần tên là Vô Ưu Đức đã xuất hiện trong Tiếng vọng chung của Ánh

sáng Chân lý, cùng với mười ngàn Chủ cung điện thần đều chào đón Thiện Tài. Sau đó cùng Thiện Tài đến giảng đường Phổ Hiện Pháp Giới Quang Minh tìm Gopa. Thiện Tài nhìn thấy Gopa ngồi trên Sư tử bửu liên hoa tòa và được bao quanh bởi tám vạn bốn nghìn cung nữ thuộc dòng dõi hoàng gia, mỗi người đại diện cho một trong tám vạn bốn nghìn căn bệnh. Gopa tự nhận mình là vợ của một hoàng tử, một hóa thân trước đó của Đức Phật hiện tại; Cô và chồng đến gặp Đức Phật vào thời đó để nghe Giáo pháp. Nó đại diện cho cuộc hôn nhân không thể tách rời của trí tuệ và lòng từ bi vào thời điểm này. Thiện Tài đánh lễ nơi chân của thánh nữ Gopa và hỏi làm cách nào mà ở trong sanh tử chẳng bị lỗi sanh tử làm ô nhiễm, làm sao để rõ pháp tự tánh mà chẳng trụ Nhị thừa... cho đến cách thức tu những hạnh lành không thôi nghỉ. Sau đó, Gopa đã vì Thiện Tài mà nói mười pháp giúp viên mãn hạnh Bồ Tát như đà la võng phổ trí quang minh, mười pháp để thừa sự thiện tri thức, cảnh giới của Quán sát nhất thiết Bồ Tát tam muội hải giải thoát môn. Thiện Tài cũng học từ Cô pháp môn *Nhất thiết Bồ tát Tam muội hải pháp* (一切菩薩三昧海法門) và đặc *Pháp Vân Địa* (Dharmamegha-Bhùmi, 法雲地).

Nhờ tham học với những bậc thầy lớn có thể làm tăng trưởng trí tuệ do vậy mà hiểu thấu mọi suy nghĩ và hành động của tất cả chúng sinh đồng thời tương ứng với tất cả tuệ giác siêu việt của chư Phật, thành tựu Nhân Đà La Vĩng Phổ Trí. Do quán sát chúng sanh đời trước cho đến hiện tại điều này tiêu biểu cho sự tăng trưởng từng bước của trí tuệ siêu việt của hàng Thập Địa. Sau khi tôn kính tham học với ba mươi chín vị Thiện tri thức đã có thể làm tăng trưởng trí tuệ nhờ thế mà có những nhận thức sâu sắc và chân xác, đặc biệt là hiểu rõ tâm hành của tất cả chúng sanh và tương ứng trí tuệ với tất cả chư Phật, thành tựu viên mãn Bồ tát hạnh.

41. Maya (Ma Gia phu nhân, 摩耶夫人).

Thiện Tài đến gặp Ma Gia phu nhân để tham vấn, ngay khi khởi lên ý muốn này liền chứng Trí quán Phật cảnh giới. Thiện Tài nhìn thấy Maya trên hành tinh này và khám phá ra quá trình giác ngộ kỳ diệu thông qua việc tạo ra trí tuệ dựa trên lòng từ bi. Hoàng hậu Maya biểu thị sự hiện diện thường xuyên của lòng từ bi sâu sắc và vô lượng trên thế giới. Thiện Tài gặp Chủ Thành Thần Bảo Nhân dạy phải giữ gìn tâm thành, chẳng tham các cảnh giới, nhân

nơi tịnh tu tâm thành mà có thể tích tập các thiện pháp. Thiện Tài cũng gặp Thiện Nhân La Sát Quỷ Vương và được Quỷ vương nói mười pháp để được thân cận chư thiện tri thức, mười môn tam muội để thường hiện thấy chư thiện tri thức cũng như được hướng dẫn đến chỗ tìm thiện tri thức. Nhân đó Thiện Tài thấy Hoàng hậu Maya ngồi trên tòa Như Ý Bửu Liên Hoa trong Phổ Nạp Thập Phương Pháp Giới Tạng lâu các. Hoàng hậu Maya trên tòa sen báu đó hiện sắc thân siêu tam giới, siêu quá tất cả thế gian, hiện vi trần số môn phương tiện để lợi ích chúng sanh. Maya phu nhân nói bà đã thành tựu Bồ Tát đại nguyện trí huyển giải thoát môn, do đây mà thường làm mẹ của chư Phật, Bồ Tát, cho đến tận thế giới hải tất cả Tỳ Lô Giá Na Như Lai đều vào thân bà mà thị hiện đản sanh thần biến tự tại. Việc bà là mẹ của Đức Phật thể hiện lòng từ bi bao la tạo nên sự hiểu biết rộng lớn. Maya phu nhân còn nói bụng bà có thể dung hội hết thấy chúng hội nhưng thân ấy chẳng lớn thêm, cũng chẳng chật hẹp, chư Bồ Tát và pháp chúng ở trong đây như tự thấy mình ở đạo tràng thanh tịnh nghiêm sức, đây là biểu ý thể hiện diệu dụng của lòng từ bi rộng

lớn, tạng đại bi vô tận nhiếp hóa chúng sanh và, thân - tâm ấy lượng phải đồng như hư không mới có thể dung nhiếp hết thảy, cũng là sự biểu hiện của sự sự vô ngại pháp giới. Điều này cũng có nghĩa là, giống như hư không, làn sóng của những hành động tình thương vĩ đại của Đấng Toàn Thiện là vô lượng. Thiện Tài đã học được pháp môn *Đại Nguyên Trí Huyền Giải Thoát* (大願智幻解脫門) từ Maya phu nhân .

42. Surendrabhà, (Thiên Chủ Quang, 天主光天女).

Thiện Tài tiếp tục đến cung trời Đao Lợi, cõi trời thứ ba mươi ba (S.Trayastrimsa, P.Tavatimsa) để tham vấn đồng nữ Thiên Chủ Quang còn gọi là Thiên Quang đồng nữ, là con gái của? Thiên vương Chánh Niệm.

Thiện Tài đã bị đồng nữ này thu hút sự chú ý hoàn toàn đối với tất cả sự thật thông qua sự tinh thông về tri thức và lòng trắc ẩn (trí tuệ và lòng từ bi). Đồng nữ tuyên bố đã cúng dường vô số chư Phật trong nhiều kiếp, chẳng lìa chư Phật Như Lai đẳng chánh giác, ở chỗ chư Phật Như Lai mà nghe Bồ Tát vô Ngại niệm thanh tịnh trang nghiêm giải thoát môn cũng như tin hiểu, thọ trì chưa từng gián đoạn.

Khi đó cô chỉ là một người bình thường, để chứng minh rằng con đường giác ngộ tâm linh đã được hoàn thành, thì có thể tự tại tùy tâm để cứu khổ chúng sinh, không còn xu hướng tìm kiếm tự do bên ngoài của ô uế hay trong sạch: chỉ cần lái con tàu bản chất của thực tại và giường buồm của sự đồng cảm thực sự, với tri thức rộng lớn như một con thuyền. Tại đây, Thiện Tài đã học được pháp môn *Vô Ngại niệm thanh tịnh trang nghiêm giải thoát* (無礙念清淨莊嚴解脫門).

43. Vishwamitra (Biến Hữu đồng tử, 遍友童子師).

Thiện Tài đến thành Kapilavastu (Ca-tỳ-la) để tham vấn với đồng tử Biến Hữu. Thiện Tài đã học cách làm thế nào để trở thành một vị thầy am tường về chân lý phổ quát. Vishwamitra không nói gì với Thiện Tài, thay vào đó đề nghị Thiện Tài đến tham vấn Shilpabhijna (Thiện Trí Chúng Nghệ Học Bồ Tát Tự Trí), thể hiện tiêu chuẩn của người hướng dẫn là để lại chỉ dẫn cho người kế tiếp và chỉ trả lời các câu hỏi liên quan đến những vấn đề chưa giải quyết được. Điều này phản ánh một thực tế là người chân chính không bao giờ cô đơn vì họ luôn

có bạn bè giúp đỡ trong việc học tập. Thiện Tài đã học được pháp môn Thuyết đặc Vô Sở Đắc. Đồng tử Biến Hữu không nói gì và yêu cầu Thiện Tài đến gặp trực tiếp Đồng tử Thiện Chúng Nghệ là bởi vì trên thực tế, đến giai đoạn thứ bốn mươi ba thì đã được giải thoát vô ngại thanh tịnh trang nghiêm, đạt đến đỉnh cao của trí tuệ, tất cả vốn vô sở đắc, không có gì để biểu hiện hay hiển thị. Tuệ giác siêu việt xuyên thấu pháp giới, tất cả các pháp đều được hoàn bị, cho nên tất cả các pháp đều là Phật pháp và, thanh tịnh pháp thân được thành tựu.

44. Shilpabhijna (Thiện Tri Chúng Nghệ, 善知眾藝童子).

Thiện Tài đến gặp đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ để tham vấn. Đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ tuyên bố rằng mình có pháp môn Tứ thập nhị tự mẫu và nhập Bốn mươi hai môn Bát Nhã ba la mật cũng như vô lượng vô số môn như vậy. Đồng tử đi vào nhiều tầng tuệ giác siêu việt bằng cách lặp đi lặp lại liên tục bốn mươi hai âm vị mẫu tự. Bởi vì những sự kiện này bao gồm tất cả các bản văn, nên nhớ một là nhớ tất cả và nhớ tất cả là nhớ một – đây là cửa ngõ của trí tuệ. Sở hữu cánh cửa giải thoát tri thức của mọi kỹ năng

của lòng từ bi viên mãn (足圓滿善知眾藝解脫門) Ngài đã dạy Thiện Tài **bốn mươi hai mẫu tự Hoa Nghiêm**, thống nhiếp toàn diện từ giai vị đầu tiên đến giai vị bốn mươi hai cảnh giới đại thiện tri thức không thể nghĩ bàn, vì thế nên đến giai vị thứ bốn mươi ba thì không có gì để nói, không có gì để biểu thị, vì mỗi mẫu tự đều có nhịp điệu, tiết thái, âm lượng, âm vận, âm vị và tần suất âm thanh giao hưởng, chuyển vận tổng hợp tấu tiết nhịp nhàng, trùng trùng vô tận biến khắp pháp giới, siêu việt tất cả các loại âm nhạc thế tục và nó cũng bộc lộ một cách toàn diện trí tuệ bát nhã mà Thiện Tài đã có duyên lành lãnh hội được từ tất cả các bậc Thiện hữu tri thức, những vị thầy tốt trong quá khứ.

Đồng tử cũng nói với Thiện Tài rằng Bồ Tát muốn vào đời hành đạo cũng cần phải thông tường các thiện xảo của thế gian và xuất thế gian, những cách thức, nghề nghiệp nuôi sống cũng phải thấu rõ, phải hiểu những văn tự toán số, y thuật trị bệnh, khéo quán sát thiên văn, địa lý... có như vậy mới có thể tùy nguyện, tùy nghi làm lợi ích cũng như nhiếp hóa chúng sanh. Tuy nhiên, Bồ Tát ở trong các pháp này không hề có mảy may tâm đắm nhiễm, có thể phân biệt rành rõ giữa phương tiện và cứu cánh,

ở trong đây mà tùy thuận tu hành, trí nhập suốt thấu, không ngu tối nghi ngại, không ngoan độn, ưu não, trầm một mà hiện chứng tự tại. Thiện Tài đã học được pháp môn ***Thiện tri chúng nghệ học Bồ tát tự trí***.

Bản giao hưởng dù đã kết thúc trong không khí hoan hỷ ngập tràn, nhưng với Thiện Tài thì việc học tập vẫn chưa kết thúc dù đã hiểu biết tất cả các nghệ thuật vì ước vọng của Thiện Tài là thông suốt toàn bộ các môn kỹ nghệ tinh xảo nhất của cả thế lẫn xuất thế gian.

45. Bhadrōttamā (Ưu Bà Di Hiền Thắng, 賢勝優婆夷).

Thiện Tài đến thành Bà Đát Na nước Ma Kiệt Đà gặp Ưu bà di Hiền Thắng, một nữ cư sĩ Phật giáo đã hướng dẫn Thiện Tài về môn giải thoát Vô y xứ đạo tràng. Bhadrōttamā nói rằng bà chỉ đạt được pháp môn ***Vô Y Xứ đạo tràng giải thoát*** (無依處道場解脫門) và dùng để dạy người. Bà cũng thành tựu môn ***Vô tận tam muội***, có thể xuất sanh tất cả trí tánh, nhãn - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý vô tận, công đức, trí huệ, thần thông cũng vô tận; tự mình khai ngộ sau đó trở lại độ nhân, lục căn đều là công đức tự, hoạt dụng tự tại mà chẳng có sở y.

Bà khuyên Thiện Tài tiếp tục cuộc hành trình cầu đạo của mình, Thiện Tài đã học được pháp môn này từ Ưu bà di Hiền Thắng. Ở giai đoạn này thân tâm không còn nương vào sự sanh diệt, tất cả đều là đạo tràng vô cầu, vì thế mà Ưu bà di Hiền Thắng muốn Thiện Tài không bám chấp vào tất cả công đức như thế thì chánh pháp mới thật sự trường tồn.

46. Muktasara (Kiên Cố Giải Thoát, 堅固解脫長者).

Thiện Tài đến thành Bharukaccha (Ốc Điền) tham vấn trưởng giả Kiên Cố Giải Thoát và nhận ra rằng sống trong thế giới không dính mắc với những suy nghĩ của chính mình là con đường dẫn đến sự giải thoát thuần túy. Thiện Tài học được từ trưởng giả một lòng thanh tịnh, tinh tấn cầu đạo giải thoát không ngừng nghỉ, ở nơi chánh pháp không có giải đãi, không thôi dứt mà cũng chẳng có tâm cấp trước. Đó cũng chính là pháp môn *Vô Trước niệm thanh tịnh trang nghiêm giải thoát* (無著念清淨莊嚴解脫) mà Thiện Tài được học ở đây.

47. Suchandra (trưởng giả Diệu Nguyệt, 妙月長者).

Thiện Tài đến tham vấn Cư sĩ Suchandra trong cùng một thành phố. Thiện Tài khám phá ra rằng sự giác ngộ tri kiến thanh tịnh giải thoát không gì khác hơn đó là sử dụng ánh sáng của trí tuệ và tình thương bao la để giải trừ những mê lầm của chúng sinh. Thiện Tài đã học được học pháp môn Tịnh Trí quang minh từ vị trưởng giả này. Trong nhà của trưởng giả Diệu Nguyệt thường có ánh sáng chói loà chiếu thấu không trung, tượng trưng cho Trí tuệ siêu xuất, biểu hiện cho *Đại viên Cảnh trí* (大圓鏡智) và *Vô Cấu thức* (無垢識), một tấm gương trí tuệ trong suốt rực sáng trọn vẹn, một tâm thức thanh tịnh tuyệt đối, không có bất cứ gì không trong sạch, không có bất cứ gì không rõ ràng, thật vi diệu nhiệm mầu chẳng còn gì để biểu đạt và, đây chính là đã là thành tựu viên mãn báo thân.

48. Ajitasena (Vô Thắng Quân, 無勝軍長者).

Thiện Tài tiếp tục du hành đến thành Roruka (Xuất Sinh) để tham vấn Trưởng giả Vô Thắng Quân. Thiện Tài đã quan sát Ajitasena và nắm bắt được cách khám phá những hình thức vô

tận trong vô biên. Thành Roruka tượng trưng cho những cam kết chính đưa dẫn đến các hoạt động tâm linh. Trưởng giả Ajitasena, tượng trưng cho sự chiến thắng những điều xấu xa, khổ đau của sinh tử. Các hiện thân vô tận của Phật là tổng thể của tất cả tam thân. Trong vô tướng, chúng là những pháp thân vô tận. Thiện Tài đã học được pháp môn *Vô tận tướng giải thoát* (無盡相解脫門). Sau khi thành tựu pháp môn này, trong một điểm sáng nhỏ có thể nhìn thấy cả cõi bảo vương, trong một giọt nước có thể nhìn thấy cả biển chư Phật ảnh hiện trùng điệp, trong ánh sáng hóa hiện vô tận hóa thân. Trưởng giả Vô Thắng Quân giới thiệu Thiện Tài đến tham vấn Bà la môn Tối tịch Tịnh nhằm nêu bậc ý nghĩa từ giải thoát Vô tận tướng, xuất sanh Tối tịch tịch, đưa Thiện Tài trở về với sự tịch tịch tối thắng.

49. Shivaragra (Tối Tịch Tĩnh, 最寂靜婆羅門).

Thiện Tài đến Tụ Lạc Chi Vi Pháp phía nam thành để tham vấn Bà la môn Tối Tịch Tĩnh. Thiện Tài nhận thức rõ tầm quan trọng của ý nguyện nói theo cách của những thứ ngôn ngữ thành thật. Theo nghĩa thông thường hơn là

tâm thường, trong những tiếng ồn ào náo động mà không kích động, Brahmin Shivaragra có nghĩa là sức mạnh tịch lặng siêu phàm. Ý tưởng rằng bản chất của mọi ngôn từ là chân thật và đều có thể dẫn đến việc đưa ra một tuyên bố phơi bày chân lý, nhân nơi chân thành ngữ mà được không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng bồ đề, ở nơi thành nguyện mà được mọi điều như ý, được xuất sanh vô lượng công đức. Thiện Tài đã học được pháp môn *Thành nguyện ngữ giải thoát* (誠願語解脫門) này chỗ Bà la môn Tối Tịch Tĩnh. Thành nguyện ngữ với ý nghĩa căn bản là trước phải thanh tịnh hóa bản thân, ba nghiệp thân, ngữ, ý hoàn toàn thanh tịnh, thì mới có thể thành tựu tam thân: Pháp thân, báo thân và hóa thân, sau đó mới có đủ đức hạnh để tịnh hóa chúng sanh, tịnh Phật quốc độ vì thế ông giới thiệu Thiện Tài đến đồng tử Đức Sinh và Đức Hữu.

50. Shrisambhava và Shrimati (đồng tử Đức Sinh và đồng nữ Hữu Đức, 德生童子及有德童女).

Thiện Tài đến thành Sumanamukha (Diệu Ý Hoa Môn) tham vấn đồng tử Đức Sinh và đồng nữ Hữu Đức. Thiện Tài nhìn thấy Shrisambhava

và Shrimati và khám phá ra mọi hiện tượng trên thế gian đều hư ảo; an trú trong trí tuệ và từ bi hoàn hảo, thành tựu viên mãn quả vị Đăng giác. Cả hai đồng tử và đồng nữ đều tuyên bố là đã đạt được sự giải thoát vô minh, có nghĩa là họ nhận ra rằng cội của chư Phật và chúng sinh là kết quả hư ảo của tri thức. Không có gì là thật hay giả trong trạng thái ảo tưởng; Tưởng và vật, chất và hình không đối lập nhau; cơ thể và môi trường là hợp nhất, độ sáng và phản xạ của chúng nhân lên vô tận. Theo đó, họ khẳng định rằng bản chất của các trạng thái ảo tưởng là không thể nghĩ bàn. Sau đó, họ bảo Thiện Tài đến thỉnh vấn Bồ tát Di Lặc, một vị Phật sẽ thị hiện trong tương lai. Một đời sống này là một đời sống vô sanh, không phải là một đời sống theo trình tự thời gian. Thiện Tài đã học được pháp môn Huyền trụ giải thoát. Trong bốn mươi chín pháp đầu, một số thuộc về trí tuệ và một số thuộc về từ bi, trong giai đoạn thứ năm mươi có đồng nam và đồng nữ đồng lúc xuất hiện, tượng trưng cho sự thành tựu viên mãn của cả trí tuệ lẫn từ bi và, đồng nam và đồng nữ này đã nói với Thiện Tài rằng những gì họ đạt được là Cánh Cửa Giải Thoát như huyền, về các pháp thế gian đều huyền hóa, với mục đích

biết huyễn để lìa huyễn. Thoát khỏi ảo tưởng ở đây ám chỉ việc sống trong ảo tưởng để chuyển hóa ảo tưởng, tức chuyển thức thành trí thì mới có thể quan sát tất cả chúng sinh và liễu triệt tất cả oai lực thần biến của vô lượng chư Phật v.v... đều là hư ảo. Huyền trụ hàm ý trụ mà vô trụ, vô trụ mà trụ, tuy có việc phải làm để phụng sự muôn loài, nhưng trong các pháp không có việc gì phải làm (vô sở hành). Qua đó Thiện Tài có thể thăng tiến trong lưới ảo tưởng nhưng không bị ngăn trở. Đồng nam và đồng nữ đã khuyến thỉnh Thiện Tài đến gặp Bồ tát Di Lặc. Sau khi chia tay, Thiện Tài sám hối những ác nghiệp ác trong quá khứ và lên đường. Sám hối là tịnh hóa tầng vô minh căn bản cuối cùng, nghĩa là với Định lực, Thiện Tài đã nhận ra tầng vô minh căn bản cuối cùng và thoát ra khỏi nó. Sau đó phát nguyện phụng sự tất cả thiện hữu tri thức và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, rồi nhập vào cảnh giới của Bồ tát Di Lặc.

51. Maitreya (Bồ tát Di Lặc, 彌勒菩薩).

Thiện Tài cảm thấy thoải mái và rạng rỡ hơn khi bước vào lâu đài Tỳ Lô Giá Na Trang Nghiêm Tạng ở Samudrakaccha (nước Hải Tạng) tại vườn Đại Trang Nghiêm và Thiện

Tài nhìn thấy Bồ tát Di Lặc và nhận ra con đường đến Phật quả chỉ trong một đời. Vườn Đại Trang Nghiêm tượng trưng cho sự trang nghiêm của chư Phật với trí tuệ và lòng từ bi đi vào biển sinh tử. Các phương pháp giác ngộ tất cả chúng sinh khác nhau nhưng chỉ với cùng một mục đích duy nhất đó là chuyển hóa biển khổ đau đầy ba đào phiền não thành biển cả thanh tịnh giải thoát, an lạc. Cánh cửa đóng lại khi Thiện Tài bước vào lâu đài. Thiện Tài nói rằng bên trong lâu đài là không gian vô tận, rộng lớn vô lượng tựa như hư không. Thiện Tài đã quan sát những khung cảnh trang nghiêm màu nhiệm trong lâu đài, bao gồm các hoạt động trong quá khứ, hiện tại và tương lai của Bồ tát Di Lặc, cũng như các vị Phật mà Thiện Tài phụng sự. Tất cả đều truyền tải những sự thật một cách kỳ diệu đến Thiện Tài và Thiện Tài được nghe pháp âm sâu xa vi diệu, được vô lượng các môn tổng trì, an trụ trong cảnh giới tự tại giải thoát bất khả tư nghị của Bồ tát. Thiện Tài học được pháp môn *Nhập Tam Thế Nhất Thiết Cảnh Giới Bất Vọng Niệm Trí Trang Nghiêm Giải Thoát Môn* (入三世一切境界不忘念智莊嚴藏解脫門).

Kinh Hoa Nghiêm đã vận dụng rất hoàn hảo giáo lý về môi trường, qua đó mỗi một bông hoa là mỗi một thế giới, đầy sinh động và linh hoạt, mỗi một chiếc lá, mỗi một tia nắng là mỗi một đức Như Lai, thân Phật xuất hiện khắp mười thế giới, không có bất cứ nơi nào mà Tam thân của Đức Phật không có mặt và, bằng vào tịnh hạnh, Thiện Tài đã có khả năng quán sát mọi chúng sinh và tất cả mọi hiện hữu. Trải qua quá trình Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa, một cách liên li Thiện Tài đã thâm nhập và phát huy đúng mức Bồ đề tâm, đạt đến cứu cánh tối hậu đó là giác ngộ hoàn hảo - đỉnh cao của Bồ tát hạnh, được Bồ tát Di Lặc, vị Phật kế tiếp làm biểu tượng. Bồ tát Di Lặc là sự thể hiện cụ thể của sự kết tập viên mãn tâm bồ đề. Kinh Hoa Nghiêm đặc biệt nhấn mạnh: ***“Vong thất Bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp”*** (忘失菩提心，修諸善法，是名魔業) có nghĩa là quên mất tâm Bồ đề mà tu tập các điều thiện đó đều gọi là ma nghiệp.

Khi Thiện Tài đến thỉnh vấn Bồ tát Di Lặc, bằng vào lòng từ bi vô lượng và với phương tiện thiện xảo, Ngài đã sử dụng hai trăm hai mươi hai câu ẩn dụ để diễn đạt nội dung của bồ

đề tâm. Hai trăm hai mươi hai câu ngụ ngôn nội hàm nhiều ý nghĩa và giá trị nhưng có thể được chia thành hai phần căn bản : 118 câu đầu tiên giải thích về Bồ đề tâm thuộc về sự tin, hiểu và thực hành; 103 câu cuối cùng là Bồ đề tâm của sự chứng ngộ đột phá. Bồ đề tâm có khả năng dung chứa tất cả Phật pháp. Bồ đề tâm có đủ tất cả công đức, do vậy nếu ai có thể sử dụng viên mãn tất cả những phẩm chất tốt đẹp nhất tâm thức của mình, thì có thể đạt được vô lượng công đức thù thắng. Bồ đề tâm vừa là năng lực vừa là động lực nhưng cũng vừa là mục tiêu thúc đẩy Thiện Tài quyết tâm lên đường để dẫn thân cho lý tưởng cao đẹp của Bồ tát đạo. Bồ tát Di Lặc đã dạy Thiện Tài hãy đến thỉnh giáo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.

52. Manjushri (Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, 文殊菩薩).

Thiện Tài tiếp tục cuộc hành trình cầu đạo của mình, đi qua 110 mười thành phố mới đến được thành Tô Ma Na ở nước Phổ Môn. Tuy nhiên, lúc nào Thiện Tài cũng nghĩ nhớ đến ân đức giáo dưỡng tác thành của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi từ xa đưa cánh tay phải, trải qua một trăm mười do tuần để xoa lên đỉnh đầu của Thiện Tài để gia trì đồng thời nhắc nhở rằng: “Nếu thối thất tín tâm, sẽ sanh ra mệt mỏi, được chút ít mà cho là đủ, thì không thể phát khởi tất cả hạnh nguyện”. Bằng trí tuệ phương tiện, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đã khiến cho Thiện Tài được vô lượng dũng lực và trí tuệ để thâm nhập vào các hạnh nguyện lớn của Bồ Tát Phổ Hiền.

Trải qua qua một trăm mười thị trấn, tượng trưng cho sự bảo đảm đồng bộ, nhất quán trong những lý tưởng mà Thiện Tài đã theo đuổi. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi xuất hiện trong sự đồng nhất với tất cả chư Phật và vô lượng chúng sinh tất cả đều có cùng Phật tánh thanh tịnh bình đẳng. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đã hướng dẫn Thiện Tài thành tựu những gì cần thành tựu, thực tế đó cho thấy rằng sau khi đạt được đại giác ngộ thì bậc đại giác ngộ không khác gì với bất cứ một người bình thường nào chỉ khác chăng đó là có đủ từ bi và trí tuệ để tùy theo mọi căn cơ mà ứng dụng mọi phương tiện thiện xảo nhằm giúp mọi chúng sanh giải thoát mọi khổ đau. Thiện Tài coi tất cả những người giáo hóa mình nhiều như những nguyên

tử trong những dải ngân hà của nhiều tỷ thế giới, theo nghĩa cụ thể thì đó là sự hiểu biết về cơ thể thực cũng tràn ngập trong vũ trụ thực và do đó Thiện Tài xem mọi thứ không phải là duy nhất mà chính hiện thân trí tuệ của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Thiện Tài đã học được ở Ngài *Vô Biên Tế Đà La Ni* pháp Môn.

Một khi có trí tuệ hoàn hảo thì không còn bị ngăn ngại, chẳng những thế mà còn có thể đạt được vô lượng thành tựu thiện xảo của tất cả các vị Bồ Tát như Bồ tát Văn Thù. Trong cuộc gặp lại Thiện Tài ở lần thứ hai, Bồ Văn Thù Sư Lợi một lần nữa nhấn mạnh sự cần thiết của việc cúng dường Phật pháp một cách không mệt mỏi và không bao giờ buông bỏ Bồ đề tâm. Thiện Tài rất mong được gặp Bồ-tát Phổ Hiền nên phát tâm nguyện rộng lớn như hư không giới.

53. Samantabhadra (Bồ tát Phổ Hiền, 普賢菩薩).

Cuối cùng với các môn Tổng Trì đã chứng đắc từ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Thiện Tài nhìn thấy Bồ tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử Bửu Liên Hoa trong hội chúng ở trước mặt Đức Phật. Thiện Tài nhập vào tất cả cõi Phật và đại

tam muội nhiều như hạt bụi. Điều này minh họa Phật tính vĩnh cửu và sự thực hành của nó vì lợi ích lâu dài chung. Bấy giờ, thiện ngộ được biến đại hạnh nguyện thực dụng của Bồ tát Phổ Hiền, đồng nhất với Phổ Hiền và chư Phật, tràn ngập khắp vô số cõi trong một thân, bình đẳng về mọi phương diện và tự do giải thoát vô lượng vô biên không thể nghĩ lường.

Thiện Tài cần thận quan sát toàn thân oai đức viên mãn, rộng lớn của Bồ tát Phổ Hiền và thấy rằng xuyên qua lỗ chân lông của Bồ tát Phổ Hiền, mà bước vào tất cả các cõi Phật trong mười phương. Trong lỗ chân lông của Phổ Hiền, đi một ngày, hoặc một năm, hoặc dù là số lượng nhiều như hạt bụi không thể nghĩ bàn trong vô lượng kiếp cõi Phật, nhưng vẫn không thể ra khỏi một lỗ chân lông của Phổ Hiền; mỗi một niệm biến khắp vô biên các cõi để điều phục, giáo hóa tất cả chúng sanh khiến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thiện Tài nhận ra rằng tất cả những thiện căn đều do gần gũi và phụng sự các bậc thiện tri thức nhiều như vô số hạt bụi. Lúc đó Thiện Tài thể nhập vào biến hạnh nguyện của Bồ tát Phổ Hiền. Bồ-tát Phổ Hiền sau đó nói với Thiện Tài về mười lời nguyện lớn:

1. Đánh lễ tôn kính chư Phật,
2. Xưng tán đức Như Lai,
3. Cúng dường rộng khắp,
4. Sám hối nghiệp chướng,
5. Tùy hỷ công đức,
6. Thỉnh chuyển pháp luân,
7. Thỉnh Phật trụ thế,
8. Luôn theo học Phật,
9. Hằng thuận chúng sinh,
10. Thảy đều hồi hướng.

Mười nguyện lớn, mỗi nguyện đều dung nhiếp chín hạnh nguyện khác, tương tức tương nhập, tương duyên tương sinh, trong nhân có quả, trong quả có nhân, trùng trùng vô tận và sự vô ngại đạt đến ba thân viên mãn tối thượng: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Cũng với nguyện lớn thứ mười này, Pháp môn niệm Phật, một pháp môn hiện đang phổ cập rộng rãi mọi nơi đã được đặc biệt nhấn mạnh.

Từ lúc gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cho đến khi gặp Bồ tát Phổ Hiền, cứ mỗi lần Thiện Tài giả biệt vị ân sư của mình để lên đường, Thiện Tài đều xúc động đến rơi lệ hoặc biểu tỏ lòng tri ân vô hạn qua sự thành tâm đánh lễ, chiêm ngưỡng v.v... nhất là trên đường đi tìm vị ân

sư kế tiếp, không lúc nào Thiện Tào không nhớ nghĩ và nỗ lực hành trì những bài học lớn mà Thiện Tài đã học được. Lòng tri ân và báo ân vô cùng lớn lao của Thiện Tài đối với những bậc thiện hữu tri thức, người đã hướng dẫn cho mình những pháp môn thù thắng là một bài học lớn vượt thời gian và không gian.

Nói tóm lại, Năm mươi ba nơi mà Đồng tử Thiện Tài đã lặn lội đến tham học là một tấm gương sáng của một đức tin kiên cố, là một bài học vô giá của sự tinh cần, là khuôn thước mẫu mực của lòng kiên nhẫn, là nền tảng tổng thể và vô cùng quan yếu của hạnh nguyện Bồ tát, khởi đầu từ việc phát nguyện và kết thúc bằng hạnh nguyện lớn của Bồ tát Phổ Hiền. Đồng tử Thiện Tài thác tín cuộc đời của mình nơi Bồ đề tâm mà Thiện Tài đã hưng phát, trân trọng chấp nhận và nỗ lực hành trì, vì thế cuộc hành trình cầu đạo dù có gian nan nhưng không nhụt chí, dù có thử thách nhưng chính đó là những cơ hội, biến gian lao nghịch cảnh thành thuận duyên, chuyển hóa những chướng duyên thành động lực và biến thành năng lực để thành tựu nguyện lực, thành tựu viên mãn Bồ đề tâm và thực hành rốt ráo Bồ tát hạnh để cuối cùng đạt được cứu cánh tối thượng. Từ đó bài học lớn vô

giá mà chúng ta có thể ứng dụng vào cuộc đời của chính mình đó là hãy vững tin vào chánh pháp, hãy hưng phát Bồ đề tâm và hãy tinh cần thực hành lý tưởng Bồ tát đạo nhằm biến những khó khăn, thách thức thành niềm an lạc, giải thoát vô biên vì khi đã phát Bồ đề tâm, đã hành Bồ tát đạo thì dầu cho đối diện với bất cứ tình huống nào, chúng ta cũng có đủ nội lực để vượt qua lý do là vì lòng từ bi bao la và tuệ giác siêu việt chính là nguồn sống và sức sống, một sức sống mà ở đó sự khổ đau của tha nhân chính là niềm đau khổ của riêng mình vì thế mà không ngừng dần thân để cứu khổ độ sanh với tâm thức hoàn toàn bình đẳng vô ngã.

Thật ra trong cuộc sống, sức khỏe và bệnh tật, sự sống và cái chết, niềm vui và nỗi buồn, thành công và thất bại, hạnh phúc và khổ đau ... những vấn đề mà ta gặp phải đều tương tựa lẫn nhau và có mặt trong nhau. Nếu chúng ta có thể thắng hoa và an trú trong từ bi, lợi và vô ngã, nhận ra được tính duyên khởi của muôn hữu vũ trụ, đối với tất cả các pháp đều bình đẳng thì khi đối diện với khó khăn, nghịch cảnh, đó chính là những cơ hội để chúng ta ứng dụng bài học nhân nhục vô sanh, là cơ hội để thực hành hạnh Bồ tát vô tận, lòng biết ơn và

sự hiểu biết vô biên, từ đó mà vào nhà Pháp Vương, thể nhập Pháp thân Như Lai không đi cũng không đến.

Các bài học trong giai đoạn cuối cùng gồm mười ba trú xứ và mười ba nhân vật hết sức tiêu biểu. Những bài học nổi bật đó là lòng từ bi và trí tuệ lúc nào cũng đồng hành, sẵn sàng dẫn thân vào biển sanh tử để cứu độ chúng sanh, chính trong biển sanh tử mà giải thoát mọi phiền não khổ đau, tuy nhiên, khi đi vào trần thế thì phải có đủ kiến thức về mọi ngành nghề từ công nghệ kiến trúc, khoa học kỹ thuật số cho đến toán học, sử học, ngữ ngôn học, âm nhạc học, y học..., tất cả mọi thứ đều am tường để tùy theo căn cơ mà phương tiện thiện xảo giáo hóa; đặc biệt là phải vượt lên chính mình, đập tan bản ngã thấp hèn, không thủ chấp những công đức do mình tích lũy, học xả bỏ và biến những nhiệt não thành tịch lặng an nhiên, luôn nuôi dưỡng, tăng trưởng Bồ đề tâm, vun bồi lòng biết ơn và báo ân và cuối cùng là nhập vào hạnh nguyện lớn của Bồ tát Phổ Hiền tiêu biểu là mười đại nguyện. Vị thầy thứ năm mươi một của Thiện Tài là Bồ tát Di Lặc, một vị Phật tương lai đã cho thấy cảnh giới của một viên ảnh tươi sáng

an lạc không ở tương lai xa xôi mà chính là ngay bây giờ và ở đây, nơi nhân cách siêu việt của Bồ tát Di Lặc đang chờ ngày thị hiện nơi cõi ta bà để mở ra Long Hoa tam hội. Trong lâu đài nguy nga tráng lệ với những cấu trúc vô tận dung chứa vô số tòa nhà có kích thước tương đương. Thiện Tài nhìn thấy bức tranh toàn cảnh về hạnh nguyện của Bồ tát Di Lặc đồng lúc cảm nhận được cuộc sống trôi qua trong một thời gian ngắn và học được con đường dẫn đến giác ngộ chỉ trong một đời. Kế đó Thiện Tài đã gặp lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, vị thầy đầu tiên đã hướng dẫn Thiện Tài lên đường học hỏi Bồ tát hạnh và Bồ tát đạo và, Bồ tát Văn Thù đã vượt thời gian và không gian đến với Thiện Tài và soi sáng Thiện Tài bằng ánh sáng của trí tuệ vô hạn, hướng dẫn Thiện Tài đạt đến khả năng kiểm soát vô tận đối với nhận thức, củng cố sức mạnh của đức tin và sự tập trung vào hiểu biết cao hơn, đưa Thiện Tài vào biển Bồ tát hạnh. Vị thầy lớn thứ năm mươi ba và cũng là vị thầy cuối cùng là Bồ tát Phổ Hiền, người tượng trưng cho sự biểu hiện tích cực và cao độ của Bồ tát hạnh đã hướng dẫn Thiện Tài thành tựu viên mãn những gì cần thành tựu.

1. Những Bài Học Về Thập Trụ

Năm mươi ba nơi tham học của Thiện Tài Đồng tử nhằm biểu đạt cho việc tu hành cũng cần phải nương vào phần vị. Trong đó, pháp Thập tín nương vào Bồ Tát Văn Thù (vì Tín chưa có phần vị nên ở đây chỉ có một người). Mười thiện tri thức đầu tiên từ Tỳ kheo Meghashri (Đức Vân) đến Đồng nữ Maitrayani (Tử Hạnh) là những người mà Thiện Tài Đồng tử nương vào để học pháp Thập trụ⁷².

Giai đoạn đầu tiên, được gọi là nơi trú ngụ của nguồn cảm hứng, là khi người tầm đạo tập trung suy nghĩ của mình vào trí tuệ phổ quát, tối thượng của chư Phật thì phát khởi Thập Tín Tâm, không khởi tà kiến, đa văn, không phạm các trọng tội, tin sâu Tam bảo, thọ trì các hạnh của Bồ tát, an trụ trong tính không, hành trì giáo pháp của cổ Phật. Các Hành giả ở giai vị này tham gia vào trí tuệ giác ngộ, phụng sự chư Phật, hướng dẫn chúng sanh từ bỏ điều ác, học hỏi đức tính từ bi, hạnh nguyện lớn của Bồ tát, phát nguyện ở lại thế gian, với tâm an nhiên tự tại, tu học các pháp môn, có nhiều công đức, sử

72 Sa môn Trừng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ*, Sđd., quyển 55, tr.1392

dụng những phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng sanh giải thoát mọi vô minh phiền não. Đây là giai vị *Sơ Phát Tâm Trụ*.

Thứ hai là *Trì Địa Trụ*. Tâm ý thanh tịnh và đồng cảm, mong muốn mang lại an lạc, hạnh phúc đích thật cho tha nhân; thuận theo tính không, tu tập vô số pháp môn với hạnh nguyện hành động theo lời Phật dạy, lời nói ôn hòa, phù hợp, hiểu biết, xa lìa si mê.

Thứ ba là *Tu Hành Trụ* còn gọi là Ứng Hành Trụ. Khi dạo khắp mười phương, với trí tuệ vốn có, Bồ tát quán sát mọi hiện tượng và hiểu rõ chỉ là giả tạm, là không tính, là vô ngã, là giả danh.

Thứ tư *Sinh Quý Trụ*. Nhờ diệu hạnh ở trước thâm hợp với diệu lí, đã sinh vào nhà Phật làm con bậc Pháp vương; tức hạnh đồng với Phật, chịu ảnh hưởng khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ, cả hai thâm hợp, nhập vào chủng tính Như lai., được phân biệt bằng cách Diệu hạnh thường xuyên khế hợp với diệu lí đức tin sâu sắc và trong sáng; Các hành giả ở cõi này cố gắng học hỏi, thực hành, tăng trưởng và thành tựu trí tuệ của tất cả chư Phật trong ba đời và nhập vào chủng tính Như lai, bình đẳng với tất cả chư Phật.

Thứ năm là *Phương Tiện Cụ Túc Trụ*. Có đầy đủ phương tiện thiện xảo do thực hành vô số căn lành, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp với mục tiêu giải thoát chúng sanh ra khỏi đau khổ, thúc đẩy niềm tin chân chính, hiểu rõ các thực thể là vô hạn, các pháp hữu vi là vô ngã, không thể sở hữu gì cả.

Thứ sáu là *Chính Tâm Trụ*. Không bị tác hưởng bởi sự hiểu biết về lẽ sinh diệt bất tận của muôn hữu vũ trụ, vì liễu triệt lý vô thường, giả hữu, luôn an trụ vững nơi chánh pháp, chân lý. Thân tâm giống Phật.

Thứ bảy là *Bất Thoái Trụ*. An trụ trong tính không, tinh tấn hành trì Tam giải thoát môn: Không, vô tướng và vô nguyện; thấu triệt lý tương tức, tương nhập một là nhiều và nhiều là một, biểu hiện tương ứng với ý nghĩa và ý nghĩa tương ứng với biểu hiện v.v...

Thứ tám là *Đồng Chân Trụ*. Sự an nhiên, trong sạch, không tì vết từ ý nghĩ, lời nói và hành động. Biết rõ tham dục của vô số chúng sanh trong nhiều cảnh giới; sự hình thành và kết thúc của các cõi nhưng tâm không bị nhiễu loạn;

Thứ chín là *Pháp Vương Tử Trụ* còn gọi Liễu Sinh Trụ. Được sanh ra từ giáo pháp của

chư Phật tiếp nối Phật quả; hiểu được sự có mặt, nguồn gốc của bệnh tật, tập quán nghiệp tồn tại như thế nào và bằng vào phương tiện gì để giải thoát mọi trói buộc, hiểu rõ những diễn biến khác biệt của vũ trụ, trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Thứ mười là *Quán Đảnh Trụ*. Đã là con của Phật nên có sứ mệnh đảm trách các Phật sự vì thế Phật dùng nước trí tuệ rưới trên đỉnh đầu. Bồ tát ở giai vị này có đủ ba biệt tướng: Độ chúng sinh tức thành tựu mười chủng trí để hóa độ chúng sinh; Thể nhập cảnh giới sâu xa mầu nhiệm; Học rộng mười chủng trí, liễu tri tất cả pháp.

2. Các Bài Học Về Thập Hạnh

Sudhana (Thiện Tài) đã học được pháp Thập hạnh với 10 bậc thầy gồm có: Sudarshana, Indriyeshvara, Prabhuta, Vidvan, Ramachuda, Samantanetra, Anala, Mahaprabha, Achala, và Sarvagamin⁷³.

Thứ nhất: *Hoan Hỷ Hạnh*. Bồ tát thực hành *Bố thí ba la mật* (Dana-paramita) để triệt tiêu

73 Sa môn Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ*, Sđd.

tham lam, ích kỷ và mang lại niềm hoan hỷ cho tha nhân. Bồ thí trên căn bản vô phân biệt, cả người cho, người nhận và vật bố thí đều bình đẳng, tịch lặng. Đặc biệt là thực hành hạnh Pháp thí. Thực hành bố thí như thế hành giả chỉ cảm nhận cái vô tận của chân lý và thế giới hiện hữu là vô thường mong manh, giả tạm. Hành giả phát triển lòng từ chân chính theo cách này mà không chấp thủ. Hành giả nương theo diệu đức không thể nghĩ bàn của chư Phật để tùy thuận chúng sanh trong khắp mười phương với tất cả tâm hoan hỷ.

Thứ hai: *Nhiều ích hạnh*. Trên nền tảng của *Giới ba la mật* (Sila), một nếp sống đạo đức siêu việt, thì dù đóng bất cứ vai trò nào, thi thiết bất kỳ công việc gì hành giả vẫn giữ được những nguyên tắc, kỷ luật và sự tự chủ nguyên sơ; các giác quan dù tiếp xúc nhưng không bị những đối tượng vật chất chi phối và, cũng không thèm khát quyền lực, địa vị, của cải hay sự thống trị. Nhờ hiểu rằng vạn vật là hư ảo, hành giả có thể chiến thắng sinh tử và niết bàn; giải thoát bản thân và tha nhân; đạt được sự tĩnh lặng, toàn vẹn, sáng suốt và an lạc, đồng thời giáo hóa giúp mọi người thấm nhuần những phẩm chất đạo đức cao quý, tuyệt

đối bình đẳng không thiên vị, thấu rõ thực tại Không tính, cắt đứt gốc rễ mọi tham ái, mọi khái niệm, đoạn trừ mọi chấp thủ, để đạt được tự do và, đứng vững một cách hợp lý trong lý tưởng, hạnh nguyện, tinh cần tu tập, thoát ly phiền não và vận dụng mọi phương tiện để mang lại lợi ích cho tất cả chúng sanh..

Thứ ba: *Vô Sân Hận Hạnh*, Bồ tát thực hành hạnh *nhẫn nhục ba la mật* (Ksanti) do có được nhận thức như thật về muôn hữu vũ trụ. Trau dồi tâm nhu hòa, khoan dung, rộng lượng, tránh làm tổn thương bất cứ ai và bất kỳ sự sống nào. Hành giả nỗ lực hiển dương Phật pháp giúp mọi chúng sanh giải thoát tất cả điều ác, đoạn trừ lòng sân hận... Vượt qua nỗi khổ niềm đau bằng cách quán chiếu để thấy rõ sự tự tính của năm uẩn là rỗng không, vô ngã. Ý thức rõ, người đánh mất tâm nhẫn nhục là người đang thất bại. Thành công chỉ có thể đạt được khi đối diện mọi tình huống gian khó, bất toại ý nhưng lòng luôn kiên trì nhẫn nhục, không nóng vội, không hận thù, không hiềm ty.

Thứ tư: Bất khả chiến bại được hình thành bởi năng lượng *Tinh tấn ba la mật* (Vīrya-paramita). Hành giả rút ngắn lộ trình hướng đến giải giác ngộ bằng sự tinh tấn chân chính.

Tĩnh tấn vừa là năng lực nhưng đồng thời cũng vừa là động lực thúc đẩy hành giả vượt qua mọi chướng duyên và thuộc tính của chúng đây chính là *Vô Tận Hạnh* cũng còn gọi là *Vô khuất nhiều hạnh*. Với hạnh này Bồ tát phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh, giải thoát mọi phiền não khổ đau.

Thứ năm: xa lìa tâm si mê mộng muội. Bằng sự thực hành *thiền định ba la mật* (Dhyana samadhi - paramita), hành giả an trú trong chánh niệm thức giác, tư tưởng trở nên hoàn toàn định tĩnh, không bị chi phối, không còn mê muội, quang minh và thanh tịnh. Với tất cả định tĩnh, luôn nhớ và ứng dụng giáo pháp trong mọi nơi mọi lúc để tự độ và hóa độ chúng sanh. Nhờ nhận như thật về các hiện tượng mà lòng từ bi ngày càng lớn rộng. Thiền định vừa là trụ cột của an định, vừa là định hướng và vừa là nhiên liệu thắp sáng mọi suy nghĩ, lời nói và hành động, khiến xa lìa mọi si loạn và đây chính là *Ly Si Loạn Hạnh*.

Thứ sáu: thực hành *Trí tuệ ba la mật* (Prajna) sẽ đưa dẫn đến thành tựu rốt ráo tuệ giác siêu việt. Tâm ý, ngôn ngữ và hành động của hành giả đều sáng suốt, thanh tịnh, vô nhiễm, nhận thức rõ ràng ý tưởng, lời nói và hành vi không

có thực thể tuyệt đối (ngã thể), thấy rõ tự tính các pháp là Không, giải phóng khỏi ách nô lệ vì không còn bị mê hoặc bởi những hiện tượng huyễn hóa; nhờ thế sống trong bản chất như thật giữ đời thường một cách tự tại vô chướng ngại. Hành giả nhận ra thật tướng của mọi hiện hữu là không tướng, thật tính của các pháp là không tính nhưng không đánh mất động lực của Bồ đề tâm cứu độ muôn loài ngược lại luôn mở rộng khả năng đồng cảm và hạnh nguyện lợi tha... đây chính là *Thiện Hiện Hạnh*, với hạnh này Bồ tát không đắm trước nhưng không bao giờ rời bỏ hạnh nguyện giáo hóa độ sanh.

Thứ bảy: ứng dụng *Phương tiện Ba La Mật* (Upaya) với tâm thức không thủ chấp; các phương tiện thiện xảo được thi thiết với tất cả sự bình đẳng vô phân biệt. Hành giả giáo hóa chúng sanh nhờ vào lòng tận tụy và sức mạnh ý chí to lớn của mình dựa trên những phương tiện thù ứng với căn cơ trình độ của từng đối tượng được giáo hóa để giúp họ giải thoát phiền não khổ đau, tuyệt đối không buồn phiền chán nản, hoặc thối chí, cũng chẳng tham trước các pháp mà luôn cúng dường chư Phật và tinh tấn cần cầu giáo pháp, toàn tâm thực thi các phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh cho đến

khi đạt được sự thành tựu viên mãn, đây chính là *Vô Trước Hạnh*.

Thứ tám: *Nguyện Ba La Mật* (Pranidhana). Nếu không có thế nguyện rộng lớn thì sự tu tập và sứ mệnh hóa độ sẽ khó thành tựu nhất là Bồ đề nguyện. Hành giả không bao giờ thoĩ thất hạnh nguyện của mình. Nhận thức rõ mọi hiện tượng như chúng đang là, liễu triệt mọi sự đều vô thường nên phát nguyện mang ánh sáng Phật pháp soi sáng mọi nơi giúp chúng sanh hữu tình an trú trong tâm giải thoát bất động. Vẫn còn một chúng sanh nào khổ đau thì Bồ tát nguyện không thủ chứng niết bàn, Bồ tát tôn trọng căn lành trí tuệ, do vậy lúc nào nỗ lực thành tựu hạnh nguyện lớn của Bồ tát, đây chính là *Tôn Trọng Hạnh*.

Thứ chín: *Lực Ba La Mật*: (Bala-paramita), trên nền tảng của đại hùng, đại lực, đại từ bi, với trí tuệ vốn có, những phương tiện thiện xảo, thích ứng với căn cơ trình độ của chúng sanh được ứng dụng một cách đa dạng và linh hoạt trong khả năng có thể. Hành giả khám phá những chiều sâu vô tận của khả tính giác ngộ nơi mỗi chúng sanh mà hướng dẫn họ tu tập với tất cả sức mạnh nội tại có để ngộ nhập Phật tri kiến và

trở thành ngọn hải đăng soi đường dẫn lối cho những chúng sanh khác và giúp họ nâng cao khả tính giác ngộ và thành tựu viên mãn cứu cánh tối hậu, đây chính là *Thiện Pháp Hạnh*, với hạnh này. Bồ tát chúng đạt được bốn môn Đà la ni vô ngại đồng thời thành tựu được các thiện pháp giáo hóa chúng sanh hộ trì Phật pháp khiến cho Phật pháp thường trụ khắp mười phương.

Thứ mười: *Trí tuệ la la mật* (Prajna paramita – Bắc tông) hay **Xả ba-la-mật (upekkha pāramī – Nam tông)**, là thực tập chân lý. Trí tuệ hay Xả được thành lập trên sự hiểu biết vô song. Tại đây, các hành giả đạt được sự hiểu và phân biệt đâu là chánh kiến đâu là tà kiến; hiểu biết về hậu quả của tất cả các hành động theo thời gian; hiểu biết về năng khiếu, thực tế và cân nhắc; sự hiểu biết về phương hướng, mục tiêu mà con đường ấy dẫn đến; hiểu biết về sự ô uế hoặc tính thanh tịnh và thời gian thích hợp hoặc không thích hợp của tất cả các thời nhập định và xuất định; sự hiểu biết tất cả các lĩnh vực; sự hiểu biết về nhận thức về trước và sau v.v... Hành giả hộ trì chánh pháp của tất cả chư Phật vì lợi ích giải thoát khổ đau của toàn thể chúng sanh. Đạt được trí tuệ tối thượng và xả bỏ, không thủ chấp bất cứ điều gì dù là thuộc

phạm trù chơn đế hay tục đế, đây chính là **Chân Thực Hạnh**, với hạnh này ngôn và hành của Bồ tát hoàn toàn hợp nhất vì Bồ tát thành tựu viên mãn chân đế và tục đế dung thông vô ngại.

3. Những Bài Học Về Thập Hồi Hương

Thiện Tài đã học **Mười Hồi Hương** từ 10 bậc đạo sư sau đây: Utpalabhuti, Vaira, Jayottama, Sinhavijurbhita, Vasu Mitra, Veshthila, Avalokiteshvara, Ananyagamin, Mahadeva, Sthavara⁷⁴.

Bài học đầu tiên được biết đến là **sự tận tâm hướng đến tất cả chúng sanh** để tùy duyên hóa độ mà không có bất cứ thủ chấp nào rằng là mình hóa độ chúng sanh. Hành giả sẽ ngày một phát huy tâm từ bi vô lượng. Những cống hiến/hạnh nguyện giá trị này sẽ không chỉ tự giúp mình thành tựu được hạnh nguyện rộng lớn của Bồ tát mà còn giúp cho tất cả chúng sanh giải thoát mọi khổ đau, bất hạnh, đây chính là Cửu hộ Nhất thiết Chúng sinh Ly chúng sinh tướng Hồi hương là giai vị thực hành Tứ nhiếp pháp và Lục độ ba la mật để cứu độ tất cả chúng sanh một cách bình đẳng

74 Sa môn Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ*, Sđd.

Thứ hai với *hạnh nguyện bất khả thoái chuyển*, hành giả sẽ đạt được niềm tin bất khả xâm phạm vào chư Phật và chư Bồ tát, vào những phẩm chất/công đức và giáo lý của chư Phật, vào sự thanh tịnh; con đường giác ngộ tối thượng và sự chứng ngộ tối thượng. Hành giả tích lũy công đức, tăng trưởng công đức và tìm thấy hạnh phúc, an lạc trong công đức. Hành giả cũng cố gắng hiển tâm trí của mình để phù hợp với bản chất sống động, cố gắng cho sự thật chưa hình thành trong khi tinh cần thi thiết những phương tiện đã được thiết lập; đầu tư cho việc hành trì trong khi từ chối liên kết với các cấu trúc của những những dính mắc đối với lợi ích cũng như phương pháp giả lập, đây chính là Bất hoại Hồi hướng, đối với tam bảo có một đức tin bất hoại và hồi hướng thiện căn này cho sự lợi ích của tất cả chúng sanh..

Thứ ba, đối với tất cả chư Phật, chư Bồ tát trong ba đời đều *phát tâm sùng kính một cách bình đẳng*. Những người thực hành lòng sùng kính này không có cảm giác thích hay không thích đối tượng được nhìn thấy; suy nghĩ trong sáng, tự do, hoan hỷ và không có phiền muộn hay lo lắng. Phát tâm mở rộng hạnh nguyện Bồ tát, xưng tán sự không thể nghĩ bàn trụ xứ

của chư Phật, an lạc thiên định vô song của chư Phật. Trong sinh tử không đắm trước, chẳng lìa xa Bồ đề. Hành giả hồi hướng cống hiến, phẩm chất của mình để giúp người khác hoàn thành hạnh nguyện, hoàn thiện các hạnh Bồ tát và, giữ vững quyết tâm giác ngộ, buông bỏ kiêu mạn và đạt được tâm thanh tịnh, vô ngã, từ bi quảng đại như các vị Bồ tát; đây chính là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Thứ tư là *kiên trì hoàn thành mọi phương tiện thiện xảo cho mục tiêu giáo hóa*. Những người thực hành hạnh nguyện Bồ tát này mong ước rằng sức mạnh của những phẩm chất của mình có thể lan toả khắp mười phương pháp giới và tất cả chúng sanh. Ước mong công đức của mình bao gồm mọi hạnh nguyện của Bồ tát, mọi chân lý, mọi oai lực vi diệu, mọi phương tiện giáo hóa ứng cơ, mọi pháp môn thiên định... Hành giả có thể thành tựu bản thể, tịnh hóa và thánh thiện bản thân, tránh làm tổn hại, hiểu biết rõ ràng, hiểu rõ chân lý tối thượng, đạt được niềm tin không ô nhiễm. Có thể xuất hiện một cách nhanh chóng và tương ứng trong mọi lĩnh vực, truyền bá chánh pháp khắp mọi nơi, có năng lực thần thông du hành khắp cõi để tùy

theo căn cơ của chúng sanh diễn thuyết khiến chúng sanh đạt được nhận thức chân thực ngay lập tức và khắp mọi nơi đây là Chí nhất thiết xứ Hồi hướng, nguyện đem tất cả căn lành có được, cống hiến, hồi hướng đến tất cả mọi nơi để nhờ đó chúng sanh đều có được lợi ích.

Thứ năm là ***sử dụng nguồn công đức không giới hạn để hồi hướng cho tất cả chúng sanh một cách vô giới hạn***. Tích lũy công đức vô tận từ sự phát tâm cúng dường rộng lớn Hành giả thành tâm sám hối, loại bỏ những chướng ngại do những nghiệp bất thiện gây ra trước đây, tùy hỷ với các lành. Tôn kính tất cả các bậc giác ngộ, cầu xin sự giáo huấn của các bậc Bồ tát, tín thọ những chỉ dạy và tinh tấn thực hành và, tìm thấy niềm vui trong đức hạnh của tất cả chư Phật. Hành giả nhận thức rằng mọi thứ đều là hư ảo, nhưng liên li phát triển hạnh Bồ tát để bước vào cảnh giới tự do vô tận trong khi sử dụng phương tiện thù ứng cho sứ mệnh giáo hóa độ sanh nhằm tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh một cách vô tận.

Thứ sáu là ***Tùy thuận Bình đẳng Thiện căn Hồi hướng***. Tinh cần hành trì Phật pháp để vun bồi các căn lành, với tâm vô ngã hồi hướng

các căn lành cho tất cả chúng sanh một cách vô phân biệt, được chư Phật gia bị, tất cả thiện căn đều thành tựu tốt đẹp. Khi Bồ tát thực hành hạnh vô ngã lợi tha, sẽ trau dồi tuệ giác để chế ngự cảm giác, nhận thức, hành động... Tùy theo nhu cầu phát tâm bố thí. Khi bố thí tài vật cho mọi người, luôn cầu nguyện rằng mọi người sẽ phát triển các kiến giải và đức tính tương ứng; khi chia sẻ y phục, cầu nguyện rằng mọi người sẽ tăng trưởng ý thức xấu hổ và đạo đức; khi tặng hoa, cầu nguyện rằng mọi người sẽ trở nên hài lòng với mọi người xung quanh; hương thơm thì nguyện người danh thơm, uy tín; khi phát thuốc, hy vọng rằng mọi người sẽ trở nên khỏe mạnh trong mọi khía cạnh của cuộc sống từ tinh thần đến thể chất để hướng đến thành tựu giải thoát giác ngộ.

Thứ bảy là *Tùy thuận Đăng quán Nhất thiết Chúng sinh Hồi hướng*: Túc nuôi lớn tất cả gốc lành để hồi hướng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Trau dồi đức hạnh, tăng trưởng căn lành bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sanh những gì họ mong cầu mà không tiếc nuôi; mở rộng lòng từ bi, cầu nguyện mọi loài sẽ không thiếu thốn về vật chất hay đạo đức, luôn cảm

thấy hoan hỷ, an lạc, sẽ thoát khỏi mê lầm, có được những suy nghĩ trong sáng không chấp ngã và, sẽ có thể đạt được trí tuệ tối thượng mà không gặp khó khăn gì.

Thứ tám là *Như tướng Hồi hướng*. Đúng với thật tướng, tất cả các căn lành đã thành tựu đều đem hồi hướng cho tất cả húng sanh. Một tâm hồn chân chính là sự tận tâm. Hành giả sẽ đạt được một trí nhớ hoàn hảo và thoát khỏi sự nhầm lẫn và phân tâm. Phát tâm tu dưỡng lòng từ bi vô lượng, tu tập mọi pháp tu giác ngộ, thông suốt mọi giáo lý, thể nhập chân lý thâm sâu, tưởng nhớ tất cả chư Phật trong mọi thời và sống trong thế giới với không một chút giải đãi mệt mỏi để truyền đạt cảm hứng giáo hóa người khác và, kích hoạt vô số phương pháp giải thoát những tư tưởng tà kiến, có được chánh kiến. Những phẩm chất này được các hành giả tôn trọng mà không phải lệ thuộc, bị áp đặt bởi bất cứ điều gì, không dựa vào bất cứ điều gì, cũng không có không định kiến và chỉ tuân theo chân lý vô ngã bình đẳng.

Thứ chín là *Vô phược Vô trước Giải thoát Hồi hướng*. Hồi hướng các phẩm chất thánh thiện của mình với một tâm giải thoát, không ràng buộc. Hành giả không tự hào tự phụ,

nhưng cũng không tự hạ mình, bán rẻ phẩm tính; những phẩm chất tốt đẹp được trau dồi là vì lợi ích của tất cả chúng sinh và tinh tấn thực hạnh hạnh Phổ Hiền.

Thứ mười là *Pháp giới Vô lượng Hồi hướng*. Tu tập tất cả căn lành không giới hạn và nguyện đem hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong vô lượng vô số thế giới đều có được công đức thù thắng và đoạn trừ tất cả phiền não khổ đau.

4. Các Bài Học Về Thập Địa

Thiện Tài Đồng tử học pháp Thập địa với;
 Vasanti,
 Samantagamambhira shrivimalaprabha,
 Pramuditāyana jagadvirocana,
 Samantasattvātṛaṇojahśrī,
 Prashantarutasagaravati,
 Sarvagarakṣhasambhāvatejahśrī,
 Sarvavrikṣapraphaṇānasukhasamvāsa,
 Sarvajagadrakṣhapraṇidhānavīryaprabha,
 Sutejomandalaratishrī và Gopā⁷⁵.

Bài học thứ nhất là *Hoan Hỷ*. Ở giai vị này hành giả có được sự an tĩnh, hỷ lạc đầy sức sống, vắng mặt sự giận tức. Đắc *Hoan hỷ*

75 Sa môn Trùng Quán, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ*, Sđd.

địa (歡喜地, pramuditā-bhūmi): Bồ Tát hoan hỷ thăng tiến đến giác ngộ. Hưng phát Bồ-đề tâm, thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi Luân hồi sinh tử, phá trừ ngã chấp, bố thí những không cầu phước báo; thể chứng tính Vô ngã (anātman) của mọi hiện hữu (dharma).

Ở giai vị thứ hai, **thanh tịnh, phạm hạnh**, có thể đạt được qua mười trạng thái tinh thần: trung thực, dịu dàng, tinh tấn, khôn ngoan, điềm tĩnh, nhân từ, trong sạch, không dính mắc, cởi mở và không kiêu hãnh. Do nghiêm trì giới luật là xa lìa tất cả cấu uế, Bồ tát chứng **Ly cấu địa** (離垢地; vimalā-bhūmi) nhờ sự nghiêm trì Giới luật (śīla) và thực tập thiền định (dhyāna, samādhi).

Bước vào giai vị thứ ba, Bồ tát chứng được **Phát Quang địa** (發光地; prabhākārī-bhūmi): Bồ Tát liễu tri lẽ Vô thường (anitya), khổ, bất toại ý, nên hành trì tâm nhẫn nhục (kṣānti) mỗi khi gặp chướng ngại trong lúc thi thiết các phương tiện cứu độ tất cả chúng sinh. Bồ Tát tận trừ tam độc tham, sân, si, thành tựu được bốn cấp định an chỉ (dhyāna) của Bốn xứ, chứng được ngũ thông.

Giai đoạn thứ tư là giai đoạn **đốt sạch mọi tà kiến điên đảo**. Hành giả đạt đến cấp độ này: **Diệm huệ địa** (焰慧地; arcīṣmatī-bhūmi) bằng cách huân tu trí tuệ siêu việt và quán chiếu mọi hiện hữu trong mọi cảnh giới, liễu triệt bản chất đích thật của mọi hiện tượng và thiêu rụi mọi tà kiến bằng trí tuệ siêu việt. Ở cấp độ này, hành giả dụng công tu tập về trí tuệ bát nhã và 37 phẩm trợ giúp đạt được giác ngộ (bodhipākṣika-dharma).

Bước thứ năm là **Cực nan thắng địa** (極難勝地; sudurjāyā-bhūmi), Hành giả nhập định, nhờ định mà đạt được trí tuệ, do vậy tỏ ngộ chân như, Tứ thánh đế, đoạn tận tâm nghi ngờ và có được sự phân biệt về các các thuộc quá khứ, hiện tại và vị lai. Giai đoạn này hành giả vẫn tiếp tục tu tập 37 Bồ đề phần để phát huy và tăng trưởng năng lượng thanh tịnh.

Giai đoạn thứ sáu là **Hiện tiền địa** (現前地; abhimukhī-bhū-mi). Hành giả triệt ngộ lý duyên khởi, tiêu biểu là 12 nhân duyên nên liễu ngộ lý vô ngã, tính không, chuyển 8 thức thành 4 trí, đạt được tuệ giác siêu việt nhưng vì lòng từ bi không nhập niết bàn mà hiện diện trong biển khổ sanh tử để khổ độ chúng sanh nhưng không bị tử sanh chi phối. Niết bàn của giai vị

này chính là *vô trụ xứ Niết-bàn* (apratisthitanirvāṇa).

Giai vị thứ bảy là *Viễn hành địa* (遠行地; dūraṅgamā-bhū-mi). Hành giả có đủ năng lực và phương tiện và thần lực nhiệm mầu để giáo hóa độ sanh tùy theo ý nguyện.

Giai đoạn thứ tám là *Bất động địa* (不動地; acalā-bhūmi). Hành giả đạt được tâm bất động trong mọi tình huống vì liễu ngộ mọi hiện tượng chỉ là những khái niệm mơ hồ, điên đảo, thấu triệt lý phi khái niệm và không bị các pháp lừa dối. Hành giả xác định một cách chân xác thể tính như thật của các pháp, thể hiện trọn vẹn đức hạnh và nhận thức rõ lúc nào sẽ chứng thành Phật quả.

Thứ chín là *Thiện Huệ Địa* (善慧地; sādhumatī-bhū-mi). Đây là giai đoạn mà Trí huệ Bồ Tát đã hoàn toàn viên mãn, có đủ Thập lực (daśabala), Lục thông (ṣaḍabhiññā), Tứ tự tín và Bát giải thoát đồng thời liễu triệt tất cả chân lý giải thoát và tuyên dương chân lý giải thoát. Hành giả phát triển toàn diện tuệ giác siêu việt, không còn mảy may quan niệm tà kiến sai lầm, có đầy đủ thần lực và vận dụng thần lực để lưu bố chánh pháp, cứu khổ độ sanh.

Giai vị thứ mười là **Pháp vân địa** (法雲地; dharmameghā-bhūmi). Đây là giai đoạn Bồ Tát đạt được **nhất thiết trí** (sarvajña-tā) và đại hạnh. Đây cũng là giai đoạn đạt được pháp thân hoàn toàn viên mãn, sự chứng ngộ ở mức độ toàn giác của các vị Bồ tát này đã được chư Phật ấn chứng, tiêu biểu như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi (mañjuśrī), Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Phổ Hiền...

Có thể nói, phẩm **Nhập Pháp Giới** là một trong những phẩm kinh trọng tâm nhất của Kinh Hoa Nghiêm. Qua việc tái hiện hành trình vân du cầu học của Thiện Tài Đồng tử, hành giả học Phật có thể lập nên bản đồ tu học cho riêng mình từ sơ phát tâm cho đến quả vị Viên giác. Nếu Kinh Lăng Nghiêm qua hình ảnh ngài A Nan gặp nạn mà thấy được sự quan yếu giữa việc học phải đi đôi với tu - với hành thì ở đây, Kinh Hoa Nghiêm, qua hình ảnh của Thiện Tài Đồng tử, ta thấy được sự tối cần thiết giữa việc tu phải đi đôi với học, giữa sự tự nỗ lực của cá nhân với sự trợ duyên của Thầy - bạn.

Thiện Tài Đồng tử chính là hiện thân của chính mỗi hành giả đang đi trên đạo lộ giải thoát; dạy chúng ta mỗi một sắc cảnh qua mắt

đều là thiện pháp, mỗi một người chúng ta gặp gỡ đều là Thiện tri thức và mỗi một chướng ngại trong đời đều là một thiện duyên giúp ta thắng tiến. Chính sự nỗ lực cầu học và tấn tu không ngừng chính là nhân tố căn bản của Bồ đề tâm, thêm vào đó là dùng Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Noãn, Đảnh, Nhãn, Bi, Trí, Hạnh... làm tư lương, gia hạnh mà nhập thế hành Bồ Tát đạo, khiến chúng sanh đồng quy pháp tánh, đây mới thật sự là ý nghĩa rốt ráo của Nhập pháp giới.

Vì thấy được tầm quan trọng của việc cầu học mà trong Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (quyển 18), tổ Pháp Tạng có nói: “Thiện tri thức là khuôn phép, là thắng duyên lớn, giúp phá trừ kiến chấp ngã mạn, xa lìa các niệm ma vi tế, nương thành hạnh, nương hiển vị, hiển bày sự sâu rộng và nêu rõ lý duyên khởi”.

Qua phẩm *Nhập Pháp Giới*, chúng ta liễu triệt rằng Pháp giới chính là nhân gian và nhân gian chính là pháp giới vì lẽ thế gian và xuất thế gian là bất nhị. Có thể nói Nhập pháp giới là giáo nghĩa vô cùng trọng yếu của tư tưởng Hoa Nghiêm. Với 53 chặn đường cầu học của Đồng tử Thiện Tài đã hiển thị công phu tu tập

luôn gắn liền với trần thế và, dù ở trong trần thế nhưng không bị trần thế làm nhiễm ô hay chướng ngại. Thực tế này phản ánh Phật pháp không khác thế gian và thế gian không khác Phật pháp và, dù không một mảy may sai biệt nhưng cũng không có bất cứ sự pha trộn hay lẫn lộn nào, như trong phẩm Thập Hạnh (十行品) đã dạy : ”佛法不異世間法，世間法不異佛法，佛法、世間法無有雜亂，亦無差別” (*Phật pháp bất dị thế gian pháp, thế gian pháp bất dị Phật pháp, Phật pháp, thế gian pháp vô hữu tạp loạn, diệc vô sai biệt.*)

Năm mươi ba vị thầy mà Thiện Tài đã học hỏi, không chỉ có những vị Bồ tát và chư Tăng ni, mà các đối tượng còn gồm có vua chúa, trưởng lão, thiện nam, tín nữ tại gia và cả những người ngoại đạo Bà la môn, thậm chí có những doanh nhân v.v... không phân biệt địa vị, nghề nghiệp hoặc giới tính vì có các nhà toán học, truyền trưởng, thiếu niên kể cả kỹ nữ... Trong số 53 vị thầy tài đức, nữ giới chiếm khoảng một phần tư, thể hiện sự bình đẳng về phái tính, địa vị xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác v.v... và điều này khẳng định Phật tánh nơi mỗi chúng sanh vốn tuyệt đối bình đẳng, vô sai biệt và, ai cũng có thể là thầy của chúng ta. Mỗi vị thầy đều có

những phương tiện và kỹ năng khác nhau, thực tế này cho thấy pháp nào cũng là pháp Phật, có thể mang lại lợi ích an lạc, giải thoát cho tất cả chúng sinh và đó chính là đỉnh cao hiện thân của tư tưởng Hoa Nghiêm: Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới, đó cũng chính là hiện thân của Bi – Trí tối thắng vì Bồ đề tâm và Bồ tát hạnh đã thành tựu viên mãn.

IV. Kinh Hoa Nghiêm và Pháp môn Tịnh Độ

Kinh Hoa Nghiêm là một bộ Kinh lớn, chứa gần như toàn bộ tư tưởng trác tuyệt của Phật giáo, từ Phật giáo nguyên thủy cho đến Đại thừa uyên áo. Ngoài việc trình bày chân lý bất biến của vạn pháp, con đường tu tập tiến đến pháp giới nhất chân, những tư tưởng triết học hướng đến trực diện nhân sinh quan và vũ trụ quan... Kinh còn là tấm bản đồ vẽ lại toàn thể kiến trúc của vũ trụ thế giới, nguồn gốc của muôn hữu chúng sanh cũng như sự vận hành của sum la vạn tượng, mở ra cánh cửa hướng đến những cảnh giới an vui, chân thường, hay nói cách khác là Tịnh độ (quốc độ thanh tịnh).

Cảnh giới Tịnh độ, điển hình ở đây là Tây phương Tịnh độ được nói trong phẩm Hoa Tạng

Thế Giới thứ năm. Theo đó mô tả vũ trụ được khắc hoạ giống đoá sen ngàn cánh (đây chỉ là đơn vị toán số biểu trưng), Kinh gọi là Liên hoa đài tạng. Nơi mỗi cánh hoa là một quốc độ và cũng là y báo của mỗi vị Phật, hợp thành vô số thế giới, trong biển thế giới vô tận đó, ở tầng thứ 13 có thế giới Ta Bà – cũng gọi là Nam Diêm Phù Đề, cõi nước hiện tại của chúng ta đang sinh sống, do Đức Phật Tỳ Lô Giá Na làm giáo chủ⁷⁶ và thế giới Cực Lạc – nằm ở hướng Tây, do Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ. Tuy nhiên, ngược lại với Ta bà ngũ trược, cực khổ⁷⁷, cũng ví như nhà lửa tam giới⁷⁸, chúng sanh trong đó luôn bị những khổ não trôi lăn trong sinh tử luân hồi, thì Tây phương Cực Lạc lại là thế giới chỉ thuần an vui, không có các khổ, không có tam đồ lục đạo...⁷⁹. Và giáo nghĩa Hoa Nghiêm tông, đặc biệt là ở hai phẩm Nhập Pháp Giới và Nhập Bất Nghi Giải Thoát Cảnh Giới Phổ

76 Giáo chủ cõi Ta Bà là Thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật, cũng tức Viên mãn Bảo thân Lô Xá Na Phật hay Ứng thân Thích Ca Mâu Ni Phật. Nên khi Đức Thích Ca Mâu Ni nhập định thuyết Hoa Nghiêm thì chính là dùng pháp thân Tỳ Lô Giá Na thuyết pháp.

77 Kinh A Di Đà

78 Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3, Sđd.

79 Kinh Vô Lượng Thọ

Hiền Hạnh Nguyên được xem là những hướng dẫn chủ yếu chỉ cho chúng sanh cảnh giới bất tư nghì đó ở Tây phương cũng như pháp môn niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Thông qua Kinh Hoa Nghiêm có thể thấy, pháp môn Tịnh Độ đã được Đức Thế Tôn nói khá sớm, ngay từ những buổi đầu thành đạo cũng như pháp môn Tịnh Độ được xem là đỉnh cao của Triết học Hoa Nghiêm tông, cùng với thế giới của Đức Tỳ Lô Giá Na, hằng hà sa thế giới hải trong biển Hoa Tạng mà hợp thành pháp giới nhất chân, pháp môn nhất thừa.

Khác với Kinh Quán Phật Tướng Hải, Kinh Phật Bất Tư Nghì Cảnh Giới chủ trương “phổ niệm”, hay Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Dược Sư, Kinh A Súc Phật, Kinh A Di Đà... chủ trương “chuyên niệm”, Kinh Hoa Nghiêm với tông chỉ chủ - bản tương dung, nhất - đa tức nhập mà chủ trương bất nhị - bất ly, phổ - chuyên đồng thời. Qua đó, pháp môn Tịnh độ được nói trong Kinh Hoa Nghiêm không ngoài năm tác dụng: “Niệm pháp thân Phật để thẳng vào tự tánh của chúng sanh, Niệm công đức Phật sinh ra báo thân và hóa thân của các Đức Phật, Niệm danh tự Phật để thành tựu phương tiện thanh tịnh hay nhất, Niệm Phật Tỳ Lô Giá Na để chóng nhập

pháp giới Hoa Nghiêm và Niệm Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc để viên mãn đại nguyện Phổ Hiền”⁸⁰.

Phẩm Như Lai Xuất Hiện có nói: Bồ-tát Ma-ha-tát phải nên biết tự tâm, niệm niệm thường có Phật thành Chánh giác. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai chẳng lìa tâm này mà thành Chánh giác, nhằm chỉ rõ pháp môn niệm Phật trực chỉ Phật tánh có trong mỗi chúng sanh, tức tâm tức Phật, do đó niệm Phật nói cách khác chính là niệm tự tánh thanh tịnh trong chính mình. Từ việc niệm Phật mà thấy Phật - chúng sanh bản chất đồng nhất thể, ở bất cứ đâu đều là thấy thân Như Lai... tất cả cảnh giới thế gian đều là cảnh giới Như Lai, do đó phẩm Thập địa nói “Thập địa Bồ Tát thử chung bất ly niệm Phật” nghĩa là Bồ Tát từ sơ địa cho đến Đẳng giác từ trước đến nay chẳng lìa niệm Phật. Hay đến phẩm Nhập pháp giới, khi Thiện Tài Đồng tử tham học cùng với 53 bậc thiện tri thức, trong đó dưới sự chỉ dẫn của Bồ Tát Văn Thù, Thiện Tài Đồng tử đã đến gặp Tỷ kheo Đức Vân đầu tiên, tại đây Tỷ kheo Đức Vân đã dạy cho Thiện Tài

80 Bành Tế Thanh, Định Tuệ dịch, *Luận Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội*, Nxb Tổng Hợp, 2006, tr.22

pháp “Ưc niệm Nhứt thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến” (Nhớ nghĩ hết thấy cảnh giới của chư Phật, trí tuệ quang minh thấy cùng khắp) cũng như nêu lên hai mươi mốt môn niệm Phật khác như Trí quang phổ chiếu niệm Phật môn, Linh nhất thiết chúng sanh niệm Phật môn, Linh an trụ lực niệm Phật môn... cho đến Trụ hư không niệm Phật môn. Tiếp đến là Trưởng giả Giải Thoát, cư sĩ Bệ-sắc-chi-la, đây đều là những vị nương vào pháp môn niệm Phật mà kiến tánh, giải thoát. Tỷ kheo Đức Vân nói: “Ta được sức thắng giải tự tại quyết định, tín nhãn thanh tịnh, trí quang chói sáng, thấy khắp các cảnh giới khỏi tất cả chướng ngại, quán sát khéo léo, phổ nhãn sáng suốt, đủ hạnh thanh tịnh”⁸¹, đây là pháp niệm Phật Pháp thân. Lại nói: “Qua đến cõi nước mười phương cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Thường nhớ tất cả chư Phật Như Lai. Tổng trì tất cả chánh pháp của chư Phật. Thường thấy tất cả chư Phật mười phương”, đây là nói về niệm Phật Báo thân và Hóa thân⁸², cũng tức tùy thuận Pháp thân mà phát khởi nghiệp dụng ra hai thân còn lại. Song

81 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., tập 4, tr.107

82 Sdd., tr.32

vì pháp thân trùm khắp nên báo thân và hóa thân cũng cảm ứng không cùng, phẩm Như Lai Thọ Lượng nói: “khắp cả không gian”, phẩm A Tăng Kỳ nói: “khắp cả thời gian”, nơi mỗi niệm mà hiện thân, nơi mỗi niệm mà thuyết pháp... đều lấy chân tâm làm thể, ba thân tương ứng mà nhập niệm Phật tam muội, niệm Phật được như vậy thì “hai bên bình đẳng, sinh diệt nhất như, tận kiếp vị lai không có gián đoạn”⁸³.

Ngoài ra, Hoa Nghiêm tông còn đề cập đến một môn niệm Phật khác ngoài Tự tánh niệm Phật đó là Xưng danh hiệu Phật hay còn gọi là phương pháp trì danh. Môn này dành cho hàng có căn cơ thấp hơn hai hạng trước, nhờ nương vào Phật hiệu mà dứt bật vọng tưởng, hiện tiền kiến Phật. Như Đức Phật có dạy: “Thiện nam thiện nữ nào muốn thể nhập tam muội Nhất hạnh nên ở chỗ thanh vắng xả bỏ những ý nghĩ loạn động không giữ lại bóng dáng ngoại cảnh nhiếp tâm chuyên nhất hướng về đức Phật một lòng xưng danh hiệu ngài, tùy theo phương hướng đức Phật mình hiện xưng danh đang ngự ngôi ngay gần lại mặt hướng về phương đó, nếu chuyên chú theo dõi nơi một Phật niệm

niệm được liên tục tức trong niệm đó có thể thấy các đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Tại sao như thế? Là vì công đức niệm một đức Phật vô lượng vô biên cùng với công đức niệm vô lượng chư Phật không sai biệt, Phật pháp thật không thể dễ suy lường được, bình đẳng không có sai khác đều nằm trên Nhất như”⁸⁴. Do đó, phẩm Hiền Thủ cũng nói:

“Nếu được tâm niệm Phật bất động
 Thời thường thấy được vô lượng Phật
 Nếu thường thấy được vô lượng Phật
 Thời thấy Như Lai thể thường trụ”.

Đây là môn lấy việc trì danh làm phương tiện để thể nhập Như Lai thể tánh thường trụ. Tuy nhiên, trong Vãng Sanh Yếu Tập (quyển II, phần I), Đại sư Genshin (942-1017) của Tịnh Tông Nhật Bản đã nêu lên vấn đề Niệm Phật tam muội đạt được chỉ bằng tâm niệm hay xưng danh? Và để trả lời cho câu hỏi này, Đại sư Trí Giả trong Ma Ha Chỉ Quán có nói: Đôi khi xưng và niệm song hành, đôi khi niệm trước và xưng sau đôi khi xưng trước rồi đến niệm. Khi xưng và niệm tiếp nối liên tục bất

84 Ht. Thích Minh Lễ dịch, Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở
 Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba la Mật

đoạn như vậy, mỗi tâm niệm cũng như mỗi âm thanh đều được ngưng chú vào A Di Đà. Tuy nói niệm Phật nhưng chẳng có chấp ngã và ngã sở, nói niệm Phật nhưng chẳng chấp người niệm, pháp niệm... đó mới thật là niệm Phật rốt ráo, như phẩm Như Lai Tùy Hảo Quang Minh Công Đức nói: “Chư Phật và Bồ Tát cũng như vậy, nói ngã, nói ngã sở... mà thiệt ra không ngã, không ngã sở”.

Tại sao lại nói niệm Phật Tỳ Lô Giá Na để chóng nhập pháp giới Hoa Nghiêm? Vì Đức Tỳ Lô Giá Na chính là pháp thân của Đức Phật Thích Ca, pháp thân ấy cùng với pháp thân của mười phương chư Phật trong tận hư không khắp pháp giới bình đẳng không hai. Do đó, niệm danh Đức Tỳ Lô Giá chính là niệm Phật pháp giới, niệm hết thấy Phật, pháp giới của chư Phật dung nhiếp trọn đủ, cùng khắp. Pháp giới Tỳ Lô chính là Di Đà, bản thể Di Đà chính là pháp giới Tỳ Lô, Ta Bà - Cực Lạc không ngoài Hoa Tạng, tùy nơi tâm nhiễm - tịnh của chúng sanh mà thấy cảnh Phật bất đồng, quốc độ sai khác, sắc - sắc dị biệt... đâu biết rằng thỉ chung vốn bất động, chân như tuyệt đối. Vì mang nghĩa lý dung nhiếp viên mãn này nên nói niệm Đức

Tỳ Lô để chóng nhập pháp giới Hoa Nghiêm, hay nói cách khác, ở trong niệm Pháp thân bình đẳng mà thể nhập pháp giới nhất chân, thuần một thể chân đế.

Tuy nhiên chúng sanh mang nặng thức tâm phân biệt, phiền não nhiễm ô, bị nghiệp chướng, vô minh che mờ bản giác nên thấy cảnh tục – chân chẳng đồng; do đó ở phẩm cuối cùng của Kinh đã lấy việc niệm Phật cầu sanh Tây phương làm chỗ hồi hướng chung cuộc, chỉ rõ chân - tục sai khác, tịnh - uế phân minh để chúng sanh có thể nương theo Đại nguyện của Phật mà bố trí hiệp giác, tức xả vọng hoàn chơn, cầu sanh An Dưỡng. Mười hạnh Phổ Hiền là nhân tố thù thắng để phát khởi và an trú trong Bồ đề tâm, từ đây mà dũng xuất tín - hạnh - nguyện tam tư lương cầu sanh Tịnh Độ. Sở dĩ chúng sanh ở Ta Bà muốn mau chóng thành tựu Đạo nghiệp thì cần phải phát nguyện cầu sanh là vì “Những người mới học tập pháp này, mong ước đạt được Chánh tín, nhưng lòng quá khiếp sợ; họ sợ rằng đang ở trong thế giới Ta-bà này thì khó thường được gặp Phật để trực tiếp cúng dường, nên đức tin khó mà thành tựu; vì vậy, họ muốn thoái lui. Nhưng nên biết, đức Như Lai có phương pháp đặc biệt để giữ gìn

đức tin ấy. Đó là vận dụng Nhân duyên nhất tâm niệm Phật để tùy nguyện vãng sinh về các cõi Phật, để thường được thấy Phật, vĩnh viễn xa lìa các đường ác dữ”. Lại vì: “nếu ai chuyên tâm niệm đức Phật A-di-đà, ở thế giới Cực Lạc về phía Tây thế giới này; và, bao nhiêu phước thiện làm được đều hồi hướng cầu sinh về thế giới ấy, thì chắc chắn được vãng sinh; đồng thời, vì được luôn luôn thấy Phật nên không bao giờ bị thối lui”⁸⁵. Cũng như trong Luận Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội nói, “Vì báo độ của đức Tỳ Lô, hàng Nhị thừa và phàm phu không có phần được tiếp dẫn. Nhưng Cực Lạc thì có chia ra làm chín phẩm, mọi loài đều được tham dự. Một khi được vãng sinh, cắt ngang dòng sinh tử, đủ thấy sự hơn kém giữa Ta-bà và Cực Lạc”. Do đây, mà ở phẩm Kinh cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát đã tích cực khuyến sách đại chúng trong Hoa Tạng hải hội cầu sanh Cực Lạc để viên mãn quả vị.

Thế nhưng, muốn sanh về Tịnh độ cần phải có phương pháp; có lòng tin (tín), sự hành trì (hạnh) và chí nguyện cầu sanh (nguyện). Ba nhân tố này gọi là tam tư lương Tịnh độ.

85 Tỳ kheo Thích Giác Quả dịch, Sđd., tr.262

Nhân tố đầu tiên được xem là quan trọng, căn bản nhất của việc cầu sanh Tịnh độ là phát tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề là “tâm đại bi vì cứu khắp tất cả chúng sanh, tâm đại từ vì khắp giúp tất cả thế gian, tâm an lạc vì làm cho tất cả chúng sanh diệt tất cả khổ, tâm lợi ích vì làm cho tất cả chúng sanh lìa ác pháp, tâm ai mẫn vì có ai kinh sợ thời đều giữ gìn, tâm vô ngại vì rời bỏ tất cả chướng ngại... cho đến tâm trí huệ vì vào khắp biển Nhứt thiết trí huệ”⁸⁶. Ở phẩm Nhập Pháp Giới, Bồ Tát Di Lặc nói với Thiện Tài Đồng tử rằng: “Bồ đề tâm là sanh xứ của Bồ Tát, vì là nhà sanh ra của Bồ Tát”, hay “nếu quên mất tâm Bồ đề mà tu các pháp lành thì đều là việc của ma” (忘失菩提心，修諸善法，是名魔業。). Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói yếu tố căn bản của việc cầu sanh dù là thượng phẩm, trung phẩm hay hạ phẩm đều lấy Bồ đề tâm làm nhân hạnh đi đầu. Do đó nói, phát tâm Bồ đề là điều kiện cần và đủ của pháp môn Tịnh độ. Tuy nhiên, để phát Bồ đề tâm trước hết phải gieo trồng thiện căn và thân cận, gần gũi với liệt vị tri thức. Tỷ kheo Hải Vân đã dạy Thiện Tài: “Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh chẳng gieo trồng căn lành thời

86 HT Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 4, tr.113-114

chẳng thể phát tâm Vô thượng Bồ đề. Cần phải được phổ môn thiện căn quang minh, đủ chơn thiết đạo tam muội trí quang, xuất sanh những phước hải quảng đại, tăng trưởng pháp bạch tịnh không có lười nghỉ, thờ thiện trí thức chẳng bỏ nhàm, chẳng kể thân mạng, không thể cất chứa, tâm bình đẳng như mặt đất không có niệm cao hạ, tánh thường từ mẫn với tất cả chúng sanh, nơi các loài sanh tử chuyên niệm chẳng bỏ, hằng thích quán sát cảnh giới Như Lai. Có như vậy mới phát được tâm Vô thượng Bồ đề”⁸⁷. Cũng như: “nếu chẳng gieo căn lành, chẳng được thiện hữu nhiếp thọ thời chẳng được chư Phật hộ niệm”⁸⁸. Nên nói, gieo trồng thiện căn, gần gũi tri thức là nhân hạnh của Bồ đề tâm, mà Bồ đề tâm là nhân hạnh của Tịnh độ, cũng là nhân tố Nguyên trong tam tư lương, nhờ nguyện này mà hành giả chân thật cầu sanh cũng như dạy người cầu sanh, tự lợi - lợi tha viên mãn.

Nếu Bồ đề tâm hay Nguyên là yếu tố căn bản của pháp tu niệm Phật thì Hạnh chính là con đường, phương pháp để hiện thực hóa tâm nguyện đó. Trong phẩm Nhập pháp giới, khi

87 HT Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., tập 4, tr.113

88 HT Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., tập 4, tr.169

Thiện Tài Đồng tử đến học pháp với Tỷ kheo Đức Vân, ngài đã dạy cho Thiện Tài môn “Ưc niệm nhứt thiết cảnh giới chư Phật trí huệ quang minh phổ kiến”, là môn nhớ nghĩ hết thấy cảnh giới của chư Phật cũng như nêu lên hai mươi một môn niệm Phật khác, đây là những môn trực chỉ lý tánh niệm Phật hay pháp niệm xưng danh như đã nói ở trên... tất cả đều biểu ý cho việc muốn sanh Tịnh Độ không thể không niệm Phật.

Bên cạnh đó, khi Thiện Tài đến tham vấn Bồ Tát Phổ Hiền, Thiện Tài tại đây đã nhập Phổ Hiền hạnh, hạnh đó trùm khắp pháp giới, ở trong một niệm viên mãn Phổ Hiền đức, nương đây mà dạo chơi khắp pháp giới, tham quan lễ kính chư Phật mười phương, điều này biểu trưng cho ý nghĩa hành giả nào muốn thể nhập pháp giới Tịnh độ mười phương, được thân cận gần gũi cúng dường chư Phật trước phải khế nhập đại hạnh Phổ Hiền, cũng như “muốn trọn nên công đức của Phật, thời phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn”⁸⁹. Mười hạnh nguyện Phổ Hiền ở phẩm cuối cùng của Kinh văn chính là tổng kết cho pháp hành Tịnh độ, là trợ duyên cho pháp tu niệm Phật, nương nơi đại hạnh này

89 HT Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., tập 4, tr.821

cùng với sự thực hành trì danh mà hành giả thể nhập pháp giới.

Tuy nhiên, giữa nguyện và hạnh vốn tương dung tương nhiếp, không có phân biệt, nguyện làm tiền đề cho hạnh, hạnh trở lại làm viên mãn đại nguyện, như Bồ Tát Văn Thù nói trong Văn Thù Vấn Kinh (bản dịch của Mạn-đà- la-tiên, triều Lương): “Con muốn thấy Phật chính thực để làm lợi ích hết thảy chúng sinh. Con quán thấy đức Phật với như tướng, bất dị tướng, bất động tướng, bất tác tướng... Quán như thế, là chánh quán Như lai, lợi ích hết thảy chúng sinh”⁹⁰. Cũng như hành hạnh Phổ Hiền là để cầu sanh Tịnh độ, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là để viên mãn đại nguyện Phổ Hiền (Luận Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội). Do đó, nguyện và hạnh tuy hai mà một, tương hỗ cho nhau, có mặt trong nhau, thiếu một trong hai đều không thể được. Điều này một lần nữa xác tín lý tương tức, tương nhập, tương dung, tương nhiếp của giáo nghĩa Hoa Nghiêm.

Cuối cùng, để có thể an trú trong Nguyện, tinh tấn trong Hạnh thì nhất định phải thiết lập Chánh tín. Nên cả Kinh Hoa Nghiêm – phẩm

90 Daisetz Suzuki, Sđd., tr.482

Hiền Thủ và Đại Trí Độ Luận đều nói: “Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu” (Lòng tin là mẹ công đức, là nguồn gốc của đạo). Tổ Long Thọ khẳng định: “*Phật pháp như đại hải, do tín năng nhập*” (Phật pháp như biển cả, nhờ đức tin mới có thể thâm nhập)⁹¹, hay Bồ Tát Văn Thù nói trong phẩm Nhập pháp giới: “Này Thiện nam tử! Nếu rời tín căn thời tâm yếu kém, lo sợ ăn năn công hạnh chẳng tròn đủ, thoái thất tinh cần, nơi một thiện căn sanh lòng trụ trước, với chút ít công đức đã cho là đủ. Chẳng thể phát khởi hạnh nguyện, chẳng được thiện tri thức nhiếp thọ, chẳng được Như Lai úc niệm, chẳng biết được pháp tánh như vậy, lý thú như vậy, pháp môn như vậy, công hạnh như vậy, cảnh giới như vậy, đều không thể biết khắp, biết nhiều, tốt nguồn đáy, hiểu rõ, xu nhập giải thoát, phân biệt, chứng biết, chứng đắc, tất cả điều trên đây đều không thể được”⁹². Do đó nói, không có tín thì cũng không có nguyện và hạnh, lòng tin chân chánh sẽ thiết lập đại nguyện kiên cố và đại hạnh chuyên nhất, đây là chiếc kiềng ba chân không thể thiếu cũng như là ba hành trang căn bản của hành giả Tịnh độ. Yếu nghĩa về pháp

91 Đại Trí Độ Luận, Sdd.

92 HT Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., tập 4, tr.783

giới Phật trong Hoa Nghiêm chính là những giáo lý sơ khai của Tịnh độ, một pháp tu đáp ứng với mọi căn cơ của chúng sanh, được xem là phương tiện nhiếp hóa chúng sanh của ba đời chư Phật; dựa trên học thuyết duyên khởi và pháp giới nhất chân, pháp môn Tịnh độ được xem là một trong những tư tưởng, pháp tu trọng yếu của Đại thừa Phật giáo, dưới sự hoằng truyền của chư tổ sư, đại đức mà pháp môn Tịnh độ ngày càng được phổ cập và ứng dụng hành trì, phát triển thành một trong những tông phái lớn của Phật giáo là Tịnh độ tông hay Tịnh tông.

Về sau, chư tổ Hoa Nghiêm tông trong các số sao của mình cũng nêu thêm những phương pháp niệm Phật khác như: Duyên cảnh niệm Phật môn, Nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật môn, Tâm cảnh câu mấn niệm Phật môn, Tâm cảnh vô ngại niệm Phật môn, Trùng trùng vô tận niệm Phật môn⁹³, hay: Xưng danh niệm, Quán tượng niệm, Quán tưởng niệm, Thực tướng niệm⁹⁴...

Ngoài ra, việc hành trì pháp môn niệm Phật còn thể hiện công hạnh lợi tha của một Bồ Tát,

93 Thanh Lương tổ sư, *Hoa Nghiêm Kinh sớ*, Sdd.

94 Tông Mật tổ sư, *Hoa Nghiêm kinh hành nguyện phẩm biệt hành số sao*

ở trong hạnh quả này mà thể nhập lý chân, đồng thời cũng là để viên mãn Bồ đề tâm, Bồ Tát hạnh như phẩm Phổ Hiền nhấn mạnh. Hay như trong Kinh Đại Bảo Tích, khi Bồ Tát Di Lặc hỏi Phật về mười tâm nguyện mà nếu nương đây chuyên niệm A Di Đà Phật, khi mạng chung sẽ được vãng sanh về cõi Cực Lạc, thì Đức Phật đã dạy như sau: “Này Di Lặc! Mười tâm nguyện như vậy chẳng phải kẻ phàm ngu bất thiện đủ phiền não mà phát được.

Những gì là mười tâm nguyện?

- **Một** là đối với tất cả chúng sanh phát khởi tâm đại từ không làm tổn hại.
- **Hai** là đối với tất cả chúng sanh phát khởi tâm đại bi không làm bức não.
- **Ba** là đối với chánh pháp của Phật phát khởi tâm ưa thích thủ hộ chẳng tiếc thân mạng.
- **Bốn** là đối với tất cả pháp phát sanh thắng nhẫn không có tâm chấp trước.
- **Năm** là phát tâm nguyện thanh tịnh cung kính tôn trọng chẳng tham lợi dưỡng.
- **Sáu** là phát tâm cầu Phật Nhứt thiết chủng trí không hề quên mất bất luận thời gian nào.

- **Bảy** là đối với tất cả chúng sanh phát tâm tôn trọng cung kính không hạ liệt.
- **Tám** là chẳng ham thế luận đối với Bồ đề phân sanh tâm quyết định.
- **Chín** là tâm thanh tịnh trồng các thiện căn không tạp nhiễm.
- **Mười** là đối với chư Phật Như Lai rời bỏ các tướng phát khởi tâm tùy niệm”⁹⁵.

Qua đây có thể thấy, pháp môn niệm Phật không chỉ đơn thuần là việc cầu sanh Tịnh độ để viên mãn quả chứng mà còn là phương tiện lợi tha vô cùng tích cực và thù thắng. Chỉ khi thật sự phát Bồ đề tâm và tùy thuận hạnh nguyện hành Bồ Tát hạnh, vì sự giải thoát và giác ngộ của muôn loài chúng sanh thì khi đó hành giả Tịnh độ mới có thể khế nhập chí nguyện Bồ đề của Đức Phật A Di Đà mà sanh về An dưỡng.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, mở đầu cho hành trình cầu học của Thiện Tài là Pháp môn niệm Phật do Tỳ kheo Đức Vân truyền đạt và, kết thúc của cuộc hành trình cầu đạo, ý niệm Tịnh độ cũng đã được nêu bật trong Mười hạnh nguyện

95 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Đại Bảo Tích, cuốn 5, Pháp hội Phát Thắng Chí Nguyện thứ 25

của Bồ tát Phổ Hiền. Nếu người nào sắp lâm chung mà thọ trì Thập Đại Nguyên Hạnh của Bồ tát Phổ Hiền thì sẽ được vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc và gặp Đức Phật A Di Đà.

Có người hỏi rằng vì lý do gì sau khi mạng chung không sanh về thế giới Hoa Tạng như Kinh Hoa Nghiêm đã khai thị mà nhiều bậc Thiện hữu tri thức trong Kinh Hoa Nghiêm lại đề cao pháp môn niệm Phật để vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc như Tỳ kheo Đức Vân dạy về môn Vô Ngại Trí Tuệ Niệm Phật (無礙智慧念佛門); Trưởng Giải Thoát dạy môn Duy Tâm Niệm Phật (唯心念佛門); Đại thần Tường Vô Cấu Quang Chủ dạy về môn Quán Đức Tướng Niệm Phật (觀德相念佛門).

Để trả lời cho câu hỏi này, vào thời Đường (唐代), ngũ tổ của Hoa Nghiêm tông là ngài Tông Mật (宗密) đã dạy rằng Tịnh độ của đức Phật A Di Đà không thể tách rời thế giới Hoa Tạng “阿彌陀佛國不離華藏世界中也. Trên căn bản của lời dạy này, rõ ràng lý tương tức, tương nhập viên dung vô ngại của Hoa Nghiêm đã như một khẳng chứng không thể phủ bác.

Tịnh độ là cứu cánh tối hậu của hành giả niệm Phật, khi nói đến tịnh độ, cõi nước thanh tịnh, kinh Hoa Nghiêm chủ trương nếu Tâm thanh tịnh thì thấy thế giới thanh tịnh, ngược lại nếu tâm ô nhiễm thì thấy thế giới nhiễm ô. Ai cũng muốn chuyển bất tịnh thành thanh tịnh, nhưng khái niệm ô nhiễm và thanh tịnh thì bất đồng vì tùy theo nghiệp thức khác nhau mà thấy biết do thế cũng sai biệt. Chân lý này một lần nữa xác minh tất cả đều do tâm tạo.

Chương 4

NHẬP PHÁP GIỚI HOA NGHIÊM

I. Phương Pháp Hành Trì

Nói về phương pháp hành trì của Hoa Nghiêm tông thì có rất nhiều, được ghi chép trong các số sao của chư vị tổ sư. Trong đó, nổi tiếng nhất là sáu phương pháp hành trì được nêu ra bởi tổ Hiền Thủ (Pháp Tạng), thấu tóm gần như tinh hoa cốt yếu của Kinh Hoa Nghiêm, giúp hành giả sau này nương theo các pháp quán mà tu tập để đoạn trừ vọng tưởng, quy hướng nguồn chân. Sáu phương pháp này được tổ Pháp Tạng soạn trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán (修華嚴奧旨妄盡還源觀), gồm: Hiện nhất thể, Khởi nhị dụng, Thệ tam biến, Hành tứ đức, Nhập ngũ chỉ và Khởi lục quán.

1. **Hiển nhất thể** (顯一體)

Đây là thể tự tánh thanh tịnh viên minh có trong mỗi chúng sanh, xưa nay vốn tự tròn đủ, cũng gọi là chân tâm, chân như, Như Lai tạng hay Phật tính..., bất sinh bất diệt, bất tăng bất giảm, biến khắp pháp giới. Song, thể tính ấy chỉ hiển hiện khi không bị phiền não, vọng tưởng ngăn che và ngược lại. Như ánh sáng của mặt trời chưa từng mất đi, tánh sáng ấy chỉ bị ngăn ngại khi có mây mù che lấp, khi mây tan thì lập tức ánh sáng hiển hiện. Đây chính là ý nghĩa của Hiển nhất thể. Hành giả tu tập trong bất kỳ phương tiện, pháp môn nào đều không ngoài mục đích “Hiển nhất thể” này.

2. **Khởi nhị dụng** (起二用)

Từ nơi thể thanh tịnh viên minh trên mà khởi ra hai dụng: Hải ấn sum la thường trụ dụng và Pháp giới viên minh tự tại dụng.

2.1. *Hải ấn sum la thường trụ dụng* (海印森羅常住用)

Hải ấn là chân tâm bản giác, tánh giác ấy khi không có vọng niệm che lấp thì trùm khắp hư không pháp giới, không có chỗ nào ngăn ngại. Như ánh sáng mặt trời khi không có mây

mù che khuất thì ánh sáng ấy chiếu trùm lên muôn vật, không có phân biệt; hay như gió ngừng thổi thì sóng sẽ lặng, muôn vạn tượng trạng đều in bóng trên mặt nước mà hiển hiện. Cũng vậy, thể tánh chỉ có một, vốn tĩnh lặng, tịch diệt, vạn pháp chỉ nương gá vào vọng niệm mà hiển hiện, lìa vọng niệm thì chỉ còn lại một thể chân như thường trụ, cũng chính là Hải ấn tam muội. Nên Kinh nói:

“Chúng sanh hình tướng đều chẳng đồng
Hành nghiệp, âm thanh cũng vô lượng
Tất cả như vậy đều hiện được
Hải ấn tam muội oai thần lực”.
(*phẩm Hiền Thủ*)

Hay Kinh Pháp Cú cũng nói: “Sum la và vạn tượng là dấu in của nhất pháp”. Nhất pháp cũng chính là nhất thể, bản giác hay Hải ấn tam muội.

2.2. *Pháp giới viên minh tự tại dụng* (法界圓明自在用)

Pháp giới viên minh tự tại dụng cũng chính là Hoa Nghiêm tam muội¹. Tức tu muôn đức

1 Pháp Tạng tổ sư, Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán

vạn hạnh, khế hợp chân lý mà thành tựu mọi điều dụng trùm khắp, viên mãn Bồ đề. Ở trong chân như tánh mà hành mọi công hạnh, hành mọi công hạnh mà vắng bật tánh tướng, không thấy năng sở, lấy đây mà trang nghiêm đoá hoa Diệu giác, hạnh từ chân như lưu xuất và trở lại trang nghiêm tánh chân. Do đó, chân đã trùm khắp thì không hạnh nào mà không tu, vọng - chân không hai thì tướng tướng vắng lặng, hiển dụng pháp giới viên minh tự tại. Nên phẩm Hiền Thủ nói: “Thí, giới, nhẫn, tấn và thiền định Trí tuệ, phương tiện, thần thông thấy Tất cả như vậy đều tự tại Do Phật Hoa Nghiêm tam muội lực”.

Và theo tổ Pháp Tạng, Hải ấn sum la thường trụ dụng thuộc về y báo (依報) và Pháp giới viên minh tự tại dụng thuộc về chánh báo (正報) .

3. Thị tam biến (示三遍)

Từ hai dụng trên, mỗi dụng đều cùng khắp pháp giới hư không giới nên nói là biến, gồm: Nhất trần phổ chu pháp giới biến, Nhất trần xuất sanh vô tận biến và Nhất trần hàm dung không hữu biến.

3.1. Nhất trần phổ chu pháp giới biến (一塵普周法界遍)

Đây là ý nghĩa nhất trần (một hạt bụi) trùm khắp pháp giới, hạt bụi không có tự thể, tánh riêng, chỉ nương theo chân mà lập, chân đã vô cùng thì trần cũng cùng khắp, nên Kinh nói:

“Những vi trần trong Hoa Tạng giới
Trong mỗi mỗi trần thấy pháp giới
Bửu quang hiện Phật như mây nhóm
Chư Phật như vậy cõi tự tại”.

(phẩm Hoa Tạng Thế Giới)

3.2. Nhất trần xuất sanh vô tận biến (一塵出生無盡遍)

Như đã nói ở trên, trần vốn không có tự tánh, chủ thể, chỉ nương vào chân mà giả lập, vì chân trùm khắp pháp giới nên, cụ đức viên mãn nên dụng khởi ra cũng muôn vàn sai biệt, song tướng - tánh dung nhiếp, hàm chứa trong nhau. Đây cũng là ý nghĩa lý - sự vô ngại pháp giới, trùng trùng vô tận nhiếp nhập lẫn nhau. Nên Kinh nói, pháp giới nằm trên đầu sợi lông hay đại địa nằm trong hạt cải... cũng chính là biểu trưng cho ý này. Hạt bụi không những xuất sanh hết thấy pháp mà trong chính nó còn trọn

đủ các tánh đức, không thiếu mảy may nào. Trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, tổ Pháp Tạng có giải thích thêm cho việc này như sau: Do tướng hư vọng của hạt bụi che lấp chân như nên là nhiễm, tướng ấy vốn trống rỗng không thật nên là tịnh; tánh của hạt bụi đồng với nhất như nên là chân, tướng thì do duyên sanh giả hữu mà có nên là tục; tướng của hạt bụi biến thiên trong mỗi niệm nên là sanh tử, tướng sanh diệt ấy thật cũng chẳng có nên là Niết bàn... Vì trong mỗi hạt bụi thấy vô cùng tướng, chứa vô tận tánh nên nói Nhất trần xuất sanh vô tận biến.

3.3. Nhất trần hàm dung không hữu biến (一塵含容空有遍)

Hạt bụi có tướng thấy nên là Sắc, tánh thì vốn không nên là Không, giữa Sắc và Không không có ngăn ngại nên nói trong hạt bụi hàm dung không - hữu hay không - sắc. Đây cũng là ý nghĩa Sự sự vô ngại pháp giới trong tứ pháp giới, thấy được sắc và không hiện diện trong mỗi một pháp, lớn thì tận hư không pháp giới, nhỏ thì trên đầu sợi lông, hạt bụi mới thật gọi là chân quán. Ở trong cảnh chân quán thấy không hai không khác, không lìa sanh tử cũng chẳng

bỏ Niết bàn, ở trong thế gian mà chẳng chấp chẳng ly. Như câu chuyện của Thiền sư Duy Tín đời Tống, sau khi ngộ đạo Ngài đã thốt lên rằng: “Trước khi gặp thiện tri thức, tôi thấy núi là núi, sông là sông; sau khi gặp thiện tri thức và được chỉ dạy, tôi thấy núi chẳng phải núi, sông chẳng phải sông; và sau ba mươi năm, tôi thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông”. Đây cũng chính là lý bất nhị “Nhất tức nhất thiết”.

4. Hành tứ đức (行四德)

Tứ nương theo cảnh năng biến mà hành bốn đức, gồm: Tùy duyên diệu dụng vô phương đức, Oai nghi trụ trì hữu tác đức, Nhu hòa chất trực nhiếp sanh đức và Phổ đại chúng sanh thọ khổ đức.

4.1. Tùy duyên diệu dụng vô phương đức (隨緣妙用無方德)

Vì muôn pháp là giả danh, duyên khởi, tánh thì vốn không nên ở trong các sắc trần tùy thuận nhân duyên mà khởi phát nghiệp dụng, nương nơi chân như mà thực hành muôn hạnh, lợi ích chúng sanh. Như Phật nói tùy bệnh mà cho thuốc hay ở trong mưa Pháp tùy căn cơ mà được thấm nhuần. Kinh Hoa Nghiêm chỉ ra lý -

sự vô ngại, sự - sự vô ngại là để xiển dương đại hạnh Bồ Tát, ở trong pháp quán này mà muôn đức, diệu dụng được viên mãn. Do đó, tổ Pháp Tạng nói, vì lòng đại bi mà tùy duyên, vì có đại trí mà được diệu dụng; ở trong giả danh mà độ sanh là tùy duyên, lìa hai tướng năng sở là diệu dụng; lý tức sự là tùy duyên, sự tức lý là diệu dụng... Nơi chân tục không có sai khác mà ứng hoạt diệu dụng lợi sanh trùm khắp pháp giới nên nói đây là đức tùy duyên diệu dụng vô phương.

4.2. Oai nghi trụ trì hữu tắc đức

(威儀住持有則德)

Pháp này lập ra là để phá trừ những kiến chấp của kẻ mê cho rằng tướng - tánh không hai, Phật - chúng sanh đồng nhất mà phá bỏ những oai nghi phép tắc thường tình. Tổ nói sở dĩ chân như chỉ thuần một, Phật thể cũng chẳng hai, tuy nhiên vẫn cần phải cần tu các giới hạnh, oai nghi, huân tập tam vô lậu học là vì bản thể của mỗi chúng sanh như hạt châu ma ni vốn là sáng sạch, nay lại bị bụi bặm bám dơ khiến tánh sáng ấy không thể phát huy được, nên cần phải lau chùi, mài dũa làm hiển phát tánh sáng vốn có ấy. Cũng như Phật tính vốn thường hằng, nay

lại bị vô minh che lấp nên cần phải tu tập, rèn luyện, thực hành những oai nghi, giới hạnh để thể tánh sáng suốt ấy được hiển lộ. Hay nói như ngài Thần Tú trong Pháp Bảo Đàn Kinh: “Thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai” (luôn luôn phải lau chùi, chỗ để dính bụi dơ). Do đó, Kinh nói, “Giới là cội gốc của Bồ đề”, cũng là “cội gốc của hết thảy điều lành”². Và, tuân giữ giới hạnh, trụ trì oai nghi, phép tắc chính là một trong những đức cần có của một Bồ Tát để thể nhập pháp giới Hoa Nghiêm.

4.3. *Nhu hòa chất trực nhiếp sanh đức* (柔和質直攝生德)

Số văn nói, trí tuệ chiếu soi chân như là chất trực, từ bi cứu độ muôn loài là nhu hòa; nhu thì chế phục phiền não, hòa thì như lý tu hành. Chất trực là chân như, nhu hòa là duyên khởi; chất trực thì bất biến, nhu hòa lại tùy duyên. Ở trong sanh tử mà dùng “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên” làm đức lợi sanh, vì đại nguyện tự lợi - lợi tha mà hành hạnh ngay thẳng, hòa dịu để nhiếp phục chúng sanh, như Kinh nói: “Chất trực, nhu nhuyễn và kham năng. Điều phục, tịch tịnh và thuần thiện” (phẩm Thập địa).

2 Kinh Phương Đẳng

4.4. *Phổ đại chúng sanh thọ khổ đức* (普代眾生受苦德)

Đây là đại hạnh Bồ Tát thay chúng sanh chịu khổ, không vì lợi ích cá nhân mà rộng độ muôn loài, kẻ thân người sơ đều bình đẳng hết thảy... Phổ đại chúng sanh thọ khổ là đức lớn của Đại Bồ Tát sẵn sàng dùng thân mình chịu khổ thay chúng sanh, ở trong tam đồ lục đạo vì chúng sanh mà giáo hóa, độ thoát. Như Kinh nói:

“Trong mỗi mỗi địa ngục
Trải qua vô lượng kiếp
Vì cứu độ chúng sanh
Mà nhận được khổ này”
(*phẩm Quang Minh Giác*)

Tuy xả thân rộng độ muôn loài như vậy nhưng lại không có mảy may tâm cầu báo đáp, làm hết thảy hạnh mà chân tâm chỉ thuần một đức thanh tịnh, rỗng rang như hư không, bởi lẽ:

“Hư không chẳng nghĩ: ta làm gì?
Ta làm thế nào? Làm vì ai?”
(*phẩm Như Lai Xuất Hiện*)

5. Nhập ngũ chỉ (入五止)

Đây là môn nương bốn đức năng hành ở trên đã nói mà tu, khi đã tường tận ngay tướng là không thì tướng mất, tâm chân như hiển hiện, thể nhập pháp giới. Hay nói cách khác, đây là môn tu Chỉ để thể nhập pháp giới Hoa Nghiêm. Năm môn gồm: Chiếu pháp thanh hư ly duyên chỉ, Quán nhân tịch bạc tuyệt dục chỉ, Tánh khởi phồn hưng pháp nhĩ chỉ, Định quang hiển hiện vô niệm chỉ và Lý sự huyền thông phi tướng.

5.1. *Chiếu pháp thanh hư ly duyên chỉ* (照法清虛離緣止)

Tức khi biết các pháp xưa nay vốn không, chân như vắng lặng, đều từ nhân duyên khởi thì ngay cả quan niệm về duyên cũng không còn. Trí năng duyên tịch lặng, cảnh sở duyên tức không, ly khai đối đãi, chân - tục không hai, rỗng rang thanh tịnh, không có chỗ nương gá... chính là ý nghĩa dùng chỉ quán thấy các pháp lìa duyên, thanh tịnh như hư không. Như Kinh Duy Ma nói: “pháp chẳng thuộc nhân, cũng chẳng thuộc duyên”. Và, theo Trung Luận thì:

“Như chư pháp tự tánh
 Bất tại ư duyên trung
 Dĩ vô tự tánh cố
 Tha tánh diệc phục vô.”

(如諸法自性
 不在於緣中
 以無自性故
 他性亦復無)

Nghĩa là:

*Như tự tánh các pháp
 Chẳng ở trong các duyên
 Vì tự tánh là không
 Tha tánh cũng không có.*

5.2. Quán nhân tịch bạc tuyệt dục chỉ (觀人寂泊絕欲止)

Đây là môn quán quán ngũ uẩn giai không, vạn pháp chẳng có mà đoạn trừ mọi tham cầu. Số nói, sự hòa hợp của năm uẩn là nhân, nó là tịch bạc vì không có chủ thể, từ đó mà sanh tâm ly dục, ly tham (tuyệt dục) nên gọi là quán nhân tịch bạc tuyệt dục chỉ. Hay nói như Tâm Kinh Bát Nhã, quán ngũ uẩn giai không... để viễn ly điên đảo vọng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

5.3. Tánh khởi phồn hưng pháp nhĩ chỉ

(性起繁興法爾止)

Dụng khởi phát từ thể gọi là tánh khởi, hiện ra muôn hình vạn trạng sai biệt là phồn hưng, chân lý ấy vốn thường hằng như vậy nên gọi là pháp nhĩ. Vì ở trong pháp nhĩ, các pháp tùy duyên mà hiện khởi cũng như chính pháp nhĩ hòa với tự tánh làm một nên nói tánh khởi phồn hưng pháp nhĩ chỉ, đây cũng là ý nghĩa “Từ gốc vô trụ mà lập nên vạn pháp” trong Kinh Duy Ma.

5.4. Định quang hiển hiện vô niệm chỉ

(定光顯現無念止)

Đây là môn chỉ quán khiến chúng sanh nhập vào trong cảnh chánh định, ở trong định này vắng bật mọi tư duy, tính toán, mọi sự mọi việc đều tự nhiên thành tựu, như ánh sáng của mình châu toả chiếu cùng khắp, không bị bụi mù và mây khói Nhị thừa hay ngoại đạo ngăn che.

5.5. Lý sự huyền thông phi tướng chỉ

(事理玄通非相止)

Tức sự giả tướng cùng với lý tánh không tướng nhiếp, ẩn hiện trong nhau nên gọi là huyền thông. Ở trong pháp quán này mà bật cả hai tướng, lý - sự nhiếp nhập nên gọi là phi tướng.

6. Khởi lục quán (起六觀)

Trên đã nói về tu Chỉ, tiếp là nói về tu Quán. Trong số nói, tu Chỉ chỉ có thể đối trị tâm chấp trước của phàm phu và nhị thừa, chỉ có tu Quán mới có thể đối trị những lỗi nhỏ hẹp, vi tế của tâm, do đó Chỉ - Quán hỗ trợ cho nhau, thành tựu cho nhau. Và bởi vì sự - lý vô ngại, định - tuệ tương thông nên căn cứ trên “chỉ tức quán” của năm môn trước mà cũng có thể nói “quán tức chỉ” của sáu môn sau. Sáu môn gồm: Nhiếp cảnh qui tâm chân không quán, Tùng tâm hiện cảnh diệu hữu quán, Tâm cảnh bí mật viên dung quán, Trí thân ảnh hiện chúng duyên quán, Đa thân nhập nhất cảnh tượng quán và Chủ bạn hỗ hiện đế võng quán.

6.1. *Nhiếp cảnh qui tâm chân không quán* (攝境歸心真空觀)

Đây là pháp quán quán tất cả pháp đều do tâm tạo ra (nhất thiết duy tâm tạo), không có một pháp nào độc lập ngoài tâm nên nói qui tâm. Từ vọng tâm mà hoạt hiện các pháp sai biệt, tâm đó lại trở lại dính mắc vào các pháp, nên nói tâm hiện cảnh, cảnh lại sanh tâm, tâm chẳng chấp cảnh thì cảnh chẳng vào tâm. Ở

trong pháp quán mà đạt được trí tuệ sâu xa, nhiếp nhập các cảnh về lại tâm chân không.

6.2. *Tùng tâm hiện cảnh diệu hữu quán* (從心現境妙有觀)

Môn trước là nói chư tướng thâm về trong một thể, vạn pháp qui về một niệm tâm; môn này nói từ thể mà khởi ra dụng, từ tâm mà sinh khởi nên muôn pháp, các hạnh cũng từ đây mà đầy đủ, trang nghiêm báo độ. Nói thâm tướng về thể là để hiển thị pháp thân, nói từ thể khởi hạnh là để phô bày sự tu hành báo thân. Từ một niệm tâm mà sinh khởi muôn đức, muôn hạnh trang nghiêm nên nói “Tùng tâm hiện cảnh diệu hữu quán”.

6.3. *Tâm cảnh bí mật viên dung quán* (心境祕密圓融觀)

Đây là pháp quán quán tâm vô ngại và cảnh vô ngại, tâm - cảnh viên dung, tương nhiếp tương nhập. Chư Phật chứng ngộ tâm vô ngại mà đạt được thanh tịnh pháp thân, chứng cảnh vô ngại mà thành tựu Tịnh độ, các thân của Như Lai, Bồ Tát cùng với Tịnh độ nương ở vô ngại, một thân hiện khắp cõi nước, cùng khắp cõi nước hiện ra trong một thân.

6.4. Trí thân ảnh hiện chúng duyên quán (智身影現眾緣觀)

Đây là pháp quán quán diệu dụng của trí thể, tịch lặng mà chiếu soi, bình đẳng mà vô ngại, thấy rõ tướng duyên không có, chỉ thuần một tánh chân như ở trong các pháp, như ánh mặt trời chiếu khắp muôn tượng, khiến người mắt sáng được thấy mà kẻ mù cũng được lợi ích, muôn vật nhờ đây mà sinh trưởng. Trí thể Như Lai cũng vậy, chiếu soi vạn pháp. Vì ở trong trí thể chỉ có một mà ảnh hiện các duyên nên nói “trí thân ảnh hiện chúng duyên quán”.

6.5. Đa thân nhập nhất cảnh tượng quán (多身入一鏡像觀)

Đây chính là ý nghĩa của sự sự vô ngại pháp giới, mười thân của Đức Tỳ Lô Giá Na nhiếp nhập vô ngại lẫn nhau. Phật thân, Bồ Tát thân, Thanh văn thân, Duyên giác thân, chúng sanh thân, quốc độ thân, nghiệp báo thân... hàm nhiếp trong nhau, chẳng phải một thân diệt để các thân khác sanh mà là nói một thân là nói các thân còn lại và ngược lại, tương tức và đồng thời.

6.6. Chủ bạn hỗ hiện đế võng quán

(主伴互現帝網觀)

Pháp quán này lấy chủ đối với bạn. Chủ là tự, bạn là tha; một pháp là chủ, tất cả pháp là bạn, một thân là chủ, tất cả thân là bạn; chủ là chủ đối với bạn đồng thời cũng là bạn của bạn. Chẳng hạn A đối với B thì A là chủ, B là bạn, nhưng B đối với A thì B là chủ, A là bạn. Do đó, khi nói bất kỳ một pháp nào thì trong đó đều bao gồm cả chủ và bạn, tự và tha, ảnh hiện trùng trùng, sự sự vô ngại, bi trí vô tận.

Trên đây là những pháp quán do tổ Pháp Tạng căn cứ trên yếu nghĩa của Hoa Nghiêm mà lập ra. Ngoài ra cũng có thể thực hành pháp Tam quán (lý - sự vô ngại quán, sự - sự vô ngại quán và châu biến hàm dung quán) do sơ tổ Đỗ Thuận lập ra như đã nói ở trước... Chung quy không ngoài mục đích làm hiển hiện nhất thể của chúng sanh và pháp giới, khiến hành giả thấy rõ lý nhất tâm chân như và pháp giới trùng trùng duyên khởi mà ở trong vô trụ, vô chấp tướng thực hành muôn hạnh, vun bồi muôn đức, trưởng dưỡng tịnh giới, hành Bồ Tát đạo, tự tại vô ngại. Từ đó mà thể nhập Hoa Tạng hải, trụ Hoa Nghiêm tánh, trang nghiêm pháp giới, viên mãn quả chứng.

II. Quả Vị Tu Chứng

Hoa Nghiêm tông chủ trương vạn pháp đồng nhất thể, thể tính ấy bất sinh bất diệt, uyên nguyên và thanh tịnh, cũng gọi là Nhất tâm hay Nhất niệm. Thiên Thai tông gọi là Phật tính, Thiền tông gọi là Bản lai diện mục hay Pháp tướng tông gọi là Căn bản trí, Như Lai trí... Mục đích rốt cùng của Hoa Nghiêm tông là dẫn dắt chúng sanh thể nhập bản thể căn bản trí đó, cũng tức là nhập pháp giới, viên mãn quả vị Tối chánh giác. Như phẩm Như Lai Hiện Tướng đã nói:

*“Nếu có người tin hiểu
Cho đến các đại nguyện
Đầy đủ trí huệ sâu
Thông đạt tất cả pháp”*

Cho đến:

*“Có thể nơi thân Phật
An trụ cõi trí huệ
Mau vào Như Lai địa
Bao trùm khắp pháp giới”³.*

Sống trong pháp giới Hoa Nghiêm là sống trong diệu dụng của chân tâm, thể hòa với

3 Ht Thích Trí Tịnh dịch

muôn tượng trong vũ trụ, an trú trong đại tánh viên mãn của pháp giới nhất chân, chính là pháp giới tịnh - uế không hai, khổ - lạc chẳng khác, không ngoài Hoa Tạng, Như Lai tạng.

Như đã nói ở trước, Hoa Nghiêm là pháp môn Đại thừa Viên giáo, vượt hẳn nhị biên và rốt ráo cả tam thừa⁴, nên quả chứng của Hoa Nghiêm cũng là quả chứng tối cùng và viên mãn nhất, nói như Thiền tông là: “trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật”, Tịnh tông là: “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”..., là cảnh giới xứng tánh bất khả tư nghì, không thể suy lường, Niết bàn tịch diệt.

Tuy nhiên, cảnh giới cao nhất của Hoa Nghiêm tông lại không chỉ dừng lại ở việc thấy Tánh mà lại là “Trụ tánh nhập thế”; ở trong chân tánh mà hành hạnh độ sanh, hành hạnh độ sanh mà chẳng thấy năng - pháp - sở độ, tức người cứu độ và chúng sanh được cứu độ, nơi chân đế mà chẳng hoại tục đế, hồi hướng hết thảy vào thế giới Nhất thừa, cũng tức nhập pháp giới Hoa Nghiêm – đây chính là diệu dụng cao nhất của Hoa Nghiêm tánh. Do đó có thể nói, pháp chứng của Hoa Nghiêm là pháp

4 Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa

“Phật thừa - Bồ Tát đạo”. Nếu Đức Tỳ Lô Giá Na là đại diện cho Pháp thân, nhất thể, Phật thừa thì Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền là đại diện cho trí và hạnh; trụ nơi ba đức này mà viên mãn quả chứng Hoa Nghiêm, nơi thân sanh tử mà chứng nhập Niết bàn, trong đất Ta Bà mà trồng sen Tịnh Độ, đâu đâu cũng là Đạo tràng, đâu đâu cũng là Phật pháp; như thiền sư Triệu Châu (..., 778-897) thời nhà Đường đã bình về “Văn-thù không có trên Ngũ Đài Sơn”:

“何處青山不道場
何須策杖禮清涼
雲中縱有金毛現
正眼觀時非吉祥”.

*(Hà xứ thanh sơn bất đạo tràng
Hà tu sách trượng lễ Thanh Lương
Vân trung túng hữu kim mao hiện
Chính nhãn khan thời phi cát tường).*

Nghĩa là:

Núi xanh khắp chốn vốn đạo tràng
Nào cần nường gậy lạy Thanh Lương
Trong mây cho dấu sư tử hiện
Nhìn thẳng thì ra chẳng cát tường.

Chương 5

TRIẾT LÝ HOA NGHIÊM TÔNG DƯỚI GÓC NHÌN KHOA HỌC

I. Hoa Nghiêm Tông và Vũ Trụ Học

Vũ trụ học (Cosmology) là môn khoa học nghiên cứu về toàn bộ vũ trụ, những vật chất, năng lượng, không gian, thời gian, những thiên hà, thiên thể, hành tinh rộng lớn (vĩ mô) cho đến những cấu trúc nguyên tử, sinh vật nhỏ bé (vi mô) mang tính thực tại bên ngoài. Cũng có thể nói, Triết học tự nhiên, Vật lý học, Sinh vật học, Triết học duy vật hay Thiên văn học... cũng là những chi phần của Vũ trụ học.

Trước đây, khi nền Khoa học tự nhiên còn sơ khai, con người chỉ cho rằng Trái Đất mà

ta đang sống là hành tinh duy nhất trong vũ trụ, con người trên Trái Đất là những sinh vật chủ tể và duy nhất tồn tại dưới hình thức sinh vật có trí tuệ. Mãi cho đến khi thuyết Nhật tâm của Nicolaus Copernicus được công bố (thế kỷ XVI) thì lúc đó con người mới thật sự chấp nhận Trái đất chỉ là một hành tinh bé nhỏ trong dải ngân hà và con người chỉ là một trong những thực thể sống trong thế giới vô tận, từ đó mà bắt đầu hướng mô thức tư duy phóng tầm ra vũ trụ rộng lớn để khám phá thế giới vĩ mô bên ngoài Trái đất. Khi những truy vấn đạt đến giới hạn và dần đi vào bế tắc, con người ban đầu tin rằng thật có thể giới ngoài Trái đất, nơi con người ký thác niềm tin vào đấng toàn năng, hay còn gọi là Thiên đàng. Song, khi các nền văn minh bắt đầu du nhập và giao thoa lẫn nhau, con người ngày càng có nhiều cơ hội để tiếp nhận cũng như lĩnh hội nhiều luận tri thức đa dạng, điển hình ở đây là cuộc gặp gỡ giữa Phật giáo và Khoa học (xem thêm “Phật giáo và Khoa học” – cùng tác giả). Cuộc gặp gỡ ấy đã mở ra cánh cửa tư duy đa chiều cho con người hơn trong việc tiếp cận sự vô cùng của vũ trụ, thông qua việc Phật giáo bổ sung cho Khoa học và ngược lại, Khoa học

hỗ trợ chứng minh cho Phật giáo. Trong sự gặp gỡ đó, giáo lý của Hoa Nghiêm tông đã phần nào lý giải và bổ trợ cho những thiếu sót mà Khoa học vẫn chưa thể nào chạm đến được về mô hình không gian vũ trụ, về cấu trúc thế giới đa tầng mà Phật giáo gọi là Liên Hoa tạng.

Ngay từ đầu, con người đã ngạc nhiên trước các ngôi sao và luôn quan tâm đến việc xác định mối quan hệ giữa chúng trong tương quan hệ thống của các thiên thể. Việc quan sát các vì sao đã tạo ra một lĩnh vực nghiên cứu rất quan trọng, đó là thiên văn học hay vũ trụ học. Thiên văn học gắn liền với khoa học thuần túy liên quan đến việc đo khoảng cách, đánh giá và phá hủy các vì sao cũng như chuyển động của chúng. Tất cả các tính toán được thực hiện liên quan đến trái đất và cách các chuyển động giữa các hành tinh ảnh hưởng đến mức độ vật lý của loài người. Thiên văn học hiện đại luôn tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi liên quan đến nguồn gốc của loài người và khả năng kết thúc sự tồn tại của con người. Đó là một lĩnh vực thú vị của nghiên cứu. Kiến thức của cá nhân về vũ trụ và các thiên hà đã gây thêm áp lực cho các tôn giáo trong việc xác định các định đề lâu

đời của họ liên quan đến đấng sáng tạo và tạo ra sự sống. Đạo Phật, điển hình là Hoa Nghiêm tông không gặp phải tình trạng tiến thoái lưỡng nan nào vì Đức Phật không khuyến khích các đệ tử của Ngài suy nghĩ về những điều vượt quá tầm hiểu biết của họ. Tuy nhiên, dưới sự nghiên cứu về vũ trụ của con người thông qua khoa học, cho thấy rằng Đức Phật đã nhận thức rõ về bản chất của vũ trụ rằng nó không được tạo ra bởi một đấng toàn năng nào cả. Ngài chỉ ra rằng trái đất chỉ là một chấm nhỏ cùng với vô số hành tinh khác trong không gian vô hạn, và tất cả đều nằm trong quy luật sinh diệt, biến dị không cùng.

Qua các phẩm như Thế Giới Thành Tựu, Hoa Tạng Thế Giới hay A Tăng Kỳ... trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật đã chỉ ra thế giới mà chúng ta đang sống chỉ là một thể giới nhỏ bé trong vô số thể giới ngoài kia, con người chỉ là một trong hằng hà sa chúng sinh trong pháp giới... điều mà mãi đến tận sau này, Khoa học mới dần khám phá ra được. Chẳng hạn như trong phẩm Thế giới Thành tựu thứ 4, quyển 7, khi mô tả về hình tướng của biển thế giới, Bồ tát Phổ Hiền nói rằng: “Chư Phật-tử! Thế giới hải

có nhiều hình tướng sai khác, hoặc tròn, hoặc vuông, hoặc chẳng phải tròn vuông, hoặc hình như nước xoáy, hoặc hình như núi, hoặc hình như cây, hình như bông, hoặc hình như cung điện, như hình chúng-sanh, như hình Phật, có thế-giới vi-trần-số hình sai khác như vậy”¹.

Cũng trong phẩm này, Bồ tát Phổ Hiền đã nói về nhân duyên sanh khởi biển thế giới như sau: “Chư Phật-tử! Thế-giới-hải có mười việc mà chư Phật trong ba đời quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đã nói, hiện nói và sẽ nói. Những gì là mười? Chính là nhơn-duyên khởi thế-giới-hải, chỗ trụ-nương của thế-giới-hải, hình-trạng của thế-giới-hải, thể-tánh của thế-giới-hải, sự trang-nghiêm của thế-giới-hải, sự thanh-tịnh của thế-giới-hải, Phật xuất hiện nơi thế-giới-hải, kiếp trụ của thế-giới-hải, kiếp chuyển biến sai biệt của thế-giới-hải, môn vô-sai-biệt của thế-giới-hải”²... Những lý thuyết này phát nguồn từ khá sớm, được tìm thấy trong hầu hết các Kinh điển Phật giáo nói chung, Kinh Hoa Nghiêm nói riêng và, gần như đã trở thành lối tư duy định hình của văn hóa Đông phương, đặc biệt là Ấn - Hoa - Tạng.

1 Ht Thích Trí Tịnh dịch

2 Sđd.

Vào cuối thiên niên kỷ thứ nhất, giáo lý Phật giáo đã tồn tại được gọi là Thời Luân, đại diện cho một bánh xe thời gian. Phần tôn giáo được thể hiện bằng nhiều khái niệm vũ trụ học và thiên văn học; có rất nhiều cuộc nói chuyện về thiên văn học và những vấn đề liên quan trong các bản văn Thời Luân. Không tính đến niên đại muộn của nó, thiên văn học của nó có ý nghĩa hơn và trông giống với các hiệp ước trước đó trong giáo lý Phật giáo hơn³. Ảnh hưởng của giáo lý thiên văn học Ấn Độ đã mở rộng ra ngoài Tây Tạng. Người Tây Tạng kế thừa các mô hình vũ trụ học. Trong ba thế kỷ qua, họ đã có được kiến thức địa lý và thiên văn về việc quan sát vũ trụ, trái đất hình cầu và mô hình địa tâm.

Khoa học Thiên văn Tây Tạng cung cấp sự kết hợp của các khía cạnh tính toán và quan sát thiên văn tương tự như các truyền thống cổ xưa khác. Các học viên đã phát triển một niên giám mà qua đó có các tính toán toán học chi tiết kết hợp các khía cạnh chiêm tinh và thiên

3 J Kotyk · 2020 · Cited by 5 – The Chinese Buddhist Approach to Science: the Case of Astronomy and Calendars · Jeffrey *Kotyk* · Journal of Dharma Studies 3 (2):273-289

văn. Những thập kỷ qua đã cho thấy Phật giáo Tây Tạng giàu có như thế nào với lịch sử thiên văn học (Kotyk, 2020)⁴. Giáo lý của Đức Phật trình bày một hệ thống bên ngoài liên quan đến chuyển động của các hành tinh và đo thời gian và một hệ thống bên trong chứng kiến các chu kỳ năng lượng và hơi thở của cơ thể con người, hệ thống này gần với các hệ thống bên ngoài hơn. Nó cũng giải thích tại sao các Phật tử được truyền cảm hứng để thiền định khi nhật thực xảy ra⁵ (Kotyk, 2020). Do đó, điều này giải thích tại sao nghiên cứu thiên văn học lại quan trọng vì kiến thức thiên văn rất hữu ích. Những người theo đạo Phật có lịch nghiên cứu thiên văn học được các cá nhân sử dụng để xác định ngày và giờ cụ thể của nhật thực, thời điểm thích hợp để nông dân trồng trọt và các hoạt động khác như tính thời gian cho các lễ hội Phật giáo.

Khi nói về Vũ trụ, **Albert Einstein** (1879-1955), một khoa học gia vĩ đại đã được trao tặng giải Nobel, cha đẻ của thuyết tương đối

4 by J Kotyk · 2020 · Cited by 5 — The Chinese Buddhist Approach to Science: the Case of Astronomy and Calendars · Jeffrey Kotyk · Journal of Dharma Studies 3 (2):273-289 (2020). J Kotyk, Sdd.

5 J Kotyk, Sdd.

với phương trình nổi tiếng $E = mc^2$ (equation mass-energy relation, gravitation mass-energy equivalence) đã chứng minh rằng cả không gian lẫn thời gian đều không thể tách rời vật chất; sự khám phá của ông rất tương thích với giáo nghĩa Hoa Nghiêm. Hơn 2600 năm trước đây, Kinh Hoa Nghiêm đã nói về sự vận hành của thời gian và không gian. Tất cả muôn hữu vũ trụ đều thiên di, biến dịch, vô thường trong từng khoảnh khắc. Sự vô thường này rất tương hợp với thuyết tương đối của Albert Einstein khi nhà bác học vĩ đại này tuyên bố là không có không gian và thời gian tuyệt đối vì chiều rộng của không gian và độ dài của thời gian đều có thể thay đổi (Khác với quan điểm của nhà vật lý học cổ điển Isaac Newton vào đầu thế kỷ XVIII, cho rằng không gian và thời gian là tuyệt đối, không di dịch). Năm 1915, Albert Einstein đã đề xuất các phương trình về sự biến dạng của không gian và thời gian có liên quan đến động lượng và năng lượng. Từ đây cũng có thể lý giải cho sự tương đối của thời gian theo các kiếp sống trong từng cảnh giới khác nhau của Phật giáo cũng như mô hình không gian đa chiều trong mạng lưới

không gian chung của các thực thể sống trên lập trường Hoa Nghiêm tông.

Giáo sư **Stephen Hawking** (1942-2018), bậc thầy của vũ trụ “Master of the Universe”⁶, một nhà khoa học đại thông thái đã nói: “The boundary condition of the universe is that it has no boundary” (Điều kiện giới hạn hữu biên của vũ trụ là vô biên, vô giới hạn)⁷. Những khám phá của nhà khoa học vĩ đại này đã có những tương thích lý thú đối với giáo nghĩa Hoa Nghiêm. Một nhà vật lý người Mỹ khác, Giáo sư Fritof Capra (1939), trong tác phẩm “The Tao of Physics”, đã ca ngợi sự tương đồng đáng kinh ngạc giữa Kinh Hoa Nghiêm và các lý thuyết của vật lý học hiện đại. David Bohm (1917-1992), giáo sư Đại học London, người đề xuất thuyết vũ trụ toàn ảnh (*The Holographic Universe*) cho rằng vũ trụ như một tổng hành dinh truyền tin vĩ đại của **một toàn thể nguyên vẹn**, nơi đó mọi hiện hữu trong vũ trụ đã có mặt nơi một khu vực vô hình nào đó bên ngoài không gian và thời gian. Qua khám phá này, học thuyết của David Bomh đã có những gặp

6 Đài BBC 1989

7 A Brief History of Time, Thích Viên Lý dịch, VTLVN và THTG, 2002

gỡ nhất định với những luận giải về Hoa Tạng giới của Hoa Nghiêm.

Ở thế kỷ XX, các nhà thiên văn học đã khám phá và thiết lập nhiều mô hình khác nhau của vũ trụ, trong số đó mô hình có ảnh hưởng nhất là thuyết “Big Bang” (Vụ nổ lớn). Thuyết Big Bang cho rằng khoảng 15 tỷ năm trước, một vụ nổ lớn đã diễn ra tại một điểm kỳ dị và vũ trụ giãn nở nhanh chóng, dần dần hình thành nên thế giới như bây giờ. Theo thuyết này thì không chỉ mọi thứ trong vũ trụ đang tiến hóa, mà chính vũ trụ cũng là đối tượng của sự tiến hóa. Tuy nhiên thuyết này vẫn còn có những tranh vấn mặc dù năm 1964, hai khoa học gia Arno Penzias và Robert Wilson đã phát hiện ra bức xạ phông vũ trụ có nhiệt độ khoảng 3K trong bầu trời đầy sao và, với phát hiện này đã cho thấy là thuyết Big Bang là thuyết đáng tin cậy.

Đầu năm 2003, những thành quả của Vệ tinh Dị hướng Vi sóng Wilkinson (WMAP) đã đạt được các mức độ chính xác nhất về các thông số vũ trụ và cho thấy là phù hợp với thuyết nhiệt dư còn sót (lạm phát).

Có một số quan niệm cho rằng Phật giáo không phải là khoa học vì Phật giáo vượt qua

khoa học trên nhiều lĩnh vực, ví dụ điển hình là khi chúng được Lục thông và Tam minh, các vị Bồ Tát hay chư Phật không cần vay mượn những phương tiện thiết bị như các nhà khoa học để thấy, nghe, ngửi v.v... Tuy nhiên, kể từ đầu thế kỷ 19, nhiều nhân vật hiện đại đã lập luận rằng rất hợp lý khi so sánh Phật giáo với các khám phá của khoa học như quá trình thiên văn học là một thí dụ điển hình. Có một điểm chung giữa tư tưởng Phật giáo và các phương pháp khoa học của thiên văn học. Kinh điển Phật giáo thúc đẩy sự nghiên cứu theo kinh nghiệm và tuệ giác, hướng dẫn mọi người đến với những lời dạy của Đức Phật và kiểm tra chúng, thấy hiểu chúng trước khi chấp nhận chúng. Trong Thất giác chi (七覺支, P. Sattabojjhangā, S. saptabodhyangāni), Trạch pháp Giác chi (擇法覺支, sa. dharmapravicaya) đã đặc biệt nhấn mạnh đến điều này. Vũ trụ học Phật giáo cho rằng vũ trụ không có khởi đầu hay kết thúc (Vô thủy vô chung). Thuyết vũ trụ tuần hoàn áp dụng cho cả hai khái niệm trên. Do đó, Phật giáo là tôn giáo duy nhất có thể giải thích cấu trúc của vũ trụ và chỉ ra cách mọi cá thể liên quan đến sự tồn tại.

Đức Phật không nói nhiều về hệ thống thế giới vật chất hay các thiên hà, mà nói về các thế giới ở các chiều không gian khác mà những hành giả đã phát triển khả năng tâm linh có thể tiếp cận được. Khái niệm về một hệ thống thế giới bao gồm các thế giới ở các chiều không gian khác là rất lớn theo nghĩa là một hệ thống của thế giới vật chất và tất cả các thiên hà của nó với tất cả các chiều khác được gọi là một lokadhatu. Một tập hợp khổng lồ của ba nghìn đại thiên hệ thống lokadhatu như vậy; như một nhóm được gọi là Tri Sahasra Mahasasra lokadhatu (Tam thiên đại thiên thế giới). Có vô số trisahasra Mahasasra lokadhatu tồn tại. Trên thực tế, thiên hà của chúng ta chỉ là một trong nhiều thiên hà và, nó là một phần của duy nhất một lokadhatu (vũ trụ).

Đức Phật gần như không trả lời những câu hỏi liên quan đến sự khởi nguồn của vũ trụ, con người từ đâu mà có? Thế giới bắt đầu từ khi nào? Được tạo tác ra sao?... Và khi được hỏi rằng tại sao vũ trụ lại tồn tại ngay từ đầu, vì nó là một nơi đầy đau đớn và khổ sở. Nếu đó là một khái niệm khủng khiếp như vậy, thì ai đã nghĩ ra nó ngay từ đầu? Trong kinh Malunkya

có thuật lại rằng khi Đức Phật được hỏi câu hỏi này, Ngài đã trả lời bằng cách nói rằng muốn biết câu trả lời giống như người bị một mũi tên tẩm độc cắm vào mắt, thay vì yêu cầu được điều trị ngay lập tức, anh ta lại hỏi danh tính của cha mẹ kẻ bắn, nguồn gốc của những vật liệu tạo nên mũi tên v.v... tất cả đều là những câu hỏi không phù hợp và không cần thiết vì trước khi được biết đầy đủ những điều đó, anh đã bị mũi tên độc ấy kết liễu sự sống. Có mười ba câu hỏi thuộc loại không thiết thực, Đức Phật không phí phạm thì giờ để giải đáp vì Ngài đã tuyên bố rằng chúng không những không quan trọng mà còn không thể giải quyết được thực trạng đau khổ mà chúng sanh đã và đang đối diện. Đức Phật dạy, những ai đang đau khổ, nên nỗ lực tương tác với vũ trụ để giải thoát bản thân và những người khác thoát khỏi vòng đau khổ trong cuộc sống.

Mặc dù Đức Phật không nói nhiều về thế giới vật chất hay giải thích về sự sáng tạo của vũ trụ, nhưng Phật giáo không hề có những quan điểm trái chiều khi mô tả vũ trụ được tạo thành từ “các nguyên tử” (paramiir; us) vật chất không thể bị cắt, phá hủy, chiếm lấy, hoặc nắm

bất theo bất kỳ cách nào là phần nhỏ nhất của vật chất. Trong Phật giáo, chữ sloka-dhiitu là từ điển hình cho vũ trụ. Nó đề cập đến một nơi đã cấu thành bởi nghiệp (Karma)⁸. Vũ trụ cũng được duy trì thông qua nghiệp và tan rã bởi tác động của nghiệp.

Kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka Sutra) mô tả một vũ trụ được tạo thành từ vô số thế giới trên các cõi đều liên kết với nhau và bao trùm lẫn nhau. Phép ẩn dụ về Lưới của Đế Thích trong Kinh Hoa Nghiêm, được các chư Tổ và các nhà hiền triết Hoa Nghiêm mở rộng thêm, được sử dụng để mô tả quan điểm của họ về thế giới như một mạng lưới liên kết với nhau. Toàn bộ vũ trụ được xem như một mạng lưới đa chiều với các điểm kết nối với nhau, trùng trùng vô tận, bao gồm tất cả những cá thể chứa trong nó và phản chiếu ánh sáng vô tận. Mỗi mảnh ghép của cá thể được xem là chứa đựng toàn bộ của tổng thể.

Tất cả mọi thứ chỉ tồn tại trong mối liên hệ với những thứ khác và không thể tồn tại độc lập. Đây là một trong những niềm tin cơ bản của Phật giáo, của triết lý Hoa Nghiêm. Thế giới là

8 Hành động, **tạo tác** và hậu quả lâu dài của chúng

một bản giao hưởng của các sự kiện được kết nối với nhau, tất cả đều có tác động lẫn nhau. Theo đó, không thể có nguyên nhân đầu tiên hay sự hình thành vũ trụ từ hư vô, như thuyết Big Bang đề xuất. Bởi vì vũ trụ không có bắt đầu hay kết thúc, chỉ có một vũ trụ theo chu kỳ là tương thích với Phật giáo. Sự phát triển của sự sống và nhận thức, như đã nêu trong nguyên tắc chung, là kết quả của mối liên hệ lâu dài của vật chất với các dòng tâm thức.

Cần phải hiểu khái niệm về đại thiên thế giới nghìn khối lập phương, còn được gọi là tam thiên đại thiên thế giới, để hiểu được thế giới quan của Phật giáo trước tiên chúng ta phải hiểu khái niệm về đại thiên thế giới nghìn khối lập phương, còn được gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Kinh Hoa Nghiêm mô tả “một thế giới duy nhất” là núi Tu Di, các dãy núi và biển xung quanh, cũng như bốn vùng đất rộng lớn, đều được coi là một địa cầu duy nhất. Các cõi trời Sơ thiên của cõi Sắc giới là thiên đường của vị thần mạnh nhất trong tất cả các vị thần đại diện cho giới hạn trên của một vũ trụ duy nhất. Các hành giả thiên cao hơn trong cõi Sắc giới như Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên và cõi Vô sắc giới cũng như chư Phật

thì tồn tại bên ngoài thế giới này, nhưng sáu loại sinh vật khác đều cư trú trong cùng một thế giới. Trên thế giới này cũng có mặt trời, mặt trăng và các chòm sao. Theo thuật ngữ hiện đại, một thế giới duy nhất có thể được coi là tương đương với hệ mặt trời.

Theo kinh văn (phẩm A Tăng Kỳ), một “tiểu thiên thế giới” là tập hợp của một ngàn thế giới riêng lẻ. Các nhà thiên văn học hiện đại sẽ phân loại đây là một thiên hà. Hoa-Nghiêm-Sớ-Sao nói: Một Tiểu-thiên-thế-giới (1,000 Tiểu thế giới), tức kể Trời Sơ-thiên; một Trung-thiên-thế-giới (1,000,000 Tiểu thế giới), tức kể Trời Nhị-thiên; một Đại-thiên-thế-giới (1,000,000,000 Tiểu thế giới), tức kể Trời Tam-thiên. Luận Tỳ-Bà-Sa nói: “Bề rộng của Trời Sơ-thiên che bốn châu thiên hạ. Bề rộng của Trời Nhị-thiên che một cõi Tiểu-thiên. Bề rộng của Trời Tam-thiên che một cõi Trung-thiên. Bề rộng của Trời Tứ-thiên che một cõi Đại-thiên”⁹. Do đó, Tiểu-thiên-giới có 1.000 cõi Sơ-thiên, Trung-thiên giới có 1.000 cõi Nhị-thiên, Đại-thiên giới có 1.000 cõi Tam-thiên và, che trùm trên cõi Đại-thiên chỉ có 1 cõi Tứ-thiên.

9 Ht Thích Thiên Tâm dịch, trích *Phật học tinh yếu*, Sđd.

Mặc dù chúng không được bao gồm trong tam thiên đại thiên thế giới, nhưng sẽ không chính xác khi cho rằng ba tầng Thiên trên trong sắc giới và các giai đoạn của vô sắc giới vượt qua không gian và thời gian. Bầu trời của Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên có ranh giới vật lý và tuổi thọ riêng biệt cho các cư dân. Mặt khác, thế giới vô sắc giới không có ranh giới và không bị ràng buộc bởi thời gian hay không gian. Mặc dù vậy, nó vẫn phải tuân theo thời gian và những ai cư trú ở đó cũng phải tuân theo các quy tắc tương tự. 20000 Đại Kiếp trong ngôi nhà của họ trong Không vô biên xứ (空無邊處 - S. Àkàśānantyāyatana, P. Àkàsānañcāyatana), 40000 Đại Kiếp trong Thức vô biên xứ (識無邊處, S. Vijñānanantyāyatana, P. ãññāṇāñcāyatana), 60000 Đại Kiếp trong Vô sở hữu xứ (無所有處, S: ākīṃcanyāyatana, P: Àkīñcaññāyatana) và, 80000 Đại Kiếp trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ. (非想非非想處; S: naivasamjñā-nāsamjñāyatana, P: Nevasaññā-nāsaññāyatana).

Nhìn chung, thiên văn học - vũ trụ học hiện đại luôn tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi chưa được trả lời liên quan đến nguồn gốc của loài người, sự tồn tại của muôn trùng thế giới

và khả năng kết thúc sự tồn tại đó - điều mà từ nhiều ngàn năm trước Đức Phật đã khai thị một cách hết sức chi tiết.

Ở vào thời kỳ cổ xưa, người ta tin rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ, các vì sao, mặt trăng và mặt trời đều quay quanh trái đất. Vào thời Trung cổ phương Tây, quan điểm này thường được công nhận. Giordano Bruno (1548 - 1600) nhà toán học và nhà thiên văn học người Ý đã can đảm nêu ra thuyết Nhật Tâm của Nicolaus Copernicus rằng là các ngôi sao là những mặt trời bên ngoài Thái dương hệ và có những hành tinh của chính nó bao quanh, ông cũng tuyên bố rằng các hành tinh này có khả năng hình thành sự sống và rằng vũ trụ là vô tận và không có thiên thể nào được xem là ở trung tâm. Năm 1593, nhà thiên văn học Bruno đã bị Tòa án dị giáo Roma tiến hành việc xét xử, với sự chủ trì của Hồng y Bellarmino, vì ông đã phủ nhận một số giáo lý Công giáo quan trọng như: Ba Ngôi, thiên tính của Chúa Kitô, sự đồng trinh của thánh mẫu Maria v.v... Năm 1600, ông bị tòa án kết tội và bị hỏa thiêu tại Roma.

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học, mọi người đều hiểu rằng trái đất mà chúng ta

đang sống không phải là trung tâm của vũ trụ, mà chỉ là một hành tinh nhỏ bé trong vũ trụ bao la, ngay cả mặt trời cũng không phải là trung tâm của vũ trụ. Hơn 2600 trước đây, trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật đã dạy rằng trái đất và mặt trời không phải là trung tâm của vũ trụ vì vũ trụ không có trung tâm và không có giới hạn.

Đức Phật dạy trái đất, mặt trăng và mặt trời đều xoay quanh núi Tu Di, một tiểu thế giới không phải là một thái dương hệ mà là một dải ngân hà. Vì vậy Đức Phật nói một ngàn thiên hà gọi là tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới gọi là đại thiên thế giới tức một tỷ thiên hà. Đức Phật nói rằng một đơn vị thế giới nằm trong một thế giới lớn, một thế giới lớn được gọi là Sa-bà thế giới và, một thế giới Sa-bà là nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện để giáo hóa độ sanh. Một thế giới Sa-bà có một tỷ thiên hà và bức họa đồ không phải bằng phẳng mà là ba chiều.

Trong Kinh Hoa Nghiêm mô tả núi Tu Di ở giữa, được bao quanh bởi mặt trời và mặt trăng trên sườn núi Tu Di, trên đó có các tầng trời khác nhau như: Tứ thiên vương, Đạo lợi, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại. Cõi

Sắc: Sơ thiên có 3 cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm. Nhị thiên có 3 cõi trời Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang Âm. Tam thiên có 3 cõi trời Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh. Tứ thiên có 9 cõi trời Vô Vân, Phước sinh, Quảng quả (Vô tưởng), Vô thiên, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh, Ma-hê-thủ-la. Cõi Vô sắc gồm có Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ...

Thế giới Sa-bà có một tỷ tiểu thiên thế giới (thập ức) và, một tỷ núi Tu Di. Mỗi thế giới có sáu cõi trong đó có cõi người v.v... và hai mươi tám cõi trời. Cõi Sa-bà không phải là toàn thể vũ trụ. Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng có vô số thế giới giống như thế giới Sa-bà và, vô lượng đại thiên thế giới có bảo quang rực rỡ chiếu sáng khắp cả mười phương và vô số thế giới tạo thành biển thế giới Hoa Nghiêm trang nghiêm vô tận. Vũ trụ được mô tả trong Kinh Hoa Nghiêm là vô tận, lơ lửng giữa hư không và vô lượng thế giới rực sáng khắp cả mười phương. Với vũ trụ vô tận được khai thị trong Kinh Hoa Nghiêm thì số lượng đó nhiều gấp hàng tỷ lần vũ trụ mà các nhà khoa học hiện đại có thể quan sát.

Các nhà khoa học hiện đại mô tả vũ trụ rằng là, sự kết hợp của nhiều ngôi sao tạo thành một thiên hà khổng lồ, thiên hà có hệ mặt trời được gọi là Ngân hà. Dải Ngân hà (Milky Way), với đường kính khoảng từ 100,000 đến 180,000 năm ánh sáng, ước tính có khoảng 100 - 400 tỷ ngôi sao được chứa ở trong, độ dày trung tâm khoảng 12.000 năm ánh sáng. Vận tốc của ánh sáng là khoảng 300.000 km mỗi giây. Một năm ánh sáng là khoảng 9,7 nghìn tỷ km. Như thế 180,000 năm ánh sáng của đường kính Dải Ngân hà sẽ là rất dài; tuy nhiên, có những thiên hà cách mặt đất này khoảng 20 tỷ năm ánh sáng là những phát hiện mới nhất, như thế thì nếu so sánh với biển thế giới của Kinh Hoa Nghiêm với ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mười phương thì rõ ràng tuệ giác siêu việt của Đức Phật là không thể nghĩ bàn.

Kinh Hoa Nghiêm đã không chỉ dẫn trước các nhà thiên văn học hiện đại về vũ trụ hàng nhiều thế kỷ mà trong lĩnh vực toán học, Kinh Hoa Nghiêm cũng đã đi trước rất xa vì Kinh Hoa Nghiêm đã sử dụng đến một số lượng rất lớn, tổng cộng gồm 126 đơn vị và gọi chúng là lũy thừa, một khái toán học quan yếu được

Kinh Hoa Nghiêm sử dụng đã cách nay hơn 2600 năm, có thể nói là sớm nhất. Dĩ nhiên các ngành khoa học tự nhiên không thể tách rời toán học vì toán học là nơi mà từ đó các lý thuyết về vũ trụ học được phát sinh. Toán học về vũ trụ, Kinh Hoa Nghiêm đã hiển thị những biểu thức tổng quát nhưng rất chi tiết ví dụ như trong phẩm Nhập Pháp Giới khi Đồng tử Thiện Tài đến nước Danh Văn đã được đồng tử Tự Tại Chủ dạy về “Nhất thiết công xảo thần thông trí pháp môn”, đây là môn toán học mà Tự Tại Chủ gọi là Bồ Tát toán pháp. Những con số được nêu tiêu biểu như: Một Lạc xoa (laksa) là 100.000. Một trăm Lạc xoa bằng một Câu chi (tức 10.000.000), Câu chi câu chi là một A giu đa (Ayuduo) ($A \text{ giu đa} = \text{Câu chi}^2$, tức 1×10^{14}), A giu đa A giu đa là một Na do tha ($\text{Na do tha} = A \text{ giu đa}^2$, tức 1×10^{28}), Na do tha Na do tha là một Tần bà la (Tần bà la = na do tha^2 , tức 1×10^{56}), Tần bà la Tần bà la là một Căn yết la ($\text{Căn yết la} = \text{tần bà la}^2$, tức 1×10^{112})... cho đến một A Tăng Kỳ sẽ = $10^{101, 493, 305, 292, 610, 318, 652, 755, 325, 638, 410, 240}$ tức 10 và 101, 493, 305, 292, 610, 318, 652, 755, 325, 638, 410, 240 Số 0 theo sau. Và cuối cùng. Bất khả thuyết bất

khả thuyết sẽ bằng $A \text{ Tăng Kỳ}^{262144}$. Đây là một con số vô cùng lớn và, với một con số lớn mà Kinh Hoa Nghiêm đã nêu ra như vậy cho thấy khái niệm về vũ trụ của Phật giáo vượt xa tổng số các hạt cơ bản (elementary particle) trong vũ trụ là mười mũ tám mươi như hiện nay chúng ta có thể biết.

Qua đây có thể thấy, bằng sự giác ngộ và dưới con mắt thực chứng của Đức Phật, Ngài đã có thể thấy được tổng thể cấu trúc, kiến trúc của vũ trụ và pháp giới cách đây gần ba ngàn năm mà không hề sử dụng bất kỳ một công cụ Khoa học nào. Phải đến tận sau này, khi văn minh Khoa học tiến bộ, con người mới bắt tay vào nghiên cứu thế giới rộng lớn ngoài kia và, trong một giai thời nhất định nào đó, Khoa học và Phật giáo đã thật sự tào ngộ và đối thoại trên nhiều phương diện khác nhau. Thật không ngạc nhiên khi cho rằng, Phật giáo là Khoa học và Phật giáo vượt trên Khoa học, như Albert Einstein từng nói: “If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with recent scientific finding. Buddhism need no surrender its view to science, because it embraces

science as well as goes beyond science”¹⁰ (*Nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần sửa đổi những quan điểm của mình để cập nhật với những khám phá mới của khoa học gần đây. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để phù hợp với khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt ra ngoài khoa học*).

II. Hoa Nghiêm Tông Và Siêu Hình Học

Nếu Vũ trụ học hay Thiên văn học tập trung nghiên cứu về các khía cạnh thực tại bên ngoài của thế giới, của vật chất tồn tại khách quan ngoài tư duy con người thì Siêu hình học (Metaphysica) lại chú trọng tìm hiểu bản chất của thế giới hay nói cách khác là truy nguyên bản thể vạn hữu, những sự thật nội tại mà mắt thường không thể thấy được, Aristoteles gọi là “Khoa học thần linh”. Những câu hỏi như: Vị trí khởi thủy của con người trong vũ trụ là gì? Đây là bản chất của sự thật? Thực tại bên ngoài là chủ quan hay khách quan? Bản thể của sự vật, hiện tượng, thời gian, không gian là gì?... đều là

10 Arthur Zajonc, *The new Physics and Cosmology*, Oxford University Press, New York, 2004

những vấn đề mà Siêu hình học quan tâm. Khác với Triết học phương Tây cổ đại cho rằng có duy nhất một đấng toàn năng (Thượng đế) sáng lập và tạo ra con người và thế giới, hay thuyết Big Bang cho rằng vũ trụ được lập nên từ một cú nổ lớn... Ngày nay, qua lăng kính Khoa học, con người đã và đang suy xét lại những niềm tin của mình trong quá khứ và đặt ra câu hỏi đầu mối thật sự là nguồn cội của muôn hữu?

Vào thế kỷ XX, Alfred North Whitehead - một nhà Triết học, Toán học người Anh đã thực hiện một công trình nghiên cứu dùng Khoa học thực nghiệm để giải thích cho những lĩnh vực vốn thuộc về trừu tượng trên cương vị lập luận dung hòa cả thực tại lẫn siêu nhiên, đạo đức và Khoa học, bản thể và hiện tượng. Ông nói, có người thích cái nên là, có người chú trọng cái đang là, có người là nhà Đạo đức, có người là nhà Khoa học, còn ông thì thuộc cả hai¹¹. Quan điểm Khoa học này cùng với giáo lý Lý - sự vô ngại hay Sự - sự vô ngại trong Kinh Hoa Nghiêm có không ít tương đồng, tạo nên mối xích giao thoa giữa Siêu hình học tích nhập của Khoa học với Hoa Nghiêm tông

11 Alfred North Whitehead, *An Anthology*, The Macmillan Company, New York, 1961

Tương nhập của Phật giáo. Và tác phẩm “Siêu hình học tiến trình” của Whitehead đã trở thành một trong số những phép biện chứng tư biện về siêu hình học được đem ra để so sánh và đối chiếu với pháp siêu hình Hoa Nghiêm, mở đầu cho cuộc hội ngộ của Siêu hình học Đông - Tây, Bản thể luận giữa Phật giáo và Khoa học. Ngoài ra, thế kỷ XIX - XX cũng là thế kỷ của sự hội nhập tri thức giữa các nền học thuật, một trong số đó là sự ra đời của Thuyết nguyên tử của John Dalton trong thế kỷ XIX hay Thuyết tương đối của Einstein ở thế kỷ XX... Những lý luận Vật lý này đã hỗ trợ không nhỏ trong việc lí giải một số mệnh đề Siêu hình. Francis H.Cook nói, cả hai thuyết siêu hình học của Whitehead và thuyết tương đối của Einstein đều chứa những tương đồng đáng kinh ngạc với giáo nghĩa Hoa Nghiêm tông trong phần lớn chứ không phải toàn bộ, trên tinh thần thay vì ngôn ngữ và nội dung¹².

Giáo nghĩa Hoa Nghiêm tông cho rằng các pháp trong vũ trụ khởi thành đều do duyên và đáng toàn năng duy nhất sáng tạo ra vạn hữu

12 Francis H.Cook, Hua-yen Buddhism: *The Jewel net of Indra*, University Park and London: Pennsylvania State University Press, 1977, p.73

là “chân như - duyên khởi”, các nhân duyên từ trong chính nội - ngoại tại kết hợp hài hòa, tương hỗ với nhau mà sinh ra muôn pháp. Bản chất các pháp là tính Không bất biến và thực tại bên ngoài là diệu hữu tùy duyên. Chính các pháp duyên nhau vô tận mà sinh ra muôn pháp nên các pháp không có tự tính; chân không và diệu hữu tương dung lẫn nhau mà do đó, các pháp hàm chứa trong nhau, trùng trùng duyên khởi, trùng trùng nhiếp nhập, lý - sự vô ngại, sự - sự vô ngại, nói một là nói tất cả và ngược lại, luôn tồn tại trong tương quan vô tận. Pháp quán này dựa trên cấu trúc thể - dụng của thực tính tồn tại mà Khoa học Tây phương gọi là Chủ thuyết ngộ đạo¹³. Và khi quán chiếu đến cùng bản chất lý thể bên trong muôn pháp, sự chứng ngộ tánh Không cũng chính là sự thâm nhập cảnh giới mà Hoa Nghiêm tông gọi là bất khả tư nghì, Khoa học siêu hình gọi là phi tư biện. Dưới góc nhìn của lý thuyết nguyên tử thì vật chất được cấu thành từ các hạt rời rạc, chịu ảnh hưởng của các lực điện từ, gắn kết với nhau như các hành tinh quay quanh Mặt trời. Thậm

13 Alfred North Whitehead, Thanh Lương Thích Thiện
Sáng dịch, *Siêu hình học tiến trình và Triết học Phật giáo
Hoa Nghiêm tông*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2010, tr.12

chí, trong vật lý học, còn có thuyết cho rằng các hạt hạ nguyên tử (subatomic particle) là hạt nhỏ hơn nhiều nếu so với nguyên tử. Tùy theo tiêu chuẩn mà các hạt hạ nguyên tử được phân chia thành nhiều loại khác nhau; tuy nhiên ba loại hạt hạ nguyên tử ổn định đó là: electron, proton và neutron. Các electron thì quay chung quanh hạt nhân còn proton và neutron thì tạo nên hạt nhân. Vô số “Vi trần” mà Kinh Hoa Nghiêm đề cập chính là các hạt hạ nguyên tử cực nhỏ mà ngày nay trong vật lý học nói đến.

Ngoài ra, theo thuyết này, vật chất luôn tồn tại trong trạng thái có đầy đủ các điều kiện tích hợp thay vì tồn tại độc lập và riêng lẻ, tương tự như vậy cho đến mở rộng tư duy đến vô cùng của thế giới vĩ mô... đều không thể tìm thấy một cá thể tồn tại nào tách biệt có mặt với hợp thể. Điều đó cũng giống như mối liên hệ giữa vật chất (khối lượng) và năng lượng qua thuyết tương đối của Einstein ($E=mc^2$). Khối lượng và năng lượng là hai phạm trù riêng biệt nhưng lại gắn kết đặc biệt với nhau, thậm chí là chính nhau, vật chất là nơi để năng lượng phát huy tác dụng và năng lượng là công cụ giúp hoàn thiện cấu trúc vật chất cũng như là động cơ để vật chất chuyển động,

như Whitehead nói, “vật thể chẳng qua cũng là năng lượng trong thể liên tục thời không của trường năng lượng vô hạn ấy”¹⁴. Hay Whitehead trong quan điểm siêu hình học của mình đã phát biểu rằng hiện hữu tồn tại tức là sử dụng ảnh hưởng nhân (quả) tương đương với cái thấy của Hoa Nghiêm về một pháp giới, nơi các pháp vận hành như một nguyên nhân, tiền đề cho các pháp khác. Theo đó, học thuyết của Whitehead được xem như là “suối nguồn nguyên sơ của sáng tạo tính”, là biểu hiện của lý “một trong nhiều” theo giáo nghĩa sự - sự vô ngại của Hoa Nghiêm tông¹⁵.

Từ các quan kiến Khoa học trên có thể thấy, các pháp (sắc) luôn tồn tại trong dòng chảy của tánh Không hay lý - sự, thể - tướng - dụng luôn nằm trong một trường tương quan vô cùng vô tận, bất khả phân ly, nhiếp nhập vô ngại. Niels Bohr (1885-1962), nhà vật lý người Đan Mạch, người từng đạt giải Nobel vật lý năm 1922 nói: “Isolated material particles are abstractions, their properties being definable and observable only through their interaction

14 Thanh Lương Thích Thiện Sáng dịch, Sdd., tr.15

15 張鍾元, *Creativity and Taoism*, New York: Harper rand Row, 1963

with other systems” (*Các hạt vật chất bị biệt lập thì chỉ là những thứ trừu tượng, các thuộc tính của chúng chỉ có thể xác định và quan sát được thông qua tương tác của chúng với các hệ thống khác*). Hay Stephen Hawking – nhà toán học, vật lý học người Anh, giáo sư Toán học tại Đại học Cambridge nói: “The quantum world is one of virtual particles continually fluctuating in and out of existence, even in a vacuum, of superstrings vibrating and twisting in ten or eleven dimensions, most of which are ‘rolled up’ and invisible, of a reality in which gravitation, spacetime and matter are or were merged in one ‘instanton’”¹⁶ (*Thế giới lượng tử là thế giới của các hạt ảo không ngừng dao động qua lại giữa hiện hữu và cả hư không, của siêu dây rung động và biến dạng trong mười hoặc mười một chiều kích. Phần lớn những chiều kích ấy bị cuốn lên và vô hình của một thực tại trong đó lực hấp dẫn, thời không và vật chất được hoặc đã được kết hợp lại trong ‘sát na hiện tiền’*).

16 Giáo sư Keith Ward, *Religion and the quantum world*, được phát biểu tại Gresham College, UK, ngày 09/03/2005.

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng, từ chân tâm rỗng lặng hay từ Như Lai Tạng, Phật tánh, Chân như, Pháp tánh... Từ trong tâm do bất giác vọng động nên khởi sanh muôn hữu vũ trụ. Nhà toán học và vật lý lượng tử Von Neumann (1903 -1957) cũng đã tuyên bố rằng: “Nếu không có sự hiện hữu của ý thức thì không có bất cứ gì là thật”. Nguyên lý “nhất thiết duy tâm tạo” này của Phật giáo cùng với những lý luận của Khoa học gần đây đã phá vỡ mọi định kiến sai lầm trước đây của con người khi cho rằng có một đấng sáng thế sáng tạo ra tất cả. Thay vào đó, tâm con người dưới tác động của các duyên mà cấu thành nên hết thảy, từ nơi tâm của chính chúng sanh, thanh tịnh hay nhiễm ô mà cảnh giới sống hiện ra thanh tịnh hay nhiễm ô, an lạc hay đau khổ. Phẩm Hoa Tạng Thế-giới thứ 5, từ quyển 8 đến hết quyển 10 mô tả rất rõ về “Hoa Tạng Thế Giới Hải” được trang nghiêm thanh tịnh là do đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp trong vô lượng thế giới tu hạnh Bồ tát bằng vô số đại nguyện thanh tịnh. Và qua lời dạy được ghi lại trong Phẩm này, chúng ta hiểu: Tâm thanh tịnh thế giới thanh tịnh, tâm ô nhiễm thế giới ô

nhiệm, vì thế muốn thanh tịnh Phật độ trước hết phải tự tịnh chính mình.

Chư Phật và chư đại Bồ tát đều có thần lực vượt lên trên thời gian và không gian. Trong phẩm Nhập bất tư nghi giải thoát cảnh giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện thứ 40, quyển 81 cho thấy với nguyện lực của Bồ tát Phổ Hiền, mỗi một vị Phật, trong cõi Phật không thể nghĩ bàn trong vô số hạt bụi không thể nghĩ bàn, Đại Bồ tát có thể ứng hiện khắp tất cả các cõi Phật...

Ngoài ra, Kinh Hoa Nghiêm đặc biệt nhấn mạnh về núi Tu di trong hạt cải và mỗi lỗ chân lông phóng ra vô số ánh sáng với vô số chư Phật... hay Pháp giới trong mỗi hạt bụi cực nhỏ. "... Lại thấy đức Như-Lai, ở mỗi lỗ lông, niệm niệm xuất hiện vô lượng cõi Phật phật, biến ánh sáng nhiều như số hạt bụi. Mỗi ánh sáng có vô lượng cõi Phật với số lượng ánh sáng nhiều như hạt bụi là quyến thuộc, mỗi mỗi biến khắp tất cả pháp giới, tiêu diệt tất cả khổ đau của tất cả chúng-sanh"¹⁷. Kinh dạy rằng tất cả đều do tâm mà mọi hiện tượng dài hay ngắn, rộng hay hẹp ... Vì thế mà biết vô lượng kiếp là

17 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sdd., phẩm Nhập Pháp Giới thứ 39

một niệm, biết một niệm là vô lượng kiếp. Kinh Hoa Nghiêm nói: Kiếp ngắn Một kiếp bằng một kiếp dài Một kiếp bằng vô số kiếp, Vô số kiếp bằng một kiếp... Một kiếp không thể diễn tả bằng một niệm, Một niệm bằng một kiếp không thể kể xiết. Do thần lực của Phật, Bồ tát lớn Phổ Hiền quán sát khắp tất cả thế giới hải xong, Bồ tát Phổ Hiền bảo với tất cả chư vị Bồ Tát trong chúng hội đạo tràng rằng: “Chư Phật-tử! Chư Phật Thế Tôn có trí-huệ thanh tịnh không thể nghĩ bàn, biết rõ sự hình thành và hoại diệt của tất cả thế giới hải; biết biến nghiệp của tất cả chúng-sanh, biết tất cả sự an lập của pháp giới hải, tuyên thuyết tất cả Phật hải vô biên, vào tất cả biển căn-dục, một niệm biết khắp tất cả ba đời, hiển thị tất cả nguyện hải vô lượng của Như-Lai, thị-hiện tất cả Phật thần-biến-hải ...”¹⁸. Những lập luận trên đây có thể được giải thích trên lập trường quan điểm của Einstein về việc co giãn không - thời gian. Bên cạnh đó, vào đầu thế kỷ XX, sự giãn nở thời gian đã được Joseph Larmor (1897-1900) tuyên bố qua phép biến đổi Lorentz. Henri Poincaré (1895-1900)

18 Ht Thích Trí Tịnh dịch, Sđd., Phẩm Thế Giới Thành Tựu thứ 4

đã đề xuất nguyên lý chuyển động tương đối. Nhiều khoa học gia khác đã tán đồng thuyết tương đối của Albert Einstein và, thực tế này đã chứng minh những gì mà Đức Phật và các vị Bồ tát lớn đã tuyên thuyết là chân lý.

Tuy nhiên, Siêu hình học tích nhập hữu cơ của Whitehead hay các lý thuyết của vật lý học hiện đại chỉ dừng lại ở sự tương thích giữa sắc - duyên - không của Tiểu thừa Phật giáo mà chưa thể thấy được tư tưởng Viên giáo vắng bật năng - sở, sắc - không của Hoa Nghiêm tông. Mặc dù thế, ta vẫn thấy được sự tương đồng trong lý luận là vì vốn dĩ giáo nghĩa Hoa Nghiêm đã hàm nhiếp cả sự tích nhập này của tạng giáo Tiểu thừa, thông qua pháp tu chỉ quán “hữu ngã vô môn” - một trong Ngũ giáo chỉ quán của Hoa Nghiêm tông. Và, bản thể của vũ trụ thế giới ngoài là pháp giới vô tận duyên khởi thì cũng chính là chân lý nhân - quả, bởi lẽ “pháp giới duyên khởi là cực điểm của tất cả những thuyết nhân quả”¹⁹.

19 Junjiro Takakusu, *Cương Yếu Triết Học Phật Giáo*

III. Tịnh Độ Tông qua Lăng Kính Khoa Học Thực Nghiệm

Một trong những tư tưởng lớn mà Hoa Nghiêm tông đưa ra trong đó không thể không kể đến thuật ngữ “Tịnh độ”. Ở phẩm Nhập pháp giới, Thiện Tài Đồng tử đã lần lượt cầu học với 53 vị thiện tri thức và cuối cùng, sau khi đã viên mãn pháp học lại nương theo sự chỉ dạy của chư Bồ Tát mà cầu sanh Tịnh độ. Phẩm cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm cũng là phẩm nói lên Thập hạnh Phổ Hiền và Phổ Hiền Bồ Tát cũng là người đã dẫn dắt chúng hội hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc, cõi Tịnh độ (Dewachen) của Đức Phật A Di Đà. Qua đây có thể thấy, tư tưởng của Tịnh độ tông chính xác là được dẫn xuất từ pháp môn Viên giáo Hoa Nghiêm. Tuy nhiên, đây là yếu nghĩa khó hiểu và khó tin nên đã có không ít lập luận trái chiều xoay quanh vấn đề này. Song, ngày nay, cùng với sự tiến bộ không ngừng của Khoa học công nghệ, Khoa học thực nghiệm mà những tư tưởng áo mầu của Kinh đã được chứng minh và phổ cập cũng như cảnh giới Cực Lạc Tịnh độ được nói trong Kinh không còn dừng lại chỉ là những tưởng tượng trong tư duy con người.

Ngoài việc thông qua thấu kính siêu hình học tích nhập để làm sáng tỏ giáo nghĩa siêu hình học tương nhập của Hoa Nghiêm tông thì cũng có thể từ góc độ vũ trụ học và siêu hình học mà lý giải cảnh giới Tịnh độ trong Phật giáo. Khoa học thực nghiệm gần đây đã chứng minh ngoài thế giới mà ta đang sống còn có vô số thế giới nằm ngoài sức tưởng tượng cũng như khả năng khám phá của con người. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật đã nói đến thế giới Hoa Tạng (phẩm 5) gồm nhiều quốc độ khác nhau ngoài nơi sinh sống hiện tại của con người. Theo đó, cõi Cực Lạc cũng là một quốc độ trong Hoa Tạng thế giới. Hay trong Cổ thư Tây Tạng cũng có nêu lên ba cõi Tịnh độ. Trong đó, thế giới Cực Lạc nằm ở phương Tây trong cõi Tịnh độ của năm Đức Phật²⁰... Tây phương Cực Lạc là cõi nước được kiến tạo bởi công đức và đại nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, nơi mà con người không thể dùng thiết bị công nghệ hiện đại khám phá ra được, dùng giác quan thông thường mà thấy được, chỉ có thể thông qua năng lực tu tập mới có thể thể

20 W.Y. Evans-Wentz, *Tibetan Book of the Dead*, Oxford University Press, 2000

nhập được mà thôi. Và dĩ nhiên, trên góc độ Vũ trụ học thì ta không thể không tin cõi giới này có thật, chỉ là con người đã thấy được hay chưa mà thôi.

Tánh không là tư tưởng lớn của Phật giáo, Hoa Nghiêm tông chỉ ra vạn pháp giai không, đều do nơi tâm thức của con người hoạt hiện ra và nhờ các duyên hội đủ mà thành hình. Các pháp đó bao gồm cả thân, tâm và khí thể giới, dù là Ta Bà uế độ hay Tây phương Tịnh độ cũng đều không ra ngoài nguyên lý này. Bản chất của Cực Lạc cũng chính là lý tánh không, được tạo ra từ tâm niệm, đan kết bằng nguyện lực và công đức của Đức Phật A Di Đà, vì là pháp được lập nên từ nguyện lực và công đức nên cũng chỉ có thể dùng nguyện lực và công đức mà thể nhập. Hai điều kiện này ngôn ngữ Khoa học gọi là năng lượng, cũng tức nói muốn thâm nhập vào một trường năng lượng tối cao thì mỗi các thể muốn thâm nhập phải có cùng tần số rung động bằng hoặc tương đương. Như Nikola Tesla nói: “Nếu bạn muốn hiểu những bí mật của vũ trụ hãy nghĩ đến năng lượng, tần số và rung động”.

Theo Kinh điển, cõi Cực Lạc cách thế giới chúng ta đang sống rất xa (mười vạn ức cõi

Phật) và không thể dùng Báo thân bình thường có thể đến được, chỉ có thể thông qua niệm lực mà được Phật tiếp dẫn. Đây chính là hình thức kết nối tâm thức và ảnh hưởng từ trường theo ngôn ngữ Khoa học, có đôi nét tương đồng với lý thuyết Hiệu ứng cánh bướm (Butterfly effect) của Edward Norton Lorenz (1960): “chỉ cần một con bướm đập cánh ở Brazil có thể dẫn đến một cơn bão ở Texas”. Do đó, một niệm tâm nhỏ cũng có thể ảnh hưởng đến một cảnh giới lớn, trên góc độ vật chất hiện hữu thì con người thấy có khoảng cách, không gian, thời gian biến thiên xa gần nhưng ở trong một niệm tâm thức và cộng hưởng lẫn nhau thì chúng vốn bằng Không. Đó cũng chính là diệu dụng của tâm và niệm lực.

Eugene Wigner (1902-1995), nhà vật lý kiêm toán học người Hungary, từng thắng giải Nobel vật lý năm 1963 nói: “The very study of the external world led to the conclusion that the content of the consciousness is an ultimate reality. Particles only exist when observed, and so the reality of particles entails that consciousness is a fundamental element of reality” (*Càng nghiên cứu thế giới bên ngoài, càng dẫn tới kết luận rằng nội dung của ý thức*

là thực tại tối hậu. Hạt chỉ hiện hữu khi được quan sát, và như thế thực tại của hạt bắt buộc rằng ý thức là yếu tố cơ bản của thực tại).

Năm 2002, nhà vật lý người Úc gốc Trung Ping Koy Lam cùng với các cộng sự tại Đại học Australian National University (ANU) đã thực hiện thành công thí nghiệm hiện tượng rối lượng tử hay liên đới lượng tử (Quantum Entanglement) của các quang tử (photon). Đây là thí nghiệm chứng minh trạng thái lượng tử của các vật thể dù cách xa đến đâu vẫn có mối liên kết đặc biệt với nhau. Thí nghiệm được tiến hành khi các nhà vật lý chuyển thông tin của các quang tử qua chùm laser và nhận ra rằng ngay khi chùm laser chứa thông tin dữ liệu ban đầu bị hủy thì ngay lập tức tại một vị trí cách xa 1m khác lại xuất hiện một chùm laser giống hệt như vậy mà không hề có sự chuyển động cơ học từ điểm này sang điểm kia và hai chùm sáng này hoàn toàn giống hệt nhau.

Hay vào năm 2008, các nhà Khoa học tại Thụy Sĩ cũng đã tiến hành một thí nghiệm tương tự lên hai photon khác nhau. Chúng được tách ra đặt tại hai trạm của hai ngôi làng cách nhau 18km và truyền qua cáp quang. Các nhà Khoa học thật sửng sốt khi bắt đầu quan sát

và phân tích một photon ở trạm này thì cũng đồng lúc biết được tính chất của photon ở trạm kia, tức hai photon này đã gần như sao chép lẫn nhau ngay tức thì trong khoảng cách 18km. Các nhà Khoa học lý luận rằng nếu chúng liên kết và gửi tín hiệu cho nhau bằng cách di chuyển cơ học thì nó phải di chuyển với vận tốc không tưởng, gấp hàng triệu lần tốc độ ánh sáng. Sự phát kiến này đã làm chấn động giới Khoa học gia lúc bấy giờ, Einstein còn cho rằng đây là một hiện tượng “ma quái” khi thông tin được chuyển tức thời qua không gian mà không có bất kỳ sự chuyển động nào từ các hạt cơ bản, tức không gian không “trống rỗng” như giác quan con người cảm nhận. Theo đó, các hạt cơ bản như photon, electron, proton, neutron, và ngay cả nguyên tử, đều có thể xuất hiện đồng thời tại hai hoặc nhiều địa điểm khác nhau, cho đến không thể khẳng định rằng chúng là một hạt xuất hiện cùng lúc tại nhiều địa điểm hay là nhiều hạt tương đồng hoàn toàn nhau tại các địa điểm khác nhau. Qua đây, hiện tượng rối lượng tử cũng cho rằng không gian, thời gian và số lượng là các đại lượng không thật, chúng chỉ phát sinh trong tâm thức của người quan sát khi điều kiện đầy đủ.

Căn cứ trên thực nghiệm khoa học này mà có thể giải thích cho các đề cập trong Tịnh độ tông như sự tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà chỉ trong một niệm qua mười vạn ức Phật độ hay khả năng phân thân cùng khắp của chư Phật cho đến trong sát na thấy Phật rõ ràng (phân minh tại mục tiền)... qua sự thấu thị tức thời các thông tin tương tức tương nhập trong không gian.

Như đã nói ở trên, Khoa học ngày càng tiến bộ và thông qua một cách nào đó có thể lí giải tính siêu hình trong Phật giáo. Tuy nhiên, nếu không phải thông qua năng lực tu tập, nội chứng tâm linh mà chỉ bằng lí luận đối đãi thì vẫn chưa thể thể nhập biển tánh vi diệu, nhiệm sâu của Phật Pháp, như kẻ cùng tử mãi ở ngoài cửa của Đạo, đây cũng chính là ý nghĩa bất khả tư nghì trong giáo lý Hoa Nghiêm tông, của tư tưởng Triết học Phật giáo.

Chương 6

TỔNG KẾT

Hoa Nghiêm tông là một trong những tông phái lớn của Phật giáo, yếu nghĩa của Hoa Nghiêm vô cùng thâm sâu và nhiệm màu, là pháp môn Viên giáo trực chỉ tự tánh mà chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu rõ cùng tột được. Với áo nghĩa tuyệt luân trác tuyệt chớ đầy lòng bi mẫn, hạnh nguyện của chư Phật đó, Kinh Hoa Nghiêm được xem như là một đại Pháp bảo trong Phật giáo.

Tông chỉ của Hoa Nghiêm trình bày chân lý vạn pháp do tâm sinh, tâm làm chủ tất cả. Tâm vọng thì thấy các pháp ảnh hiện sai biệt, cao - thấp, tốt - xấu..., tâm chân thì cùng với pháp giới đồng quy nhất thể. Bản tâm ấy từ xưa đến nay chưa từng thay đổi hay mất đi,

bất sinh bất diệt, thể tánh như như bình đẳng không có cao hạ, cũng tức là chân như. Sum la vạn tượng đều ở trong một niệm tâm, pháp giới đều do tâm, tâm ấy trùm khắp hư không pháp giới nên nói “muội phương quốc độ đều nằm trên đầu sợi lông” hay “pháp giới ở trong hạt cải”... Tuy nhiên, vạn pháp trong vũ trụ muốn thành đều phải nhờ nhân duyên nên trên mặt hiện tượng, tướng trạng thì Có, bản chất là tính Không, không có chủ thể; Có - Không tương nhiếp tương nhập nên nói Lý - sự vô ngại hay Sự - sự vô ngại.

Ngoài ra, tư tưởng Hoa Nghiêm còn mang đậm màu sắc triết lý hiện thực thông qua hình ảnh Thiện Tài Đồng tử tham phương cầu học. Từ đó có thể thấy, muốn thể nhập tự tánh chơn tâm của mình, hành giả không thể không trau dưỡng nội tâm, dẹp trừ cống cao ngã mạn, hành trì giới luật, phát nguyện lợi sanh và cần cầu tri thức. Có như vậy mới có thể viên mãn Bồ đề tâm, Bồ Tát hạnh mà an trú trong pháp tánh Hoa Nghiêm, ngay nơi tự lợi - lợi tha viên mãn, ở trong sắc trần vẫn tự tại vô ngại mà thể nhập Nhất chân pháp giới, tức lý tánh đồng nhất thể của vạn pháp.

Pháp môn Tịnh độ trong Kinh Hoa Nghiêm chính là phương tiện của chư Phật, Bồ Tát dẫn dắt chúng sanh vào Đạo, nương theo niệm lực, nguyện lực mà hàng phục vọng tâm, phá mê khai ngộ. Khi tâm đã tĩnh, niệm đã chuyên thì ngay đó chính là cảnh giới của Chánh định. Theo nghĩa này thì các pháp môn tu hành trong Phật pháp đều là phương tiện, nhân nơi “ngón tay” phương tiện này mà thấy được “mặt trăng” tự tánh, cùng với Hải ấn tam muội hay Hoa Nghiêm tam muội không hai không khác. Đây cũng chính là lý viên dung vô ngại, bất khả tư nghì của Nhất thừa viên giáo.

Ngày nay, với sự tiến bộ vượt bậc của Khoa học công nghệ, con người ngày càng có nhiều điều kiện để khám phá thực tại tự nhiên lẫn siêu nhiên bên trong chính con người và thế giới, vũ trụ. Sự phát kiến những định đề, định lý mới trong Khoa học đã vô tình tạo nên cuộc gặp gỡ giữa Khoa học và Phật giáo. Từ những cuộc đối thoại tưởng chừng như là hai đường thẳng song song giữa Khoa học thực nghiệm với Khoa học tâm linh lại mang lại những giá trị đáng kể khiến thế giới thật sự ngưỡng vọng trước trí tuệ của Đức Phật và nhận ra mối liên kết chặt chẽ, logic

giữa Phật giáo và Khoa học. Khoa học Phật giáo là môn học về Tâm, thấu rõ và an trú trong chân tâm thì chân lý hiện tiền, trí tuệ viên mãn, mỗi con người là mỗi tiểu vũ trụ trong pháp giới và mỗi chúng sanh là mỗi vị Phật trong tương lai... đều từ nơi cái tâm này. Vì những tư tưởng tuyệt luân thâm áo tương ứng chân lý muôn đời bất biến đó mà không phải ngẫu nhiên khi nhà Vật lý học lỗi lạc Albert Einstein nói: “The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a person God and avoid dogmas and Theology. Covering both the natural and spiritual, it should be based on a religious sense, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description”¹ (*Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu. Nó sẽ vượt lên trên mọi thần linh, tránh các giáo điều và thần học. Nó bao trùm cả phương diện tự nhiên và tinh thần (siêu nhiên), đặt trên căn bản của ý nghĩa tôn giáo, phát xuất từ kinh nghiệm về tổng thể, tự nhiên và tinh thần, hợp thành một nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật Giáo sẽ trả lời hay đáp ứng được các điều kiện đó.*)

1 Arthur Zajonc, Sđd.

Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đầu tiên do Đức Phật tuyên thuyết. Trong Phật giáo Đại thừa, Kinh Hoa Nghiêm chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng và cùng vô thù thắng, Kinh Hoa Nghiêm đã không chỉ thuyết minh về Phật tánh thanh tịnh viên mãn, viên dung vô tận và vô ngại, mà còn hiển thị một hệ thống cấu trúc tinh tường và như thực về tính tương duyên, tương sinh, tương tức, tương nhập, trùng trùng duyên khởi của pháp giới; đặc biệt đã nêu bật trạng thái tự chứng ngộ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và thần lực vô biên của chư Phật và vô số các vị Bồ tát vì lòng bi mẫn đã thị hiện qua các thân hình ở nhiều giai tầng khác nhau trong nhiều xã hội và vô số thế giới như một xác chứng cụ thể về sự bình đẳng tuyệt đối giữa những giai cấp và đẳng cấp được phân chia bởi tri kiến nhị biên vốn là một trong những cội nguồn đưa dẫn đến khổ đau liên lỉ. Hành trì Kinh Hoa Nghiêm với Bồ đề tâm viên mãn và Bồ tát hạnh rộng lớn, hành giả sẽ thành tựu viên mãn sở nguyện khi thật sự an trú trong biển thế giới Hoa tạng rực sáng vô tận nhưng đồng thời vẫn đồng hành với tất cả chúng sinh trong biển khổ phiền não vô biên mà không bị phiền não nhiễm ô để cứu

độ chúng sinh như một sứ mệnh thiêng liêng cao cả nhưng cũng là một bổn phận và trách nhiệm đối với con người và xã hội nơi chúng ta đang hiện hữu. Cuối cùng tất cả mỗi hành giả đều là hiện thân của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai (Vairocana) với tất cả ý nghĩa vi diệu và giá trị chân thật như chính Ngài mà nội dung tư tưởng Hoa Nghiêm đã biểu thị.

Ngoài tư tưởng trọng yếu như đã nêu trên, Kinh Hoa Nghiêm còn nói về vũ trụ quan và nhân sinh quan, đồng thời các lĩnh vực khác như: nghệ thuật, công kỹ nghệ, khoa học, toán học, ngôn ngữ học, âm nhạc học, y học, xã hội học, giáo dục học, triết học, văn hóa v.v... cũng là những yếu tố quan trọng tạo nên góc nhìn đa chiều cho tư tưởng Phật giáo nhập thế của Hoa Nghiêm tông, cấu thành sự tổng hòa các phân cực giữa chân và tục, vừa cao siêu, thâm áo lại vừa chân thực, gần gũi.

Hoa Kỳ, ngày 04 tháng 11 năm 2001

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ht Thích Đức Nhuận, Khái Luận Triết Lý Kinh Hoa Nghiêm, Viện Triết Lý Việt Nam & Triết Học Thế Giới, California, USA, 2000.
- Đoàn Trung Còn, Các Tông Phái Phật Giáo, NXB Tổng Hợp.
- 宣公上人, 華嚴海會說法圖, 1972
- 張文婷, 政治視角下的八十卷《華嚴經》的翻譯及其譯場組織
- 近育法師, 介紹華嚴經翻譯 - 《四十華嚴》, 2018
- Kinh Kim Cang
- HT Thích Trí Tịnh dịch, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Nxb Tôn Giáo, 2016
- HT Thích Thiện Tâm, Phật học Tinh Yếu, Nxb Tôn Giáo, 2016
- Tỷ kheo Giới Hoàn, Như Hòa dịch, Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải
- Trường lão Tịnh Sự dịch, Tạng Vô Tỷ Pháp, Bộ Phân Tích Vibhanga, Nxb Tôn Giáo

- Từ điển Phật học Huệ Quang
- HT Giới Nghiêm, Giải về các cõi trời (*Sagga katha*), Nxb Phương Đông
- Nàgàrjuna, HT Thiện Siêu dịch, Đại Trí Độ Luận, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành, 1997
- Kinh Đại Bát Niết Bàn
- Ni trưởng Hải Triều Âm dịch, Thanh Lương Quốc Sư Sớ Sao
- Vansubandhu, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Luận Thập Địa Kinh, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản
- 沙門法藏述, 華嚴經探玄記
- Kinh Kim Quang Minh
- Kinh Nhân Vương
- Kinh Giải Thâm Mật
- Asaṅga, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Nhiếp Đại Thừa Luận, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản
- 明溫陵長者李贄簡要, 華嚴經合論簡要, 中華電子佛典協會, 2021
- Thanh Lương Trùng Quán, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản

- Thanh Lương Trùng Quán, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh số, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản
- Lý Thông Huyền, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản
- Sa môn Hồ Cát Tạng, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Hoa Nghiêm Du Ký, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản
- Sa môn Pháp Tạng thuật, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Việt dịch), Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Thiền sư Diên Thọ, Tông Cảnh Lục
- Nāgārjuna, Trung Luận
- Ht Thiện Siêu dịch, Thành Duy Thức luận
- Kinh Lăng Già
- GS. Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, Tánh Khởi Và Duyên Khởi, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2003
- Kinh Viên Giác
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Phật Tự Thuyết

- Asvaghosha, Tỳ kheo Thích Giác Quả dịch, Luận Khởi Tín Đại Thừa, Nxb Thuận Hóa - Huế, 2012
- Kinh Pháp Hoa
- <https://quangduc.com/a57053/phap-gioi>
- Kinh Đại Nhật
- Tông Mật tổ sư, Viên Giác Kinh Lược Sớ Tự Chú
- Trần Hoàng Hùng, “Tâm” Trong Kinh Điện Phật Giáo Bắc Truyền, Nghiên cứu Tôn giáo số 7&8 (157), 2016
- Pháp sư Tịnh Không, Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
- 黃琬芸, 澄觀《華嚴法界玄鏡》之真空觀的開展 -並以「真空觀」作為佛教與天主教二者的對話, 大專學生佛學論文集 頁 441-460 (西元 2010 年), 台北市華嚴蓮社
- Gs. Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, Bốn Pháp Giới, 2009
- 圭峰宗密, 唐綿州刺史裴休述, 注華嚴法界觀門, 大正新脩大正藏經, 2006
- Vasubandhu, Vãng Sanh Luận Chú
- Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bốn Nguyên
- 摘自澄觀, 《華嚴法界玄鏡》, CBETA
- Đại sư Thanh Lương, Thích Nguyên Chơn dịch, Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Cảnh, 2016

- Duy Tắc Thiền sư, Ht. Duy Lực dịch, Yếu Chỉ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, 2009
- Nguyễn Thế Đăng, Đi Vào Kinh Hoa Nghiêm, Nxb Thiện tri thức, 2015
- 澄觀祖師, 華嚴法界玄鏡
- 杜順祖師, 注華嚴法界觀
- 唐清涼山大華嚴寺沙門澄觀述, 華嚴法界玄鏡, 卷上, 大正新脩大正藏經, 2006
- Bát Nhã Tâm Kinh
- Kinh Thắng Man
- Kinh Tịnh Danh
- Trùng Quán Đại sư, Hoa Nghiêm Kinh Hành Nguyên Phẩm Sớ
- Daisetz Teitaro Suzuki, Trúc Thiên dịch, Thiền Luận, quyển hạ, Nxb Phật học viện Quốc tế, 1989
- 沙門法藏述, 華嚴金獅子章
- Tiến sĩ Lâm Như Tạng, Nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm
- Pháp sư Nhất Như, Lê Hồng Sơn dịch, Tam Tạng Pháp Sớ, Nxb Phương Đông, 2011
- 東大寺圓超大法師, 華嚴宗章疏并因明錄, 大正新脩大正藏經, 2002
- Nhân tử Nguyễn Văn Thọ, Phật học chỉ nam, chương 15, California, USA, 2015
- Phật Quang đại từ điển

- 釋智儼撰承杜順和尚說, 華嚴一乘十玄門, CBETA 電子佛典集成 Version 2021
- 華嚴玄談, 由十玄門的變革論華嚴法界觀的唯心思想, 世界宗教學刊19, 頁199-232, Graduate Institute of Religious Studies, Nanhua University, 2012
- 方立天, 《華嚴金師子章校釋》
- 釋見光, 華嚴六相圓融在法界無盡緣起之探討, 圓光佛學研究所三年級
- 釋明達, 華嚴六相思想之研究, 中華民國八十七年五月
- Kinh Duy Ma Cật
- Kinh Tương Ưng Bộ
- Đức Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Như dịch, Lamrim Đại Luận Toát Yếu, 2010
- Kinh A Di Đà
- Kinh Vô Lượng Thọ
- Bành Tế Thanh, Định Tuệ dịch, Luận Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội, Nxb Tổng Hợp, 2006
- Ht. Thích Minh Lễ dịch , Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba la Mật
- Tông Mật tổ sư, Hoa Nghiêm kinh hành nguyện phẩm biệt hành số sao
- Kinh Đại Bảo Tích
- Pháp Tạng tổ sư, Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán

- Kinh Phương Đẳng
- J Kotyk · 2020 · Cited by 5 — The Chinese Buddhist Approach to Science: the Case of Astronomy and Calendars · Jeffrey *Kotyk* · Journal of Dharma Studies 3 (2):273-289
- Đài BBC 1989
- A Brief History of Time, Thích Viên Lý dịch, VTLVN và THTG, 2002
- Arthur Zajonc, The new Physics and Cosmology, Oxford University Press, New York, 2004
- Alfred North Whitehead, An Anthology, The Macmillan Company, New York, 1961
- Francis H.Cook, Hua-yen Buddhism: The Jewel net of Indra, University Park and London: Pennsylvania State University Press, 1977
- Alfred North Whitehead, Thanh Lương Thích Thiện Sáng dịch, Siêu hình học tiến trình và Triết học Phật giáo Hoa Nghiêm tông, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2010
- 張鍾元, Creativity and Taoism, New York: Harper rand Row, 1963
- Giáo sư Keith Ward, Religion and the quantum world, Gresham College, UK, 2005.
- Junjiro Takakusu, Cương Yếu Triết Học Phật Giáo
- W.Y. Evans-Wentz, Tibetan Book of the Dead, Oxford University Press, 2000

Cùng Tác Giả

Sách Đã Xuất Bản

- Pháp Tu Quan Âm (dịch)
- Trung Luận (dịch)
- Phật Giáo Và Tâm Lý Học Hiện Đại (dịch)
- Bước Vào Thiền Cảnh (dịch)
- Đại Cương Triết Học Trung Quán (dịch)
- Đại Tạng Kinh Nhập Môn (dịch)
- Cầm Nan Nhân Sinh (dịch)
- The Four Sublime States: Doctrine & Practice in Buddhism.
- Thập Nhị Môn Luận (dịch)
- Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21 (dịch)
- Phủ Định Thức & Biện Chứng Pháp Trung Quán (dịch)
- Thiền Trong Nghệ Thuật Bắn Cung (dịch)
- Thơ: Giọt Sương Huyền Hóa

- Thơ: Hoa Nở Trời Tây
- Lược Sử Thời Gian (dịch)
- Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc Đích Thực (dịch)
- Tứ Vô Lượng Tâm
- Beginning And Development Of Buddhist Education In Vietnam (*Luận Ấn Tiến Sĩ*)
- Dharma Of Leadership: A Journey For Leaders From The Teaching Of The Buddha.
- Taking Refuge In The Buddha, Dharma, Sangha And Receiving The Five Precepts.
- Buddhist Meditation Practice
- Bát Chánh Đạo: Con Đường Dẫn Đến An Lạc Đích Thực.
- Phật Giáo Và Khoa Học
- Phật Giáo Và Phân Tâm Học
- Phật Giáo Và Xã Hội
- The Key To Happiness: The Buddha way
- Phật Giáo Và Giáo Dục
- Kinh Tứ Thập Nhị Chương – Dịch & Giảng
- Kinh Bát Đại Nhân Giác – Dịch & Giảng
- Phật Giáo Và Thiên Nhiên
- Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ
- Lược Sử Phật Giáo Tại Canada
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới – Cuốn 1

- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới – Cuốn 2
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới – Cuốn 3
- Thiền Chánh Niệm
- Thiền Tứ Niệm Xứ
- Cẩm Nang Thành Lập Tổ Chức Phi Lợi Nhuận và Tự Viện
- The Handbook of Building the Best Nonprofit Organizations and Temple.
- Pháp Môn Niệm Phật
- Mindfulness Meditation
- Kinh Viên Giác dịch và giảng giải
- Hoa Nghiêm Khái Luận

Sách Sắp Xuất Bản

- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới – Cuốn 4
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới – Cuốn 5
- Phật Giáo Và Chính Trị
- Phật Giáo Và Nữ Giới
- Phật Giáo Và Nghệ Thuật

